

TTĐT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 37/2025/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	
ĐIỂN	Giờ: C
Ngày: 06/10/2025	

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14;

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 09/2022/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, sử dụng tần số vô tuyến điện; các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu các thiết bị vô tuyến điện, thiết bị ứng dụng sóng vô tuyến điện để sử dụng tại Việt Nam.

Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia quy định việc phân chia phổ tần số vô tuyến điện thành các băng tần dành cho các nghiệp vụ vô tuyến điện và quy định mục đích, điều kiện để sử dụng đối với từng băng tần.

Điều 3. Mục tiêu của quy hoạch

1. Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia nhằm phát triển mạng thông tin vô tuyến điện theo hướng hiện đại, đồng bộ và ổn định lâu dài, phù hợp với xu hướng phát triển của quốc tế, đáp ứng các nhu cầu về thông tin phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh, góp phần thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia là cơ sở để các bộ, ngành, các tổ chức và cá nhân định hướng trong các hoạt động nghiên cứu và phát triển, sản xuất, nhập khẩu, lắp đặt và khai thác các thiết bị vô tuyến điện, thiết bị ứng dụng sóng vô tuyến điện trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 4. Phân bổ tần số vô tuyến điện phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội

1. Căn cứ vào Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đề xuất việc phân bổ chi tiết tần số vô tuyến điện phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội áp dụng trong thời bình trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Ưu tiên phân bổ tần số vô tuyến điện phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh để ứng dụng các công nghệ vô tuyến điện sử dụng hiệu quả phổ tần, phù hợp với xu hướng phát triển của quốc tế.

3. Trong thời bình, ưu tiên dành các băng tần được sử dụng phổ cập toàn cầu cho mục đích kinh tế - xã hội vào mục đích kinh tế - xã hội.

Điều 5. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Bộ Khoa học và Công nghệ, căn cứ vào Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia, có trách nhiệm:

a) Phê duyệt quy hoạch băng tần, quy hoạch phân kênh tần số, quy hoạch sử dụng kênh tần số, các quy định cụ thể về quản lý, khai thác và sử dụng tần số vô tuyến điện theo thẩm quyền;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng và Bộ Công an xây dựng phương án phân bổ băng tần phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh theo từng thời kỳ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định;

c) Tổ chức hướng dẫn việc thực hiện Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia và các quy hoạch tần số vô tuyến điện, các quy định tại điểm a khoản này.

2. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có trách nhiệm quy định việc quản lý, sử dụng tần số vô tuyến điện được phân bổ phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, bảo đảm sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, đúng mục đích tần số vô tuyến điện được phân bổ, phù hợp với Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ bảo đảm các quy định, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng có liên quan đến sử dụng tần số vô tuyến điện phù hợp với Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia và các quy hoạch tần số vô tuyến điện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia và các quy hoạch tần số vô tuyến điện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này trong phạm vi địa phương theo phân cấp.

Điều 6. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân sử dụng tần số vô tuyến điện

Tổ chức, cá nhân sử dụng tần số vô tuyến điện có trách nhiệm:

1. Sử dụng đúng mục đích, nghiệp vụ vô tuyến điện, điều kiện sử dụng quy định cho băng tần trong Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia và các quy định khác của pháp luật về tần số vô tuyến điện.

2. Thực hiện việc chuyển đổi tần số vô tuyến điện trong trường hợp sử dụng thiết bị vô tuyến điện, thiết bị ứng dụng sóng vô tuyến điện từ trước khi Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia có hiệu lực mà không còn phù hợp với Quy hoạch. Việc chuyển đổi được thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật và hướng dẫn cụ thể của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 7. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thiết bị vô tuyến điện, thiết bị ứng dụng sóng vô tuyến điện

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thiết bị vô tuyến điện, thiết bị ứng dụng sóng vô tuyến điện để sử dụng tại Việt Nam (trừ trường hợp thiết bị thuộc diện tạm nhập, tái xuất; thiết bị để giới thiệu công nghệ trong triển lãm, hội chợ) có trách nhiệm bảo đảm thiết bị vô tuyến điện, thiết bị ứng dụng sóng vô tuyến điện có băng tần hoạt động và các tính năng kỹ thuật phù hợp với nghiệp vụ vô tuyến điện và điều kiện sử dụng được quy định trong Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia và các quy định khác của pháp luật về tần số vô tuyến điện.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 11 năm 2025.

2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, các văn bản sau đây hết hiệu lực:

a) Quyết định số 71/2013/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia;

b) Quyết định số 38/2021/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 71/2013/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ;

c) Quyết định số 15/2024/QĐ-TTg ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 71/2013/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Quyết định số 38/2021/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2). 70

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Chí Dũng



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY HOẠCH

Phổ tần số vô tuyến điện quốc gia

(Kèm theo Quyết định số 37/2025/QĐ-TTg

ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Mục 1

CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ THUẬT NGỮ

Điều 1. Các thuật ngữ chung

1. Cơ quan quản lý (Administration):

Là cơ quan quản lý nhà nước hoặc cơ quan nghiệp vụ có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết trong Hiến chương, Công ước của Liên minh Viễn thông quốc tế và trong Thể lệ vô tuyến điện.

Ở Việt Nam, Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện việc quản lý nhà nước về tần số vô tuyến điện.

2. Viễn thông (Telecommunication):

Là bất cứ sự truyền dẫn, phát xạ hay thu nhận các ký hiệu, tín hiệu, chữ viết, hình ảnh và âm thanh hoặc các thông tin khác qua các hệ thống dây dẫn, vô tuyến điện, quang học hoặc các hệ thống điện từ khác.

3. Vô tuyến điện (Radio):

Là thuật ngữ chung áp dụng khi sử dụng sóng vô tuyến điện.

4. Thể lệ vô tuyến điện (Radio Regulations):

Thể lệ vô tuyến điện được đề cập trong Quy hoạch này là Thể lệ vô tuyến điện do Liên minh Viễn thông quốc tế ban hành, phiên bản năm 2024, được sửa đổi, bổ sung sau Hội nghị Thông tin vô tuyến thế giới năm 2023 (WRC-23).

5. Sóng vô tuyến điện hoặc sóng Héc (Radio waves or Hertzian waves):

Là các sóng điện từ có tần số thấp hơn 3000 GHz truyền lan tự do trong không gian, không có dẫn sóng nhân tạo.

6. Thông tin vô tuyến điện (Radiocommunication):

Là viễn thông dùng sóng vô tuyến điện.

7. Thông tin vô tuyến mặt đất (Terrestrial Radiocommunication):

Là bất cứ loại thông tin vô tuyến điện nào ngoài thông tin vô tuyến Vũ trụ hay vô tuyến thiên văn.

8. Thông tin vô tuyến Vũ trụ (Space Radiocommunication):

Là thông tin vô tuyến điện có sử dụng một hay nhiều đài Vũ trụ, hoặc dùng một hay nhiều vệ tinh phản xạ hay các vật thể khác trong Vũ trụ.

9. Vô tuyến xác định (Radiodetermination):

Là việc xác định vị trí, vận tốc hoặc các thông số khác của một vật thể hay thu thập các thông tin liên quan đến các thông số đó qua tính chất truyền lan của sóng vô tuyến.

10. Vô tuyến dẫn đường (Radio Navigation):

Là vô tuyến xác định dùng cho mục đích dẫn đường, kể cả cảnh báo chướng ngại.

11. Vô tuyến định vị (Radiolocation):

Là vô tuyến xác định dùng cho các mục đích khác với mục đích của vô tuyến dẫn đường.

12. Vô tuyến định hướng (Radio - Direction Finding):

Là vô tuyến xác định dùng việc thu sóng vô tuyến để xác định hướng của một đài hay một vật thể.

13. Vô tuyến thiên văn (Radio Astronomy).

Là việc nghiên cứu thiên văn dựa trên việc thu sóng điện từ có nguồn gốc từ Vũ trụ.

14. Giờ phối hợp quốc tế (Coordinated Universal Time (UTC)):

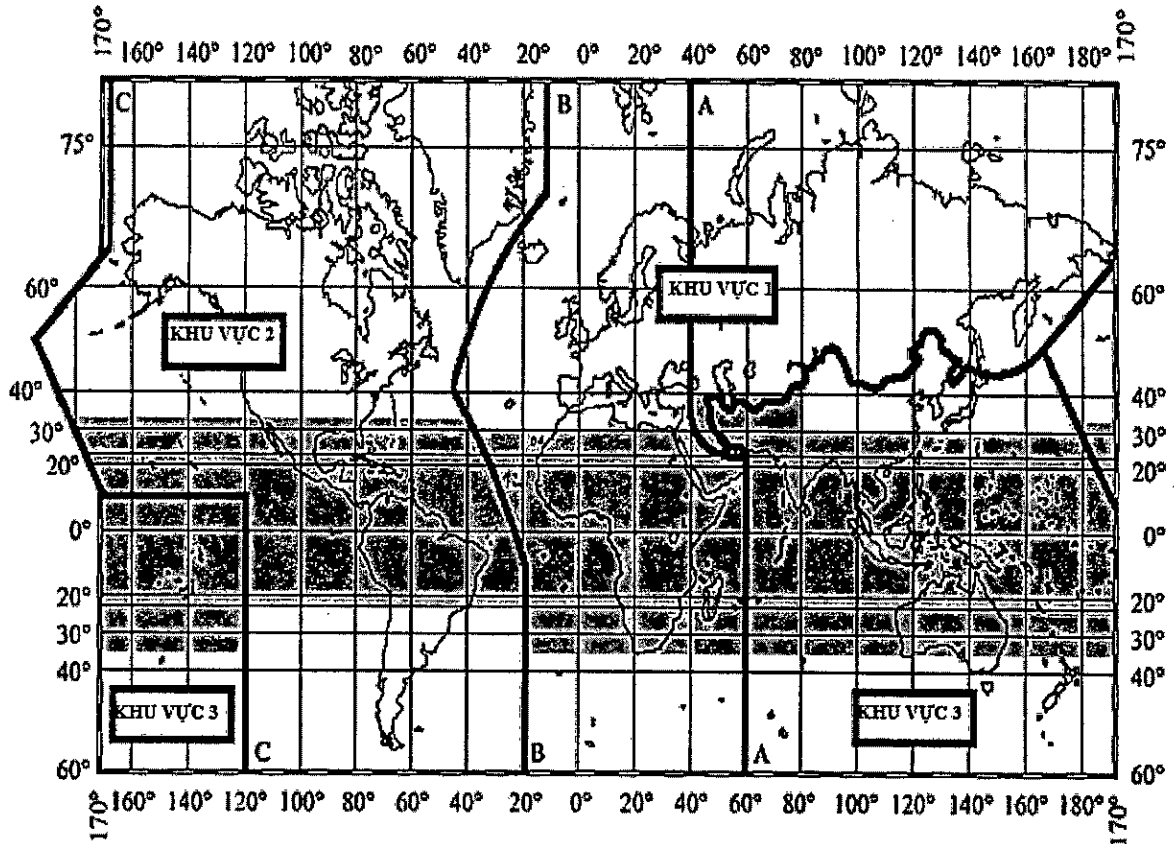
Thang thời gian, lấy giây làm đơn vị (SI), được định nghĩa trong Khuyến nghị ITU-R TF.460-6. (WRC-03)

15. Các ứng dụng năng lượng tần số vô tuyến điện trong công nghiệp, khoa học và y tế (Industrial, Scientific and Medical (ISM) Applications (of radio frequency energy)):

Là việc khai thác các thiết bị tạo ra và sử dụng cục bộ các năng lượng tần số vô tuyến điện nhằm phục vụ công nghiệp, khoa học, y tế, gia dụng hay các mục đích tương tự, trừ các ứng dụng trong lĩnh vực viễn thông.

16. Khu vực (Region):

Thế giới được phân chia thành 3 Khu vực như sau:



Khu vực 1:

Bao gồm các vùng có giới hạn bởi đường A ở phía Đông và đường B ở phía Tây, không kể lãnh thổ của I-ran nằm giữa các đường giới hạn này. Khu vực 1 cũng bao gồm cả phần lãnh thổ của Ác-mê-ni-a, A-déc-bai-gian, Gru-di-a, Ca-dắc-xtan, Mông Cổ, U-dơ-bê-ki-xtan, Cư-rơ-gư-xtan, Nga, Tát-gi-ki-xtan, Tuốc-mê-ni-xtan, Thổ Nhĩ Kỳ, U-crai-na và vùng phía Bắc của Nga nằm giữa các đường A và C.

Khu vực 2:

Bao gồm các vùng có giới hạn bởi đường B ở phía Đông và đường C ở phía Tây.

Khu vực 3:

Bao gồm các vùng có giới hạn bởi đường C ở phía Đông và đường A ở phía Tây, không kể lãnh thổ của Ác-mê-ni-a, A-déc-bai-gian, Gru-di-a, Ca-dắc-xtan, Mông Cổ, U-dơ-bê-ki-xtan, Cư-rơ-gư-xtan, Nga, Tát-gi-ki-xtan, Tuốc-mê-ni-xtan, Thổ Nhĩ Kỳ, U-crai-na và vùng lãnh thổ bắc Nga. Khu vực 3 cũng bao gồm cả lãnh thổ I-ran nằm ngoài các đường giới hạn này.

Việt Nam thuộc Khu vực 3 theo phân chia của Liên minh Viễn thông quốc tế.

Điều 2. Các thuật ngữ liên quan đến quản lý tần số vô tuyến điện

1. Phân chia (một băng tần) (Allocation (of a frequency band)):

Là việc quy định trong Bảng phân chia tần số vô tuyến điện một băng tần xác định với mục đích sử dụng cho một hay nhiều nghiệp vụ Thông tin vô tuyến điện mặt đất hoặc Vũ trụ, hay nghiệp vụ Vô tuyến thiên văn với những điều kiện cụ thể. Thuật ngữ này cũng được áp dụng cho băng tần liên quan.

2. Phân bổ (một tần số hay kênh tần số vô tuyến điện) (Allotment (of a radio frequency or radio frequency channel)):

Phân bổ tần số vô tuyến điện là việc dành băng tần, kênh tần số xác định cho một hoặc nhiều tổ chức, cá nhân sử dụng theo những điều kiện cụ thể đối với một loại nghiệp vụ vô tuyến điện.

3. Ấn định (một tần số hay một kênh tần số vô tuyến điện) (Assignment (of a radio frequency or radio frequency channel)):

Là việc cơ quan quản lý cho phép một đài vô tuyến điện được quyền sử dụng một tần số hay một kênh tần số vô tuyến điện theo những điều kiện cụ thể.

4. Phân chia bổ sung (Additional Allocation):

Việc một băng tần được xác định trong một chú thích của Bảng phân chia tần số là “đồng thời được phân chia” cho một nghiệp vụ trong một vùng nhỏ hơn một Khu vực hoặc tại một nước cụ thể. Nghiệp vụ này được “bổ sung” thêm cho vùng hoặc nước đó, ngoài (các) nghiệp vụ đã được chỉ ra trong Bảng phân chia tần số

(1) Nếu trong chú thích không chỉ ra hạn chế nào khác đối với (các) nghiệp vụ này, ngoài việc nghiệp vụ chỉ được hoạt động trong một vùng hoặc một nước cụ thể, thì hoạt động của các đài thuộc (các) nghiệp vụ trên có quyền ngang bằng với (các) đài thuộc (các) nghiệp vụ chính khác trong đoạn băng tần này.

(2) Nếu “phân chia bổ sung” còn bị áp đặt các hạn chế khác, ngoài việc chỉ được hoạt động trong một vùng hoặc một nước cụ thể, thì các hạn chế này sẽ được chỉ rõ trong cùng một chú thích.

5. Phân chia thay thế (Alternative Allocation):

Việc một băng tần được xác định trong một chú thích của Bảng phân chia tần số là được “phân chia” cho một hoặc nhiều nghiệp vụ trong một vùng nhỏ hơn một Khu vực, hoặc tại một nước cụ thể. Nghiệp vụ này “thay thế”, tại vùng hoặc nước đó, cho (các) nghiệp vụ đã được chỉ ra trong Bảng phân chia tần số

(1) Nếu trong chú thích không chỉ ra hạn chế nào khác đối với các đài thuộc (các) nghiệp vụ này, ngoài việc nghiệp vụ chỉ được hoạt động trong một vùng hoặc một nước cụ thể, thì hoạt động của các đài thuộc (các) nghiệp vụ trên có quyền ngang bằng với (các) đài thuộc (các) nghiệp vụ chính khác được phân chia trong Bảng phân chia tần số cho các vùng hoặc nước khác.

(2) Nếu các đài thuộc (các) nghiệp vụ “phân chia thay thế” còn bị áp đặt các hạn chế khác, ngoài việc chỉ được hoạt động trong một vùng hoặc một nước cụ thể, thì các hạn chế này sẽ được chỉ rõ trong cùng một chú thích.

Điều 3. Các nghiệp vụ vô tuyến điện

1. Nghiệp vụ thông tin vô tuyến điện (Radiocommunication Service):

Là việc truyền dẫn, phát xạ và/hoặc thu sóng vô tuyến điện cho những mục đích viễn thông cụ thể.

Trong Quy hoạch này, trừ khi nêu rõ, mọi nghiệp vụ thông tin vô tuyến điện đều liên quan tới thông tin vô tuyến điện mặt đất.

2. Nghiệp vụ Cố định (Fixed Service):

Là nghiệp vụ thông tin vô tuyến giữa các điểm cố định đã xác định trước.

3. Nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh (Fixed - Satellite Service):

Là nghiệp vụ thông tin vô tuyến giữa các đài Trái đất ở các vị trí xác định thông qua một hoặc nhiều vệ tinh, vị trí xác định đó có thể là một điểm cố định xác định hay bất kỳ điểm cố định nào đó trong các vùng xác định; trong một số trường hợp thì nghiệp vụ này bao gồm các đường thông tin từ vệ tinh tới vệ tinh; nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh cũng có thể bao gồm các đường tiếp sóng đối với các nghiệp vụ Thông tin vô tuyến Vũ trụ khác.

4. Nghiệp vụ Giữa các vệ tinh (Inter - Satellite Service):

Là nghiệp vụ thông tin vô tuyến cung cấp các đường thông tin giữa các vệ tinh nhân tạo.

5. Nghiệp vụ Khai thác Vũ trụ (Space Operation Service):

Là nghiệp vụ thông tin vô tuyến liên quan đến hoạt động của tàu vũ trụ, đặc biệt để theo dõi, đo đạc từ xa và điều khiển từ xa trong Vũ trụ.

Các chức năng này thông thường nằm trong nghiệp vụ mà đài Vũ trụ đang khai thác.

6. Nghiệp vụ Di động (Mobile Service):

Là nghiệp vụ thông tin vô tuyến điện giữa các đài di động và các đài mặt đất, hoặc giữa các đài di động với nhau.

7. Nghiệp vụ Di động qua vệ tinh (Mobile - Satellite Service):

Là nghiệp vụ thông tin vô tuyến điện:

- Giữa các đài Trái đất di động với một hoặc nhiều đài Vũ trụ, hoặc giữa các đài Vũ trụ với nhau được sử dụng bởi nghiệp vụ này.

- Giữa các đài Trái đất di động thông qua một hay nhiều đài Vũ trụ.

Nghiệp vụ này cũng có thể bao gồm các đường tiếp sóng cần thiết cho hoạt động của nghiệp vụ.

8. Nghiệp vụ Di động mặt đất (Land Mobile Service):

Là nghiệp vụ Di động giữa các đài gốc và đài di động mặt đất, hoặc giữa các đài di động mặt đất với nhau.

9. Nghiệp vụ Di động mặt đất qua vệ tinh (Land Mobile - Satellite Service):

Là nghiệp vụ Di động qua vệ tinh mà các đài Trái đất di động được đặt trên đất liền.

10. Nghiệp vụ Di động hàng hải (Maritime Mobile Service).

Là nghiệp vụ Di động giữa các đài bờ và các đài tàu, hoặc giữa các đài tàu với nhau, hoặc giữa các đài thông tin trên tàu. Các đài tàu cứu nạn và các đài phao vô tuyến chỉ báo vị trí khẩn cấp cũng có thể thuộc nghiệp vụ này.

11. Nghiệp vụ Di động hàng hải qua vệ tinh (Maritime Mobile - Satellite Service):

Là nghiệp vụ Di động qua vệ tinh trong đó các đài Trái đất di động đặt trên tàu; các đài tàu cứu nạn và các đài phao vô tuyến chỉ báo vị trí khẩn cấp cũng có thể thuộc nghiệp vụ này.

12. Nghiệp vụ Điều hành cảng (Port Operation Service):

Là nghiệp vụ Di động hàng hải khai thác ở trong cảng hoặc khu vực gần cảng, giữa các đài bờ với các đài tàu hoặc giữa các đài tàu với nhau, trong đó nội dung thông tin chỉ giới hạn trong việc điều hành khai thác, sự di chuyển và an toàn của tàu biển, sự an toàn tính mạng của con người trong trường hợp khẩn cấp.

Các bức điện thông tin công cộng không thuộc nghiệp vụ này.

13. Nghiệp vụ Điều động tàu (Ship Movement Service):

Là nghiệp vụ an toàn trong nghiệp vụ Di động hàng hải, khác với nghiệp vụ Điều hành cảng, giữa các đài bờ và các đài tàu, hoặc giữa các đài tàu với nhau, trong đó các nội dung thông tin chỉ giới hạn trong việc điều động tàu.

Các bức điện thông tin công cộng không thuộc nghiệp vụ này.

14. Nghiệp vụ Di động hàng không (Aeronautical Mobile Service):

Là nghiệp vụ Di động giữa các đài hàng không và các đài tàu bay hay giữa các đài tàu bay với nhau, trong đó có cả các đài cứu nạn tàu bay, các đài pha vô tuyến chỉ báo vị trí khẩn cấp cũng có thể tham gia vào nghiệp vụ này trên các tần số cứu nạn và khẩn cấp.

15. Nghiệp vụ Di động hàng không (R)* (Aeronautical Mobile Service (R)*):

Là nghiệp vụ Di động hàng không được dành riêng cho thông tin liên quan đến sự an toàn và hoạt động bình thường của tàu bay, chủ yếu theo các tuyến hàng không dân dụng quốc gia hoặc quốc tế.

16. Nghiệp vụ Di động hàng không (OR)** (Aeronautical Mobile Service (OR)**):

Là nghiệp vụ Di động hàng không dành cho thông tin liên quan đến điều phối tàu bay, chủ yếu bên ngoài các tuyến hàng không dân dụng quốc gia hoặc quốc tế.

17. Nghiệp vụ Di động hàng không qua vệ tinh (Aeronautical Mobile - Satellite Service):

Là nghiệp vụ Di động qua vệ tinh trong đó các đài Trái đất di động được đặt trên tàu bay; các đài cứu nạn tàu bay và các đài pha vô tuyến chỉ báo vị trí khẩn cấp cũng có thể thuộc nghiệp vụ này.

18. Nghiệp vụ Di động hàng không qua vệ tinh (R) (Aeronautical Mobile - Satellite Service (R)*):

Là nghiệp vụ Di động hàng không qua vệ tinh dành riêng cho thông tin liên quan đến sự an toàn và hoạt động bình thường của tàu bay, chủ yếu theo các tuyến hàng không dân dụng quốc gia hoặc quốc tế.

19. Nghiệp vụ Di động hàng không qua vệ tinh (OR) (Aeronautical Mobile - Satellite Service (OR)**):

Một nghiệp vụ Di động hàng không qua vệ tinh dành cho thông tin liên quan đến việc điều phối tàu bay, chủ yếu bên ngoài các tuyến hàng không dân dụng quốc gia và quốc tế.

20. Nghiệp vụ Quảng bá (Broadcasting Service):

Là nghiệp vụ thông tin vô tuyến trong đó sự phát sóng dành cho toàn thể công chúng thu trực tiếp. Nghiệp vụ này có thể bao gồm phát thanh, phát hình, truyền thanh không dây hoặc các loại truyền dẫn khác.

21. Nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh (Broadcasting - Satellite Service):

Là nghiệp vụ thông tin vô tuyến, trong đó các tín hiệu được phát hoặc phát lại bởi các đài Vũ trụ dành cho toàn thể công chúng thu trực tiếp.

Trong nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh, thuật ngữ “thu trực tiếp” bao gồm cả thu riêng lẻ và thu tập trung.

22. Nghiệp vụ Vô tuyến xác định (Radiodetermination Service):

Là nghiệp vụ thông tin vô tuyến với mục đích xác định bằng vô tuyến.

* (R): Rout (theo tuyến)

** (OR): Off-Rout (ngoài tuyến)

23. Nghiệp vụ Vô tuyến xác định qua vệ tinh (Radiodetermination - Satellite Service):

Là nghiệp vụ thông tin vô tuyến với mục đích xác định bằng vô tuyến có sử dụng một hoặc nhiều đài Vũ trụ.

Nghiệp vụ này cũng có thể bao gồm cả các đường tiếp sóng cần thiết cho hoạt động của một hoặc nhiều đài Vũ trụ.

24. Nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường (Radionavigation Service):

Là nghiệp vụ Vô tuyến xác định sử dụng với mục đích dẫn đường bằng vô tuyến.

25. Nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường qua vệ tinh (Radionavigation - Satellite Service):

Là nghiệp vụ Vô tuyến xác định qua vệ tinh với mục đích dẫn đường bằng vô tuyến.

Nghiệp vụ này cũng có thể bao gồm cả các đường tiếp sóng cần thiết cho hoạt động của nó.

26. Nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng hải (Maritime Radionavigation Service):

Là nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường phục vụ các lợi ích và hoạt động an toàn của tàu biển.

27. Nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng hải qua vệ tinh (Maritime Radionavigation - Satellite Service):

Là nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường qua vệ tinh trong đó các đài Trái đất được đặt trên tàu biển.

28. Nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không (Aeronautical Radionavigation Service):

Là nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường phục vụ các lợi ích và hoạt động an toàn của tàu bay.

29. Nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không qua vệ tinh (Aeronautical Radionavigation - Satellite Service):

Là nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường qua vệ tinh trong đó các đài Trái đất được đặt trên tàu bay.

30. Nghiệp vụ Vô tuyến định vị (Radiolocation Service):

Là nghiệp vụ Vô tuyến xác định với mục đích định vị.

31. Nghiệp vụ Vô tuyến định vị qua vệ tinh (Radiolocation - Satellite Service):

Là nghiệp vụ Vô tuyến xác định qua vệ tinh được sử dụng với mục đích định vị.

Nghệp vụ này cũng có thể bao gồm cả các đường tiếp sóng cần thiết cho hoạt động của nó.

32. Nghệp vụ Trợ giúp khí tượng (Meteorological Aids Service):

Là nghiệp vụ thông tin vô tuyến điện dùng cho việc quan sát và thăm dò khí tượng, thủy văn.

33. Nghệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (Earth Exploration - Satellite Service):

Là nghiệp vụ thông tin vô tuyến giữa các đài Trái đất với một hoặc nhiều đài Vũ trụ, có thể bao gồm cả các đường liên lạc giữa các đài Vũ trụ, trong đó:

- Thông tin liên quan đến các đặc tính và các hiện tượng tự nhiên của Trái đất, bao gồm các dữ liệu liên quan đến tình trạng môi trường, được thu nhận từ các bộ cảm biến chủ động hoặc thụ động đặt trên các vệ tinh của Trái đất.

- Thông tin tương tự được thu thập từ các đài trên không hoặc trên Trái đất.

- Thông tin đó có thể được phân phối tới các đài Trái đất trong hệ thống liên quan.

- Có thể bao gồm việc thăm dò của các đài.

Nghệp vụ này cũng có thể bao gồm các đường tiếp sóng cần thiết cho hoạt động của nó.

34. Nghệp vụ Khí tượng qua vệ tinh (Meteorological - Satellite Service):

Là nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh với mục đích phục vụ khí tượng.

35. Nghệp vụ Tần số chuẩn và tín hiệu thời gian (Standard frequency and Time Signal Service):

Là nghiệp vụ thông tin vô tuyến với mục đích khoa học, kỹ thuật và các mục đích khác, phát ra các tần số, tín hiệu thời gian xác định, hoặc phát cả hai với độ chính xác cao và thu được rộng rãi.

36. Nghệp vụ Tần số chuẩn và tín hiệu thời gian qua vệ tinh (Standard frequency and Time Signal - Satellite Service):

Là nghiệp vụ thông tin vô tuyến sử dụng các đài Vũ trụ đặt trên các vệ tinh Trái đất với cùng mục đích như nghiệp vụ Tần số chuẩn tín hiệu thời gian. Nghiệp vụ này có thể bao gồm các đường tiếp sóng cần thiết cho hoạt động của nó.

37. Nghệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ (Space Research Service):

Là nghiệp vụ thông tin vô tuyến trong đó tàu vũ trụ hoặc các vật thể khác trong Vũ trụ được dùng cho nghiên cứu khoa học, kỹ thuật.

38. Nghiệp vụ Nghiệp dư (Amateur Service):

Là nghiệp vụ thông tin vô tuyến nhằm mục đích tự đào tạo, trao đổi thông tin và các khảo sát kỹ thuật được tiến hành bởi những khai thác viên vô tuyến điện nghiệp dư, là những người chỉ quan tâm đến kỹ thuật vô tuyến vì sở thích cá nhân chứ không vì mục đích lợi nhuận.

39. Nghiệp vụ Nghiệp dư qua vệ tinh (Amateur - Satellite Service):

Là nghiệp vụ thông tin vô tuyến sử dụng các đài Vũ trụ đặt trên các vệ tinh của Trái đất với cùng mục đích như của nghiệp vụ Nghiệp dư.

40. Nghiệp vụ Vô tuyến thiên văn (Radio Astronomy Service):

Là nghiệp vụ liên quan đến việc sử dụng vô tuyến thiên văn (nghĩa là dựa trên việc thu nhận sóng vô tuyến điện có nguồn gốc từ Vũ trụ).

41. Nghiệp vụ an toàn (Safety Service):

Là bất kỳ nghiệp vụ thông tin vô tuyến điện nào được sử dụng thường xuyên hoặc tạm thời để bảo vệ sinh mạng và tài sản của con người.

42. Nghiệp vụ đặc biệt (Special Service):

Là nghiệp vụ thông tin vô tuyến điện, không được định nghĩa theo cách khác ở phần này, được thực hiện cho những nhu cầu đặc biệt của công ích và không dùng cho thông tin công cộng.

Điều 4. Các đài và các hệ thống vô tuyến điện

1. Đài [Station]:

Một hay nhiều máy phát hay máy thu hoặc tổ hợp các máy phát và máy thu, bao gồm các phụ kiện kèm theo tại một địa điểm để thực hiện một nghiệp vụ thông tin vô tuyến điện hoặc nghiệp vụ Vô tuyến thiên văn.

Mỗi đài sẽ được phân loại bởi một nghiệp vụ mà nó hoạt động thường xuyên hay tạm thời.

2. Đài trên mặt đất [Terrestrial station]:

Một đài thực hiện việc thông tin vô tuyến mặt đất. Trong Quy hoạch này, trừ khi có chú thích riêng, thì tất cả các đài đều là đài mặt đất.

3. Đài Trái đất [Earth station]:

Một đài được đặt trên bề mặt Trái đất hoặc trong phần chính của khí quyển Trái đất dùng để thông tin:

- Với một hoặc nhiều đài Vũ trụ; hoặc
- Với một hoặc nhiều đài cùng loại thông qua một hay nhiều vệ tinh phản xạ hay các vật thể khác trong không gian.

4. Đài Vũ trụ [Space station]:

Một đài đặt trên một vật thể ở bên ngoài, có xu hướng đi ra bên ngoài hoặc đã ở ngoài phần chính của khí quyển Trái đất.

5. Đài tàu cứu nạn [Survival craft station]:

Một đài di động trong nghiệp vụ Di động hàng hải hoặc Di động hàng không chỉ sử dụng cho mục đích cứu nạn và được đặt trên xuồng cứu nạn, bè cứu nạn hoặc các phương tiện cứu nạn khác.

6. Đài cố định [Fixed station]:

Một đài thuộc nghiệp vụ Cố định.

7. Đài đặt trên cao [High altitude platform station]:

Một đài đặt trên một vật thể ở độ cao từ 20 km đến 50 km và ở một điểm cố định xác định, tương đối đối với Trái đất.

8. Đài di động [Mobile station]:

Một đài thuộc nghiệp vụ Di động được sử dụng trong khi chuyển động hay tạm dừng ở những điểm không xác định.

9. Đài Trái đất di động [Mobile earth station]:

Một đài Trái đất thuộc nghiệp vụ Di động qua vệ tinh được sử dụng trong khi chuyển động hay dừng lại ở những điểm không xác định trước.

10. Đài mặt đất [Land station]:

Một đài thuộc nghiệp vụ Di động nhưng không sử dụng trong khi chuyển động.

11. Đài Trái đất mặt đất [Land earth station]:

Một đài Trái đất thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh hoặc, trong một số trường hợp, thuộc nghiệp vụ Di động qua vệ tinh, được đặt tại một điểm hoặc trong một khu vực nhất định trên đất liền để cung cấp một đường tiếp sóng cho nghiệp vụ Di động qua vệ tinh.

12. Đài gốc [Base station]:

Một đài mặt đất thuộc nghiệp vụ Di động mặt đất.

13. Đài gốc Trái đất [Base earth station]:

Một đài Trái đất thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh hoặc, trong một số trường hợp, thuộc nghiệp vụ Di động qua vệ tinh, được đặt tại một điểm hoặc trong một khu vực nhất định trên đất liền để cung cấp một đường tiếp sóng cho nghiệp vụ Di động mặt đất qua vệ tinh.

14. Đài di động mặt đất [Land mobile station]:

Một đài di động thuộc nghiệp vụ Di động mặt đất có khả năng di chuyển trên mặt đất trong phạm vi địa lý của một quốc gia hoặc một lục địa.

15. Đài Trái đất di động mặt đất [Land mobile earth station]:

Một đài Trái đất di động thuộc nghiệp vụ Di động mặt đất qua vệ tinh có khả năng di chuyển trên mặt đất trong phạm vi địa lý của một quốc gia hoặc một lục địa.

16. Đài bờ [Coast station]:

Đài mặt đất dùng trong nghiệp vụ Di động hàng hải.

17. Đài bờ Trái đất [Coast earth station]:

Một đài Trái đất thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh hoặc, trong một số trường hợp, thuộc nghiệp vụ Di động hàng hải qua vệ tinh, được đặt tại một điểm nhất định trên đất liền để cung cấp một đường tiếp sóng cho nghiệp vụ Di động hàng hải qua vệ tinh.

18. Đài tàu [Ship station]:

Đài di động đặt trên tàu thuyền, các phương tiện nổi hoặc đặt trên các mô hình mô phỏng (để phục vụ cho công tác dạy học, nghiên cứu khác) không phải đài tàu cứu nạn, sử dụng tần số vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng hải, nghiệp vụ di động hàng hải qua vệ tinh và nghiệp vụ vô tuyến xác định thuộc hệ thống cấp cứu và an toàn hàng hải toàn cầu (GMDSS).

19. Đài Trái đất trên tàu [Ship earth station]:

Một đài di động Trái đất thuộc nghiệp vụ Di động hàng hải qua vệ tinh được đặt trên tàu thuyền.

20. Đài thông tin trên tàu [On-board communication station]:

Một đài di động công suất thấp thuộc nghiệp vụ Di động hàng hải được sử dụng cho thông tin nội bộ trên tàu hoặc giữa tàu với các xuồng hoặc bè cứu nạn trong khi xuồng cứu nạn đang tập luyện hoặc đang hoạt động, hoặc dùng để thông tin giữa một nhóm các thuyền đang được dắt hoặc đẩy, cũng như dùng cho việc chỉ dẫn theo luồng và thả neo.

21. Đài cảng [Port station]:

Đài bờ thuộc nghiệp vụ Điều hành cảng.

22. Đài hàng không [Aeronautical station]:

Đài mặt đất thuộc nghiệp vụ Di động hàng không. Trong một số trường hợp nhất định, một đài hàng không có thể được đặt trên tàu thuyền hoặc trên một giá đỡ trên biển.

23. Đài Trái đất hàng không [Aeronautical earth station]:

Một đài Trái đất thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh, hoặc trong một số trường hợp thuộc nghiệp vụ Di động hàng không qua vệ tinh, được đặt trên một điểm nhất định trên đất liền để cung cấp một đường tiếp sóng cho nghiệp vụ Di động hàng không qua vệ tinh.

24. Đài tàu bay [Aircraft station]:

Một đài di động thuộc nghiệp vụ Di động hàng không, không phải đài tàu bay cứu nạn, được đặt trên tàu bay.

25. Đài Trái đất trên tàu bay [Aircraft earth station]:

Một đài Trái đất di động thuộc nghiệp vụ Di động hàng không qua vệ tinh được đặt trên tàu bay.

26. Đài quảng bá [Broadcasting station]:

Một đài thuộc nghiệp vụ Quảng bá.

27. Đài vô tuyến xác định [Radiodetermination station]:

Một đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến xác định.

28. Đài vô tuyến dẫn đường di động hàng không [Radionavigation mobile station]:

Một đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường được sử dụng trong khi chuyển động hoặc khi dừng tại những điểm bất kỳ.

29. Đài vô tuyến dẫn đường mặt đất [Radionavigation land station]:

Một đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường nhưng không sử dụng trong khi chuyển động.

30. Đài vô tuyến định vị di động [Radiolocation mobile station]:

Một đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến định vị được sử dụng trong lúc chuyển động hoặc lúc dừng lại tại những điểm bất kỳ.

31. Đài vô tuyến định vị mặt đất [Radiolocation land station]:

Một đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến định vị không được sử dụng trong khi chuyển động.

32. Đài vô tuyến định hướng [Radio direction finding station]:

Một đài vô tuyến xác định sử dụng vô tuyến định hướng.

33. Đài pha vô tuyến [Radiobeacon station]:

Một đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường phát xạ với mục đích giúp cho các đài di động có thể xác định được vị trí và phương hướng của nó so với đài pha vô tuyến.

34. Đài pha vô tuyến chỉ báo vị trí khẩn cấp [Emergency position-indicating radiobeacon station]:

Một đài thuộc nghiệp vụ Di động phát xạ với mục đích trợ giúp cho các hoạt động tìm kiếm cứu nạn.

35. Đài pha vô tuyến chỉ báo vị trí khẩn cấp qua vệ tinh [Satellite emergency position - indicating radiobeacon station]:

Một đài Trái đất thuộc nghiệp vụ Di động qua vệ tinh phát xạ với mục đích hỗ trợ các hoạt động tìm kiếm và cứu nạn.

36. Đài phát tần số chuẩn và tín hiệu thời gian [Standard frequency and time signal station]:

Một đài thuộc nghiệp vụ Tần số chuẩn và tín hiệu thời gian.

37. Đài vô tuyến điện nghiệp dư [Amateur station]:

Đài thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư và nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư qua vệ tinh.

38. Đài vô tuyến thiên văn [Radio astronomy station]:

Một đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến thiên văn.

39. Đài thử nghiệm [Experimental station]:

Một đài sử dụng sóng vô tuyến điện để thử nghiệm với mục đích phát triển khoa học, kỹ thuật. Định nghĩa này không bao hàm các đài nghiệp dư.

40. Máy phát khẩn cấp của tàu [Ship's emergency transmitter]:

Một máy phát của tàu chỉ được sử dụng trên tần số cứu nạn với mục đích cứu nạn, khẩn cấp hoặc an toàn.

41. Ra-đa [Radar]:

Một hệ thống vô tuyến xác định dựa trên sự so sánh các tín hiệu chuẩn với các tín hiệu vô tuyến được phản xạ hoặc được phát lại từ vị trí cần xác định.

42. Ra-đa sơ cấp [Primary radar]:

Một hệ thống vô tuyến xác định dựa trên sự so sánh các tín hiệu chuẩn với các tín hiệu được phản xạ từ vị trí cần xác định.

43. Ra-đa thứ cấp [Secondary radar]:

Một hệ thống vô tuyến xác định dựa trên sự so sánh các tín hiệu chuẩn với các tín hiệu vô tuyến được phát lại từ vị trí cần xác định.

44. Ra-đa mốc [Radar beacon (racon)]:

Một máy thu phát được kết hợp với một mốc dẫn đường cố định, mà khi bị kích thích bởi một ra-đa sẽ tự động trả lời bằng một tín hiệu đặc biệt, tín hiệu này có thể xuất hiện trên màn hiển sóng của ra-đa kích thích, để cung cấp các số liệu về khoảng cách, phương hướng và thông tin nhận dạng.

45. Hệ thống hạ cánh bằng thiết bị [Instrument landing system (ILS)]:

Một hệ thống vô tuyến dẫn đường cung cấp những chỉ dẫn về chiều ngang và chiều đứng trước và trong khi hạ cánh, và ở những điểm định trước, chỉ rõ khoảng cách đến điểm tham chiếu khi hạ cánh.

46. Hệ thống định hướng hạ cánh [Instrument landing system localizer]:

Một hệ thống chỉ dẫn hướng nằm ngang nằm trong hệ thống hạ cánh bằng thiết bị (ILS), dùng để chỉ thị độ lệch ngang của tàu bay so với đường xuống tối ưu.

47. Hệ thống định góc hạ cánh [Instrument landing system glide path]:

Một hệ thống chỉ dẫn hướng thẳng đứng nằm trong hệ thống hạ cánh bằng thiết bị (ILS), dùng để chỉ thị độ lệch theo phương thẳng đứng của tàu bay so với đường xuống tối ưu.

48. Pha làm mốc [Marker beacon]:

Một máy phát thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không có phát xạ dưới dạng một chùm tia theo hướng thẳng đứng để cung cấp thông tin về vị trí cho các tàu bay.

49. Thiết bị đo độ cao bằng vô tuyến [Radio altimeter]:

Một thiết bị vô tuyến dẫn đường, đặt trên tàu bay hoặc tàu vũ trụ, được dùng để xác định độ cao của tàu bay hoặc của tàu vũ trụ so với mặt đất hoặc so với bề mặt nào đó.

50. Vô tuyến thám không [Radiosonde]:

Một máy phát vô tuyến tự động trong nghiệp vụ Trợ giúp khí tượng thường được đặt trên tàu bay, các bóng bay tự do, trên điều hoặc dù để truyền đưa các số liệu khí tượng.

51. Hệ thống thích ứng [Adaptive system]:

Một hệ thống thông tin vô tuyến thay đổi các đặc tính vô tuyến theo chất lượng kênh truyền.

52. Hệ thống Vũ trụ [Space system]:

Một nhóm liên kết các đài Trái đất và/hoặc các đài Vũ trụ sử dụng thông tin vô tuyến điện Vũ trụ cho những mục đích xác định.

53. Hệ thống thông tin di động IMT [International Mobile Telecommunications]:

Hệ thống thông tin di động IMT là hệ thống thông tin di động cung cấp khả năng truy cập tới nhiều loại dịch vụ viễn thông bao gồm thoại, dữ liệu, đa phương tiện và các dịch vụ di động tiên tiến, được hỗ trợ bởi mạng di động và mạng cố định, được thiết kế và vận hành chủ yếu theo nguyên lý truyền thông dựa trên gói dữ liệu. Hệ thống thông tin di động IMT bao gồm IMT-2000, IMT-Advanced, IMT-2020, IMT-2030 và tiếp theo, tuân theo định nghĩa tại các phiên bản mới nhất của Nghị quyết ITU-R 56 và Khuyến nghị ITU-R M.1224 của Liên minh Viễn thông quốc tế.

54. Hệ thống vệ tinh [Satellite system]:

Một hệ thống Vũ trụ sử dụng một hay nhiều vệ tinh nhân tạo của Trái đất.

55. Mạng vệ tinh [Satellite network]:

Một hệ thống vệ tinh hoặc một phần của hệ thống vệ tinh chỉ bao gồm một vệ tinh và các đài Trái đất liên kết.

56. Đường thông tin vệ tinh [Satellite link]:

Một đường kết nối vô tuyến giữa một đài Trái đất phát và một đài Trái đất thu thông qua một vệ tinh.

Một đường thông tin vệ tinh bao gồm một đường lên và một đường xuống.

57. Đường thông tin nhiều vệ tinh [Multi-satellite link]:

Một đường vô tuyến điện giữa một đài Trái đất phát đến một đài Trái đất thu thông qua hai hay nhiều vệ tinh, không phải qua đài Trái đất trung gian khác.

Một đường thông tin nhiều vệ tinh gồm một đường lên, một hoặc nhiều đường nối giữa các vệ tinh và một đường xuống.

58. Đường tiếp sóng [Feeder link]:

Một đường vô tuyến điện từ một đài Trái đất tại một vị trí cho trước tới một đài Vũ trụ hay ngược lại, dùng để truyền thông tin cho một nghiệp vụ thông tin vô tuyến điện Vũ trụ nhưng không phải nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh. Vị trí cho trước có thể là một điểm nhất định hoặc bất cứ điểm nào trong một khu vực nhất định.

Điều 5. Các đặc tính của các phát xạ và thiết bị vô tuyến điện

1. Bức xạ [Radiation]:

Năng lượng sinh ra từ một nguồn bất kỳ ở dạng sóng vô tuyến điện.

2. Phát xạ [Emission]:

Bức xạ được phát ra, hoặc sự sản sinh ra bức xạ, bởi một đài phát vô tuyến điện. Ví dụ: năng lượng phát xạ từ một bộ dao động nội của một máy thu vô tuyến thì không phải là phát xạ (emission) mà là bức xạ (radiation).

3. Loại phát xạ [Class of emission]:

Tập hợp các đặc tính của một phát xạ, được quy ước bằng những ký hiệu tiêu chuẩn, chẳng hạn như kiểu điều chế sóng mang chính, tín hiệu điều chế, loại tín tức được truyền đi và có thể kèm theo các đặc tính bổ sung của tín hiệu.

4. Phát xạ đơn biên [Single-sideband emission (SSB)]:

Một phát xạ điều biên chỉ có một biên tần.

5. Phát xạ đơn biên có đủ sóng mang [Full carrier single-sideband emission]:

Một phát xạ đơn biên không triệt sóng mang.

6. Phát xạ đơn biên nén sóng mang [Reduce carrier single-sideband emission]:

Một phát xạ đơn biên trong đó mức độ nén sóng mang có thể cho phép sóng mang được khôi phục lại và được dùng cho giải điều chế.

7. Phát xạ đơn biên loại bỏ sóng mang [Suppressed carrier single-sideband emission]:

Một phát xạ đơn biên trong đó sóng mang được loại bỏ hoàn toàn và không được dùng cho giải điều chế.

8. Phát xạ ngoài băng [Out of band emission]:

Phát xạ trên một hay nhiều tần số nằm ngay ngoài độ rộng băng tần cần thiết do kết quả của quá trình điều chế nhưng không bao gồm phát xạ giả.

9. Phát xạ giả [Spurious emission]:

Phát xạ trên một hay nhiều tần số nằm ngoài độ rộng băng tần cần thiết và mức của các phát xạ này có thể bị suy giảm mà không ảnh hưởng đến sự truyền dẫn tương ứng của thông tin. Phát xạ giả bao gồm các phát xạ hài, các phát xạ ký sinh, các sản phẩm xuyên điều chế và các sản phẩm biến đổi tần số, nhưng không bao gồm các phát xạ ngoài băng.

10. Phát xạ không mong muốn [Unwanted emission]:

Bao gồm các phát xạ giả và phát xạ ngoài băng.

11. Miền ngoài băng (của một phát xạ) [Out-of-band domain]:

Dải tần số, ngay ngoài độ rộng băng tần cần thiết nhưng không bao gồm vùng phát xạ giả, trong đó các phát xạ ngoài băng nhìn chung là chiếm ưu thế. Các phát xạ ngoài băng, được định nghĩa trên cơ sở nguồn phát xạ của nó, xuất hiện trong miền ngoài băng và, trong một phạm vi hẹp hơn, trong miền phát xạ giả. Tương tự như vậy, các phát xạ giả có thể xuất hiện trong miền ngoài băng cũng như trong miền phát xạ giả.

12. Miền phát xạ giả (của một phát xạ) [Spurious domain]:

Dải tần số bên ngoài miền phát xạ ngoài băng trong đó các phát xạ giả nhìn chung chiếm ưu thế.

13. Băng tần số ấn định [Assigned frequency band]:

Băng tần số mà trong đó một đài được phép phát xạ: Độ rộng băng tần bằng độ rộng băng tần cần thiết cộng với hai lần giá trị tuyệt đối của sai số cho phép. Nếu là đài Vũ trụ thì băng tần số ấn định bao gồm hai lần hiệu ứng Doppler lớn nhất có thể sinh ra đối với một điểm nào đó trên bề mặt Trái đất.

14. Tần số ấn định [Assigned frequency]:

Tần số trung tâm của băng tần ấn định cho một đài.

15. Tần số đặc trưng [Characteristic frequency]:

Một tần số mà có thể được đo và nhận dạng một cách dễ dàng trong một phát xạ cho trước. Thí dụ một tần số mang có thể được coi như tần số đặc trưng.

16. Tần số tham chiếu [Reference frequency]:

Một tần số có một vị trí cố định và xác định so với tần số ấn định. Sự xê dịch của tần số này so với tần số ấn định có cùng dấu và độ lớn như sự xê dịch của tần số đặc trưng so với tần số trung tâm của băng tần bị chiếm dụng bởi phát xạ.

17. Dung sai tần số cho phép [Frequency tolerance]:

Sự dịch chuyển cho phép lớn nhất của tần số trung tâm của băng tần bị chiếm dụng bởi một phát xạ so với tần số ấn định hoặc của tần số đặc trưng của phát xạ so với tần số tham chiếu. Sai lệch tần số được biểu thị bằng Megahéc (MHz) hoặc bằng Héc (Hz).

18. Độ rộng băng tần cần thiết [Necessary bandwidth]:

Là độ rộng của băng tần, đối với mỗi phát xạ, vừa đủ để đảm bảo truyền đưa tin tức với tốc độ và chất lượng yêu cầu trong những điều kiện định trước.

19. Độ rộng băng tần chiếm dụng [Occupied bandwidth]:

Độ rộng của băng tần số, thấp hơn giới hạn tần số thấp và cao hơn giới hạn tần số cao, mà công suất phát xạ trung bình bằng số phần trăm cho trước $\beta/2$ của toàn bộ công suất trung bình của một phát xạ cho trước.

Ngoài giá trị được nêu ra trong một khuyến nghị của ITU-R cho loại phát xạ thích hợp, giá trị của $\beta/2$ nên chọn là 0,5%.

20. Sóng phân cực thuận (hay theo chiều kim đồng hồ) [Right hand (or Clockwise) polarized wave]:

Một sóng phân cực elip hoặc tròn mà vectơ điện trường, quan sát trên một mặt phẳng cố định bất kỳ vuông góc với hướng truyền lan, khi nhìn theo hướng truyền lan thì vectơ ấy quay theo hướng tay phải hoặc cùng chiều kim đồng hồ.

21. Sóng phân cực nghịch (hay ngược chiều kim đồng hồ) [Left hand (or Anticlockwise) polarized wave]:

Một sóng phân cực elip hoặc tròn mà vectơ điện trường, quan sát trên một mặt phẳng cố định bất kỳ hay vuông góc với hướng truyền lan, khi nhìn theo hướng truyền lan thì vectơ ấy quay theo hướng tay trái hoặc ngược chiều kim đồng hồ.

22. Công suất [Power]:

Công suất của một máy phát vô tuyến điện phải được hiển thị bằng một trong những dạng sau đây, tùy theo loại phát xạ, và dùng các ký hiệu viết tắt sau:

- Công suất bao đỉnh (PX hay pX).

- Công suất trung bình (PY hay pY).
- Công suất sóng mang (PZ hay pZ).

Đối với các loại phát xạ khác nhau thì quan hệ giữa công suất bao đỉnh, công suất trung bình và công suất sóng mang, trong những điều kiện khai thác bình thường và không điều chế, được ghi trong các khuyến nghị của ITU-R có thể được sử dụng như một tài liệu hướng dẫn.

Để sử dụng trong công thức, ký hiệu “p” hiển thị công suất tính bằng oát (W) và ký hiệu “P” hiển thị công suất tính bằng decibel (dB) so với mức tham khảo.

23. Công suất bao đỉnh (của một máy phát vô tuyến điện) [Peak envelope power (of a radio transmitter)]:

Công suất trung bình đưa ra đường truyền dẫn cung cấp cho anten từ một máy phát trong một chu kỳ tần số vô tuyến điện tại đỉnh của biên điều chế trong những điều kiện làm việc bình thường.

24. Công suất trung bình (của một máy phát vô tuyến điện) [Mean power (of a radio transmitter)]:

Công suất trung bình đưa ra đường truyền dẫn cung cấp cho anten từ một máy phát trong khoảng thời gian đủ dài so với tần số điều chế thấp nhất trong những điều kiện làm việc bình thường.

25. Công suất sóng mang (của một máy phát vô tuyến điện) [Carrier power (of radio transmitter)]:

Công suất trung bình đưa ra đường truyền dẫn cung cấp cho anten từ một máy phát trong một chu kỳ tần số vô tuyến điện trong những điều kiện không điều chế.

26. Độ tăng ích anten [Gain of an antenna]:

Là tỷ số, thường tính bằng decibel (dB), giữa công suất cần thiết tại đầu vào của một anten chuẩn không suy hao với công suất cung cấp ở đầu vào một anten cho trước sao cho ở một hướng cho trước tạo ra cường độ trường hay mật độ thông lượng công suất như nhau tại cùng một cự ly. Nếu không có ghi chú thêm, thì độ tăng ích anten được tính đối với hướng phát xạ lớn nhất. Độ tăng ích có thể được xem xét cho một phân cực nhất định.

Tùy thuộc vào sự lựa chọn anten chuẩn, có các loại tăng ích anten như sau:

a) Tăng ích tuyệt đối hoặc tăng ích đẳng hướng (G_i), khi anten chuẩn là một anten đẳng hướng biệt lập trong không gian.

b) Độ tăng ích ứng với một dippol nửa bước sóng (G_d), khi một anten chuẩn là một dippol nửa bước sóng biệt lập trong không gian và mặt phẳng vuông góc của nó chứa hướng phát xạ.

c) Độ tăng ích ứng với một anten thẳng đứng ngắn (Gv), khi anten chuẩn là một dây dẫn thẳng ngắn hơn nhiều so với một phần tư bước sóng, vuông góc với mặt phẳng dẫn điện lý tưởng chứa hướng phát xạ.

27. Công suất phát xạ đẳng hướng tương đương [Equivalent Isotropically Radiated power (e.i.r.p)]:

Tích số của công suất sinh ra để cung cấp cho một anten với tăng ích của anten đó ở hướng nhất định ứng với anten đẳng hướng (độ tăng ích tuyệt đối hay tăng ích đẳng hướng).

28. Công suất phát xạ hiệu dụng (trên một hướng cho trước) [Effective Radiated Power (e.r.p)]:

Tích số của công suất sinh ra cung cấp cho một anten với tăng ích của nó ứng với một dippol nửa bước sóng ở một hướng cho trước.

29. Công suất phát xạ đơn cực hiệu dụng (tại một hướng cho trước) [Effective Monopole Radiated Power (e.m.r.p)]:

Tích số của công suất sinh ra cung cấp cho một anten với độ tăng ích của nó ứng với một anten ngắn thẳng đứng tại một hướng cho trước.

30. Tán xạ tầng đối lưu [Tropospheric scatter]:

Truyền lan sóng vô tuyến điện do tán xạ bởi những sự không đồng nhất và không liên tục về đặc tính vật lý của tầng đối lưu.

31. Tán xạ tầng điện ly [Ionospheric scatter]:

Truyền lan sóng vô tuyến điện do tán xạ bởi sự không đồng nhất và không liên tục trong quá trình ion hóa tầng điện ly.

Điều 6. Chia sẻ tần số giữa các nghiệp vụ vô tuyến điện

1. Nhiễu [Interference]:

Ảnh hưởng của năng lượng không cần thiết bởi một hoặc nhiều nguồn phát xạ, bức xạ hoặc những cảm ứng trên máy thu trong hệ thống thông tin vô tuyến điện, dẫn đến làm giảm chất lượng, gián đoạn hoặc bị mất hẳn thông tin mà có thể khôi phục được nếu không có những năng lượng không cần thiết đó.

2. Nhiễu cho phép [Permissible interference]:

Nhiễu thấy được hoặc dự tính được trước mà thỏa mãn nhiễu định lượng và các điều kiện dùng chung trong Quy hoạch này, trong các khuyến nghị của ITU-R hoặc trong những thỏa thuận đặc biệt được cung cấp trong Thể lệ vô tuyến điện.

3. Nhiễu chấp nhận được [Accepted interference]:

Nhiễu ở mức độ cao hơn mức nhiễu cho phép và đã được sự đồng ý của hai hay nhiều cơ quan quản lý mà không làm tổn hại đến các cơ quan quản lý khác.

Thuật ngữ “nhiều cho phép” và “nhiều chấp nhận được” được sử dụng trong việc phối hợp ấn định tần số giữa các cơ quan quản lý.

4. Nhiều có hại [Harmful interference]:

Nhiều làm nguy hại đến hoạt động của nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hoặc các nghiệp vụ an toàn khác hoặc làm hỏng, làm cản trở nghiêm trọng hoặc làm gián đoạn nhiều lần một nghiệp vụ thông tin vô tuyến điện đang khai thác theo đúng Quy hoạch này.

5. Tỷ số bảo vệ [Protection Ratio (R.F)]:

Giá trị nhỏ nhất của tỷ số giữa tín hiệu mong muốn và tín hiệu không mong muốn, thường biểu thị bằng decibel, tại đầu vào một máy thu, được xác định trong những điều kiện nhất định cho phép đạt được chất lượng thu cho trước đối với tín hiệu mong muốn tại đầu ra máy thu.

6. Vùng phối hợp [Coordination area]:

Khi xác định yêu cầu phối hợp, diện tích bao quanh một đài Trái đất dùng chung băng tần với các đài trên mặt đất, hay xung quanh một đài Trái đất phát dùng chung băng tần được phân chia theo hai hướng với các đài Trái đất thu, mà ngoài phạm vi đó mức nhiễu không vượt quá mức nhiễu cho phép và do đó không yêu cầu phối hợp.

7. Đường biên vùng phối hợp [Coordination contour]:

Đường bao quanh vùng phối hợp.

8. Khoảng cách phối hợp [Coordination distance]:

Khi xác định yêu cầu phối hợp, khoảng cách ở một góc phương vị cho trước từ một đài Trái đất dùng chung băng tần với các đài trên mặt đất hay từ một đài Trái đất phát dùng chung băng tần được phân chia theo hai hướng với các đài Trái đất thu, mà ngoài khoảng cách đó mức nhiễu không vượt quá mức nhiễu cho phép và do đó không yêu cầu phối hợp.

9. Nhiệt độ tạp âm tương đương của một đường thông tin vệ tinh [Equivalent satellite link noise temperature]:

Nhiệt độ tạp âm đầu ra của anten thu của một đài Trái đất tương ứng với công suất tạp âm vô tuyến điện mà sinh ra tạp âm tổng đo được ở đầu ra của một đường thông tin vệ tinh, không kể tạp âm do nhiễu từ các đường vệ tinh sử dụng các vệ tinh khác và từ các hệ thống mặt đất.

10. Vùng búp sóng hiệu dụng (của một búp sóng vệ tinh có thể lái được) [Effective boresight area]:

Một vùng trên bề mặt Trái đất, trong đó tâm của một búp sóng vệ tinh có thể lái được dự định nhắm tới.

Có thể có nhiều hơn một vùng hiệu dụng không liên thông mà tại đó một búp sóng vệ tinh đơn có thể điều khiển được định nhắm tới.

11. Đường tăng ích anten hiệu dụng (của một búp sóng vệ tinh có thể điều khiển được) [Effective antenna gain contour]:

Một đường bao của các đường tăng ích anten tạo ra từ sự di chuyển búp tâm sóng của một búp sóng vệ tinh có thể lái được dọc theo các giới hạn của vùng búp sóng hiệu dụng.

Điều 7. Các thuật ngữ kỹ thuật về thông tin Vũ trụ

1. Vũ trụ xa [Deep space]:

Khoảng không gian ở cách Trái đất một khoảng bằng hoặc xa hơn 2×10^6 km.

2. Tàu vũ trụ [Space craft]:

Một con tàu nhân tạo dùng để đi ra ngoài vùng chủ yếu của khí quyển Trái đất.

3. Vệ tinh [Satellite]:

Một vật thể bay quanh một vật thể khác có khối lượng lớn hơn nó nhiều lần và chuyển động của nó được xác định một cách vĩnh viễn theo lực hấp dẫn của vật thể đó đối với vật thể khác.

4. Vệ tinh chủ động [Active satellite]:

Một vệ tinh mang theo một đài để phát hoặc phát lại những tín hiệu thông tin vô tuyến điện.

5. Vệ tinh phản xạ [Reflecting satellite]:

Vệ tinh dùng để phản xạ các tín hiệu thông tin vô tuyến điện.

6. Bộ cảm biến chủ động [Active sensor]:

Một thiết bị đo lường thuộc nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh hoặc nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ nhờ nó mà lấy được số liệu bằng cách phát và thu sóng vô tuyến điện.

7. Bộ cảm biến thụ động [Passive sensor]:

Một thiết bị thuộc nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh hoặc nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ nhờ nó mà lấy được các số liệu bằng cách thu sóng vô tuyến điện từ các nguồn tự nhiên.

8. Quỹ đạo [Orbit]:

Một đường chuyển động, đối với một hệ quy chiếu xác định, được vẽ bởi trọng tâm của vệ tinh hoặc một vật thể không gian khác thường xuyên chịu tác dụng của những lực tự nhiên, đặc biệt là lực hấp dẫn.

9. Độ nghiêng quỹ đạo của vệ tinh Trái đất [Inclination of an orbit (of an earth satellite)]:

Góc xác định bởi mặt phẳng chứa quỹ đạo và mặt phẳng của xích đạo Trái đất được đo theo đơn vị độ giữa 0° và 180° theo hướng ngược chiều kim đồng hồ từ mặt phẳng xích đạo đến đỉnh của quỹ đạo.

10. Chu kỳ (của một vệ tinh) [Period (of a satellite)]:

Khoảng thời gian giữa hai vòng quay liên tiếp của một vệ tinh qua một điểm riêng trên quỹ đạo của nó.

11. Độ cao của viễn điểm hay cận điểm [Altitude of the apogee or of the perigee]:

Là độ cao của điểm cao nhất hoặc thấp nhất nằm phía trên một mặt phẳng tham chiếu nhất định đóng vai trò bề mặt Trái đất.

12. Vệ tinh đồng bộ Trái đất [Geosynchronous satellite]:

Một vệ tinh của Trái đất mà chu kỳ quay bằng chu kỳ quay của Trái đất quay quanh trục của nó.

13. Vệ tinh địa tĩnh [Geostationary satellite]:

Một vệ tinh đồng bộ Trái đất có quỹ đạo tròn và thuận chiều nằm trên mặt phẳng của xích đạo Trái đất, do đó duy trì vị trí tương đối cố định so với Trái đất; nói cách khác, là một vệ tinh đồng bộ Trái đất duy trì được vị trí tương đối cố định so với Trái đất.

14. Quỹ đạo vệ tinh địa tĩnh [Geostationary - Satellite orbit]:

Quỹ đạo của một vệ tinh đồng bộ Trái đất có quỹ đạo tròn và thuận chiều nằm trên mặt phẳng xích đạo của Trái đất

15. Búp sóng vệ tinh có thể lái được [Steerable satellite beam]:

Một búp sóng của anten vệ tinh mà có thể chỉnh lại hướng được.

Mục 2

PHÂN CHIA PHỔ TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN CHO CÁC NGHIỆP VỤ

Điều 8. Cấu trúc bảng phân chia phổ tần số cho các nghiệp vụ

1. Cột 1: Các băng tần số sắp xếp theo thứ tự từ 0 kHz đến 3000 GHz được chia nhỏ và phân chia cho các nghiệp vụ vô tuyến điện.

2. Cột 2: Các nghiệp vụ vô tuyến điện được phép khai thác trong một băng tần xác định với các điều kiện cụ thể do Liên minh Viễn thông quốc tế quy định cho Khu vực 3.

3. Cột 3: Các nghiệp vụ vô tuyến điện được phép khai thác trong một băng tần xác định với các điều kiện cụ thể theo quy định của Việt Nam.

4. Trong mỗi ô của cột 2 và cột 3:

- Gồm các nghiệp vụ được phép khai thác trong cùng băng tần của ô đó.
- Các nghiệp vụ được phân thành hai loại: nghiệp vụ chính và nghiệp vụ phụ. Trong bảng phân chia tần số:

+ Nghiệp vụ chính được in bằng chữ in hoa (Ví dụ: CỐ ĐỊNH), phần chú thích thêm được in bằng chữ in thường (Ví dụ: DI ĐỘNG trừ di động hàng không).

- + Nghiệp vụ phụ được in bằng chữ in thường (Ví dụ: Cố định).
 - Các nghiệp vụ được sắp xếp theo nguyên tắc nghiệp vụ chính trước, nghiệp vụ phụ sau.
 - Thứ tự của các nghiệp vụ cùng loại trong ô không thể hiện mức độ ưu tiên của các nghiệp vụ trong ô đó.
 - Các đài thuộc nghiệp vụ phụ:
 - + Không được gây nhiều có hại cho các đài thuộc nghiệp vụ chính mà tần số của các đài này đã được ấn định hoặc có thể được ấn định muộn hơn.
 - + Không thể kháng nghị nhiều có hại từ các đài thuộc nghiệp vụ chính mà tần số của các đài này đã được ấn định hoặc có thể được ấn định muộn hơn.
 - + Có thể kháng nghị nhiều có hại từ các đài cùng nghiệp vụ hoặc thuộc các nghiệp vụ phụ khác mà tần số của các đài này có thể được ấn định muộn hơn.
 - Các ký hiệu "VTN" kèm theo số thứ tự ở hàng dưới cùng trong một ô của cột 3 để chỉ dẫn các chú thích riêng của Việt Nam và áp dụng cho tất cả các nghiệp vụ trong ô. Các chú thích này được ghi tại khoản 2 Điều 9 của Quy hoạch này.
 - Các ký hiệu "VTN" kèm theo số thứ tự ở bên phải một nghiệp vụ vô tuyến điện trong ô để chỉ dẫn các chú thích riêng của Việt Nam và chỉ áp dụng riêng nghiệp vụ đó. Các chú thích này được ghi tại khoản 2 Điều 9 của Quy hoạch này.
 - Các số ghi ở hàng dưới cùng trong một ô để chỉ dẫn phần chú thích tương ứng trong Điều 5 của Thể lệ vô tuyến điện của Liên minh Viễn thông quốc tế và được áp dụng cho tất cả các nghiệp vụ trong ô. Các chú thích này được ghi tại khoản 3 Điều 9 của Quy hoạch này.
 - Các số ghi ở bên phải một nghiệp vụ trong ô để chỉ dẫn phần chú thích tương ứng trong Điều 5 của Thể lệ vô tuyến điện của Liên minh Viễn thông quốc tế và chỉ áp dụng riêng cho nghiệp vụ đó. Các chú thích này được ghi tại khoản 3 Điều 9 của Quy hoạch này.
 - Trong mỗi ô, các dòng được căn lề phải. Khi nội dung cần thể hiện vượt quá chiều dài của một dòng thì phần xuống dòng được viết lùi vào một khoảng.
5. Các nghị quyết, phụ lục, khuyến nghị và chú thích được nhắc đến trong khoản 3 Điều 9 của Quy hoạch này nhưng không có trong Quy hoạch này xem trong Thể lệ vô tuyến điện của Liên minh Viễn thông quốc tế.
6. Theo phân chia khu vực của Liên minh Viễn thông quốc tế, Việt Nam nằm trong Khu vực 3 nên các vấn đề phối hợp tần số với các nước láng giềng tuân theo phân chia của Khu vực 3.

Điều 9. Bảng phân chia phổ tần số vô tuyến điện cho các nghiệp vụ

1. Bảng phân chia

a) Quy hoạch tại các băng tần trong dải tần từ 8,3 kHz đến 27500 kHz như sau:

Tần số (kHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
Dưới 8,3	(Chưa được phân chia) 5.53 5.54	(Chưa được phân chia) 5.53 5.54
8,3-9	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG 5.54A 5.54B 5.54C	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG 5.54A 5.54B 5.54C
9-11,3	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG 5.54A VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG 5.54A VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG
11,3-14	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG
14-19,95	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.57 5.55 5.56	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.57 5.56
19,95-20,05	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN (20 kHz)	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN (20 kHz)
20,05-70	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.57 5.56 5.58	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.57 5.56
70-72	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.60 Cố định Di động hàng hải 5.57 5.59	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.60 Cố định Di động hàng hải 5.57
72-84	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.57 VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.60	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.57 VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.60
84-86	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.60 Cố định Di động hàng hải 5.57 5.59	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.60 Cố định Di động hàng hải 5.57
86-90	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.57 VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.60	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.57 VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.60
90-110	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.62 Cố định 5.64	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.62 5.64
110-112	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG HÀNG HẢI VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.60 5.64	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG HÀNG HẢI VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.60 5.64

Tần số (kHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
112-117,6	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.60 Cố định Di động hàng hải 5.64 5.65	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.60 Cố định Di động hàng hải 5.64
117,6-126	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG HÀNG HẢI VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.60 5.64	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG HÀNG HẢI VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.60 5.64
126-129	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.60 Cố định Di động hàng hải 5.64 5.65	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.60 Cố định Di động hàng hải 5.64
129-130 *	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG HÀNG HẢI VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.60 5.64	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG HÀNG HẢI VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.60 5.64
130-135,7	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG HÀNG HẢI VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.64	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG HÀNG HẢI VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.64
135,7-137,8	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG HÀNG HẢI VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG Nghệ dư 5.67A 5.64 5.67B	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG HÀNG HẢI VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG Nghệ dư 5.67A 5.64 5.67B
137,8-160	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG HÀNG HẢI VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.64	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG HÀNG HẢI VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.64
160-190	CỐ ĐỊNH Vô tuyến dẫn đường hàng không	CỐ ĐỊNH Vô tuyến dẫn đường hàng không
190-200	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG
200-285	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG Di động hàng không	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG Di động hàng không
285-315	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG HẢI (phao vô tuyến) 5.73 VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG HẢI (phao vô tuyến) 5.73 VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG
315-325	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG HẢI (phao vô tuyến) 5.73	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG HẢI (phao vô tuyến) 5.73

Tần số (kHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
325-405	VỎ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG Di động hàng không	VỎ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG Di động hàng không
405-415	VỎ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.76 Di động hàng không	VỎ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.76 Di động hàng không
415-472	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.79 Vỏ tuyến dẫn đường hàng không 5.77 5.80 5.78 5.82	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.79 Vỏ tuyến dẫn đường hàng không 5.77 5.80 5.78 5.82 VTN25
472-479	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.79 Nghiep dư 5.80A Vỏ tuyến dẫn đường hàng không 5.77 5.80 5.80B 5.82	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.79 Nghiep dư 5.80A Vỏ tuyến dẫn đường hàng không 5.77 5.80 5.80B 5.82 VTN25
479-495	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.79 5.79A Vỏ tuyến dẫn đường hàng không 5.77 5.80 5.82	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.79 5.79A Vỏ tuyến dẫn đường hàng không 5.77 5.80 5.82 VTN25
495-505	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.82C 5.82D	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.82C 5.82D VTN25
505-526,5	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.79 5.79A 5.84 VỎ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG Di động hàng không Di động mặt đất	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.79 5.79A 5.84 VỎ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG Di động hàng không Di động mặt đất VTN25
526,5-535	QUẢNG BÁ Di động 5.88	QUẢNG BÁ
535-1606,5	QUẢNG BÁ	QUẢNG BÁ
1606,5-1800	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VỎ TUYẾN ĐỊNH VỊ VỎ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.91	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VỎ TUYẾN ĐỊNH VỊ VỎ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG
1800-2000	NGHIEP DƯ CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không VỎ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG Vỏ tuyến định vị 5.97	NGHIEP DƯ CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không VỎ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG Vỏ tuyến định vị 5.97
2000-2065	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG
2065-2107	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.105 5.106	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.106
2107-2170	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG

Tần số (kHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
2170-2173,5	DI ĐỘNG HÀNG HẢI	DI ĐỘNG HÀNG HẢI
2173,5-2190,5	DI ĐỘNG (cứu nạn và gọi) 5.108 5.109 5.110 5.111	DI ĐỘNG (cứu nạn và gọi) 5.108 5.109 5.110 5.111
2190,5-2194	DI ĐỘNG HÀNG HẢI	DI ĐỘNG HÀNG HẢI
2194-2300	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.112	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG
2300-2495	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG QUẢNG BÁ 5.113	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG QUẢNG BÁ 5.113
2495-2501	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN (2500 kHz)	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN (2500 kHz)
2501-2502	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN Nghiên cứu Vũ trụ	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN Nghiên cứu Vũ trụ
2502-2505	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN
2505-2850	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG
2850-3025	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R) 5.111 5.115	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R) 5.111 5.115
3025-3155	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (OR)	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (OR)
3155-3200	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không (R) 5.116 5.117	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không (R) 5.116
3200-3230	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không (R) QUẢNG BÁ 5.113 5.116	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không (R) QUẢNG BÁ 5.113 5.116
3230-3400	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không QUẢNG BÁ 5.113 5.116 5.118	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không QUẢNG BÁ 5.113 5.116
3400-3500	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R)	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R)
3500-3900	NGHIỆP DƯ CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG	NGHIỆP DƯ CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG
3900-3950	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG QUẢNG BÁ	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG QUẢNG BÁ
3950-4000	CỐ ĐỊNH QUẢNG BÁ 5.126	CỐ ĐỊNH QUẢNG BÁ 5.126
4000-4063	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.127 5.126	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.127 5.126

Tần số (kHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
4063-4438	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.79A 5.82D 5.109 5.110 5.130 5.131 5.132 5.128	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.79A 5.82D 5.109 5.110 5.130 5.131 5.132 5.128 VTN19 VTN25
4438-4488	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Vô tuyến định vị 5.132A	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Vô tuyến định vị VTN1B VTN1A
4488-4650	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không VTN1A
4650-4700	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R)	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R)
4700-4750	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (OR)	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (OR)
4750-4850	CỐ ĐỊNH QUẢNG BÁ 5.113 Di động mặt đất	CỐ ĐỊNH QUẢNG BÁ 5.113
4850-4995	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG MẶT ĐẤT QUẢNG BÁ 5.113	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG MẶT ĐẤT QUẢNG BÁ 5.113
4995-5003	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN (5000 kHz)	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN (5000 kHz)
5003-5005	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN Nghiên cứu Vũ trụ	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN Nghiên cứu Vũ trụ
5005-5060	CỐ ĐỊNH QUẢNG BÁ 5.113	CỐ ĐỊNH QUẢNG BÁ 5.113
5060-5250	CỐ ĐỊNH Di động trừ Di động hàng không 5.133	CỐ ĐỊNH Di động trừ Di động hàng không
5250-5275	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Vô tuyến định vị 5.132A	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Vô tuyến định vị VTN1B VTN1A
5275-5351,5	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không VTN1A
5351,5-5366,5	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Nghệ nghiệp dư 5.133B	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Nghệ nghiệp dư 5.133B
5366,5-5450	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không

Tần số (kHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
5450-5480	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (OR) DI ĐỘNG MẶT ĐẤT	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (OR) DI ĐỘNG MẶT ĐẤT
5480-5680	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R) 5.111 5.115	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R) 5.111 5.115
5680-5730	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (OR) 5.111 5.115	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (OR) 5.111 5.115
5730-5900	CỐ ĐỊNH Di động trừ Di động hàng không (R)	CỐ ĐỊNH Di động trừ Di động hàng không (R)
5900-5950	QUẢNG BÁ 5.134 5.136	QUẢNG BÁ 5.134 5.136
5950-6200	QUẢNG BÁ	QUẢNG BÁ
6200-6525	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.109 5.110 5.130 5.132 5.137A 5.137	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.109 5.110 5.130 5.132 5.137A 5.137 VTN19 VTN25
6525-6685	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R)	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R)
6685-6765	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (OR)	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (OR)
6765-7000	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không (R) 5.138	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không (R) 5.138 VTN1
7000-7100	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH 5.140 5.141 5.141A	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH
7100-7200	NGHIỆP DƯ 5.141A 5.141B	NGHIỆP DƯ CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không (R) 5.141B VTN1A
7200-7300	QUẢNG BÁ	QUẢNG BÁ
7300-7400	QUẢNG BÁ 5.134 5.143 5.143A 5.143B 5.143C 5.143D	QUẢNG BÁ 5.134 5.143 5.143A
7400-7450	QUẢNG BÁ 5.143A 5.143C	QUẢNG BÁ 5.143A
7450-8100	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không (R) 5.144	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không (R) VTN1 VTN1A 5.144
8100-8195	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG HÀNG HẢI	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG HÀNG HẢI
8195-8815	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.109 5.110 5.132 5.137A 5.145 5.111	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.109 5.110 5.132 5.137A 5.145 5.111 VTN1 VTN19 VTN25
8815-8965	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R)	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R)
8965-9040	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (OR)	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (OR)
9040-9305	CỐ ĐỊNH	CỐ ĐỊNH

Tần số (kHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
9305-9355	CỐ ĐỊNH Vô tuyến định vị 5.145A	CỐ ĐỊNH Vô tuyến định vị VTN1B VTN1
9355-9400	CỐ ĐỊNH	CỐ ĐỊNH
9400-9500	QUẢNG BÁ 5.134 5.146	QUẢNG BÁ 5.134 5.146
9500-9900	QUẢNG BÁ 5.147	QUẢNG BÁ 5.147
9900-9995	CỐ ĐỊNH	CỐ ĐỊNH
9995-10003	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN (10000-kHz) 5.111	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN (10000 kHz) 5.111
10003-10005	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN Nghiên cứu Vũ trụ * 5.111 *	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN Nghiên cứu Vũ trụ * 5.111 *
10005-10100	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R) 5.111	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R) 5.111
10100-10150	CỐ ĐỊNH Ngh nghiệp dư	CỐ ĐỊNH Ngh nghiệp dư
10150-11175	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không (R)	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không (R) VTN1A
11175-11275	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (OR)	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (OR)
11275-11400	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R)	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R)
11400-11600	CỐ ĐỊNH	CỐ ĐỊNH
11600-11650	QUẢNG BÁ 5.134 5.146	QUẢNG BÁ 5.134 5.146
11650-12050	QUẢNG BÁ 5.147	QUẢNG BÁ 5.147
12050-12100	QUẢNG BÁ 5.134 5.146	QUẢNG BÁ 5.134 5.146
12100-12230	CỐ ĐỊNH	CỐ ĐỊNH
12230-13200	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.109 5.110 5.132 5.137A 5.145	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.109 5.110 5.132 5.137A 5.145 VTN19 VTN1 VTN25
13200-13260	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (OR)	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (OR)
13260-13360	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R)	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R)
13360-13410	CỐ ĐỊNH VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149	CỐ ĐỊNH VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149
13410-13450	CỐ ĐỊNH Di động trừ Di động hàng không (R)	CỐ ĐỊNH Di động trừ Di động hàng không (R) VTN1 VTN1A

Tần số (kHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
13450-13550	CỐ ĐỊNH Di động trừ Di động hàng không (R) Vô tuyến định vị 5.132A	CỐ ĐỊNH Di động trừ Di động hàng không (R) Vô tuyến định vị VTN1B VTN1A
13550-13570	CỐ ĐỊNH Di động trừ Di động hàng không (R) 5.150	CỐ ĐỊNH Di động trừ Di động hàng không (R) 5.150
13570-13600	QUẢNG BÁ 5.134 5.151	QUẢNG BÁ 5.134 5.151
13600-13800	QUẢNG BÁ	QUẢNG BÁ
13800-13870	QUẢNG BÁ 5.134 5.151	QUẢNG BÁ 5.134 5.151
13870-14000	CỐ ĐỊNH Di động trừ Di động hàng không (R)	CỐ ĐỊNH Di động trừ Di động hàng không (R)
14000-14250	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH
14250-14350	NGHIỆP DƯ 5.152	NGHIỆP DƯ
14350-14990	CỐ ĐỊNH Di động trừ Di động hàng không (R)	CỐ ĐỊNH Di động trừ Di động hàng không (R) VTN1A
14990-15005	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN (15000 kHz) 5.111	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN (15000 kHz) 5.111
15005-15010	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN Nghiên cứu Vũ trụ	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN Nghiên cứu Vũ trụ
15010-15100	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (OR)	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (OR)
15100-15600	QUẢNG BÁ	QUẢNG BÁ
15600-15800	QUẢNG BÁ 5.134 5.146	QUẢNG BÁ 5.134 5.146
15800-16100	CỐ ĐỊNH 5.153	CỐ ĐỊNH 5.153
16100-16200	CỐ ĐỊNH Vô tuyến định vị 5.145A	CỐ ĐỊNH Vô tuyến định vị VTN1B
16200-16360	CỐ ĐỊNH	CỐ ĐỊNH
16360-17410	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.109 5.110 5.132 5.137A 5.145	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.109 5.110 5.132 5.137A 5.145 VTN19 VTN25
17410-17480	CỐ ĐỊNH	CỐ ĐỊNH
17480-17550	QUẢNG BÁ 5.134 5.146	QUẢNG BÁ 5.134 5.146
17550-17900	QUẢNG BÁ	QUẢNG BÁ

Tần số (kHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
17900-17970	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R)	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R)
17970-18030	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (OR)	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (OR)
18030-18052	CỐ ĐỊNH	CỐ ĐỊNH
18052-18068	CỐ ĐỊNH Nghiên cứu Vũ trụ	CỐ ĐỊNH Nghiên cứu Vũ trụ
18068-18168	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH 5.154	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH
18168-18780	CỐ ĐỊNH Di động trừ Di động hàng không	CỐ ĐỊNH Di động trừ Di động hàng không
18780-18900	DI ĐỘNG HÀNG HẢI	DI ĐỘNG HÀNG HẢI VTN19
18900-19020	QUẢNG BÁ 5.134 5.146	QUẢNG BÁ 5.134 5.146
19020-19680	CỐ ĐỊNH	CỐ ĐỊNH
19680-19800	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.132	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.132 VTN19
19800-19990	CỐ ĐỊNH	CỐ ĐỊNH
19990-19995	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN Nghiên cứu Vũ trụ 5.111	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN Nghiên cứu Vũ trụ 5.111
19995-20010	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN (20000 kHz) 5.111	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN (20000 kHz) 5.111
20010-21000	CỐ ĐỊNH Di động	CỐ ĐỊNH Di động
21000-21450	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH
21450-21850	QUẢNG BÁ	QUẢNG BÁ
21850-21870	CỐ ĐỊNH 5.155A 5.155	CỐ ĐỊNH
21870-21924	CỐ ĐỊNH 5.155B	CỐ ĐỊNH 5.155B
21924-22000	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R)	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R)
22000-22855	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.132 5.137A 5.156	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.132 5.137A VTN19 VTN25
22855-23000	CỐ ĐỊNH 5.156	CỐ ĐỊNH
23000-23200	CỐ ĐỊNH Di động trừ Di động hàng không (R) 5.156	CỐ ĐỊNH Di động trừ Di động hàng không (R)
23200-23350	CỐ ĐỊNH 5.156A DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (OR)	CỐ ĐỊNH 5.156A DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (OR)
23350-24000	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.157	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.157

Tần số (kHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
24000-24450	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG MẶT ĐẤT	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG MẶT ĐẤT
24450-24600	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG MẶT ĐẤT Vô tuyến định vị 5.132A	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG MẶT ĐẤT Vô tuyến định vị VTN1B
24600-24890	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG MẶT ĐẤT	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG MẶT ĐẤT
24890-24990	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH
24990-25005	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN (25000 kHz)	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN (25000 kHz)
25005-25010	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN Nghiên cứu Vũ trụ	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN Nghiên cứu Vũ trụ
25010-25070	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không
25070-25210	DI ĐỘNG HÀNG HẢI	DI ĐỘNG HÀNG HẢI VTN19
25210-25550	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không
25550-25670	VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149	VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149
25670-26100	QUẢNG BÁ	QUẢNG BÁ
26100-26175	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.132	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.132 VTN19
26175-26200	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không
26200-26350	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Vô tuyến định vị 5.132A	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Vô tuyến định vị VTN1B
26350-27500	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.150	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.150

b) Quy hoạch tại các băng tần trong dải tần từ 27,5 MHz đến 10000 MHz như sau:

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
27,5-28	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG
28-29,7	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH
29,7-30,005	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
30,005-30,01	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG KHAI THÁC VŨ TRỤ (nhận dạng vệ tinh) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Khai thác Vũ trụ (nhận dạng vệ tinh) Nghiên cứu Vũ trụ
30,01-37,5	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG
37,5-38,25	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Vô tuyến thiên văn 5.149	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.149
38,25-39,5	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG
39,5-39,986	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.132A	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VTN1B
39,986-40	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.132A Nghiên cứu Vũ trụ	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VTN1B Nghiên cứu Vũ trụ
40-40,02	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Thăm dò trái đất qua vệ tinh (chủ động) 5.159A Nghiên cứu Vũ trụ	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Thăm dò trái đất qua vệ tinh (chủ động) 5.159A Nghiên cứu Vũ trụ
40,02-40,98	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Thăm dò trái đất qua vệ tinh (chủ động) 5.159A 5.150	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Thăm dò trái đất qua vệ tinh (chủ động) 5.159A 5.150
40,98-41,015	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Thăm dò trái đất qua vệ tinh (chủ động) 5.159A Nghiên cứu Vũ trụ 5.160 5.161	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Thăm dò trái đất qua vệ tinh (chủ động) 5.159A
41,015-42	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Thăm dò trái đất qua vệ tinh (chủ động) 5.159A 5.160 5.161 5.161A	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Thăm dò trái đất qua vệ tinh (chủ động) 5.159A

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
42-42,5	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Thăm dò trái đất qua vệ tinh (chủ động) 5.159A 5.161	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Thăm dò trái đất qua vệ tinh (chủ động) 5.159A
42,5-44	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Thăm dò trái đất qua vệ tinh (chủ động) 5.159A 5.160 5.161 5.161A	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Thăm dò trái đất qua vệ tinh (chủ động) 5.159A
44-47	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Thăm dò trái đất qua vệ tinh (chủ động) 5.159A 5.162 5.162A	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Thăm dò trái đất qua vệ tinh (chủ động) 5.159A
47-50	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG QUẢNG BÁ Thăm dò trái đất qua vệ tinh (chủ động) 5.159A 5.162A	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG QUẢNG BÁ Thăm dò trái đất qua vệ tinh (chủ động) 5.159A
50-54	NGHIỆP DƯ 5.162A 5.167 5.167A 5.168 5.170	NGHIỆP DƯ Cố định VTN3 5.167A
54-68	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG QUẢNG BÁ 5.162A	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG QUẢNG BÁ VTN3A
68-74,8	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.149 5.176 5.179	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.149
74,8-75,2	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.180 5.181	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.180
75,2-75,4	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.179	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG
75,4-87	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.182 5.183 5.188	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG
87-100	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG QUẢNG BÁ	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG QUẢNG BÁ VTN3A

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
100-108	QUẢNG BÁ 5.192 5.194	QUẢNG BÁ VTN3A
108-117,975	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.197 5.197A	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.197A
117,975-137	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R) DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG QUA VỆ TINH (R) 5.198A 5.198B 5.111 5.200 5.201 5.202	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R) DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG QUA VỆ TINH (R) 5.198A 5.198B 5.111 5.200 VTN5
137-137,025	KHAI THÁC VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.203C KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208A 5.208B 5.209 NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) Di động trừ Di động hàng không (R) Cố định 5.204 5.205 5.206 5.207 5.208	KHAI THÁC VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.203C KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208A 5.208B 5.209 NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) Di động trừ Di động hàng không (R) 5.208
137,025-137,175	KHAI THÁC VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.203C KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) Di động qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208A 5.208B 5.209 Di động trừ Di động hàng không (R) Cố định 5.204 5.205 5.206 5.207 5.208	KHAI THÁC VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.203C KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) Di động qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208A 5.208B 5.209 Di động trừ Di động hàng không (R) 5.208
137,175-137,825	KHAI THÁC VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.203C 5.209A KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208A 5.208B 5.209 NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất)	KHAI THÁC VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.203C 5.209A KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208A 5.208B 5.209 NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất)

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
	Cố định Di động trừ Di động hàng không (R) 5.204 5.205 5.206 5.207 5.208	Di động trừ Di động hàng không (R) 5.208
137,825-138	KHAI THÁC VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.203C KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) Di động qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208A 5.208B 5.209 Di động trừ Di động hàng không (R) Cố định 5.204 5.205 5.206 5.207 5.208	KHAI THÁC VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.203C KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) Di động qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208A 5.208B 5.209 Di động trừ Di động hàng không (R) 5.208
138-143,6	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.207 5.213	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất)
143,6-143,65	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.207 5.213	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất)
143,65-144	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.207 5.213	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất)
144-146	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH 5.216	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH
146-148	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG NGHIỆP DƯ 5.217	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Ng nghiệp dư
148-149,9	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.209 5.218 5.218A 5.219 5.221	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.209 5.218 5.218A 5.219 5.221

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
149,9-150,05	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.209 5.220	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.209 5.220
150,05-154	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.225	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG
154-156,4875	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.225A 5.226	DI ĐỘNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Cố định 5.225A 5.226 VTN1 VTN5B VTN5C VTN20
156,4875-156,5625	DI ĐỘNG HÀNG HẢI (cứu nạn và gọi qua gọi chọn số DSC) 5.111 5.226 5.227	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.111 5.226 VTN5A VTN20 VTN26
156,5625-156,7625	DI ĐỘNG CỐ ĐỊNH 5.225 5.226	DI ĐỘNG Cố định 5.226 VTN5B VTN20
156,7625-156,7875	DI ĐỘNG HÀNG HẢI Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.111 5.226 5.228	DI ĐỘNG HÀNG HẢI Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.111 5.226 5.228 VTN20
156,7875-156,8125	DI ĐỘNG HÀNG HẢI (Cứu nạn và gọi) 5.111 5.226	DI ĐỘNG HÀNG HẢI (Cứu nạn và gọi) 5.111 5.226 VTN20
156,8125-156,8375	DI ĐỘNG HÀNG HẢI Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.111 5.226 5.228	DI ĐỘNG HÀNG HẢI Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.111 5.226 5.228 VTN20
156,8375-157,1875	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.226	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.226 VTN1 VTN5B VTN20
157,1875-157,3375	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Di động hàng hải qua vệ tinh 5.208A 5.208B 5.228AB 5.228AC 5.226	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Di động hàng hải qua vệ tinh 5.208A 5.208B 5.228AB 5.228AC 5.226 VTN1 VTN5B VTN20
157,3375-161,7875	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.226	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.226 VTN1 VTN5B VTN20 VTN26

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
161,7875-161,9375	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Di động hàng hải qua vệ tinh 5.208A 5.208B 5.228AB 5.228AC 5.226	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Di động hàng hải qua vệ tinh 5.208A 5.208B 5.228AB 5.228AC 5.226 VTN1 VTN5B VNT20
161,9375-161,9625	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Di động hàng hải qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.228AA 5.226	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Di động hàng hải qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.228AA 5.226 VTN5B VTN20
161,9625-161,9875	DI ĐỘNG HÀNG HẢI Di động hàng không (OR) 5.228E Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.228F 5.226	DI ĐỘNG HÀNG HẢI Di động hàng không (OR) 5.228E Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.228F 5.226 VTN20 VTN26
161,9875-162,0125	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Di động hàng hải qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.228AA 5.226	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Di động hàng hải qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.228AA 5.226 VTN5B VTN20
162,0125-162,0375	DI ĐỘNG HÀNG HẢI Di động hàng không (OR) 5.228E Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.228F 5.226	DI ĐỘNG HÀNG HẢI Di động hàng không (OR) 5.228E Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.228F 5.226 VTN20 VTN26
162,0375-174	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.226 5.230 5.231	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.226 5.230 5.231 VTN5B VTN20
174-223	QUẢNG BÁ CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.233 5.238 5.240 5.245	QUẢNG BÁ Cố định Di động
223-230	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG QUẢNG BÁ VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG Vô tuyến định vị 5.250	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG QUẢNG BÁ VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG Vô tuyến định vị

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
230-235	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.250	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG
235-267	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.111 5.252 5.254 5.256 5.256A	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.111 5.254 5.256
267-272	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Khai thác Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.254 5.257	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Khai thác Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.254 5.257
272-273	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG KHAI THÁC VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.254	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Khai thác Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.254
273-312	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.254	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.254
312-315	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.254 5.255	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.254 5.255
315-322	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.254	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.254
322-328,6	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Vô tuyến thiên văn 5.149
328,6-335,4	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.258 5.259	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.258
335,4-387	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.254	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.254
387-390	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Di động qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208A 5.254 5.255 5.208B	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Di động qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208A 5.254 5.255 5.208B

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
390-399,9	CỔ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.254	CỔ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.254
399,9-400,05	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.209 5.220 5.260A 5.260B	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.209 5.220 5.260A 5.260B
400,05-400,15	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN QUA VỆ TINH (400,1 MHz) 5.261 5.262	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN QUA VỆ TINH (400,1 MHz) 5.261
400,15-401	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208A 5.208B, 5.209 NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.263 Khai thác Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.262 5.264	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208A 5.208B, 5.209 NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.263 Khai thác Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.264
401-402	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG KHAI THÁC VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) Cổ định Di động trừ Di động hàng không 5.264A 5.264B	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG KHAI THÁC VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) Cổ định Di động trừ Di động hàng không 5.264A 5.264B
402-403	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) Cổ định Di động trừ Di động hàng không 5.264A 5.264B	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) Cổ định Di động trừ Di động hàng không 5.264A 5.264B

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
403-406	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG Cố định Di động trừ Di động hàng không 5.265	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG Cố định Di động trừ Di động hàng không 5.265 VTN22
406-406,1	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.265 5.266 5.267	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.265 5.266 5.267 VTN22
406,1-410	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149 5.625	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Vô tuyến thiên văn 5.149 5.625 VTN22
410-420	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) 5.268	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) 5.268
420-430	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Vô tuyến định vị 5.269 5.270 5.271	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Vô tuyến định vị
430-432	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghệ nghiệp dư 5.271 5.276 5.278 5.279	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Nghệ nghiệp dư
432-438	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghệ nghiệp dư Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) 5.279A 5.271 5.276 5.278 5.279 5.281 5.282	432-435 VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Nghệ nghiệp dư Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) 5.279A 5.282

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
		435-438 VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ CỐ ĐỊNH Nghịệp dư Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) 5.279A Di động 5.282
438-440	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghịệp dư 5.271 5.276 5.278 5.279	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Nghịệp dư
440-450	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Vô tuyến định vị 5.269 5.270 5.271 5.284 5.285 5.286	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Vô tuyến định vị 5.286
450-455	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.209 5.271 5.286 5.286A 5.286B 5.286C 5.286D 5.286E	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.209 5.286 5.286A
455-456	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.209 5.271 5.286A 5.286B 5.286C 5.286E	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.209 5.286A
456-459	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.286AA 5.271 5.287 5.288	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.287
459-460	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.209 5.271 5.286A 5.286B 5.286C 5.286E	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.209 5.286A
460-470	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.286AA Khí tượng qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.287 5.288 5.289 5.290	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.286AA Khí tượng qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.287 5.288 5.289 5.290
470-585	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.296A QUẢNG BÁ 5.291 5.298	QUẢNG BÁ Cố định Di động 5.291

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
585-610	CỔ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.296A QUẢNG BÁ VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.149 5.305 5.306 5.307	QUẢNG BÁ Cổ định Di động Vô tuyến dẫn đường 5.149 5.305 5.306
610-890	CỔ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.296A 5.313A 5.314A 5.317A QUẢNG BÁ 5.149 5.305 5.306 5.307 5.320	610-694 QUẢNG BÁ DI ĐỘNG 5.296A 5.314A Cổ định 5.149 5.305 5.306 5.320 VTN27
		694-806 CỔ ĐỊNH DI ĐỘNG *5.296A 5.313A 5.317A 5.314A QUẢNG BÁ 5.149 5.306 5.320 VTN7 VTN8B
		806-824 CỔ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.317A 5.314A Quảng bá 5.149 5.306 5.320 VTN8 VTN8B
		824-890 CỔ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.317A 5.314A 5.149 5.306 5.320 VTN8 VTN8B
890-942	CỔ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.314A 5.317A QUẢNG BÁ Vô tuyến định vị 5.327	890-915 DI ĐỘNG 5.314A 5.317A Cổ định Vô tuyến định vị VTN8 VTN8B
		915-935 DI ĐỘNG 5.314A 5.317A CỔ ĐỊNH Vô tuyến định vị VTN8 VTN8B
		935-942 DI ĐỘNG 5.314A 5.317A Cổ định Vô tuyến định vị VTN8 VTN8B

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
942-960	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.314A 5.317A QUẢNG BÁ 5.320	DI ĐỘNG 5.314A 5.317A Cố định 5.320 VTN8 VTN8B
960-1164	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R) 5.327A VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.328 5.328AA	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R) 5.327A VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.328 5.238AA VTN8A
1164-1215	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.328 VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) 5.328B 5.328A	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.328 VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) 5.328B 5.328A
1215-1240	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) 5.328B 5.329 5.329A NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) 5.330 5.331 5.332	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) 5.328B 5.329 5.329A NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) 5.331 5.332
1240-1300	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) 5.328B 5.329 5.329A NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) Nghịệp dư 5.282 5.330 5.331 5.332 5.332A 5.335 5.335A	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) 5.328B 5.329 5.329A NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) Nghịệp dư 5.282 5.331 5.332 5.332A 5.335A

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
1300-1350	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.337 VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.149 5.337A	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.337 VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.149 5.337A
1350-1400	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.338A 5.149 5.334 5.339	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.338A 5.149 5.339
1400-1427	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340 5.341	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340 5.341
1427-1429	KHAI THÁC VŨ TRỤ (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.341C 5.338A 5.341	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.341C Khai thác Vũ trụ (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.338A 5.341 VTN9
1429-1452	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.431C 5.343 5.338A 5.341	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.431C 5.338A 5.341 VTN9
1452-1492	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.343 5.346A QUẢNG BÁ QUẢNG BÁ QUA VỆ TINH 5.208B 5.341 5.344 5.345	CỐ ĐỊNH QUẢNG BÁ QUẢNG BÁ QUA VỆ TINH 5.208B DI ĐỘNG 5.346A 5.341 5.345 VTN9
1492-1518	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.341C 5.341	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.341C 5.341 VTN9
1518-1525	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.348 5.348A 5.348B 5.531A DI ĐỘNG 5.341	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.348 5.348A 5.348B 5.531A Di động 5.341

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
1525-1530	KHAI THÁC VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208B 5.351A Thăm dò Trái đất qua vệ tinh Di động 5.349 5.341 5.351 5.352A 5.354	KHAI THÁC VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208B 5.351A Thăm dò Trái đất qua vệ tinh Di động 5.341 5.351 5.352A 5.354
1530-1535	KHAI THÁC VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208B 5.351A 5.353A Thăm dò Trái đất qua vệ tinh Cố định Di động 5.343 5.341 5.351 5.354	KHAI THÁC VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208B 5.351A 5.353A Thăm dò Trái đất qua vệ tinh Cố định Di động 5.341 5.351 5.354
1535-1559	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208B 5.351A 5.341 5.351 5.353A 5.354 5.355 5.356 5.357 5.357A 5.359 5.362A	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208B 5.351A 5.341 5.351 5.353A 5.354 5.356 5.357 5.357A
1559-1610	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) 5.208B 5.328B 5.329A 5.341	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) 5.208B 5.328B 5.329A 5.341
1610-1610,6	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.351A VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG Vô tuyến xác định qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.341 5.355 5.359 5.364 5.366 5.367 5.368 5.369 5.372	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.351A VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG Vô tuyến xác định qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.341 5.364 5.366 5.367 5.368 5.372

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
1610,6-1613,8	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.351A VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG Vô tuyến xác định qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.149 5.341 5.355 5.359 5.364 5.366 5.367 5.368 5.369 5.372	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.351A VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG Vô tuyến xác định qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.149 5.341 5.364 5.366 5.367 5.368 5.372
1613,8-1621,35	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.351A VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG Di động qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208B Vô tuyến xác định qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.341 5.355 5.359 5.364 5.365 5.366 5.367 5.368 5.369 5.372 5.372A	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.351A VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG Di động qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208B Vô tuyến xác định qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.341 5.364 5.365 5.366 5.367 5.368 5.369 5.372 5.372A
1621,35-1626,5	DI ĐỘNG HÀNG HẢI QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.373 5.373A VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.351A Vô tuyến xác định qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) Di động qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) trừ di động hàng hải qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208B 5.341 5.355 5.359 5.364 5.365 5.366 5.367 5.368 5.369 5.372	DI ĐỘNG HÀNG HẢI QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.373 5.373A VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.351A Vô tuyến xác định qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) Di động qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) trừ di động hàng hải qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208B 5.341 5.364 5.365 5.366 5.367 5.368 5.369 5.372
1626,5-1660	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.351A 5.341 5.351 5.353A 5.354 5.355 5.357A 5.359 5.362A 5.374 5.375 5.376	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.351A 5.341 5.351 5.353A 5.354 5.357A 5.374 5.375 5.376

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
1660-1660,5	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.351A VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149 5.341 5.351 5.354 5.362A 5.376A	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.351A VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149 5.341 5.351 5.354 5.376A
1660,5-1668	VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) Cố định Di động trừ Di động hàng không 5.149 5.341 5.379 5.379A	VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) Cố định Di động trừ Di động hàng không 5.149 5.341 5.379A
1668-1668,4	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.348C 5.379B 5.379C 5.351A VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) Cố định Di động trừ Di động hàng không 5.149 5.341 5.379 5.379A	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.348C 5.379B 5.379C 5.351A VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) Cố định Di động trừ Di động hàng không 5.149 5.341 5.379A
1668,4-1670	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.348C 5.379B 5.379C 5.351A VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149 5.341 5.379D 5.379E	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.348C 5.379B 5.379C 5.351A VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149 5.341 5.379D 5.379E
1670-1675	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG CỐ ĐỊNH KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.379B 5.351A 5.341 5.379D 5.379E 5.380A	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG CỐ ĐỊNH KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.379B 5.351A 5.341 5.379D 5.379E 5.380A

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
1675-1690	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG CỐ ĐỊNH KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.341	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG CỐ ĐỊNH KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.341
1690-1700	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.289 5.341 5.381	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.289 5.341
1700-1710	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.289 5.341 5.384	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.289 5.341
1710-1930	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.384A 5.388A 5.149 5.341 5.385 5.386 5.387 5.388	DI ĐỘNG 5.384A 5.388A Cố định VTN8 VTN9 5.149 5.341 5.385 5.388
1930-1970	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.388A 5.388	DI ĐỘNG 5.388A Cố định VTN9 5.388
1970-1980	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.388A 5.388	DI ĐỘNG 5.388A Cố định VTN9 5.388
1980-2010	DI ĐỘNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.351A CỐ ĐỊNH 5.388 5.389A 5.389B 5.389F	DI ĐỘNG Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.351A Cố định 5.388 5.389A VTN9
2010-2025	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.388A 5.388	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.388A 5.388

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
2025-2110	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.391 KHAI THÁC VŨ TRỤ (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) 5.392	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.391 Khai thác Vũ trụ (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) 5.392
2110-2120	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.388A NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (không gian xa) (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.388	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.388A Nghiên cứu Vũ trụ (không gian xa) (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) VTN9 5.388
2120-2160	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.388A 5.388	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.388A VTN9 5.388
2160-2170	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.388A 5.388	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.388A VTN9 5.388
2170-2200	DI ĐỘNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.351A CỐ ĐỊNH 5.388 5.389A 5.389B 5.389F	DI ĐỘNG Di động qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.351A Cố định 5.388 5.389A VTN9
2200-2290	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.391 KHAI THÁC VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) 5.392	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.391 VTN9 KHAI THÁC VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) 5.392

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
2290-2300	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (không gian xa) (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất)	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Nghiên cứu Vũ trụ (không gian xa) (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất)
2300-2450	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.384A VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiệp dư 5.150 5.282 5.393 5.394	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.384A Vô tuyến định vị Nghiệp dư VTN9 VTN11 5.150 5.282
2450-2483,5	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.150	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Vô tuyến định vị VTN11 5.150
2483,5-2500	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.351A VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VÔ TUYẾN XÁC ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.398 5.150 5.368 5.372A 5.401 5.402	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.351A VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VÔ TUYẾN XÁC ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.398 5.150 5.372A 5.401 5.402
2500-2520	CỐ ĐỊNH 5.410 CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.415 DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.384A 5.409A DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.351A 5.407 5.414 5.414A 5.404 5.415A	CỐ ĐỊNH 5.410 Cố định qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.415 DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.384A 5.409A Di động qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.351A 5.414 5.414A VTN9
2520-2535	CỐ ĐỊNH 5.410 CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.415 DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.384A 5.409A QUẢNG BÁ QUA VỆ TINH 5.413 5.416 5.403 5.414A 5.415A	CỐ ĐỊNH 5.410 Cố định qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.415 DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.384A 5.409A Quảng bá qua vệ tinh 5.413 5.416 VTN9 5.403

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
2535-2655	CỔ ĐỊNH 5.410 DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.384A 5.409A QUẢNG BÁ QUA VỆ TINH 5.413 5.416 5.339 5.418 5.418A 5.418B 5.418C	CỔ ĐỊNH 5.410 DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.384A 5.409A Quảng bá qua vệ tinh 5.413 5.416 5.339 5.418A 5.418B 5.418C VTN9
2655-2670	CỔ ĐỊNH 5.410 DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.384A CỔ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.415 QUẢNG BÁ QUA VỆ TINH 5.208B 5.413 5.416 Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (thụ động) Vô tuyến thiên văn Nghiên cứu Vũ trụ (thụ động) 5.149 5.420	CỔ ĐỊNH 5.410 DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.384A Cổ định qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.415 Quảng bá qua vệ tinh 5.208B 5.413 5.416 Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (thụ động) Vô tuyến thiên văn Nghiên cứu Vũ trụ (thụ động) VTN9 5.149 5.420
2670-2690	CỔ ĐỊNH 5.410 CỔ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.415 DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.384A DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.351A 5.419 Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (thụ động) Vô tuyến thiên văn Nghiên cứu Vũ trụ (thụ động) 5.149	CỔ ĐỊNH 5.410 Cổ định qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.415 DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.384A Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.351A 5.419 Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (thụ động) Vô tuyến thiên văn Nghiên cứu Vũ trụ (thụ động) VTN9 5.149
2690-2700	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340 5.422	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) VTN15 5.340
2700-2900	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.337 Vô tuyến định vị 5.423 5.424	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.337 Vô tuyến định vị 5.423

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
2900-3100	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.426 VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.424A 5.425 5.427	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.426 VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.424A 5.425 5.427
3100-3300	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) Nghiên cứu Vũ trụ (chủ động) 5.149 5.428	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) Nghiên cứu Vũ trụ (chủ động) 5.149
3300-3400	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiệp dư 5.149 5.429 5.429E 5.429F	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiệp dư 5.429 5.429F 5.149 VTN15A
3400-3500	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) CỐ ĐỊNH Nghiệp dư Di động 5.432 5.432B Vô tuyến định vị 5.433 5.282 5.432A	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) CỐ ĐỊNH Nghiệp dư DI ĐỘNG 5.432B Vô tuyến định vị 5.433 5.282 5.432A VTN16
3500-3600	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.433A Vô tuyến định vị 5.433	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.433A Vô tuyến định vị 5.433 VTN16 VTN16A
3600-3700	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Vô tuyến định vị 5.435	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) Vô tuyến định vị VTN16A
3700-4200	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG trừ Di động hàng không	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) VTN16A
4200-4400	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R) 5.436 VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.438 5.437 5.439 5.440	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R) 5.436 VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.438 5.437 5.440

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
4400-4500	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.440A	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG
4500-4800	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.441 DI ĐỘNG 5.440A	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.441 DI ĐỘNG
4800-4990	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.442 5.440A 5.441B Vô tuyến thiên văn 5.149 5.339 5.443	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.442 5.441B Vô tuyến thiên văn 5.149 5.339 VTN18
4990-5000	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không VÔ TUYẾN THIÊN VĂN Nghiên cứu Vũ trụ (thụ động) 5.149	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không VÔ TUYẾN THIÊN VĂN Nghiên cứu Vũ trụ (thụ động) 5.149
5000-5010	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG QUA VỆ TINH (R) 5.443AA VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ)	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG QUA VỆ TINH (R) 5.443AA VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ)
5010-5030	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG QUA VỆ TINH (R) 5.443AA VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) 5.328B 5.443B	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG QUA VỆ TINH (R) 5.443AA VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) 5.328B 5.443B
5030-5091	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R) 5.443C DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG QUA VỆ TINH (R) 5.443D VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.444	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R) 5.443C DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG QUA VỆ TINH (R) 5.443D VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.444 VTN21

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
5091-5150	CỔ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.444A DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG 5.444B DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG QUA VỆ TINH (R) 5.443AA VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.444	CỔ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.444A DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG 5.444B DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG QUA VỆ TINH (R) 5.443AA VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.444
5150-5250	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG CỔ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.447A DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.446A 5.446B 5.446 5.447 5.447B 5.447C 5.446C	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG CỔ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.447A DI ĐỘNG trừ Di động hàng không VTN14 5.446A 5.446B 5.446 5.447B 5.447C
5250-5255	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ 5.447D DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.446A 5.447F 5.447E 5.448 5.448A	CỔ ĐỊNH VTN13 THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ 5.447D DI ĐỘNG trừ Di động hàng không VTN14 5.446A 5.447F 5.447E 5.448A
5255-5350	DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.446A 5.447F THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) 5.447E 5.448 5.448A	CỔ ĐỊNH VTN13 DI ĐỘNG trừ Di động hàng không VTN14 5.446A 5.447F THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) 5.447E 5.448A
5350-5460	NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) 5.448C THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) 5.448B VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.449 VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.448D	NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) 5.448C THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) 5.448B VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.449 VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.448D

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
5460-5470	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.449 THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.448D 5.448B	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.449 THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.448D 5.448B
5470-5570	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG HẢI DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.446A 5.450A THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.450B 5.448B 5.450 5.451	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG HẢI DI ĐỘNG trừ Di động hàng không VTN14 5.446A 5.450A THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.450B 5.448B
5570-5650	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG HẢI DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.446A 5.450A VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.450B 5.450 5.451 5.452	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG HẢI DI ĐỘNG trừ Di động hàng không VTN14 5.446A 5.450A VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.450B 5.452
5650-5725	DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.446A 5.450A VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghệ nghiệp dư Nghiên cứu Vũ trụ (không gian xa) 5.282 5.451 5.453 5.454 5.455	CỐ ĐỊNH VTN13 DI ĐỘNG trừ Di động hàng không VTN14 5.446A 5.450A VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghệ nghiệp dư Nghiên cứu Vũ trụ (không gian xa) 5.282 5.453
5725-5830	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghệ nghiệp dư 5.150 5.453 5.455	CỐ ĐỊNH VTN13 DI ĐỘNG VTN14 VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghệ nghiệp dư 5.150 5.453
5830-5850	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghệ nghiệp dư Nghệ nghiệp dư qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.150 5.453 5.455	CỐ ĐỊNH VTN13 DI ĐỘNG VTN14 VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghệ nghiệp dư Nghệ nghiệp dư qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.150 5.453

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
5850-5925	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG Vô tuyến định vị 5.150	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG Vô tuyến định vị 5.150
5925-6700	CỐ ĐỊNH 5.457 CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.457A 5.457B DI ĐỘNG 5.457C 5.457D 5.457E 5.457F 5.149 5.440 5.458	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.457A 5.457B DI ĐỘNG 5.457D 5.457E 5.149 5.440 5.458 VTN16
6700-7075	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.441 DI ĐỘNG 5.457D 5.457E 5.457F 5.458 5.458A 5.458B	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.441 DI ĐỘNG 5.457D 5.457E 5.458 5.458A 5.458B VTN16
7075-7145	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.457E 5.457F 5.458 5.459	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.457E 5.458 VTN16
7145-7190	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (không gian xa) (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.458 5.459	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (không gian xa) (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.458
7190-7235	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.460A 5.460B CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.460 5.548 5.459	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.460A 5.460B CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.460 5.458

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
7235-7250	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.460A CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.458	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.460A CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.458
7250-7300	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG 5.461	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG 5.461
7300-7375	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.461	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.461
7375-7450	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG trừ Di động hàng không DI ĐỘNG HÀNG HẢI QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.461AA 5.461AB 5.461AC	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG trừ Di động hàng không DI ĐỘNG HÀNG HẢI QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.461AA 5.461AB 5.461AC
7450-7550	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG trừ Di động hàng không DI ĐỘNG HÀNG HẢI QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.461AA 5.461AB 5.461A 5.461AC	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG trừ Di động hàng không DI ĐỘNG HÀNG HẢI QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.461AA 5.461AB 5.461A 5.461AC
7550-7750	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG trừ Di động hàng không DI ĐỘNG HÀNG HẢI QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.461AA 5.461AB 5.461AC	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG trừ Di động hàng không DI ĐỘNG HÀNG HẢI QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.461AA 5.461AB 5.461AC

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
7750-7900	CỐ ĐỊNH KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.461B DI ĐỘNG trừ Di động hàng không	CỐ ĐỊNH KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.461B DI ĐỘNG trừ Di động hàng không
7900-8025	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG 5.461	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG 5.461
8025-8175	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG 5.463 THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ đến Trái đất) 5.462A	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG 5.463 THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.462A VTN23
8175-8215	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG 5.463 THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.462A	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG 5.463 THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.462A VTN23
8215-8400	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG 5.463 THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.462A	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG 5.463 THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.462A VTN23
8400-8500	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.465 5.466	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.465
8500-8550	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.468 5.469	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
8550-8650	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (tích cực) 5.468 5.469 5.469A	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (tích cực) 5.469A
8650-8750	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.468 5.469	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ
8750-8850	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.470 5.471	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.470
8850-9000	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG HẢI 5.472 5.473	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG HẢI 5.472
9000-9200	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.337 VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.471 5.473A	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.337 VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.473A
9200-9300	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) 5.474A 5.474B 5.474C VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG HẢI 5.472 5.473 5.474 5.474D	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) 5.474A 5.474B 5.474C VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG HẢI 5.472 5.474 5.474D
9300-9500	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.476 THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.427 5.474 5.475 5.475B 5.476A 5.475A	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.476 THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.427 5.474 5.475 5.475B 5.476A 5.475A
9500-9800	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) 5.476A	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) 5.476A

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
9800-9900	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) Nghiên cứu Vũ trụ Cố định 5.477 5.478 5.478A 5.478B	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) Nghiên cứu Vũ trụ Cố định 5.478A 5.478B
9900-10000	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) 5.474A 5.474B 5.474C VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Cố định 5.477 5.474D 5.478 5.479	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) 5.474A 5.474B 5.474C VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Cố định 5.479 5.474D

c) Quy hoạch các băng tần trong dải tần từ 10 GHz đến 3000 GHz như sau:

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
10-10,4	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) 5.474A 5.474B 5.474C CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghệ nghiệp dư 5.479 5.474D	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) 5.474A 5.474B 5.474C CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghệ nghiệp dư 5.479 5.474D
10,4-10,45	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghệ nghiệp dư	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghệ nghiệp dư
10,45-10,5	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghệ nghiệp dư Nghệ nghiệp dư qua vệ tinh 5.481	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghệ nghiệp dư Nghệ nghiệp dư qua vệ tinh
10,5-10,55	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ
10,55-10,6	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Vô tuyến định vị	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Vô tuyến định vị

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
10,6-10,68	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) Vô tuyến định vị 5.149 5.482 5.482A	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) Vô tuyến định vị 5.149 5.482 5.482A
10,68-10,7	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340 5.483	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340
10,7-10,95	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.441 DI ĐỘNG trừ Di động hàng không	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.441 5.484A VTN28
10,95-11,2	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.484A 5.484B DI ĐỘNG trừ Di động hàng không	DI ĐỘNG trừ Di động hàng không VTN16
11,2-11,45	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.441 DI ĐỘNG trừ Di động hàng không	
11,45-11,7	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.484A 5.484B DI ĐỘNG trừ Di động hàng không	
11,7-12,2	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không QUẢNG BÁ QUẢNG BÁ QUA VỆ TINH 5.487 5.487A 5.492	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không QUẢNG BÁ QUẢNG BÁ QUA VỆ TINH 5.487 5.487A 5.492

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
12,2-12,5	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.484B DI ĐỘNG trừ Di động hàng không QUẢNG BÁ 5.487 5.484A	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.484A VTN28 DI ĐỘNG trừ Di động hàng không QUẢNG BÁ 5.487
12,5-12,75	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.484A 5.484B DI ĐỘNG trừ Di động hàng không QUẢNG BÁ QUA VỆ TINH 5.493	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.484A VTN28 DI ĐỘNG trừ Di động hàng không QUẢNG BÁ QUA VỆ TINH 5.493
12,75-13,25	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.441 5.496A DI ĐỘNG Nghiên cứu Vũ trụ (không gian xa) (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất)	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.441 5.496A DI ĐỘNG Nghiên cứu Vũ trụ (không gian xa) (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) VTN16
13,25-13,4	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.497 NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) 5.498A 5.499	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.497 NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) 5.498A
13,4-13,65	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ 5.499C 5.499D Tần số chuẩn và tín hiệu thời gian qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.499 5.500 5.501 5.501B	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ 5.499C 5.499D Tần số chuẩn và tín hiệu thời gian qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.501B

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
13,65-13,75	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ 5.501A Tần số chuẩn và tín hiệu thời gian qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.499 5.500 5.501 5.501B	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ 5.501A Tần số chuẩn và tín hiệu thời gian qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.501B
13,75-14	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.484A VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh Tần số chuẩn và tín hiệu thời gian qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) Nghiên cứu Vũ trụ 5.499 5.500 5.501 5.502 5.503	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.484A VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh Tần số chuẩn và tín hiệu thời gian qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) Nghiên cứu Vũ trụ VTN16 5.502 5.503
14-14,25	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.457A 5.457B 5.484A 5.484B 5.506 5.506B VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.504 Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.504B 5.504C 5.506A Nghiên cứu Vũ trụ 5.504A 5.505	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.457A 5.484A 5.506 VTN28 VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.504 Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.504B 5.504C 5.506A Nghiên cứu Vũ trụ 5.504A 5.505
14,25-14,3	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.457A 5.457B 5.484A 5.506 5.506B 5.484B VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.504 Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.504B 5.506A 5.508A Nghiên cứu Vũ trụ 5.504A 5.505 5.508	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.457A 5.484A 5.506 VTN28 VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.504 Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.506A 5.508A Nghiên cứu Vũ trụ 5.504A VTN16

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
14,3-14,4	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.457A 5.484A 5.506 5.506B 5.484B DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.504B 5.506A 5.509A Vô tuyến dẫn đường qua vệ tinh 5.504A	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.457A 5.484A 5.506 VTN28 CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.506A 5.509A Vô tuyến dẫn đường qua vệ tinh 5.504A VTN16
14,4-14,47	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ trái đất tới vũ trụ) 5.457A 5.457B 5.484A 5.506 5.506B DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Di động qua vệ tinh (chiều từ trái đất tới vũ trụ) 5.506A 5.509A Nghiên cứu vũ trụ (chiều từ vũ trụ tới trái đất) 5.504A	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ trái đất tới vũ trụ) 5.457A 5.484A 5.506 VTN28 DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Di động qua vệ tinh (chiều từ trái đất tới vũ trụ) 5.506A 5.509A Nghiên cứu vũ trụ (chiều từ vũ trụ tới trái đất) VTN16 5.504A
14,47-14,5	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ trái đất tới vũ trụ) 5.457A 5.457B 5.484A 5.506 5.506B DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Di động qua vệ tinh (chiều từ trái đất tới vũ trụ) 5.504B 5.506A 5.509A Vô tuyến thiên văn 5.149 5.504A	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ trái đất tới vũ trụ) VTN28 5.457A 5.484A 5.506 DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Di động qua vệ tinh (chiều từ trái đất tới vũ trụ) 5.504B 5.506A 5.509A Vô tuyến thiên văn VTN16 5.149 5.504A
14,5-14,8	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.509B 5.509C 5.509D 5.509E 5.509F 5.510 DI ĐỘNG Nghiên cứu Vũ trụ 5.509G	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.509B 5.509C 5.509D 5.509E 5.509F 5.510 DI ĐỘNG Nghiên cứu Vũ trụ 5.509G

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
14,8-15,35	CỔ ĐỊNH DI ĐỘNG NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ 5.510A 5.339	CỔ ĐỊNH DI ĐỘNG NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ 5.510A 5.339
15,35-15,4	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340 5.511	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340
15,4-15,41	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.511E 5.511F VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.511E 5.511F VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG
15,41-15,43	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.511E 5.511F VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.511H	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.511E 5.511F VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG
15,43-15,63	CỔ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.511A VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.511E 5.511F VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.511C 5.511H	CỔ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.511A VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.511E 5.511F VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.511C
15,63-15,7	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.511E 5.511F VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.511H	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.511E 5.511F VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG
15,7-16,6	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.512 5.513	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ
16,6-17,1	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiên cứu Vũ trụ (không gian xa) (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.512 5.513	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiên cứu Vũ trụ (không gian xa) (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ)
17,1-17,2	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.512 5.513	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
17,2-17,3	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) 5.512 5.513 5.513A	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) 5.513A
17,3-17,7	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.516 Vô tuyến định vị 5.514	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.516 Vô tuyến định vị
17,7-18,1	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.484A 5.517A 5.517B (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.516 DI ĐỘNG	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.484A 5.517A 5.517B (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.516 VTN16 DI ĐỘNG
18,1-18,4	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.484A 5.516B 5.517A 5.517B (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.520 GIỮA CÁC VỆ TINH 5.521A DI ĐỘNG 5.519 5.521	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.484A 5.516B 5.517A 5.517B (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.520 VTN16 GIỮA CÁC VỆ TINH 5.521A DI ĐỘNG 5.519
18,4-18,6	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.484A 5.516B 5.517A 5.517B GIỮA CÁC VỆ TINH 5.521A DI ĐỘNG	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.484A 5.516B 5.517A 5.517B VTN16 GIỮA CÁC VỆ TINH 5.521A DI ĐỘNG
18,6-18,8	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.522B 5.517A DI ĐỘNG trừ Di động hàng không THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) Nghiên cứu Vũ trụ (thụ động) 5.522A	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.522B 5.517A DI ĐỘNG trừ Di động hàng không THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) Nghiên cứu Vũ trụ (thụ động) 5.522A

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
18,8-19,3	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.516B 5.517A 5.517B 5.523A GIỮA CÁC VỆ TINH 5.521A DI ĐỘNG	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.516B 5.517A 5.517B 5.523A VTN16 GIỮA CÁC VỆ TINH 5.521A DI ĐỘNG
19,3-19,7	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.517A 5.523B 5.523C 5.523D 5.523E GIỮA CÁC VỆ TINH 5.521A 5.523DA DI ĐỘNG	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.517A 5.523B 5.523C 5.523D 5.523E VTN16 GIỮA CÁC VỆ TINH 5.521A 5.523DA DI ĐỘNG
19,7-20,1	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.484A 5.484B 5.516B 5.517B 5.527A GIỮA CÁC VỆ TINH 5.521A Di động qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.524	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.484A 5.516B 5.517B 5.527A VTN16 GIỮA CÁC VỆ TINH 5.521A Di động qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.524
20,1-20,2	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.484A 5.484B 5.516B 5.517B 5.527A GIỮA CÁC VỆ TINH 5.521A DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.524 5.525 5.526 5.527 5.528	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.484A 5.516B 5.517B 5.527A VTN16 GIỮA CÁC VỆ TINH 5.521A DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.524 5.525 5.526 5.527 5.528
20,2-21,2	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) Tần số chuẩn và tín hiệu thời gian qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.524 5.529A	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) VTN16 DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) Tần số chuẩn và tín hiệu thời gian qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.529A
21,2-21,4	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động)	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động)

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
21,4-22	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG QUẢNG BÁ QUA VỆ TINH 5.208B 5.530A 5.530B 5.531	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG QUẢNG BÁ QUA VỆ TINH 5.208B 5.530A
22-22,2	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.531E 5.149	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.149
22,2-22,21	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.149	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.149
22,5-22,55	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG
22,55-23,15	CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH 5.338A DI ĐỘNG NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.532A 5.149	CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH 5.338A DI ĐỘNG NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.532A 5.149
23,15-23,55	CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH 5.338A DI ĐỘNG	CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH 5.338A DI ĐỘNG
23,55-23,6	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG
23,6-24	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340
24-24,05	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH 5.150	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH 5.150
24,05-24,25	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghệ nghiệp dư Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) 5.150	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghệ nghiệp dư Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) 5.150
24,25-24,45	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.338A 5.532AB VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.338A 5.532AB VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG VTN24

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
24,45-24,65	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.338A 5.532AB GIỮA CÁC VỆ TINH VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.533	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.338A 5.532AB GIỮA CÁC VỆ TINH VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.533 VTN24
24,65-24,75	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.532B GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG 5.338A 5.532AB 5.533	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.532B GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG 5.338A 5.532AB 5.533 VTN24
24,75-25,25	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.535 DI ĐỘNG 5.338A 5.532AB	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.338A 5.532AB CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.535 VTN24
25,25-25,5	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.338A 5.532AB GIỮA CÁC VỆ TINH 5.536 Tần số chuẩn và tín hiệu thời gian qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ)	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.338A 5.532AB GIỮA CÁC VỆ TINH 5.536 Tần số chuẩn và tín hiệu thời gian qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) VTN24
25,5-27	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.338A 5.532AB GIỮA CÁC VỆ TINH 5.536 THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.536B NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.536C Tần số chuẩn và tín hiệu thời gian qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.536A	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.338A 5.532AB GIỮA CÁC VỆ TINH 5.536 THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.536B NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) Tần số chuẩn và tín hiệu thời gian qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.536A VTN24
27-27,5	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG 5.338A 5.532AB GIỮA CÁC VỆ TINH 5.536 5.537	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG 5.338A 5.532AB GIỮA CÁC VỆ TINH 5.536 5.537 VTN24

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
27,5-28,5	CỐ ĐỊNH 5.537A CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.484A 5.516B 5.517A 5.517B 5.539 GIỮA CÁC VỆ TINH 5.521A DI ĐỘNG 5.538 5.540	CỐ ĐỊNH 5.537A CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.484A 5.516B 5.517A 5.517B 5.539 VTN16 GIỮA CÁC VỆ TINH 5.521A DI ĐỘNG 5.538 5.540
28,5-29,1	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.484A 5.516B 5.517A 5.517B 5.523A 5.539 GIỮA CÁC VỆ TINH 5.521A DI ĐỘNG Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.541 5.540	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.484A 5.516B 5.517A 5.517B 5.523A 5.539 VTN16 GIỮA CÁC VỆ TINH 5.521A DI ĐỘNG Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.541 5.540
29,1-29,5	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.516B 5.517A 5.523C 5.523E 5.535A 5.539 5.541A GIỮA CÁC VỆ TINH 5.521A DI ĐỘNG Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.541 5.540	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.516B 5.517A 5.523C 5.523E 5.535A 5.539 5.541A VTN16 GIỮA CÁC VỆ TINH 5.521A DI ĐỘNG Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.541 5.540
29,5-29,9	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.484A 5.484B 5.516B 5.517B 5.527A 5.539 GIỮA CÁC VỆ TINH 5.521A Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.541 Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.540 5.542	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.484A 5.516B 5.517B 5.527A 5.539 VTN16 GIỮA CÁC VỆ TINH 5.521A Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.541 Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.540 5.542

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
29,9-30	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.484A 5.484B 5.516B 5.517B 5.527A 5.539 GIỮA CÁC VỆ TINH 5.521A DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.541 5.543 5.525 5.526 5.527 5.538 5.540 5.542	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.484A 5.516B 5.517B 5.527A 5.539 VTN16 GIỮA CÁC VỆ TINH 5.521A DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.541 5.543 5.525 5.526 5.527 5.538 5.540 5.542
30-31	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.338A DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) Tần số chuẩn và tín hiệu thời gian qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.529A 5.542	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.338A DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) Tần số chuẩn và tín hiệu thời gian qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.529A
31-31,3	CỐ ĐỊNH 5.338A 5.543B DI ĐỘNG Tần số chuẩn và tín hiệu thời gian qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) Nghiên cứu Vũ trụ 5.544 5.545 5.149	CỐ ĐỊNH 5.338A 5.543B DI ĐỘNG Tần số chuẩn và tín hiệu thời gian qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) Nghiên cứu Vũ trụ 5.544 5.149
31,3-31,5	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340
31,5-31,8	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) Cố định Di động trừ Di động hàng không 5.149	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) Cố định Di động trừ Di động hàng không 5.149

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
31,8-32	CỔ ĐỊNH 5.547A VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (không gian xa) (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.547 5.547B 5.548	CỔ ĐỊNH 5.547A VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (không gian xa) (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.547 5.548
32-32,3	CỔ ĐỊNH 5.547A VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (không gian xa) (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.547 5.547C 5.548	CỔ ĐỊNH 5.547A VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (không gian xa) (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.547 5.548
32,3-33	CỔ ĐỊNH 5.547A GIỮA CÁC VỆ TINH VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.547 5.547D 5.548	CỔ ĐỊNH 5.547A GIỮA CÁC VỆ TINH VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.547 5.548
33-33,4	CỔ ĐỊNH 5.547A VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.547 5.547E	CỔ ĐỊNH 5.547A VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.547
33,4-34,2	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.549	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ
34,2-34,7	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (không gian xa) (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.549	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (không gian xa) (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ)
34,7-35,2	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiên cứu Vũ trụ 5.550 5.549	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiên cứu Vũ trụ
35,2-35,5	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.549	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ
35,5-36	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) 5.549 5.549A	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) 5.549A

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
36-37	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.149 5.550A	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.149 5.550A
37-37,5	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.550B NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.547	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.550B NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.547 VTN24
37,5-38	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.550C 5.550CA DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.550B NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.547	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.550C 5.550CA DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.550B NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.547 VTN24
38-39,5	CỐ ĐỊNH 5.550D CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.550C DI ĐỘNG 5.550B Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.547	CỐ ĐỊNH 5.550D CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.550C DI ĐỘNG 5.550B Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.547 VTN24
39,5-40	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.516B 5.550C DI ĐỘNG 5.550B DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.547 5.550E	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.516B 5.550C DI ĐỘNG 5.550B DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.547 5.550E VTN24

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
40-40,5	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.516B 5.550C DI ĐỘNG 5.550B DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.550E	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.516B 5.550C DI ĐỘNG 5.550B DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.550E VTN24
40,5-41	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.550C DI ĐỘNG MẶT ĐẤT 5.550B QUẢNG BÁ QUA VỆ TINH QUẢNG BÁ Di động hàng không Di động hàng hải 5.547	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.550C DI ĐỘNG MẶT ĐẤT 5.550B QUẢNG BÁ QUA VỆ TINH QUẢNG BÁ Di động hàng không Di động hàng hải 5.547 VTN24
41-42,5	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.516B 5.550C DI ĐỘNG MẶT ĐẤT 5.550B QUẢNG BÁ QUẢNG BÁ QUA VỆ TINH Di động hàng không Di động hàng hải 5.547 5.551F 5.551H 5.551I	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.516B 5.550C DI ĐỘNG MẶT ĐẤT 5.550B QUẢNG BÁ QUẢNG BÁ QUA VỆ TINH Di động hàng không Di động hàng hải 5.547 5.551H 5.551I VTN24
42,5-43,5	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.552 DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.550B VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149 5.547	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.552 DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.550B VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149 5.547 VTN24

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
43,5-47	DI ĐỘNG 5.553 5.553A DI ĐỘNG QUA VỆ TINH VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH 5.554	DI ĐỘNG 5.553 5.553A DI ĐỘNG QUA VỆ TINH VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH 5.554 VTN24
47-47,2	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH
47,2-47,5	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.552 5.550C DI ĐỘNG 5.553B 5.552A	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.552 5.550C DI ĐỘNG 5.553B 5.552A VTN24
47,5-47,9	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.552 5.550C DI ĐỘNG 5.553B	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.552 5.550C DI ĐỘNG 5.553B VTN24
47,9-48,2	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.552 5.550C DI ĐỘNG 5.553B 5.552A	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.552 5.550C DI ĐỘNG 5.553B 5.552A VTN24
48,2-50,2	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.516B 5.552 5.338A 5.550C DI ĐỘNG 5.149 5.340 5.555	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.516B 5.552 5.338A 5.550C DI ĐỘNG 5.149 5.340 5.555
50,2-50,4	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340
50,4-51,4	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.338A 5.550C DI ĐỘNG Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ)	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.338A 5.550C DI ĐỘNG Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ)

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
51,4-52,4	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.555C DI ĐỘNG 5.338A 5.547 5.556	CỐ ĐỊNH 5.338A CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.555C DI ĐỘNG 5.338A 5.547 5.556
52,4-52,6	CỐ ĐỊNH 5.338A DI ĐỘNG 5.547 5.556	CỐ ĐỊNH 5.338A DI ĐỘNG 5.547 5.556
52,6-54,25	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340 5.556	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340 5.556
54,25-55,78	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) GIỮA CÁC VỆ TINH 5.556A NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.556B	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) GIỮA CÁC VỆ TINH 5.556A NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động)
55,78-56,9	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) CỐ ĐỊNH 5.557A GIỮA CÁC VỆ TINH 5.556A DI ĐỘNG 5.558 NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.547 5.557	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) CỐ ĐỊNH 5.557A GIỮA CÁC VỆ TINH 5.556A DI ĐỘNG 5.558 NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.547
56,9-57	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH 5.558A DI ĐỘNG 5.558 NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.547 5.557	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH 5.558A DI ĐỘNG 5.558 NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.547
57-58,2	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH 5.556A DI ĐỘNG 5.558 NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.547 5.557	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH 5.556A DI ĐỘNG 5.558 NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.547

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
58,2-59	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.547 5.556	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.547 5.556
59-59,3	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH 5.556A DI ĐỘNG 5.558 VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.559 NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động)	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH 5.556A DI ĐỘNG 5.558 VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.559 NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động)
59,3-64	CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG 5.558 VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.559 5.138	CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG 5.558 VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.559 5.138
64-65	CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.547 5.556	CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.547 5.556
65-66	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không CỐ ĐỊNH 5.547	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không CỐ ĐỊNH 5.547
66-71	GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG 5.553 5.558 5.559A DI ĐỘNG QUA VỆ TINH VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH 5.554	GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG 5.553 5.558 5.559A DI ĐỘNG QUA VỆ TINH VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH 5.554 VTN24

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
71-74	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất)	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất)
74-76	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG QUẢNG BÁ QUẢNG BÁ QUA VỆ TINH Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.561	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG QUẢNG BÁ QUẢNG BÁ QUA VỆ TINH Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.561
76-77,5	VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Ng nghiệp dư Ng nghiệp dư qua vệ tinh Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.149	VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Ng nghiệp dư Ng nghiệp dư qua vệ tinh Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.149
77,5-78	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.559B Vô tuyến thiên văn Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.149	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.559B Vô tuyến thiên văn Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.149
78-79	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Ng nghiệp dư Ng nghiệp dư qua vệ tinh Vô tuyến thiên văn Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.149 5.560	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Ng nghiệp dư Ng nghiệp dư qua vệ tinh Vô tuyến thiên văn Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.149 5.560
79-81	VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Ng nghiệp dư Ng nghiệp dư qua vệ tinh Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.149	VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Ng nghiệp dư Ng nghiệp dư qua vệ tinh Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.149

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
81-84	CỐ ĐỊNH 5.338A CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.149 5.561A	CỐ ĐỊNH 5.338A CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.149 5.561A
84-86	CỐ ĐỊNH 5.338A CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.561B DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149	CỐ ĐỊNH 5.338A CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.561B DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149
86-92	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340
92-94	CỐ ĐỊNH 5.338A DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.149	CỐ ĐỊNH 5.338A DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.149
94-94,1	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) Vô tuyến thiên văn 5.562 5.562A	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) Vô tuyến thiên văn 5.562 5.562A
94,1-95	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.149	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.149

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
95-100	CÓ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.149 5.554	CÓ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.149 5.554
100-102	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340 5.341	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340 5.341
102-105	CÓ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149 5.341	CÓ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149 5.341
105-109,5	CÓ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.562B 5.149 5.341	CÓ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.562B 5.149 5.341
109,5-111,8	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340 5.341	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340 5.341
111,8-114,25	CÓ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.562B 5.149 5.341	CÓ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.562B 5.149 5.341
114,25-116	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340 5.341	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340 5.341

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
116-119,98	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) GIỮA CÁC VỆ TINH 5.562C NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.341	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) GIỮA CÁC VỆ TINH 5.562C NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.341
119,98-122,25	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) GIỮA CÁC VỆ TINH 5.562C NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.138 5.341	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) GIỮA CÁC VỆ TINH 5.562C NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.138 5.341
122,25-123	CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG 5.558 Nghệ nghiệp dư 5.138	CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG 5.558 Nghệ nghiệp dư 5.138
123-130	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH Vô tuyến thiên văn 5.562D 5.149 5.554	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH Vô tuyến thiên văn 5.149 5.554
130-134	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) 5.562E CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG 5.558 VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149 5.562A	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) 5.562E CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG 5.558 VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149 5.562A
134-136	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH Vô tuyến thiên văn	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH Vô tuyến thiên văn
136-141	VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghệ nghiệp dư Nghệ nghiệp dư qua vệ tinh 5.149	VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghệ nghiệp dư Nghệ nghiệp dư qua vệ tinh 5.149

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
141-148,5	CÓ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.149	CÓ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.149
148,5-151,5	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340
151,5-155,5	CÓ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.149	CÓ ĐỊNH DI ĐỘNG * VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.149
155,5-158,5	CÓ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149	CÓ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149
158,5-164	CÓ ĐỊNH CÓ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất)	CÓ ĐỊNH CÓ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất)
164-167	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340
167-174,5	CÓ ĐỊNH CÓ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG 5.558 5.149 5.562D	CÓ ĐỊNH CÓ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG 5.558 5.149
174,5-174,8	CÓ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG 5.558	CÓ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG 5.558

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
174,8-182	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) GIỮA CÁC VỆ TINH 5.562H NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động)	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) GIỮA CÁC VỆ TINH 5.562H NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động)
182-185	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340
185-190	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) GIỮA CÁC VỆ TINH 5.562H NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động)	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) GIỮA CÁC VỆ TINH 5.562H NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động)
190-191,8	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340
191,8-200	CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG 5.558 DI ĐỘNG QUA VỆ TINH VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH 5.149 5.341 5.554	CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG 5.558 DI ĐỘNG QUA VỆ TINH VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH 5.149 5.341 5.554
200-202	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340 5.341 5.563A	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340 5.341 5.563A
202-209	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340 5.341 5.563A	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340 5.341 5.563A

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
209-217	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149 5.341	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149 5.341
217-226	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.562B 5.149 5.341	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.562B 5.149 5.341
226-231,5	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340
231,5-232	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Vô tuyến định vị	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Vô tuyến định vị
232-235	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG Vô tuyến định vị	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG Vô tuyến định vị
235-238	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) 5.563AA CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.563A 5.563B	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) 5.563AA CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.563A 5.563B
238-239,2	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
239,2-240	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) CỔ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) CỔ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH
240-241	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ
241-242,2	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghệ nghiệp dư Nghệ nghiệp dư qua vệ tinh 5.149	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghệ nghiệp dư Nghệ nghiệp dư qua vệ tinh 5.149
242,2-244,2	VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghệ nghiệp dư Nghệ nghiệp dư qua vệ tinh 5.138 5.149	VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghệ nghiệp dư Nghệ nghiệp dư qua vệ tinh 5.138 5.149
244,2-247,2	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghệ nghiệp dư Nghệ nghiệp dư qua vệ tinh 5.138 5.149	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghệ nghiệp dư Nghệ nghiệp dư qua vệ tinh 5.138 5.149
247,2-248	VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghệ nghiệp dư Nghệ nghiệp dư qua vệ tinh 5.149	VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghệ nghiệp dư Nghệ nghiệp dư qua vệ tinh 5.149
248-250	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH Vô tuyến thiên văn 5.149	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH Vô tuyến thiên văn 5.149

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
250-252	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340 5.563A	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340 5.563A
252-265	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH. 5.149 5.554	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH 5.149 5.554
265-275	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149 5.563A	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149 5.563A
275-3000	(Chưa được phân chia) 5.565 5.564A	(Chưa được phân chia) 5.565 5.564A

2. Các chú thích của Việt Nam

VTN1 Tần số 7903 kHz được dành riêng cho chức năng gọi, cứu nạn và trực canh cấp cứu hàng hải quốc gia, tần số 7906 kHz, 8294 kHz, 13434 kHz và 161,500 MHz được dành cho thông tin an toàn, sử dụng phương thức thoại. Các tần số 6973 kHz, 9339 kHz được sử dụng để liên lạc giữa Đồn Biên phòng và tàu thuyền. Các tần số 12251 kHz/13098 kHz (tàu/bờ), 156,425 MHz để liên lạc giữa Đài canh dân sự Hải quân và tàu thuyền. Việc khai thác, sử dụng các tần số này phải tuân thủ quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. Nghiêm cấm sử dụng sai mục đích và gây nhiễu trên các tần số này.

VTN1A Các đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá và đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá được sử dụng các kênh tần số trong các băng tần 4438-4538 kHz, 5250-5350 kHz, 7100-7200 kHz, 7900-8100 kHz, 10745,5-10949,5 kHz, 13410-13510 kHz, 14350-14450 kHz theo các điều kiện sử dụng cụ thể do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định.

- VTN1B** Các đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến định vị không được gây nhiễu có hại cho và không được bảo vệ khỏi nhiễu có hại từ các đài hoạt động thuộc nghiệp vụ Cố định, Di động. Các ứng dụng của nghiệp vụ Vô tuyến định vị chỉ giới hạn cho ra-đa hải dương học hoạt động tuân theo Nghị quyết 612 (Rev.WRC-12).
- VTN3** Các hệ thống thuộc nghiệp vụ Cố định đang khai thác trong băng tần 50-54 MHz phải ngừng hoạt động để ưu tiên dành băng tần cho nghiệp vụ chính được phân chia băng tần này khi có yêu cầu của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
- VTN3A** Các đài truyền thanh không dây được ưu tiên sử dụng các kênh tần số trong băng tần 54-68 MHz tuân theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành. Các đài thuộc nghiệp vụ Cố định và Di động trong băng tần này không được gây nhiễu có hại cho và không được bảo vệ khỏi nhiễu có hại từ các đài truyền thanh không dây. Không triển khai hệ thống truyền thanh không dây trong băng tần 87-108 MHz. Các hệ thống truyền thanh không dây đã được cấp phép hoạt động trong băng tần 87-108 MHz chỉ được tiếp tục hoạt động theo quy định cụ thể của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ nhưng không quá ngày 31 tháng 12 năm 2025.
- VTN5** Băng tần 132-137 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Di động hàng không (OR) là nghiệp vụ chính. Khi ấn định tần số cho các đài thuộc nghiệp vụ Di động hàng không (OR), cơ quan quản lý chuyên ngành tần số vô tuyến điện phải chú ý đến các tần số được ấn định cho các đài thuộc nghiệp vụ Di động hàng không (R).
- VTN5A** Phân chia bổ sung: các băng tần 156,4875-156,5125 MHz và 156,5375-156,5625 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Di động mặt đất làm nghiệp vụ chính, nghiệp vụ Cố định làm nghiệp vụ phụ. Các hệ thống thuộc nghiệp vụ Cố định và Di động mặt đất trong các băng tần này không được gây nhiễu có hại cho và không được bảo vệ khỏi nhiễu có hại từ các hệ thống thông tin VHF thuộc nghiệp vụ Di động hàng hải.

- VTN5B** Các băng tần 156-156,4875 MHz, 156,5625-156,7625 MHz, 156,8375-157,4375 MHz, 160,6-160,975 MHz, 161,475-161,9625 MHz, 161,9875-162,0125 MHz, 162,0375-162,05 MHz được ưu tiên sử dụng cho hệ thống thuộc nghiệp vụ Di động hàng hải. Các hệ thống thuộc nghiệp vụ Cố định và Di động mặt đất trong các băng tần này không được gây nhiễu có hại cho và không được bảo vệ khỏi nhiễu có hại từ các hệ thống thông tin VHF thuộc nghiệp vụ Di động hàng hải sử dụng các băng tần này.
- VTN5C** Không triển khai mới hệ thống thông tin vô tuyến thuộc nghiệp vụ Cố định, Di động sử dụng băng tần 154-156 MHz. Hệ thống vô tuyến thuộc nghiệp vụ Cố định, Di động đang sử dụng băng tần này không được gây nhiễu có hại cho và không được bảo vệ khỏi nhiễu có hại từ hệ thống thông tin thuộc nghiệp vụ Vô tuyến định vị.
- VTN7** Băng tần 694-806 MHz được dành toàn bộ hoặc một phần cho các hệ thống thông tin di động IMT. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định các đoạn băng tần cụ thể được sử dụng cho hệ thống thông tin di động IMT tại quy hoạch băng tần.
- VTN8** Các băng tần 806-915 MHz; 925-960 MHz; 1710-1785 MHz và 1805-1880 MHz được dành toàn bộ hoặc một phần cho các hệ thống thông tin di động IMT. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định các đoạn băng tần cụ thể được sử dụng cho hệ thống thông tin di động IMT tại quy hoạch băng tần. Các tổ chức, cá nhân hiện đang sử dụng các hệ thống vô tuyến điện hoạt động trong các băng tần 806-824 MHz, 851-869 MHz phải xây dựng kế hoạch chuyển đổi phù hợp với lộ trình theo thông báo của Bộ Khoa học và Công nghệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
- VTN8A** Việc sử dụng băng tần 960-1164 MHz cho nghiệp vụ Di động hàng không (R) được giới hạn cho các hệ thống hoạt động tuân theo các tiêu chuẩn hàng không quốc tế. Việc sử dụng này phải tuân thủ Nghị quyết 417 (Rev.WRC-15). Khi ấn định tần số cho nghiệp vụ Di động hàng không (R), cần lưu ý phối hợp để đảm bảo không gây nhiễu có hại tới nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không đã được triển khai ở băng tần này.

- VTN8B** Các hệ thống vô tuyến dẫn đường hiện đang hoạt động trong băng tần 750-820 MHz và 870-960 MHz chỉ được tiếp tục sử dụng trên cơ sở phối hợp với các hệ thống vô tuyến điện được phân chia trong các băng tần này để hạn chế nhiễu có hại. Không triển khai mới hệ thống vô tuyến dẫn đường trong các băng tần này.
- VTN9** Các băng tần 1427-1518 MHz, 1900-2010 MHz, 2110-2200 MHz, 2300-2350 MHz và 2500-2600 MHz được dành toàn bộ hoặc một phần cho các hệ thống thông tin di động IMT. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định các đoạn băng tần cụ thể được sử dụng cho hệ thống thông tin di động IMT tại quy hoạch băng tần.
- Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện trong băng tần 2300-2350 MHz có trách nhiệm phối hợp với tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện cho các đài trái đất hoạt động trong băng tần 2200-2290 MHz để thực hiện các giải pháp kỹ thuật, tránh nhiễu có hại cho đài trái đất này.
- VTN11** Băng tần 2400-2483,5 MHz được dành cho các ứng dụng công nghiệp, khoa học, y tế (ISM), các hệ thống vi ba trái phổ và các hệ thống truy nhập vô tuyến. Các hệ thống thông tin vô tuyến khai thác trong băng tần này phải chấp nhận nhiễu có hại từ các ứng dụng ISM.
- VTN13** Nghiệp vụ Cố định trong các băng tần 5250-5255 MHz, 5255-5350 MHz và 5650-5850 MHz chỉ giới hạn để triển khai các hệ thống truy nhập vô tuyến cố định (FWA).
- VTN14** Nghiệp vụ Di động trong các băng tần 5150-5350 MHz, 5470-5725 MHz, 5725-5850 MHz, 5925-6425 MHz chỉ được sử dụng cho các hệ thống truy cập vô tuyến bao gồm các mạng nội bộ không dây (WLAN, RLAN).
- VTN15** Nghiêm cấm triển khai thêm các hệ thống có phát xạ trong băng tần 2690-2700 MHz. Các hệ thống có phát xạ hiện đang khai thác trong băng tần này phải chấm dứt hoạt động khi có yêu cầu của cơ quan quản lý tần số.
- VTN15A** Băng tần 3300-3400 MHz được dành toàn bộ hoặc một phần cho các hệ thống thông tin di động IMT và hệ thống truy cập vô tuyến băng rộng. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định các đoạn băng tần cụ thể được sử dụng cho hệ thống thông tin di động IMT và hệ thống truy cập vô tuyến băng rộng tại quy hoạch băng tần.

VTN16

Trong các băng tần dưới đây, các hệ thống thông tin vệ tinh địa tĩnh hoạt động trong nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh được ưu tiên bảo vệ khỏi nhiễu có hại từ các hệ thống thông tin vô tuyến thuộc các nghiệp vụ khác hoạt động trong cùng băng tần. Các hệ thống thông tin vô tuyến điện thuộc các nghiệp vụ khác không được gây nhiễu có hại và không được bảo vệ khỏi nhiễu có hại từ các hệ thống thông tin vệ tinh địa tĩnh hoạt động trong nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh:

3400-3560 MHz (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất),

6425-6725 MHz (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ),

10700-11700 MHz (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất),

12750-13250 MHz (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ),

13750-14000 MHz (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ),

14250-14500 MHz (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ).

Các đài trái đất hoạt động trong các băng tần 3400-3560 MHz và 10700-11700 MHz phải sử dụng các bộ lọc thu để lọc tín hiệu ngoài băng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Việc yêu cầu ưu tiên bảo vệ nhiễu khỏi có hại cho các hệ thống thông tin vệ tinh địa tĩnh hoạt động trong nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh từ các hệ thống thông tin vô tuyến thuộc các nghiệp vụ khác trong các băng tần 3400-3560 MHz và 6425-6725 MHz chỉ được áp dụng cho đến khi các vệ tinh VINASAT ngừng sử dụng tần số trong các băng tần này.

Băng tần 3400-3560 MHz được dành toàn bộ hoặc một phần cho hệ thống thông tin di động IMT sau khi vệ tinh VINASAT ngừng sử dụng băng tần này, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định các đoạn băng tần cụ thể được sử dụng cho hệ thống thông tin di động IMT tại quy hoạch băng tần.

Băng tần 6425-7125 MHz được định hướng dành toàn bộ hoặc một phần cho hệ thống thông tin di động IMT sau khi vệ tinh VINASAT ngừng sử dụng băng tần này. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu khả năng quy hoạch băng tần cụ thể cho hệ thống thông tin di động IMT trên cơ sở xem xét nhu cầu, hiện trạng sử dụng, khả năng chuyển đổi các hệ thống thông tin vô tuyến điện hoạt động trong băng tần này.

Các băng tần 17,7-21,2 GHz và 27,5-30 GHz được định hướng dành toàn bộ hoặc một phần cho hệ thống thông tin vệ tinh địa tĩnh sử dụng.

- VTN16A** Băng tần 3560-4000 MHz được dành toàn bộ hoặc một phần cho các hệ thống thông tin di động IMT. Các đài trái đất hoạt động trong mạng vệ tinh mặt đất Inmarsat đặt tại Hải Phòng (đài HPLES) và các đài trái đất phục vụ đo xa, giám sát và điều khiển vệ tinh Vinasat (đài TT&C) đã được cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện trong băng tần này được tiếp tục hoạt động và phải có kế hoạch chuyển đổi việc sử dụng tần số vô tuyến điện sang các băng tần khác. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trong quy hoạch băng tần các đoạn băng tần cụ thể được sử dụng cho hệ thống thông tin di động IMT và việc phối hợp tránh nhiễu có hại giữa hệ thống thông tin di động IMT và các đài HPLES, TT&C nêu trên.
- VTN18** Băng tần 4800-4990 MHz được dành toàn bộ hoặc một phần cho hệ thống thông tin di động IMT. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định các đoạn băng tần cụ thể được sử dụng cho hệ thống thông tin di động IMT tại quy hoạch băng tần.
- VTN19** Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, các hệ thống thuộc nghiệp vụ Di động hàng hải hoạt động trong các băng tần 4063-4438 kHz; 6200- 6525 kHz; 8195-8815 kHz; 12230-13200 kHz; 16360-17410 kHz; 18780-19800 kHz; 22000-22855 kHz; 25070-26175 kHz thực hiện việc chuyển đổi theo quy định tại Phụ lục 17 của Thẻ lệ vô tuyến điện.
- VTN20** Các hệ thống thuộc nghiệp vụ Di động hàng hải hoạt động trong các băng tần 156,00-157,45 MHz và 160,60-162,05 MHz thực hiện việc chuyển đổi theo quy định tại Phụ lục 18 của Thẻ lệ vô tuyến điện. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019, tần số 161,95 MHz (kênh 2027) và tần số 162 MHz (kênh 2028) được dành cho kênh ASM1 và kênh ASM2 tương ứng.
- VTN21** Băng tần 5030-5091 MHz được định hướng sử dụng cho hệ thống thông tin vô tuyến điều khiển máy bay không người lái theo nghiệp vụ Di động hàng không (R).
- VTN22** Không ấn định mới tần số trong băng tần 405,9-406,0 MHz và 406,1-406,2 MHz cho hệ thống thuộc nghiệp vụ Di động và Cố định. Cấm tất cả phát xạ có khả năng gây nhiễu có hại cho thiết bị thông tin vô tuyến an toàn cứu nạn sử dụng băng tần 406-406,1 MHz.

- VTN23** Đối với việc lắp đặt mới đài trái đất thu tín hiệu từ hệ thống thông tin vô tuyến thuộc nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất), cơ quan, đơn vị có thẩm quyền trong quá trình thẩm định, cấp phép vị trí đặt đài, cần lấy ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ về vị trí đặt đài, tần số thu, phát của đài Trái đất để bảo đảm an toàn cho các hệ thống vô tuyến điện hoạt động cùng băng tần.
- VTN24** Băng tần 24,25-27,5 GHz được dành toàn bộ hoặc một phần cho các hệ thống thông tin di động IMT. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định các đoạn băng tần cụ thể được sử dụng cho hệ thống thông tin di động IMT tại quy hoạch băng tần. Các băng tần 37-43,5 GHz, 45,5-47 GHz, 47,2-48,2 GHz, 66-71 GHz được định hướng sử dụng toàn bộ hoặc một phần cho các hệ thống thông tin di động IMT.
- VTN25** Băng tần 495-505 kHz được sử dụng cho hệ thống Phát tin an toàn hàng hải kỹ thuật số NAVDAT quốc tế. Ngoài ra, hệ thống NAVDAT cũng được sử dụng các băng tần 415-495 kHz, 505-526,5 kHz; và 06 băng tần HF: 4221-4231 kHz, 6332,5-6342,5 kHz, 8438-8448 kHz, 12658,5-12668,5 kHz, 16904,5-16914,5 kHz, 22445,5-22455,5 kHz. Thông số kỹ thuật của hệ thống NAVDAT phải phù hợp với Khuyến nghị ITU-R M.2010 đối với các băng tần 415-495 kHz, 495-505 kHz, 505-526,5 kHz và Khuyến nghị ITU-R M.2058 đối với 06 băng tần HF.
- Khi thiết lập các đài bờ trong hệ thống NAVDAT trên các tần số 500 kHz và 4226 kHz, các điều kiện sử dụng tần số 500 kHz và 4226 kHz được quy định tại Điều 31 và 52. Khuyến nghị các cơ quan quản lý phối hợp các đặc tính khai thác của các hệ thống NAVDAT phù hợp với các thủ tục của Tổ chức Hàng hải Quốc tế (IMO) (xem Nghị quyết 364 (WRC-23)).
- Các tần số 6337,5 kHz, 8443 kHz, 12663,5 kHz, 16909,5 kHz và 22450,5 kHz là các tần số khu vực¹ để truyền phát thông tin an toàn hàng hải (MSI) bằng hệ thống NAVDAT (xem Phụ lục 15 và 17 của Thể lệ vô tuyến điện).

¹ Tần số khu vực là các tần số được ấn định sử dụng tại cấp khu vực (regional level) thay vì toàn cầu (global), tức là chỉ áp dụng cho một khu vực địa lý nhất định trong hệ thống khu vực phân chia của ITU (Khu vực 1, 2 hoặc 3).

- VTN26** Các thiết bị hàng hải hoạt động độc lập (AMRD) được sử dụng các tần số 156,525 MHz; 161,975 MHz; 162,025 MHz cho thiết bị AMRD nhóm A (AMRD Group A) và tần số 160,9 MHz cho thiết bị AMRD nhóm B (AMRD Group B). Việc sử dụng phải phù hợp với Khuyến nghị ITU-R M.2135.
- VTN27** Băng tần 610-694 MHz sẽ được dành toàn bộ hoặc một phần cho các hệ thống thông tin di động IMT sau khi hệ thống truyền hình số mặt đất ngừng hoạt động trên băng tần này. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định các đoạn băng tần cụ thể được sử dụng cho hệ thống thông tin di động IMT tại quy hoạch băng tần. Các hệ thống vô tuyến điện đang sử dụng băng tần 610-694 MHz phải chuyển đổi sang các băng tần khác theo thông báo của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- VTN28** Các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh hoạt động trong nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) trong băng tần 10,7-12,75 GHz không được kháng nghị nhiều từ các hệ thống vệ tinh địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh và phải nhanh chóng loại bỏ nhiều có hại xuất hiện trong quá trình hoạt động.
- Các hệ thống vệ tinh địa tĩnh, phi địa tĩnh hoạt động trong nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) trong băng tần 10,7-12,75 GHz được liên lạc với các đài trái đất chuyên động (ESIM) hoạt động trong băng tần 14-14,5 GHz đặt trên tàu biển, tàu bay. Việc liên lạc này phải tuân thủ quy định tại Nghị quyết 902 (Rev. WRC-23) đối với đài đặt trên tàu biển và các khoản 5.29, 5.30 và 5.31 của Thể lệ vô tuyến điện đối với các đài đặt trên tàu bay.

3. Các chú thích của Liên minh Viễn thông quốc tế có liên quan

5.53 Các cơ quan quản lý cho phép sử dụng các tần số dưới 8,3 kHz phải đảm bảo không gây nhiễu có hại cho các nghiệp vụ được phân chia ở các băng tần trên 8,3 kHz. (WRC-12)

5.54 Các cơ quan quản lý tiến hành nghiên cứu khoa học sử dụng các tần số dưới 8,3 kHz phải thông báo cho các cơ quan quản lý khác có liên quan để đảm bảo nghiên cứu đó được bảo vệ phù hợp khỏi nhiễu có hại. (WRC-12)

5.54A Các đài hoạt động ở băng tần 8,3-11,3 kHz thuộc nghiệp vụ Trợ giúp khí tượng chỉ được phép hoạt động ở chế độ thụ động. Ở băng tần 9-11,3 kHz, các đài Trợ giúp khí tượng không được kháng nghị nhiều từ các đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường đăng ký với Cục Vô tuyến điện (The

Bureau of ITU-R) trước ngày 01 tháng 01 năm 2013. Áp dụng phiên bản mới nhất của Khuyến nghị ITU-R RS.1881 đối với việc dùng chung giữa các đài thuộc nghiệp vụ Trợ giúp khí tượng và các đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường đăng ký sau ngày nêu trên. (WRC-12)

5.54B Phân chia bổ sung: ở An-giê-ri, A-rập Xê-út, Ba-ranh, Ai Cập, A-rập thống nhất, Liên bang Nga, I-ran, I-rắc, Cô-oét, Li-băng, Ma-rốc, Ca-ta, Cộng hòa A-rập Xy-ri, Xu-đăng và Tuy-ni-di, băng tần 8,3-9 kHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường, Cố định, Di động làm nghiệp vụ chính. (WRC-15)

5.54C Phân chia bổ sung: ở Trung Quốc, băng tần 8,3-9 kHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng hải và nghiệp vụ Di động hàng hải làm nghiệp vụ chính. (WRC-12)

5.55 Phân chia bổ sung: ở Ác-mê-ni-a, Liên bang Nga, Giê-oóc-gi-a, Cư-rơ-gư-xtan, Tát-gi-ki-xtan và Tuốc-mê-ni-xtan, băng tần 14-17 kHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường làm nghiệp vụ chính. (WRC-15)

5.56 Các đài thuộc các nghiệp vụ đã được phân chia ở các băng tần 14-19,95 kHz, 20,05-70 kHz và ở Khu vực 1 là các băng tần 72-84 kHz và 86-90 kHz có thể phát tín hiệu tần số chuẩn và tín hiệu thời gian. Các đài này phải được bảo vệ khỏi nhiễu có hại. Ở Ác-mê-ni-a, A-déc-bai-gian, Bê-la-rút, Liên bang Nga, Giê-oóc-gi-a, Cư-rơ-gư-xtan, Tát-gi-ki-xtan và Tuốc-mê-ni-xtan, các tần số 25 kHz và 50 kHz sẽ được sử dụng cho mục đích này trong những điều kiện tương tự. (WRC-23)

5.57 Việc sử dụng các băng tần 14-19,95 kHz; 20,5-70 kHz và 70-90 kHz (72-84 kHz và 86-90 kHz ở Khu vực 1) cho nghiệp vụ Di động hàng hải được giới hạn cho các đài bờ thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện báo (chỉ sử dụng phương thức phát A1A và F1B). Trong trường hợp đặc biệt, các phát xạ loại J2B hoặc J7B được cho phép với điều kiện độ rộng băng tần cần thiết không vượt quá độ rộng băng tần thường được sử dụng cho các phát xạ loại A1A hoặc F1B trong băng tần tương ứng.

5.58 Phân chia bổ sung: ở Ác-mê-ni-a, A-déc-bai-gian, Liên bang Nga, Giê-oóc-gi-a, Cư-rơ-gư-xtan, Tát-gi-ki-xtan và Tuốc-mê-ni-xtan, băng tần 67-70 kHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường làm nghiệp vụ chính. (WRC-23)

5.59 Loại nghiệp vụ khác: ở Băng-la-đét và Pa-ki-xtan các băng tần 70-72 kHz và 84-86 kHz được phân chia cho các nghiệp vụ Cố định và Di động hàng hải làm nghiệp vụ chính (xem chú thích 5.33). (WRC-2000)

5.60 Trong các băng tần 70-90 kHz (70-86 kHz ở Khu vực 1) và 110-130 kHz (112-130 kHz ở Khu vực 1), các hệ thống vô tuyến dẫn đường bằng cách tạo xung có thể được khai thác với điều kiện không gây nhiễu có hại cho các nghiệp vụ khác được phân chia các băng tần này.

5.62 Các cơ quan quản lý đang khai thác các đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường trong băng tần 90-110 kHz cần phối hợp các đặc tính kỹ thuật và khai thác để tránh nhiễu có hại cho các nghiệp vụ được cung cấp bởi các đài này.

5.64 Chỉ các loại phát xạ A1A hoặc F1B, A2C, A3C, F1C hoặc F3C được phép sử dụng cho các đài thuộc nghiệp vụ Cố định trong các băng tần đã được phân chia cho nghiệp vụ này trong khoảng giữa 90 kHz và 160 kHz (148,5 kHz ở Khu vực 1) và cho các đài thuộc nghiệp vụ Di động hàng hải trong các băng tần đã được phân chia cho nghiệp vụ này trong khoảng giữa 110 kHz và 160 kHz (148,5 kHz ở Khu vực 1). Trong trường hợp đặc biệt, các loại phát xạ J2B hoặc J7B cũng được phép sử dụng ở các băng tần trong khoảng giữa 110 kHz và 160 kHz (148,5 ở Khu vực 1) cho các đài thuộc nghiệp vụ Di động hàng hải.

5.65 Loại nghiệp vụ khác: ở Băng-la-đét, băng tần 112-117,6 kHz và băng tần 126-129 kHz được phân chia cho nghiệp vụ Cố định và Di động hàng hải làm nghiệp vụ chính (xem chú thích 5.33). (WRC-2000)

5.67A Các đài thuộc nghiệp vụ Nghiệp dư sử dụng các tần số trong băng 135,7-137,8 kHz không được vượt quá mức công suất phát xạ tối đa 1 W (e.i.r.p) và không được gây nhiễu có hại cho các đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hoạt động tại các nước có danh sách tại chú thích 5.67. (WRC-07)

5.67B Việc sử dụng các băng tần 135,7-137,8 kHz ở An-giê-ri, Ai Cập, I-rắc, Li-băng, Xy-ri, Xu-đăng, Nam Xu-đăng và Tuy-ni-di được giới hạn cho các nghiệp vụ Cố định và Di động hàng hải. Nghiệp vụ Nghiệp dư không được sử dụng tại các nước trên trong băng tần 135,7-137,8 kHz, các quốc gia cho phép sử dụng nghiệp vụ này phải lưu ý vấn đề trên. (WRC-19)

5.73 Băng tần 285-325 kHz (283,5-325 kHz ở Khu vực 1) thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng hải có thể được sử dụng để truyền thông tin dẫn đường hỗ trợ sử dụng kỹ thuật băng hẹp, với điều kiện không gây nhiễu có hại cho các đài dẫn đường đang hoạt động thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường. (WRC-97)

5.76 Tần số 410 kHz được dành riêng cho vô tuyến định hướng trong nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng hải. Các nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường khác được phân chia băng tần 405-415 kHz không được gây nhiễu có hại cho vô tuyến định hướng trong băng tần 406,5-413,5 kHz.

5.77 Loại nghiệp vụ khác: ở Ô-xơ-rây-li-a, Trung Quốc, vùng lãnh thổ hải ngoại của Pháp ở Khu vực 3, Hàn Quốc, Ấn Độ, I-ran, Nhật Bản, Pa-ki-xtan, Pa-pua Niu Ghi-nê, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên và Xri Lan-Ca, băng tần 415-495 kHz được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không làm nghiệp vụ chính. Ở Ác-mê-ni-a, A-déc-bai-dan, Bê-la-rút, Liên bang Nga, Ca-dắc-xtan, Lát-vi-a, U-dơ-bê-ki-xtan và Cư-rơ-gư-xtan, băng tần 435-495 kHz được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không làm nghiệp vụ chính. Các cơ quan quản lý ở các nước nêu trên phải có những biện pháp phù hợp để đảm bảo các đài vô tuyến

dẫn đường hàng không trong băng tần 435-495 kHz không được gây nhiễu có hại cho việc thu tín hiệu của các đài bờ từ các đài tàu đang phát trên các tần số được dành riêng trên toàn cầu. (WRC-19)

5.78 Loại nghiệp vụ khác: ở Cu-ba, Hoa Kỳ và Mê-hi-cô, băng tần 415-435 kHz được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không làm nghiệp vụ chính.

5.79 Trong nghiệp vụ Di động hàng hải, các băng tần 415-495 kHz và 505-526,5 được giới hạn cho vô tuyến điện báo và cũng được sử dụng cho hệ thống NAVDAT phù hợp với phiên bản mới nhất của Khuyến nghị ITU-R M.2010, tuân theo thỏa thuận giữa nước mong muốn sử dụng và nước bị ảnh hưởng. Các đài phát NAVDAT được giới hạn sử dụng cho đài bờ. (WRC-19)

5.79A Khi thiết lập các đài bờ cung cấp dịch vụ NAVTEX trên các tần số 490 kHz, 518 kHz và 4209,5 kHz, khuyến nghị các cơ quan quản lý phối hợp các đặc tính khai thác phù hợp với các thủ tục của tổ chức Hàng hải Quốc tế (IMO) (xem Nghị quyết 339 (Rev.WRC-07)). (WRC-07)

5.80 Ở Khu vực 2, việc sử dụng băng tần 435-495 kHz cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không được giới hạn cho các pha vô tuyến vô hướng không sử dụng để truyền tín hiệu thoại.

5.80A Công suất phát xạ đẳng hướng tương đương cực đại (e.i.r.p.) của các đài phát thuộc nghiệp vụ Nghiệp dư dùng các tần số trong băng 472-479 kHz không được vượt quá 1 W. Cơ quan quản lý có thể tăng giới hạn của e.i.r.p. tới 5 W tỷ lệ với lãnh thổ khi cách xa hơn 800 km tính từ biên giới của An-giê-ri, A-rập Xê-út, A-déc-bai-dan, Ba-ranh, Bê-la-rút, Trung Quốc, Cô-mô, Gi-bu-ti, Ai Cập, A-rập Thống nhất, Liên bang Nga, I-ran (Cộng hòa Hồi giáo), I-rắc, Gióc-đa-ni, Ca-dắc-xtan, Cô-oét, Li-băng, Li-bi, Ma-rốc, Mô-ri-ta-ni, Ô-man, U-dơ-bê-ki-xtan, Ca-ta, Cộng hòa A-rập Xy-ri, Cư-rơ-gư-xtan, Xô-ma-li, Xu-đăng, Tuy-ni-di, U-crai-na và Y-ê-men. Ở băng tần này, các đài thuộc nghiệp vụ Nghiệp dư không được gây nhiễu có hại cho, hoặc kháng nghị nhiễu có hại từ các đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không. (WRC-12)

5.80B Việc sử dụng băng tần 472-479 kHz ở An-giê-ri, A-rập Xê-út, A-déc-bai-dan, Ba-ranh, Bê-la-rút, Trung Quốc, Cô-mô, Gi-bu-ti, Ai Cập, A-rập Thống nhất, Liên bang Nga, I-rắc, Gióc-đa-ni, Ca-dắc-xtan, Cô-oét, Li-băng, Li-bi, Mô-ri-ta-ni, Ô-man, U-dơ-bê-ki-xtan, Ca-ta, Cộng hòa A-rập Xy-ri, Cư-rơ-gư-xtan, Xô-ma-li, Xu-đăng, Tuy-ni-di và Y-ê-men được giới hạn cho các nghiệp vụ Di động hàng hải và Vô tuyến dẫn đường hàng không. Nghiệp vụ Nghiệp dư không được sử dụng trong băng tần này ở các quốc gia nêu trên, và các quốc gia cho phép sử dụng nghiệp vụ này phải lưu ý vấn đề trên. (WRC-12)

5.82 Trong nghiệp vụ Di động hàng hải, tần số 490 kHz được sử dụng riêng cho các đài bờ truyền dẫn cảnh báo khí tượng, dẫn đường và thông tin khẩn cấp cho các tàu bằng điện báo truyền chữ trực tiếp bằng hẹp. Các điều kiện để sử dụng tần số 490 kHz được quy định tại các Điều 31 và 52. Khi sử dụng

băng tần 415-495 kHz cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không, các cơ quan quản lý phải đảm bảo không gây nhiễu có hại tần số 490 kHz. Khi sử dụng băng tần 472-479 kHz cho nghiệp vụ Nghiệp dư, các cơ quan quản lý phải đảm bảo không gây nhiễu có hại tần số 490 kHz. (WRC-12)

5.82C Băng tần 495-505 kHz được sử dụng cho hệ thống NAVDAT quốc tế mô tả trong phiên bản mới nhất của Khuyến nghị ITU-R M.2010. Các đài phát NAVDAT được giới hạn sử dụng cho đài bờ. (WRC-19)

5.82D Khi thiết lập các đài bờ trong hệ thống NAVDAT trên các tần số 500 kHz và 4226 kHz, các điều kiện sử dụng tần số 500 kHz và 4226 kHz được quy định tại Điều 31 và 52. Khuyến nghị các cơ quan quản lý phối hợp các đặc tính khai thác của các hệ thống NAVDAT phù hợp với các thủ tục của Tổ chức Hàng hải Quốc tế (IMO) (xem Nghị quyết 364 (WRC-23)). (WRC-23)

5.84 Các điều kiện để sử dụng tần số 518 kHz bởi nghiệp vụ Di động hàng hải được quy định tại các Điều 31 và 52. (WRC-07)

5.88 Phân chia bổ sung: ở Trung Quốc, băng tần 526,5-535 kHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không làm nghiệp vụ phụ.

5.91 Phân chia bổ sung: ở Phi-líp-pin và Xri Lan-ca, băng tần 1606,5-1705 kHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Quảng bá làm nghiệp vụ phụ. (WRC-97)

5.97 Ở Khu vực 3, hệ thống Loran cũng được khai thác trên tần số 1850 kHz hoặc 1950 kHz, băng tần chiếm dụng tương ứng là 1825-1875 kHz và 1925-1975 kHz. Các nghiệp vụ khác được phân chia băng tần 1800-2000 kHz có thể sử dụng bất cứ tần số nào trong đó, với điều kiện không được gây nhiễu có hại cho hệ thống Loran đang khai thác trên tần số 1850 kHz hoặc 1950 kHz.

5.105 Ở Khu vực 2, trừ Băng đảo, các đài bờ và đài tàu sử dụng vô tuyến điện thoại trong băng tần 2065-2107 kHz chỉ được sử dụng loại phát xạ J3E với công suất đường bao đỉnh không vượt quá 1 kW. Tốt nhất là nên sử dụng các tần số sóng mang sau: 2065,0 kHz; 2079,0 kHz; 2082,5 kHz; 2086,0 kHz; 2093,0 kHz; 2096,5 kHz; 2100,0 kHz, và 2103,5 kHz. Ở Ác-hen-ti-na và U-ru-goay, các tần số sóng mang 2068,5 kHz và 2075,5 kHz cũng được sử dụng cho mục đích này, trong khi các tần số nằm trong băng tần 2072-2075,5 kHz được sử dụng theo quy định trong khoản 52.165.

5.106 Ở Khu vực 2 và 3, với điều kiện không gây nhiễu có hại cho nghiệp vụ Di động hàng hải, các tần số trong khoảng 2065 kHz và 2107 kHz có thể được sử dụng cho các đài thuộc nghiệp vụ Cố định và chỉ liên lạc trong phạm vi biên giới quốc gia với công suất trung bình không vượt quá 50 W. Về việc thông báo các tần số, Cục Vô tuyến điện phải chú ý đến các điều khoản này.

5.108 Tần số sóng mang 2182 kHz là tần số cứu nạn và gọi quốc tế cho vô tuyến điện thoại. Các điều kiện để sử dụng băng tần 2173,5-2190,5 kHz được quy định tại các Điều 31, 52. (WRC-07)

5.109 Các tần số 2187,5 kHz; 4207,5 kHz; 6312 kHz; 8414,5 kHz; 12577 kHz và 16804,5 kHz là các tần số cứu nạn quốc tế sử dụng kỹ thuật gọi chọn số. Điều kiện để sử dụng các tần số này quy định tại Điều 31.

5.110 Các tần số 2174,5 kHz, 4177,5 kHz, 6268 kHz, 8376,5 kHz, 12520 kHz và 16695 kHz được sử dụng cho hệ thống kết nối tự động (ACS), như được mô tả trong phiên bản mới nhất của Khuyến nghị ITU-R M. 541. (WRC-23)

5.111 Các tần số sóng mang 2182 kHz; 3023 kHz; 5680 kHz; 8364 kHz và các tần số 121,5 MHz; 156,525 MHz; 156,8 MHz; 243 MHz cũng có thể được sử dụng cho các hoạt động tìm kiếm cứu nạn liên quan đến các tàu vũ trụ có người điều khiển phù hợp với các thủ tục có hiệu lực đối với nghiệp vụ thông tin vô tuyến mặt đất. Các điều kiện để sử dụng tần số này quy định tại Điều 31.

Áp dụng tương tự cho các tần số 10003 kHz, 14993 kHz và 19993 kHz, nhưng trong mọi trường hợp các phát xạ phải được giới hạn trong khoảng ± 3 kHz xung quanh tần số này. (WRC-07)

5.112 Phân chia thay thế: ở Xri Lan-ca, băng tần 2194-2300 kHz được phân chia cho nghiệp vụ Cố định và Di động, trừ Di động hàng không, làm nghiệp vụ chính. (WRC-19)

5.113 Về điều kiện để sử dụng các băng tần 2300-2495 kHz (2498 kHz ở Khu vực 1), 3200-3400 kHz, 4750-4995 kHz và 5005-5060 kHz cho nghiệp vụ Quảng bá, xem các chú thích từ 5.16 đến 5.20, 5.21 và từ 23.3 đến 23.10.

5.115 Các tần số sóng mang (chuẩn) 3023 kHz và 5680 kHz cũng có thể được sử dụng bởi các đài thuộc nghiệp vụ Di động hàng hải đang phối hợp tìm kiếm và cứu nạn phù hợp với Điều 31. (WRC-07)

5.116 Yêu cầu các cơ quan quản lý cho phép sử dụng băng tần 3155-3195 kHz để cung cấp một kênh chung trên toàn cầu cho các thiết bị trợ thính sử dụng vô tuyến điện công suất thấp. Các kênh bổ sung cho các thiết bị này có thể được các cơ quan quản lý ấn định trong các băng tần giữa 3155 kHz và 3400 kHz để đáp ứng các nhu cầu cục bộ.

Cần chú ý rằng các tần số trong dải tần từ 3000 kHz đến 4000 kHz thích hợp với các thiết bị trợ thính được thiết kế để hoạt động ở cự ly ngắn trong phạm vi trường cảm ứng.

5.117 Phân chia thay thế: ở Li-bê-ri-a, Xri Lan-ca và Tô-gô, băng tần 3155-3200 kHz được phân chia cho các nghiệp vụ Cố định và Di động, trừ Di động hàng không, làm nghiệp vụ chính. (WRC-23)

5.118 Phân chia bổ sung: ở Hoa Kỳ, Mê-hi-cô và Pê-ru, băng tần 3230-3400 kHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến định vị làm nghiệp vụ phụ. (WRC-19)

5.126 Ở Khu vực 3, các đài thuộc các nghiệp vụ được phân chia băng tần 3995-4005 kHz có thể phát tần số chuẩn và tín hiệu thời gian.

5.127 Việc sử dụng băng tần 4000-4063 kHz cho nghiệp vụ Di động hàng hải được giới hạn cho các đài tàu sử dụng phương thức vô tuyến điện thoại (xem khoản 52.220 và Phụ lục 17).

5.128 Các tần số trong các băng tần 4063-4123 kHz và 4130-4438 kHz được sử dụng ngoại lệ bởi các đài thuộc nghiệp vụ Cố định chỉ liên lạc trong phạm vi biên giới quốc gia mà các đài này được lắp đặt, với công suất trung bình không vượt quá 50 W, với điều kiện không được gây nhiễu có hại cho nghiệp vụ Di động hàng hải. Ngoài ra, ở Áp-ga-ni-xtan, Ác-hen-ti-na, Ác-mê-ni-a, Bê-la-rút, Bôt-xoa-na, Buốc-ki-na Pha-xô, Cộng hòa Trung Phi, Trung Quốc, Nga, Giê-oóc-gi-a, Ấn Độ, Ca-dắc-xtan, Ma-li, Ni-giê, Pa-ki-xtan, Cu-rơ-gu-xtan, Tát-gi-ki-xtan, Sát, Tuốc-mê-ni-xtan và U-crai-na, trong các băng tần 4063-4123 kHz, 4130-4133 kHz và 4408-4438 kHz, các đài thuộc nghiệp vụ Cố định, với công suất trung bình không vượt quá 1 kW, có thể được khai thác với điều kiện chúng được đặt cách bờ biển ít nhất 600 km và không gây nhiễu có hại cho nghiệp vụ Di động hàng hải. (WRC-19)

5.130 Điều kiện để sử dụng các tần số sóng mang 4125 kHz và 6215 kHz được quy định tại các Điều 31 và 52. (WRC-07)

5.131 Tần số 4209,5 kHz được dùng riêng cho việc phát các thông tin thông báo khí tượng, dẫn đường và thông tin khẩn cấp của các đài bờ cho các đài tàu bằng kỹ thuật điện báo truyền chữ trực tiếp băng hẹp. (WRC-97)

5.132 Các tần số 4210 kHz, 6314 kHz, 8416,5 kHz, 12579 kHz, 16806,5 kHz, 19680,5 kHz, 22376 kHz và 26100,5 kHz là tần số quốc tế để truyền phát thông tin an toàn hàng hải (MSI) (xem Phụ lục 15 và 17). (WRC-23)

5.132A Các đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến định vị không được gây nhiễu có hại cho, hoặc kháng nghị nhiễu có hại từ các đài đang hoạt động thuộc nghiệp vụ Cố định hoặc Di động. Các ứng dụng của nghiệp vụ Vô tuyến định vị được giới hạn cho ra-đa hải dương học hoạt động phù hợp với Nghị quyết 612 (Rev.WRC-12). (WRC-12)

5.133 Loại nghiệp vụ khác: ở Ác-mê-ni-a, A-déc-bai-gian, Bê-la-rút, Nga, Giê-oóc-gi-a, Ca-dắc-xtan, Lát-vi-a, Lít-va, Ni-giê, U-dơ-bê-ki-xtan, Cu-rơ-gu-xtan, Tát-gi-ki-xtan, Tuốc-mê-ni-xtan và U-crai-na, băng tần 5130-5250 kHz được phân chia cho nghiệp vụ Di động, trừ Di động hàng không, làm nghiệp vụ chính (xem chú thích 5.33). (WRC-12)

5.133B Các đài thuộc nghiệp vụ Nghiệp dư sử dụng băng tần 5351,5-5366,5 kHz không được vượt quá công suất bức xạ cực đại 15 W (e.i.r.p). Tuy nhiên, ở Khu vực 2 ở Mê-xi-cô, các đài thuộc nghiệp vụ Nghiệp dư sử dụng băng tần 5351,5-5366,5 kHz không vượt quá công suất bức xạ cực đại 20 W (e.i.r.p). Ở các nước Khu vực 2 sau đây: An-ti-goa và Béc-bu-đa, Ác-hen-ti-na, Ba-ha-mát, Béc-ba-đốt, Bê-li-xê, Bô-li-vi-a, Bra-xin, Chi-lê, Cô-lôm-bi-a, Cốt-xta Ri-ca, Cu-ba, Cộng hòa Đô-mi-ni-ca-na, Đô-mi-ni-ca, En Xan-va-đo, Ê-cu-a-đo, Grê-na-đa, Goa-tê-ma-la, Gai-a-na, Ha-i-ti, Hôn-đu-rát, Gia-mai-ca, Ni-

ca-ra-goat, Pa-na-ma, Pa-ra-goay, Pê-ru, Xanh Lu-xi-a, Liên bang Xanh Kít và Nê-vit, Xanh Vin-xen và Grê-na-din, Xu-ri-nam, Tri-ni-đát và Tô-ba-gô, U-ru-goay, Vê-nê-xuê-la, cũng như lãnh thổ hải ngoại trên Khu vực 2 của Hà Lan, các đài thuộc nghiệp vụ Nghiệp dư sử dụng băng tần 5351,5-5366,5 kHz không vượt quá công suất bức xạ cực đại 25 W (e.i.r.p). (WRC-19)

5.134 Việc sử dụng các băng tần 5900-5950 kHz, 7300-7350 kHz, 9400-9500 kHz; 11600-11650 kHz; 12050-12100 kHz; 13570-13600 kHz; 13800-13870 kHz; 15600-15800 kHz; 17480-17550 kHz và 18900-19020 kHz cho nghiệp vụ Quảng bá phải tuân theo các thủ tục trong Điều 12. Khuyến nghị các cơ quan quản lý sử dụng các băng tần này để tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng các phát xạ điều chế số phù hợp với các điều khoản của Nghị quyết 517 (Phiên bản WRC-19). (WRC-19)

5.136 Phân chia bổ sung: các tần số trong băng tần 5900-5950 kHz có thể được sử dụng cho các đài chỉ liên lạc trong phạm vi biên giới quốc gia mà các đài này được lắp đặt, và thuộc các nghiệp vụ sau: ở cả ba Khu vực, cho nghiệp vụ Cố định, ở Khu vực 1, nghiệp vụ Di động mặt đất, ở Khu vực 2 và 3, nghiệp vụ Di động trừ Di động hàng không (R) với điều kiện không gây nhiễu có hại cho nghiệp vụ Quảng bá. Khi sử dụng tần số cho các nghiệp vụ này, khuyến nghị các cơ quan quản lý sử dụng công suất tối thiểu cần thiết và lưu ý đến việc sử dụng tần số theo mùa bởi nghiệp vụ Quảng bá đã được công bố phù hợp với Thể lệ vô tuyến điện. (WRC-07)

5.137 Với điều kiện không gây nhiễu có hại cho nghiệp vụ Di động hàng hải, các băng tần 6200-6213,5 kHz và 6220,5-6525 kHz có thể được sử dụng ngoại lệ cho các đài thuộc nghiệp vụ Cố định, chỉ liên lạc trong phạm vi biên giới quốc gia với công suất trung bình không vượt quá 50 W. Khi thông báo các tần số này, Cục Vô tuyến điện phải chú ý đến các điều kiện trên.

5.137A Các tần số 6337,5 kHz, 8443 kHz, 12663,5 kHz, 16909,5 kHz và 22450,5 kHz là các tần số khu vực² để truyền phát thông tin an toàn hàng hải (MSI) bằng hệ thống NAVDAT (xem Phụ lục 15 và 17). (WRC-23)

5.138 Các băng tần sau đây:

6765-6795 kHz	(tần số trung tâm 6780 kHz),
433,05-434,79 MHz	(tần số trung tâm 433,92 MHz) ở Khu vực 1 trừ các nước được nêu trong khoản 5.280
61-61,5 GHz	(tần số trung tâm 61,25 GHz),
122-123 GHz	(tần số trung tâm 122,5 GHz), và
244-246 GHz	(tần số trung tâm 245 GHz)

² Tần số khu vực là các tần số được ấn định sử dụng tại cấp khu vực (regional level) thay vì toàn cầu (global), tức là chỉ áp dụng cho một khu vực địa lý nhất định trong hệ thống khu vực phân chia của ITU (Region 1, 2 hoặc 3).

Được dành cho các ứng dụng Công nghiệp, Khoa học và Y tế (ISM). Việc sử dụng các băng tần này cho các ứng dụng ISM phải được sự cho phép đặc biệt của cơ quan quản lý liên quan, theo sự thỏa thuận với các cơ quan quản lý khác có các nghiệp vụ thông tin vô tuyến có thể bị ảnh hưởng. Khi áp dụng điều khoản này, các cơ quan quản lý cần lưu ý đến các Khuyến nghị ITU-R mới nhất có liên quan.

5.140 Phân chia bổ sung: ở Ăng-gô-la, I-rắc, Xô-ma-li-a và Tô-gô, băng tần 7000-7050 kHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Cố định làm nghiệp vụ chính. (WRC-15)

5.141 Phân chia thay thế: ở Ai Cập, Ê-ri-tơ-rê-a, Ê-ti-ô-pi-a, Ghi-nê, Li-bi, Ma-da-gát-xca và Ni-giê, băng tần 7000-7050 kHz được phân chia cho nghiệp vụ Cố định làm nghiệp vụ chính. (WRC-12)

5.141A Phân chia bổ sung: ở U-dơ-bê-ki-xtan và Cư-rơ-gư-xtan, các băng tần 7000-7100 kHz và 7100-7200 kHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Cố định và Di động mặt đất làm nghiệp vụ phụ. (WRC-03)

5.141B Phân chia bổ sung: tại An-giê-ri, A-rập Xê-út, Ô-xơ-rây-li-a, Ba-ranh, Bôt-xoa-na, Bru-nây, Trung Quốc, Cô-mô-rôt, Hàn Quốc, Đê-ê-gô Gác-xi-a, Gi-bu-ti, Ai Cập, A-rập thống nhất, Ê-ri-tơ-rê-a, Cộng hòa Ghi-nê, In-đô-nê-xi-a, I-ran, Nhật Bản, Gioóc-đa-ni, Cô-oét, Li-bi, Ma-li, Ma-rốc, Mô-ri-ta-ni, Ni-giê, Niu-Di-lân, Ô-man, Pa-pu-a Niu Ghi-nê, Ca-ta, Xy-ri, Triều Tiên, Xing-ga-po, Xu-đăng, Nam Xu-đăng, Tuy-ni-di, Việt Nam và Y-ê-men, băng tần 7100-7200 kHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Cố định và Di động, trừ Di động hàng không (R), làm nghiệp vụ chính. (WRC-19)

5.143 Phân chia bổ sung: các tần số thuộc băng tần 7300-7350 kHz có thể sử dụng cho các đài thuộc nghiệp vụ Cố định và nghiệp vụ Di động mặt đất chỉ liên lạc trong phạm vi biên giới quốc gia mà các đài này được lắp đặt, với điều kiện không gây nhiễu có hại cho nghiệp vụ Quảng bá. Khi sử dụng tần số cho các nghiệp vụ này, khuyến nghị các cơ quan quản lý sử dụng công suất tối thiểu cần thiết và lưu ý việc đến sử dụng các tần số theo mùa bởi nghiệp vụ Quảng bá đã được công bố phù hợp với Thẻ lệ vô tuyến điện. (WRC-07)

5.143A Ở Khu vực 3, các tần số thuộc băng tần 7350-7450 kHz có thể được sử dụng bởi các đài thuộc nghiệp vụ Cố định là nghiệp vụ chính và nghiệp vụ Di động mặt đất là nghiệp vụ phụ, chỉ liên lạc trong phạm vi biên giới quốc gia mà các đài này được lắp đặt, với điều kiện không gây nhiễu có hại cho nghiệp vụ Quảng bá. Khi sử dụng tần số cho các nghiệp vụ này, khuyến nghị các cơ quan quản lý sử dụng công suất tối thiểu cần thiết và lưu ý đến việc sử dụng các tần số theo mùa của nghiệp vụ Quảng bá đã được công bố theo Thẻ lệ vô tuyến điện. (WRC-12)

5.143B Ở Khu vực 1, các tần số thuộc băng tần 7350-7450 kHz có thể được sử dụng bởi các đài thuộc nghiệp vụ Cố định và nghiệp vụ Di động mặt đất, chỉ liên lạc trong phạm vi biên giới quốc gia mà các đài này được lắp đặt, với điều kiện không gây nhiễu có hại cho nghiệp vụ Quảng bá. Tổng công suất bức xạ của mỗi đài không được vượt quá 24 dBW. (WRC-12)

5.143C Phân chia bổ sung: ở An-giê-ri, A-rập Xê-út, Ba-ranh, Cô-mô-rôt, Gi-bu-ti, Ai Cập, A-rập Thống nhất, I-ran, Gioóc-đa-ni, Cô-oét, Li-bi, Ma-rốc, Mô-ri-ta-ni, Ni-giê, Ô-man, Ca-ta, Xy-ri, Xu-đăng, Nam Xu đăng, Tuy-ni-di và Y-ê-men, các băng tần 7350-7400 kHz và 7400-7450 kHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Cố định làm nghiệp vụ chính. (WRC-12)

5.143D Ở Khu vực 2, các tần số thuộc băng tần 7350-7400 kHz có thể được sử dụng cho các đài thuộc nghiệp vụ Cố định và nghiệp vụ Di động mặt đất, chỉ liên lạc trong phạm vi biên giới quốc gia mà các đài này được lắp đặt, với điều kiện không gây nhiễu có hại cho nghiệp vụ Quảng bá. Khi sử dụng tần số cho các nghiệp vụ này, khuyến nghị các cơ quan quản lý sử dụng công suất tối thiểu cần thiết và lưu ý việc đến sử dụng các tần số theo mùa của nghiệp vụ Quảng bá đã được công bố phù hợp với Thẻ lệ vô tuyến điện. (WRC-12)

5.144 Ở Khu vực 3, các đài thuộc các nghiệp vụ được phân chia ở băng tần 7995-8005 kHz có thể phát tần số chuẩn và tín hiệu thời gian.

5.145 Điều kiện để sử dụng các tần số sóng mang 8291 kHz; 12290 kHz và 16420 kHz được quy định tại các Điều 31 và 52. (WRC-07)

5.145A Các đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến định vị không được gây nhiễu có hại cho, hoặc kháng nhiễu nhiều có hại từ các đài đang hoạt động thuộc nghiệp vụ Cố định. Các ứng dụng của nghiệp vụ Vô tuyến định vị được giới hạn cho ra-đa hải dương học hoạt động phù hợp với Nghị quyết 612 (Rev.WRC-12). (WRC-12)

5.146 Phân chia bổ sung: các tần số thuộc các băng tần 9400-9500 kHz; 11600-11650 kHz; 12050-12100 kHz; 15600-15800 kHz; 17480-17550 kHz và 18900-19020 kHz có thể được sử dụng cho các đài thuộc nghiệp vụ Cố định, chỉ liên lạc trong phạm vi biên giới quốc gia mà các đài được lắp đặt, với điều kiện không gây nhiễu có hại cho nghiệp vụ Quảng bá. Khi sử dụng các tần số cho nghiệp vụ Cố định, khuyến nghị các cơ quan quản lý sử dụng công suất tối thiểu cần thiết và lưu ý việc sử dụng các tần số theo mùa cho nghiệp vụ Quảng bá đã được công bố phù hợp với Thẻ lệ vô tuyến điện. (WRC-07)

5.147 Với điều kiện không gây nhiễu có hại cho nghiệp vụ Quảng bá, các tần số trong các băng tần 9775-9900 kHz; 11650-11700 kHz và 11975-12050 kHz có thể được sử dụng cho các đài thuộc nghiệp vụ Cố định chỉ liên lạc trong phạm vi biên giới quốc gia mà các đài được lắp đặt, mỗi đài sử dụng tổng công suất bức xạ không vượt quá 24 dBW.

5.149 Khi ấn định các tần số cho các đài thuộc các nghiệp vụ khác mà các băng tần:

13360-13410 kHz,	4990-5000 MHz,	94,1-100 GHz,
25550-25670 kHz,	6650-6675,2 MHz,	102-109,5 GHz,
37,5-38,25 MHz,	10,6-10,68 GHz,	111,8-114,25 GHz,

73-74,6 MHz ở Khu vực 1 và 3,	14,47-14,5 GHz,	128,33-128,59 GHz,
150,05-153 MHz ở Khu vực 1,	22,01-22,21 GHz,	129,23-129,49 GHz,
322-328,6 MHz,	22,21-22,5 GHz,	130-134 GHz,
406,1-410 MHz,	22,81-22,86 GHz,	136-148,5 GHz,
608-614 MHz ở Khu vực 1 và 3,	23,07-23,12 GHz,	151,5-158,5 GHz,
1330-1400 MHz,	31,2-31,3 GHz,	168,59-168,93 GHz,
1610,6-1613,8 MHz,	31,5-31,8 GHz ở Khu vực 1 và 3,	171,11-171,45 GHz,
1660-1670 MHz,	36,43-36,5 GHz,	172,31-172,65 GHz,
1718,8-1722,2 MHz,	42,5-43,5 GHz,	173,52-173,85 GHz,
2655-2690 MHz,	42,77-42,87 GHz,	195,75-196,15 GHz,
3260-3267 MHz,	43,07-43,17 GHz,	209-226 GHz,
3332-3339 MHz,	43,37-43,47 GHz,	241-250 GHz,
3345,8-3352,5 MHz,	48,94-49,04 GHz,	252-275 GHz
4825-4835 MHz,	76-86 GHz,	
4950-4990 MHz,	92-94 GHz,	

được phân chia, khuyến nghị các cơ quan quản lý thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp để bảo vệ nghiệp vụ Vô tuyến thiên văn khỏi nhiễu có hại. Các phát xạ từ các đài Vũ trụ hoặc từ các đài đặt trên vật thể bay có thể là các nguồn nhiễu đặc biệt nghiêm trọng cho nghiệp vụ Vô tuyến thiên văn (xem các khoản 4.5, 4.6 và Điều 29). (WRC-07)

5.150 Các băng tần sau đây:

- 13553-13567 kHz (tần số trung tâm 13560 kHz),
- 26957-27283 kHz (tần số trung tâm 27120 kHz),
- 40,66-40,70 MHz (tần số trung tâm 40,68 MHz),
- 902-928 MHz ở Khu vực 2 (tần số trung tâm 915 MHz),
- 2400-2500 MHz (tần số trung tâm 2450 MHz),
- 5725-5875 MHz (tần số trung tâm 5800 MHz), và
- 24-24,5 GHz (tần số trung tâm 24,125 GHz)

cũng được dành cho các ứng dụng Công nghiệp, Khoa học và Y tế (ISM). Các nghiệp vụ thông tin vô tuyến khai thác trong băng tần này phải chấp nhận nhiễu có hại do các ứng dụng này có thể gây ra. Thiết bị ISM khai thác trong các băng tần này phải tuân theo các quy định trong khoản 15.13.

5.151 Phân chia bổ sung: các tần số thuộc các băng tần 13570-13600 kHz và 13800-13870 kHz có thể được sử dụng bởi các đài thuộc các nghiệp vụ Cố định và nghiệp vụ Di động trừ Di động hàng không (R) chỉ liên lạc trong phạm vi biên giới quốc gia mà các đài được lắp đặt với điều kiện không gây nhiễu có hại cho nghiệp vụ Quảng bá. Khi sử dụng các tần số trên cho các nghiệp vụ này, khuyến nghị các cơ quan quản lý sử dụng công suất tối thiểu cần thiết và lưu ý đến việc sử dụng các tần số theo mùa bởi nghiệp vụ Quảng bá đã được công bố phù hợp với Thẻ lệ vô tuyến điện. (WRC-07)

5.152 Phân chia bổ sung: ở Ác-mê-ni-a, A-déc-bai-gian, Trung Quốc, Bờ Biển Ngà, Nga, Gru-di-a, I-ran, Ca-dắc-xtan, U-dơ-bê-ki-xtan, Cư-rơ-gư-xtan, Tát-gi-ki-xtan, Tuốc-mê-ni-xtan và U-crai-na, băng tần 14250-14350 kHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Cố định làm nghiệp vụ chính. Các đài thuộc nghiệp vụ Cố định không được sử dụng công suất bức xạ vượt quá 24 dBW. (WRC-03)

5.153 Ở Khu vực 3, các đài thuộc các nghiệp vụ được phân chia băng tần 15995-16005 kHz có thể phát tần số chuẩn và tín hiệu thời gian.

5.154 Phân chia bổ sung: ở Ác-mê-ni-a, A-déc-bai-gian, Nga, Gru-di-a, Ca-dắc-xtan, Cư-rơ-gư-xtan, Tát-gi-ki-xtan, Tuốc-mê-ni-xtan và U-crai-na, băng tần 18068-18168 kHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Cố định làm nghiệp vụ chính để sử dụng trong phạm vi biên giới của các nước này, với công suất đường bao đỉnh không được vượt quá 1 kW. (WRC-03)

5.155 Phân chia bổ sung: ở Ác-mê-ni-a, A-déc-bai-gian, Bê-la-rút, Liên bang Nga, Giê-oóc-gi-a, Môn-đô-va, U-dơ-bê-ki-xtan, Cư-rơ-gư-xtan, Xlô-va-ki-a, Tát-gi-ki-xtan, Tuốc-mê-ni-xtan và U-crai-na, băng tần 21850-21870 kHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Di động hàng không (R) làm nghiệp vụ chính. (WRC-23)

5.155A Ở Ác-mê-ni-a, A-déc-bai-gian, Bê-la-rút, Liên bang Nga, Giê-oóc-gi-a, Môn-đô-va, U-dơ-bê-ki-xtan, Cư-rơ-gư-xtan, Xlô-va-ki-a, Tát-gi-ki-xtan, Tuốc-mê-ni-xtan và U-crai-na, việc sử dụng băng tần 21 850-21 870 kHz cho nghiệp vụ Cố định bị giới hạn bởi điều khoản của các nghiệp vụ liên quan đến an toàn bay. (WRC-23)

5.155B Băng tần 21870-21924 kHz được sử dụng cho nghiệp vụ Cố định để cung cấp các dịch vụ liên quan đến an toàn chuyến bay.

5.156 Phân chia bổ sung: ở Ni-giê-ri-a, băng tần 22720-23200 kHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Trợ giúp khí tượng (vô tuyến viễn thám) làm nghiệp vụ chính.

5.156A Việc sử dụng băng tần 23200-23350 kHz cho nghiệp vụ Cố định được giới hạn cho cung cấp các dịch vụ liên quan đến an toàn chuyến bay.

5.157 Việc sử dụng băng tần 23350-24000 kHz bởi nghiệp vụ Di động hàng hải được giới hạn cho vô tuyến điện báo giữa các đài tàu.

5.159A Việc sử dụng băng tần 40-50 MHz của nghiệp vụ Thăm dò trái đất qua vệ tinh (chủ động) phải phù hợp với các hạn chế về khu vực địa lý và các điều kiện hoạt động và điều kiện kỹ thuật được xác định trong Nghị quyết 677 (WRC-23). Các quy định của Chú thích này không làm giảm bớt trách nhiệm của nghiệp vụ Thăm dò trái đất qua vệ tinh (chủ động) khi hoạt động như một nghiệp vụ phụ theo các khoản 5.29 và 5.30. (WRC-23)

5.160 Phân chia bổ sung: ở Bốt-xoa-na, Bu-run-đi, Cộng hòa dân chủ Công-gô và Ru-an-đa, băng tần 41-44 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không làm nghiệp vụ chính. (WRC-12)

5.161 Phân chia bổ sung: ở I-ran và Nhật Bản, băng tần 41-44 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến định vị làm nghiệp vụ phụ.

5.161A Phân chia bổ sung: tại Hàn Quốc, Hoa Kỳ và Mê-xi-cô, băng tần 41,015-41,665 MHz và 43,35-44 MHz được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến định vị làm nghiệp vụ chính. Các đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến định vị không được gây nhiễu có hại cho, hoặc kháng nghị nhiễu có hại từ các đài đang hoạt động thuộc nghiệp vụ Cố định hoặc Di động. Các ứng dụng của nghiệp vụ Vô tuyến định vị được giới hạn cho ra-đa hải dương học hoạt động phù hợp với Nghị quyết 612 (WRC-12 sửa đổi). (WRC-19)

5.162 Phân chia bổ sung: ở Ô-xtrây-li-a, băng tần 44-47 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Quảng bá làm nghiệp vụ chính. (WRC-12)

5.162A Phân chia bổ sung: ở Đức, Ô-xtrây-li-a, Áo, Bỉ, Bô-xni-a Héc-dê-gô-vi-na, Trung Quốc, Va-ti-căng, Hàn Quốc, Đan Mạch, Tây Ban Nha, E-xtô-ni-a, Liên bang Nga, Phần Lan, Pháp, In-đô-nê-xi-a, Ai-len, Ai-xơ-len, Ý, Nhật Bản, Lát-vi-a, Lít-ten-xơ-tên, Lít-va, Lúc-xăm-bua, Bắc Mác-xê-đô-ni-a, Mô-na-cô, Mông-tê-nê-grô, Na Uy, Hà Lan, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Triều Tiên, Cộng hòa Séc, Vương quốc Anh, Séc-bi-a, Xlô-ven-ni-a, Thụy Điển và Thụy Sĩ, băng tần 46-68 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến định vị làm nghiệp vụ phụ. Việc sử dụng này được giới hạn cho hoạt động của các ra-đa theo dõi gió phù hợp với Nghị quyết 217 (WRC-23 sửa đổi). (WRC-23)

5.167 Phân chia thay thế: ở Băng-la-đét, Bru-nây Đa-rút-xa-lem, Ấn Độ, I-ran, Pa-ki-xtan và Xing-ga-po, băng tần 50-54 MHz được phân chia cho nghiệp vụ Cố định, Di động và Quảng bá làm nghiệp vụ chính. (WRC-15)

5.167A Phân chia bổ sung: ở In-đô-nê-xi-a và Thái Lan, băng tần số 50-54 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Cố định, Di động và Quảng bá làm nghiệp vụ chính. (WRC-15)

5.168 Phân chia bổ sung: ở Ô-xtrây-li-a, Trung Quốc và CHDCND Triều Tiên, băng tần 50-54 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Quảng bá làm nghiệp vụ chính.

5.170 Phân chia bổ sung: ở Niu-Di-lân, băng tần số 51-54 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Cố định và Di động làm nghiệp vụ chính. (WRC-15)

5.176 Phân chia bổ sung: ở Ô-xơ-rây-li-a, Trung Quốc, Hàn Quốc, Phi-líp-pin, CHDCND Triều Tiên và Xa-moa, băng tần 68-74 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Quảng bá làm nghiệp vụ chính. (WRC-07)

5.179 Phân chia bổ sung: ở Ác-mê-ni-a, A-déc-bai-gian, Bê-la-rút, Trung Quốc, Nga, Giê-oóc-gi-a, Ca-dắc-xtan, Lít-va, Mông Cổ, Cư-rơ-gu-xtan, Tát-gi-ki-xtan, Tuốc-mê-ni-xtan và U-crai-na, các băng tần 74,6-74,8 MHz và 75,2-75,4 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không làm nghiệp vụ chính, chỉ áp dụng đối với các máy phát ở trên mặt đất. (WRC-12)

5.180 Tần số 75 MHz được ấn định cho các pha vô tuyến đánh dấu. Các cơ quan quản lý phải hạn chế ấn định các tần số ở gần các giới hạn của băng tần bảo vệ với các đài thuộc các nghiệp vụ khác do công suất hay vị trí địa lý của các đài này có thể gây nhiễu có hại hoặc hạn chế các pha vô tuyến đánh dấu.

Cần thực hiện mọi cố gắng để cải thiện hơn nữa các đặc tính của các máy thu đặt trên không và hạn chế công suất của các đài phát ở gần các tần số giới hạn 74,8 MHz và 75,2 MHz.

5.181 Phân chia bổ sung: ở Ai Cập, I-xra-en và Xy-ri, băng tần 74,8-75,2 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Di động làm nghiệp vụ phụ, tùy thuộc vào thỏa thuận đạt được theo khoản 9.21. Để đảm bảo rằng các đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không không bị nhiễu có hại thì các đài thuộc nghiệp vụ Di động không được hoạt động trong băng tần này cho đến khi có bất kỳ một cơ quan quản lý nào được xác định theo khoản 9.21 cho rằng việc dành băng tần này cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không là không còn cần thiết. (WRC-03)

5.182 Phân chia bổ sung: ở Tây Xa-moa, băng tần 75,4-87 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Quảng bá làm nghiệp vụ chính.

5.183 Phân chia bổ sung: ở Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Phi-líp-pin và CHDCND Triều Tiên, băng tần 76-87 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Quảng bá làm nghiệp vụ chính.

5.188 Phân chia bổ sung: ở Ô-xơ-rây-li-a, băng tần 85-87 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Quảng bá làm nghiệp vụ chính. Việc triển khai nghiệp vụ Quảng bá ở Ô-xơ-rây-li-a tùy thuộc vào thỏa thuận đặc biệt giữa các cơ quan quản lý liên quan.

5.192 Phân chia bổ sung: ở Trung Quốc và Hàn Quốc, băng tần 100-108 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Cố định và Di động làm nghiệp vụ chính. (WRC-97)

5.194 Phân chia bổ sung: ở Cư-rơ-gu-xtan, Xô-ma-li-a và Tuốc-mê-ni-xtan, băng tần 104-108 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Di động, trừ Di động hàng không (R), làm nghiệp vụ phụ. (WRC-19)

5.197 Phân chia bổ sung: ở Xy-ri, băng tần 108-111,975 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Di động làm nghiệp vụ phụ, tùy thuộc vào thỏa thuận đạt được theo khoản 9.21. Để đảm bảo rằng các đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến

dẫn đường hàng không không bị nhiễu có hại thì các đài thuộc nghiệp vụ Di động không được hoạt động trong băng tần này cho đến khi có bất kỳ một cơ quan quản lý được xác định theo khoản 9.21 cho rằng việc dành băng tần này cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không là không còn cần thiết. (WRC-12)

5.197A Phân chia bổ sung: băng tần 108- 117,975 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Di động hàng không (R) làm nghiệp vụ chính, giới hạn cho các hệ thống hoạt động phù hợp với các tiêu chuẩn hàng không quốc tế đã được công nhận. Việc sử dụng như vậy phải tuân theo Nghị quyết 413 (WRC-23 sửa đổi). Việc sử dụng băng tần 108-112 MHz cho nghiệp vụ Di động hàng không (R) phải được giới hạn cho các hệ thống bao gồm các máy phát trên mặt đất và các máy thu kết hợp cung cấp thông tin dẫn đường hỗ trợ các chức năng dẫn đường hàng không phù hợp với các tiêu chuẩn hàng không quốc tế đã được công nhận. (WRC-23)

5.198A Việc sử dụng băng tần 117,975-137 MHz cho nghiệp vụ Di động hàng không qua vệ tinh (R) phải tuân thủ sự phối hợp theo khoản 9.11A. Không áp dụng khoản 9.16. Việc sử dụng như vậy sẽ được giới hạn ở các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh được hoạt động theo các tiêu chuẩn hàng không quốc tế. Áp dụng Nghị quyết 406 (WRC-23). (WRC-23)

5.198B Việc sử dụng băng tần 117,975-137 MHz cho nghiệp vụ Di động hàng không (R) được ưu tiên hơn so với việc sử dụng cho nghiệp vụ Di động hàng không qua vệ tinh (R). (WRC-23)

5.200 Trong băng tần 117,975-137 MHz, tần số 121,5 MHz là tần số khẩn cấp hàng không và khi cần thiết, tần số 123,1 MHz là tần số hàng không phụ trợ cho tần số 121,5 MHz. Các đài di động của nghiệp vụ Di động hàng hải có thể liên lạc với các đài thuộc nghiệp vụ Di động hàng không và các đài thuộc nghiệp vụ Di động hàng không qua vệ tinh trên các tần số này theo các điều kiện quy định tại Điều 31 cho các mục đích an toàn và cứu nạn. (WRC-23)

5.201 Phân chia bổ sung: ở A-rập Xê-út, Ác-mê-ni-a, A-déc-bai-gian, Ba-ranh, Ai Cập, E-xtô-ni-a, Liên bang Nga, Giê-oóc-gi-a, Hung-ga-ri, I-iran, I-rắc, Nhật Bản, Ca-dắc-xtan, Ma-li, Mông Cổ, Mô-dăm-bích, U-dơ-bê-ki-xtan, Pa-pua Niu Ghi-nê, Ba Lan, Ca-ta, Cư-rơ-gư-xtan, Ru-ma-ni, Xê-nê-gan, Xô-ma-li, Tát-gi-ki-xtan và Tuốc-mê-ni-xtan, băng tần 132-136 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Di động hàng không (OR) làm nghiệp vụ chính. Khi ấn định tần số cho các đài thuộc nghiệp vụ Di động hàng không (OR), cơ quan quản lý phải chú ý đến tần số được ấn định cho các đài thuộc nghiệp vụ Di động hàng không (R). (WRC-23)

5.202 Phân chia bổ sung: ở A-rập Xê-út, Ác-mê-ni-a, A-déc-bai-gian, Ba-ranh, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, Liên bang Nga, Giê-oóc-gi-a, I-iran, Gioóc-đa-ni, Ma-li, Ô-man, U-dơ-bê-ki-xtan, Ba Lan, Cộng hòa Ả Rập Syria, Cư-rơ-gư-xtan, Ru-ma-ni, Xê-nê-gan, Tát-gi-ki-xtan và Tuốc-mê-ni-xtan, băng tần 136-137 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Di động hàng

không (OR) làm nghiệp vụ chính. Khi ấn định tần số cho các đài thuộc nghiệp vụ Di động hàng không (OR), cơ quan quản lý phải chú ý đến tần số được ấn định cho các đài thuộc nghiệp vụ Di động hàng không (R). (WRC-23)

5.203C Việc sử dụng nghiệp vụ Khai thác vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) cho các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh hoạt động trong thời gian ngắn trong băng tần 137-138 MHz tuân theo Nghị quyết 660 (WRC-19). Nghị quyết 32 (WRC-19) được áp dụng. Các hệ thống này không được gây nhiễu có hại, hoặc yêu cầu bảo vệ nhiễu khỏi các nghiệp vụ hiện có được phân chia làm nghiệp vụ chính. (WRC-19)

5.204 Loại nghiệp vụ khác: tại Áp-ga-ni-xtan, A-rập Xê-út, Ba-ranh, Băng-la-đét, Bru-nây, Trung Quốc, Cu-ba, A-rập Thống nhất, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, I-ran, I-rắc, Cô-oét, Môn-tê-nê-grô, Ô-man, Pa-ki-xtan, Phi-líp-pin, Ca-ta, Xing-ga-po, Thái Lan và Y-ê-men băng tần 137-138 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Cố định và Di động, trừ Di động hàng không (R), làm nghiệp vụ chính (xem chú thích 5.33). (WRC-19)

5.205 Loại nghiệp vụ khác: ở I-xra-en, và Gioóc-đa-ni, băng tần 137-138 MHz được phân chia cho nghiệp vụ Cố định và Di động, trừ Di động hàng không, làm nghiệp vụ chính (xem chú thích 5.33).

5.206 Loại nghiệp vụ khác: ở Ác-mê-ni-a, A-déc-bai-gian, Bê-la-rút, Bun-ga-ri, Ai Cập, Nga, Phần Lan, Pháp, Gru-di-a, Hy Lạp, Ca-dắc-xtan, Li-băng, Môn-đô-va, Mông Cổ, U-dơ-bê-ki-xtan, Ba Lan, Cư-rơ-gư-xtan, Xy-ri, Xlô-va-ki-a, Cộng hòa Séc, Ru-ma-ni, Tát-gi-ki-xtan, Tuốc-mê-ni-xtan và U-crai-na, băng tần 137-138 MHz được phân chia cho nghiệp vụ Di động hàng không (OR) làm nghiệp vụ chính (xem chú thích 5.33). (WRC-2000)

5.207 Phân chia bổ sung: ở Ô-xtrây-li-a, băng tần 137-144 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Quảng bá làm nghiệp vụ chính cho đến khi nghiệp vụ này có thể được điều chỉnh trong phạm vi phân chia quảng bá của khu vực.

5.208 Việc sử dụng băng tần 137-138 MHz cho nghiệp vụ Di động qua vệ tinh phải thực hiện phối hợp theo khoản 9.11A. (WRC-97)

5.208A Khi thực hiện các ấn định cho các đài vũ trụ thuộc nghiệp vụ Di động qua vệ tinh trong các băng tần 137-138 MHz, 387-390 MHz và 400,15-401 MHz và trong nghiệp vụ Di động hàng hải qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) trong các băng tần 157,1875-157,3375 MHz và 161,7875-161,9375 MHz, các cơ quan quản lý phải thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp để bảo vệ nghiệp vụ Vô tuyến thiên văn trong các băng tần 150,05-153 MHz, 322-328,6 MHz, 406,1-410 MHz và 608-614 MHz khỏi bị nhiễu có hại từ các phát xạ không mong muốn như được nêu trong phiên bản mới nhất của Khuyến nghị ITU-R RA.769. (WRC-19)

5.208B Trong các băng tần:

137-138 MHz,

157,1875-157,3375 MHz,

161,7875-161,9375 MHz

387-390 MHz,

400,15-401 MHz,

1452-1492 MHz,

1525-1610 MHz,

1613,8-1626,5 MHz,

2655-2690 MHz,

21,4 -22 GHz,

Nghị quyết 739 (WRC-19 sửa đổi) được áp dụng. (WRC-19)

5.209 Việc sử dụng các băng tần 137-138 MHz; 148-150,05 MHz; 399,9-400,05 MHz; 400,15-401 MHz; 454-456 MHz và 459-460 MHz cho nghiệp vụ Di động qua vệ tinh được giới hạn cho các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh. (WRC-97)

5.209A Việc sử dụng băng tần 137,175-137,825 MHz cho các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh ngắn hạn theo Phụ lục 4 không phải tuân thủ khoản 9.11A. (WRC-19)

5.213 Phân chia bổ sung: ở Trung Quốc, băng tần 138-144 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến định vị làm nghiệp vụ chính.

5.216 Phân chia bổ sung: ở Trung Quốc, băng tần 144-146 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Di động hàng không (OR) làm nghiệp vụ phụ.

5.217 Phân chia thay thế: ở Áp-ga-ni-xtan, Băng-la-đét, Cu-ba, Guy-a-na và Ấn Độ, băng tần 146-148 MHz được phân chia cho nghiệp vụ Cố định và Di động làm nghiệp vụ chính.

5.218 Phân chia bổ sung: băng tần 148-149,9 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Khai thác Vũ trụ (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) tùy thuộc vào thỏa thuận đạt được theo khoản 9.21. Độ rộng băng tần của một hệ thống truyền dẫn không được vượt quá ± 25 kHz.

5.218A Băng tần 148-149,9 MHz thuộc nghiệp vụ Khai thác vũ trụ (chiều từ Trái đất tới vũ trụ) có thể được sử dụng bởi các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh ngắn hạn. Các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh ngắn hạn trong nghiệp vụ Khai thác vũ trụ hoạt động theo Nghị quyết 32 (WRC-19) của Thể lệ vô tuyến điện không phải tuân thủ thỏa thuận theo khoản 9.21. Ở giai đoạn phối hợp, các quy định của khoản 9.17 và 9.18 cũng được áp dụng. Trong băng tần 148-149,9 MHz, các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh ngắn hạn không được gây nhiễu có hại hoặc yêu cầu bảo vệ nhiễu từ các nghiệp vụ chính hiện có trong băng tần này hoặc áp dụng các ràng buộc bổ sung đối với các nghiệp vụ Khai thác vũ trụ và Di động qua vệ tinh. Ngoài ra, các đài trái đất của hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh ngắn hạn trong nghiệp vụ Khai thác vệ tinh trong băng tần 148-149,9 MHz phải

đảm bảo mật độ thông lượng công suất không vượt quá -149 dB (W/(m² . 4kHz)) trong hơn 1% thời gian tại biên giới lãnh thổ của các quốc gia sau: Ác-mê-ni-a, A-déc-bai-gian, Bê-la-rút, Trung Quốc, Hàn Quốc, Cu-ba, Nga, Ấn Độ, I-ran, Nhật Bản, Ca-dắc-xtan, Ma-lai-xi-a, U-dơ-bê-kít-xtan, Cư-rơ-gư-xtan, Thái Lan và Việt Nam. Trong trường hợp vượt quá giới hạn mật độ thông lượng công suất này, cần phải có thỏa thuận theo khoản 9.21 từ các quốc gia được đề cập trong chú thích này. (WRC-19)

5.219 Việc sử dụng băng tần 148-149,9 MHz cho nghiệp vụ Di động qua vệ tinh phải thực hiện phối hợp theo khoản 9.11A. Nghiệp vụ Di động qua vệ tinh không được hạn chế sự hoạt động và phát triển của các nghiệp vụ Cố định, Di động và Khai thác vũ trụ trong băng tần 148-149,9 MHz. Việc sử dụng băng tần 148-149,9 MHz cho hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh ngăn hạn trong nghiệp vụ Khai thác vũ trụ không phải tuân thủ khoản 9.11A. (WRC-19)

5.220 Việc sử dụng băng tần 149,9-150,05 MHz và 399,9-400,05 MHz cho nghiệp vụ Di động qua vệ tinh phải thực hiện phối hợp theo khoản 9.11A. (WRC-15)

5.221 Các đài thuộc nghiệp vụ Di động qua vệ tinh trong băng tần 148-149,9 MHz không được gây nhiễu có hại hoặc yêu cầu bảo vệ nhiễu từ các đài thuộc các nghiệp vụ Cố định hoặc Di động đang hoạt động phù hợp với Bảng phân chia tần số ở các quốc gia sau: An-ba-ni, An-giê-ri, Đức, A-rập Xê-út, Úc, Áo, Ba-ranh, Băng-la-đét, Béc-ba-đốt, Bê-la-rút, Bỉ, Bê-nanh, Bô-xni-a Héc-dê-gô-vi-na, Bôt-xoa-na, Bru-nây, Bun-ga-ri, Ca-mơ-run, Trung Quốc, Síp, Công-gô, Hàn Quốc, Bờ Biển Ngà, Crô-a-ti-a, Cu-ba, Đan Mạch, Gi-bu-ti, Ai Cập, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, Ê-ri-tơ-rê-a, Tây Ban Nha, Ê-xtô-ni-a, Ê-xoa-ti-ni, Ê-ti-ô-pi-a, Liên bang Nga, Phần Lan, Pháp, Ga-bông, Giê-oóc-gi-a, Ga-na, Hy Lạp, Ghi-nê, Ghi-nê Bít-xao, Hung-ga-ri, Ấn Độ, I-ran, Ai-len, Ai-xơ-len, I-xra-en, Ý, Gia-mai-ca, Nhật Bản, Gioóc-đa-ni, Ca-dắc-xtan, Kê-ni-a, Cô-oét, Lê-xô-thô, Lát-vi-a, Li-băng, Li-bi, Lít-ten-xơ-tên, Lít-va, Lúc-xăm-bua, Bắc Ma-xê-đô-ni-a, Ma-lay-xi-a, Ma-li, Man-ta, Mô-ri-ta-ni, Môn-đô-va, Mông Cổ, Môn-tê-nê-grô, Mô-dăm-bích, Na-mi-bi-a, Na Uy, Niu Di-lân, Ô-man, U-gan-đa, U-dơ-bê-ki-xtan, Pa-ki-xtan, Pa-na-ma, Pa-pua Niu Ghi-nê, Pa-ra-goay, Hà Lan, Phi-líp-pin, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Ca-ta, Cộng hòa Ả Rập Xy-ri, Thổ Nhĩ Kỳ, Cư-rơ-gư-xtan, Triều Tiên, Xlô-va-ki-a, Ru-ma-ni, Vương quốc Anh, Xê-nê-gan, Xéc-bi-a, Xi-ê-ra Lê-ôn, Xing-ga-po, Xlô-ven-ni-a, Xô-ma-li, Xu-đăng, Xri Lan-ca, Nam Phi, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Tan-da-ni-a, Sát, Tô-gô, Tông-ga, Tơ-ri-ni-đát và Tô-ba-gô, Tuy-ni-di, U-crai-na, Việt Nam, Y-ê-men, Dăm-bi-a và Dim-ba-bu-ê. (WRC-23)

5.225 Phân chia bổ sung: ở Ô-xơ-rây-li-a và Ấn Độ, băng tần 150,05-153 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến thiên văn làm nghiệp vụ chính.

5.225A Phân chia bổ sung: ở An-giê-ri, Ác-mê-ni-a, A-déc-bai-gian, Bê-la-rút, Trung Quốc, Liên bang Nga, Pháp, I-ran (Cộng hòa Hồi giáo), Ca-dắc-xtan, U-dơ-bê-ki-xtan, Cư-rơ-gư-xtan, Tát-gi-ki-xtan, Tuốc-mê-ni-xtan,

U-crai-na và Việt Nam, băng tần 154-156 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến định vị lâm nghiệp vụ chính. Việc sử dụng băng tần 154-156 MHz bởi nghiệp vụ Vô tuyến định vị phải được giới hạn cho các hệ thống hoạt động trên mặt đất để phát hiện vật thể trong Vũ trụ. Hoạt động của các đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến định vị trong băng tần 154-156 MHz phải tùy thuộc vào thỏa thuận đạt được theo khoản 9.21. Để nhận diện các cơ quan quản lý có thể bị ảnh hưởng ở Khu vực 1, áp dụng giá trị cường độ trường tức thời $12 \text{ dB}(\mu\text{V/m})$ trong 10% thời gian tạo ra ở độ cao 10 m trên mặt đất trong băng tần tham chiếu 25 kHz ở biên giới lãnh thổ của một cơ quan quản lý. Để nhận diện các cơ quan quản lý có thể bị ảnh hưởng ở Khu vực 3, áp dụng giá trị -6 dB ($N = -161 \text{ dBW/4 kHz}$) của tỷ số can nhiễu trên tạp âm (I/N), hoặc -10 dB đối với các ứng dụng yêu cầu bảo vệ nghiêm ngặt hơn, ví dụ như hệ thống an toàn cứu nạn (PPDR ($N = -161 \text{ dBW/4 kHz}$)), 1% thời gian tạo ra ở độ cao 60 m trên mặt đất ở biên giới lãnh thổ của một cơ quan quản lý. Ở các băng tần 156,7625-156,8375 MHz, 156,5125-156,5375 MHz, 161,9625-161,9875 MHz, 162,0125-162,0375 MHz, e.i.r.p. ngoài băng của ra-đa giám sát Vũ trụ không được vượt quá -16 dBW . U-crai-na không được ấn định tần số cho nghiệp vụ Vô tuyến định vị khi Môn-đô-va chưa đồng ý. (WRC-12)

5.226 Tần số 156,525 MHz là tần số gọi, cứu nạn và an toàn quốc tế sử dụng phương thức vô tuyến điện thoại gọi chọn số (DSC) trong băng tần VHF thuộc nghiệp vụ Di động hàng hải. Các điều kiện để sử dụng tần số này và băng tần 156,4875-156,5625 MHz được quy định tại các Điều 31, Điều 52 và Phụ lục 18.

Tần số 156,8 MHz là tần số gọi, cứu nạn và an toàn quốc tế sử dụng phương thức vô tuyến điện thoại trong băng tần VHF thuộc nghiệp vụ Di động hàng hải. Các điều kiện để sử dụng tần số này và băng tần 156,7625-156,8375 MHz được quy định tại Điều 31 và Phụ lục 18.

Trong các băng tần 156-156,4875 MHz; 156,5625-156,7625 MHz; 156,8375-157,45 MHz; 160,6-160,975 MHz và 161,475-162,05 MHz, mỗi cơ quan quản lý sẽ chỉ đưa ra mức ưu tiên cho nghiệp vụ Di động hàng hải trên các tần số được ấn định cho các đài thuộc nghiệp vụ Di động hàng hải bởi cơ quan quản lý đó (xem các Điều 31, 52 và Phụ lục 18).

Các đài thuộc nghiệp vụ khác cũng được phân chia trong băng tần này không được phép sử dụng trong những vùng mà việc sử dụng các nghiệp vụ đó có thể gây nhiễu có hại cho thông tin vô tuyến thuộc nghiệp vụ Di động hàng hải trên băng tần VHF.

Tuy nhiên, các tần số 156,8 MHz; 156,525 MHz và các băng tần được ưu tiên cho nghiệp vụ Di động hàng hải có thể được sử dụng cho thông tin vô tuyến trên các vùng nội thủy tùy thuộc vào thỏa thuận giữa các cơ quan có liên quan và bị ảnh hưởng, lưu ý đến việc sử dụng tần số hiện tại và các thỏa thuận hiện hành. (WRC-07)

5.226 Phân chia bổ sung: các băng tần 156,4875-156,5125 MHz và 156,5375-156,5625 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Cố định và nghiệp vụ Di động mặt đất làm nghiệp vụ chính. Các hệ thống thuộc nghiệp vụ Cố định và Di động mặt đất trong băng tần này không được gây nhiễu có hại cho, hoặc kháng nhiễu nhiều có hại từ các hệ thống thông tin VHF thuộc nghiệp vụ Di động hàng hải. (WRC-07)

5.228 Việc sử dụng các băng tần 156,7625-156,7875 MHz và 156,8125-156,8375 MHz bởi nghiệp vụ Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) được giới hạn cho việc thu phát xạ AIS của bản tin quảng bá AIS tầm xa (Bản tin 27, xem phiên bản mới nhất của Khuyến nghị ITU-RM.1371). Với ngoại lệ về phát xạ AIS, những phát xạ trong các băng tần này của các hệ thống hoạt động trong nghiệp vụ Di động hàng hải không được vượt quá 1W. (WRC-12)

5.228AA Việc sử dụng các băng tần 161,9375-161,9625 MHz và 161,9875-162,0125 MHz bởi nghiệp vụ Di động hàng hải qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) được giới hạn cho các hệ thống hoạt động phù hợp với Phụ lục 18. (WRC-15)

5.228AB Việc sử dụng các băng tần 157,1875-157,3375 MHz và 161,7875-161,9375 MHz bởi nghiệp vụ Di động hàng hải qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) được giới hạn cho các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh hoạt động phù hợp với Phụ lục 18. (WRC-19)

5.228AC Việc sử dụng các băng tần 157,1875-157,3375 MHz và 161,7875-161,9375 MHz bởi nghiệp vụ Di động hàng hải qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) được giới hạn cho các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh hoạt động phù hợp với Phụ lục 18. Việc sử dụng các băng tần này phải đạt được thỏa thuận theo khoản 9.21 đối với các nghiệp vụ mặt đất ở các nước A-déc-bai-gian, Bê-la-rút, Trung Quốc, Hàn Quốc, Cu Ba, Nga, Xy-ri, Triều Tiên, Nam Phi và Việt Nam. (WRC-19)

5.228E Việc sử dụng hệ thống nhận dạng tự động trong các băng tần 161,9625-161,9875 MHz và 162,0125-162,0375 MHz cho nghiệp vụ Di động hàng không (OR) được giới hạn cho các đài tàu bay cho mục đích tìm kiếm, cứu nạn và các thông tin liên quan đến an toàn khác. (WRC-12)

5.228F Việc sử dụng các băng tần 161.9625-161.9875 MHz và 162.0125-162.0375 MHz bởi nghiệp vụ Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) chỉ được hạn chế cho thu phát xạ AIS từ các đài hoạt động trong nghiệp vụ Di động hàng hải. (WRC-12)

5.230 Phân chia bổ sung: ở Trung Quốc, băng tần 163-167 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Khai thác Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) làm nghiệp vụ chính tùy thuộc vào thỏa thuận đạt được theo khoản 9.21.

5.231 Phân chia bổ sung: ở Á-p-ga-ni-xtan và Trung Quốc băng tần 167-174 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Quảng bá làm nghiệp vụ chính. Việc đưa nghiệp vụ Quảng bá vào băng tần này tùy thuộc vào thỏa thuận với các nước láng giềng trong Khu vực 3 mà các nghiệp vụ của các nước đó có khả năng bị ảnh hưởng. (WRC-12)

5.233 Phân chia bổ sung: ở Trung Quốc, băng tần 174-184 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) và nghiệp vụ Khai thác Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) làm nghiệp vụ chính, tùy thuộc vào thỏa thuận đạt được theo khoản 9.21. Các nghiệp vụ này không được gây nhiễu có hại cho, hoặc yêu cầu được bảo vệ từ, các đài Quảng bá đang hoạt động hoặc dự kiến sẽ hoạt động.

5.238 Phân chia bổ sung: ở Băng-la-đét, Ấn Độ, Pa-ki-xtan và Phi-líp-pin, băng tần 200-216 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không làm nghiệp vụ chính.

5.240 Phân chia bổ sung: ở Trung Quốc và Ấn Độ, băng tần 216-223 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không làm nghiệp vụ chính và cho nghiệp vụ Vô tuyến định vị làm nghiệp vụ phụ.

5.245 Phân chia bổ sung: ở Nhật Bản, băng tần 222-223 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không làm nghiệp vụ chính và cho nghiệp vụ Vô tuyến định vị làm nghiệp vụ phụ.

5.250 Phân chia bổ sung: ở Trung Quốc, băng tần 225-235 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến thiên văn làm nghiệp vụ phụ.

5.252 Phân chia thay thế: ở Bốt-xoa-na, Ê-xoa-ti, Lê-xô-thô, Ma-la-uy, Mô-dăm-bích, Nam-mi-bi-a, Nam Phi, Xoa-di-len, Dăm-bi-a và Dim-ba-bu-ê, các băng tần 230-238 MHz và 246-254 MHz được phân chia cho nghiệp vụ Quảng bá làm nghiệp vụ chính, tùy thuộc vào thỏa thuận đạt được theo khoản 9.21. (WRC-19)

5.254 Các băng tần 235-322 MHz và 335,4-399,9 MHz có thể được sử dụng cho nghiệp vụ Di động qua vệ tinh, tùy thuộc vào thỏa thuận đạt được theo khoản 9.21, với điều kiện là các đài thuộc nghiệp vụ này không gây nhiễu có hại cho các đài thuộc nghiệp vụ khác đang khai thác hoặc sắp được khai thác phù hợp với Bảng phân chia phổ tần số trừ phân chia bổ sung được nêu trong chú thích 5.256A. (WRC-03)

5.255 Các băng tần 312-315 MHz (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) và 387-390 MHz (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) thuộc nghiệp vụ Di động qua vệ tinh cũng có thể được sử dụng cho các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh. Việc sử dụng này phải thực hiện phối hợp theo khoản 9.11A.

5.256 Trong băng tần này tần số 243 MHz là tần số dùng cho các đài tàu bay cứu nạn và các thiết bị dùng cho các mục đích cứu nạn. (WRC-07)

5.256A Phân chia bổ sung: ở Trung Quốc, Nga, Cộng hoà Ca-dắc-xtan, băng tần 258-261 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) và nghiệp vụ Khai thác Vũ trụ (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) làm nghiệp vụ chính. Các đài thuộc nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) và nghiệp vụ Khai thác Vũ trụ (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) không được gây nhiễu có hại cho, hoặc yêu cầu bảo vệ, hoặc hạn chế sự hoạt động và phát triển của các hệ thống thuộc nghiệp vụ Di động và Di

động qua vệ tinh khai thác trong băng tần này. Các đài thuộc nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) và nghiệp vụ Khai thác Vũ trụ (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) không được hạn chế sự phát triển trong tương lai của các hệ thống thuộc nghiệp vụ cố định của các nước khác. (WRC-15)

5.257 Các cơ quan quản lý trong phạm vi quốc gia của mình có thể sử dụng băng tần 267-272 MHz cho hoạt động đo đạc từ xa trong Vũ trụ làm nghiệp vụ chính, tùy thuộc vào thỏa thuận đạt được theo khoản 9.21.

5.258 Việc sử dụng băng tần 328,6-335,4 MHz cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không chỉ giới hạn cho các hệ thống chỉ dẫn hạ cánh (đường lượn).

5.259 Phân chia bổ sung: ở Ai Cập và Xy-ri, băng tần 328,6-335,4 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Di động làm nghiệp vụ phụ, tùy thuộc vào thỏa thuận đạt được theo khoản 9.21. Để đảm bảo rằng các đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không không bị nhiễu có hại, các đài thuộc nghiệp vụ Di động sẽ không được phép hoạt động trong băng tần này cho đến khi nó được xác nhận là không cần thiết cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không nữa bởi bất kỳ một cơ quan quản lý nào xác định bằng việc áp dụng thủ tục tại khoản 9.21. (WRC-12)

5.260A Trong băng tần 399,9-400,05 MHz, công suất phát xạ đẳng hướng tương đương cực đại (e.i.r.p.) của bất kỳ phát xạ nào của các đài trái đất trong nghiệp vụ Di động qua vệ tinh không được vượt quá 5 dBW trong băng thông 4 kHz bất kỳ và mức e.i.r.p. của mỗi đài trái đất trong nghiệp vụ Di động qua vệ tinh không được vượt quá 5 dBW trong toàn băng tần 399,9-400,05 MHz. Cho đến ngày 22 tháng 11 năm 2022, giới hạn này không phải áp dụng cho các hệ thống vệ tinh đã hoàn thành đăng ký được Cục Vô tuyến điện nhận tính đến ngày 22 tháng 11 năm 2019 và được đưa vào sử dụng tính đến ngày đó. Sau ngày 22 tháng 11 năm 2022, các giới hạn này phải áp dụng cho tất cả các hệ thống trong nghiệp vụ Di động qua vệ tinh hoạt động trong băng tần này.

Trong băng tần 399,99-400,02 MHz, các giới hạn e.i.r.p. theo quy định ở trên phải áp dụng sau ngày 22 tháng 11 năm 2022 cho tất cả các hệ thống trong nghiệp vụ Di động qua vệ tinh. Các Cơ quan quản lý được yêu cầu rằng các kết nối của nghiệp vụ Di động qua vệ tinh trong băng tần 399,99-400,02 MHz tuân thủ theo các giới hạn e.i.r.p. được chỉ định ở trên, sau ngày 22 tháng 11 năm 2019. (WRC-19)

5.260B Trong băng tần 400,02-400,05 MHz, các quy định của chú thích 5.260A không áp dụng cho các đường lên điều khiển trong nghiệp vụ Di động qua vệ tinh. (WRC-19)

5.261 Các phát xạ sẽ bị hạn chế trong khoảng ± 25 kHz đối với tần số chuẩn 400,1 MHz.

5.262 Phân chia bổ sung: ở A-rập Xê-út, Ác-mê-ni-a, A-déc-bai-gian, Ba-ranh, Bê-la-rút, Bốt-xoa-na, Cô-lôm-bi-a, Cu-ba, Ai Cập, A-rập Thống nhất, Ê-cu-a-đo, Nga, Giê-oóc-gi-a, Hung-ga-ri, I-ran, I-rắc, I-xra-en, Gioóc-đa-ni, Ca-

dắc-xtan, Cô-oét, Li-bê-ri-a, Ma-lay-xi-a, Môn-đô-va, Ô-man, U-dơ-bê-ki-xtan, Pa-ki-xtan, Phi-líp-pin, Ca-ta, Xy-ri, Cu-rơ-gu-xtan, Xing-ga-po, Xô-ma-li, Tát-gi-ki-xtan, Sát, Tuốc-mê-ni-xtan và U-crai-na, băng tần 400,05-401 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Cố định và nghiệp vụ Di động làm nghiệp vụ chính. (WRC-12)

5.263 Băng tần 400,15-401 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) để liên lạc với các tàu vũ trụ. Trong ứng dụng này, nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ sẽ không được xem như một nghiệp vụ an toàn.

5.264 Việc sử dụng băng tần 400,15-401 MHz bởi nghiệp vụ Di động qua vệ tinh phải phối hợp theo khoản 9.11A. Giới hạn của mật độ thông lượng công suất được chỉ ra trong phần bổ sung 1 của Phụ lục 5 sẽ được áp dụng cho đến khi thời hạn của nó được Hội nghị thông tin vô tuyến thế giới có thẩm quyền sửa đổi.

5.264A Trong băng tần 401-403 MHz, công suất phát xạ đẳng hướng tương đương cực đại (e.i.r.p.) của bất kỳ phát xạ nào của mỗi đài trái đất trong nghiệp vụ Khí tượng qua vệ tinh và Thăm dò trái đất qua vệ tinh không được vượt quá 22 dBW trong băng thông 4 kHz bất kỳ đối với các hệ thống địa tĩnh và hệ thống phi địa tĩnh có quỹ đạo có điểm cực viễn bằng hoặc lớn hơn 35.786 km.

Giới hạn e.i.r.p. tối đa của bất kỳ phát xạ nào của mỗi đài trái đất trong nghiệp vụ Khí tượng qua vệ tinh và Thăm dò trái đất qua vệ tinh không được vượt quá 7 dBW trong bất kỳ băng thông 4 kHz nào đối với các hệ thống phi địa tĩnh có quỹ đạo có điểm cực viễn thấp hơn 35.786 km.

Giới hạn e.i.r.p. tối đa của mỗi đài trái đất trong nghiệp vụ Khí tượng qua vệ tinh và Thăm dò trái đất qua vệ tinh không được vượt quá 22 dBW đối với các hệ thống địa tĩnh và phi địa tĩnh có quỹ đạo có điểm cực viễn bằng hoặc lớn hơn 35 786 km trong toàn băng tần 401-403 MHz. Mức e.i.r.p. tối đa của mỗi đài trái đất trong nghiệp vụ Khí tượng qua vệ tinh và Thăm dò trái đất qua vệ tinh không được vượt quá 7 dBW đối với các hệ thống phi địa tĩnh có quỹ đạo có điểm cực viễn thấp hơn 35.786 km trong toàn băng tần 401-403 MHz.

Cho đến ngày 22 tháng 11 năm 2029, các giới hạn này sẽ không áp dụng cho các hệ thống vệ tinh đã hoàn thành đăng ký được Cục Vô tuyến điện nhận tính đến ngày 22 tháng 11 năm 2019 và được đưa vào sử dụng tính đến ngày đó. Sau ngày 22 tháng 11 năm 2029, các giới hạn này phải được áp dụng cho tất cả các hệ thống trong nghiệp vụ Khí tượng qua vệ tinh và Thăm dò trái đất qua vệ tinh hoạt động trong băng tần này. (WRC-19)

5.264B Các hệ thống vệ tinh địa tĩnh trong nghiệp vụ Khí tượng qua vệ tinh và nghiệp vụ Thăm dò trái đất qua vệ tinh đã hoàn thành thông báo và được Cục Vô tuyến điện nhận được tính đến ngày 28 tháng 4 năm 2007 được miễn áp dụng các quy định của Chú thích 5.264A và có thể tiếp tục hoạt động trong băng tần 401,898-402,522 MHz theo nghiệp vụ chính mà không vượt quá mức công suất phát xạ đẳng hướng tương đương cực đại là 12 dBW. (WRC-23)

5.265 Tại băng tần 403-410 MHz, áp dụng Nghị quyết 205 (WRC-19 sửa đổi). (WRC-19)

5.266 Việc sử dụng băng tần 406-406,1 MHz bởi nghiệp vụ Di động qua vệ tinh chỉ giới hạn cho các pha vô tuyến chỉ báo vị trí khẩn cấp qua vệ tinh công suất thấp (xem Điều 31). (WRC-07)

5.267 Cấm tất cả các phát xạ có khả năng gây nhiễu cho các nghiệp vụ đã được cấp phép trong băng tần 406-406,1 MHz.

5.268 Việc sử dụng băng tần 410-420 MHz bởi nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ chỉ giới hạn để liên lạc giữa các tàu vũ trụ trên quỹ đạo. Mật độ thông lượng công suất trên bề mặt Trái đất gây ra bởi các phát xạ từ các đài phát thuộc nghiệp vụ nghiên cứu Vũ trụ (từ Vũ trụ tới Vũ trụ) trong băng tần 410-420 MHz sẽ không vượt quá $-153 \text{ dB(W/m}^2\text{)}$ đối với $0^\circ \leq \delta \leq 5^\circ$, $-153 + 0,077 (\delta - 5) \text{ dB(W/m}^2\text{)}$ đối với $5^\circ \leq \delta \leq 70^\circ$ và $-148 \text{ dB(W/m}^2\text{)}$ đối với $70^\circ \leq \delta \leq 90^\circ$, trong đó δ là góc tới của sóng vô tuyến và băng thông tham chiếu là 4 kHz. Trong băng tần này các đài thuộc nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) sẽ không được yêu cầu bảo vệ từ, hoặc hạn chế việc sử dụng và phát triển của các đài thuộc nghiệp vụ Cố định và Di động. Chú thích 4.10 không áp dụng. (WRC-15)

5.269 Loại nghiệp vụ khác: ở Ô-xtrây-li-a, Bra-xin, Hoa Kỳ, Ấn Độ, Nhật Bản và Vương quốc Anh, các băng tần 420-430 MHz và 440-450 MHz được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến định vị làm nghiệp vụ chính (xem khoản 5.33). (WRC-23)

5.270 Phân chia bổ sung: ở Ô-xtrây-li-a, Hoa Kỳ, Gia-mai-ca và Phi-líp-pin, các băng tần 420-430 MHz và 440-450 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Nghiệp vụ dư làm nghiệp vụ phụ.

5.271 Phân chia bổ sung: ở Bê-la-rút, Trung Quốc, Ấn Độ, Cư-rơ-gư-xtan và Tuốc-mê-ni-xtan, băng tần 420-460 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không (cao kế vô tuyến) làm nghiệp vụ phụ. (WRC-07)

5.276 Phân chia bổ sung: ở Áp-ga-ni-xtan, An-giê-ri, A-rập Xê-út, Ba-ranh, Băng-la-đet, Bru-nây, Buốc-ki-na Pha-xô, Gi-bu-ti, Ai Cập, A-rập Thống nhất, Ê-cu-a-đo, Ê-ri-tơ-rê-a, Ê-ti-ô-pi-a, Hy Lạp, Ghi-nê, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, I-ran, I-rắc, I-xra-en, I-ta-li-a, Gioóc-đa-ni, Kê-ni-a, Cô-oét, Li-bi, Ma-lai-xi-a, Ni-giê, Ni-giê-ri-a, Ô-man, Pa-ki-xtan, Phi-líp-pin, Ca-ta, Xy-ri, Bắc Triều Tiên, Xing-ga-po, Xô-ma-li, Xu-đăng, Thụy Sĩ, Thái Lan, Tô-gô, Thổ Nhĩ Kỳ và Y-ê-men, băng tần 430-440 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Cố định làm nghiệp vụ chính và các băng tần 430-435 MHz và 438-440 MHz cũng được phân chia, trừ tại Ê-cu-a-đo, cho nghiệp vụ Di động trừ Di động hàng không làm nghiệp vụ chính. (WRC-15)

5.277 Phân chia bổ sung: ở Ăng-gô-la, Ăc-mê-ni-a, A-déc-bai-gian, Bê-la-rút, Ca-mơ-run, Công-gô, Gi-bu-ti, Nga, Giê-oóc-gi-a, Hung-ga-ri, I-xra-en, Ca-dắc-xtan, Ma-li, U-dơ-bê-ki-xtan, Ba Lan, Cộng hoà Dân chủ Công-gô, Cư-rơ-

gu-xtan, Xlô-va-ki-a, Ru-ma-ni, Ru-an-đa, Tát-gi-ki-xtan, Sát, Tuốc-mê-ni-xtan và U-crai-na, băng tần 430-440 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Cố định làm nghiệp vụ chính. (WRC-19)

5.278 Loại nghiệp vụ khác: ở Ác-hen-ti-na, Bra-xin, Cô-lôm-bi-a, Cốt-xta-ri-ca, Cu-ba, Guy-a-na, Ôn-đu-rát, Pa-na-ma và Vê-nê-xu-ê-la, băng tần 430-440 MHz được phân chia cho nghiệp vụ Nghiệp dư làm nghiệp vụ chính (xem chú thích 5.33). (WRC-19)

5.279 Phân chia bổ sung: ở Mê-hi-cô, các băng tần 430-435 MHz và 438-440 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Di động, trừ di động hàng không làm nghiệp vụ chính, và nghiệp vụ Cố định làm nghiệp vụ phụ, theo các thỏa thuận đạt được tại khoản 9.21. (WRC-19)

5.279A Việc sử dụng băng tần 432-438 MHz bởi các bộ cảm biến thuộc nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) phải phù hợp với Khuyến nghị ITU-R RS.1260-2. Hơn nữa, nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) trong băng tần 432-438 MHz không được gây nhiễu có hại cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không ở Trung Quốc. Các điều khoản trong chú thích này không làm giảm bớt trách nhiệm của nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) khi hoạt động như là một nghiệp vụ phụ theo các chú thích 5.29 và 5.30. (WRC-19)

5.281 Phân chia bổ sung: ở các cơ quan hải ngoại của Pháp trong Khu vực 2 và Ấn Độ, băng tần 433,75-434,25 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Khai thác Vũ trụ (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) làm nghiệp vụ chính. Ở Pháp và Bra-xin, băng tần này được phân chia cho nghiệp vụ trên làm nghiệp vụ phụ.

5.282 Trong các băng tần 435-438 MHz, 1260-1270 MHz, 2400-2450 MHz, 3400-3410 MHz (chỉ trong Khu vực 2 và 3) và 5650-5670 MHz, nghiệp vụ Nghiệp dư qua vệ tinh có thể hoạt động miễn là không gây nhiễu có hại cho các nghiệp vụ khác đang khai thác theo Bảng phân chia phổ tần số (xem chú thích 5.43). Các cơ quan quản lý cấp phép cho việc sử dụng đó phải đảm bảo rằng bất kỳ nhiễu có hại nào gây ra bởi một đài thuộc nghiệp vụ Nghiệp dư qua vệ tinh phải được loại bỏ ngay lập tức theo các quy định trong khoản 25.11 trong Thẻ lệ vô tuyến điện. Việc sử dụng các băng tần 1260-1270 MHz và 5650-5670 MHz bởi nghiệp vụ Nghiệp dư qua vệ tinh chỉ giới hạn cho chiều từ Trái đất tới Vũ trụ.

5.284 Phân chia bổ sung: ở Ca-na-đa, băng tần 440-450 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Nghiệp dư làm nghiệp vụ phụ.

5.285 Loại nghiệp vụ khác: ở Ca-na-đa, băng tần 440-450 MHz được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường làm nghiệp vụ chính.

5.286 Băng tần 449,75-450,25 MHz có thể được sử dụng cho nghiệp vụ Khai thác Vũ trụ (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) và nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ), theo các thỏa thuận đạt được trong chú thích 9.21.

5.286A Việc sử dụng băng tần 454-456 MHz và 459-460 MHz bởi nghiệp vụ Di động qua vệ tinh phải thực hiện phối hợp theo khoản 9.11A. (WRC-97)

5.286B Việc sử dụng băng tần 454-455 MHz ở các nước được liệt kê trong khoản 5.286D, 455-456 MHz và 459-460 MHz trong Khu vực 2, 454-456 MHz và 459-460 MHz ở các nước được liệt kê trong chú thích 5.286E, bởi các đài thuộc nghiệp vụ Di động qua vệ tinh, không được gây nhiễu có hại cho, hoặc yêu cầu bảo vệ từ các đài thuộc nghiệp vụ Cố định hoặc Di động đang hoạt động phù hợp với Bảng phân chia phổ tần số. (WRC-97)

5.286C Việc sử dụng băng tần 454-455 MHz ở các nước được liệt kê trong chú thích 5.286D, 455-456 MHz và 459-460 MHz trong Khu vực 2, và 454-456 MHz và 459-460 MHz ở các nước được liệt kê trong chú thích 5.286E, bởi các đài thuộc nghiệp vụ Di động qua vệ tinh, không được hạn chế sự hoạt động và phát triển của các nghiệp vụ Cố định và Di động đang hoạt động phù hợp với Bảng phân chia phổ tần số. (WRC-97)

5.286D Phân chia bổ sung: ở Ca-na-đa, Hoa Kỳ và Pa-na-ma, băng tần 454-455 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) làm nghiệp vụ chính. (WRC-07)

5.286E Phân chia bổ sung: ở Cáp Ve, Nê-pan và Ni-giê-ri-a các băng tần 454-456 MHz và 459-460 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) làm nghiệp vụ chính. (WRC-07)

5.286AA Băng tần 450-470 MHz được xác định để các quốc gia sử dụng cho việc triển khai hệ thống thông tin di động IMT, xem Nghị quyết 224 (WRC-19 sửa đổi). Việc xác định này không hạn chế việc sử dụng băng tần này cho các hệ thống thuộc các nghiệp vụ đã được phân chia và không đặt ra quyền ưu tiên trong Thê lệ vô tuyến điện. (WRC-19)

5.287 Việc sử dụng các băng tần 457,5125-457,5875 MHz và 467,5125-467,5875 MHz trong nghiệp vụ Di động hàng hải được giới hạn cho các đài liên lạc trên boong. Các đặc tính của thiết bị và phân kênh tần số sử dụng phải phù hợp với Khuyến nghị ITU-R M.1174-4. Việc sử dụng các băng tần này trong vùng lãnh hải phải tuân theo Thê lệ vô tuyến điện quốc gia của các nước liên quan. (WRC-19)

5.288 Trong vùng lãnh hải của Hoa Kỳ và Phi-líp-pin, các tần số được ưu tiên sử dụng cho các đài thông tin trên boong là 457,525 MHz; 457,550 MHz; 457,575 MHz và 457,600 MHz, được cặp tương ứng với các tần số 467,750 MHz; 467,775 MHz; 467,800 MHz và 467,825 MHz. Các đặc tính của thiết bị phải phù hợp với Khuyến nghị ITU-R M.1174-4. (WRC-19)

5.289 Các ứng dụng của nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh, khác với các ứng dụng của nghiệp vụ Khí tượng qua vệ tinh, cũng có thể được sử dụng trong các băng tần 460-470 MHz và 1690-1710 MHz cho các truyền dẫn chiều từ Vũ trụ tới Trái đất miễn là không gây nhiễu có hại cho các đài đang khai thác theo Bảng phân chia phổ tần số.

5.290 Loại nghiệp vụ khác: ở Áp-ga-ni-xtan, A-déc-bai-gian, Bê-la-rút, Trung Quốc, Nga, Nhật Bản, Cu-rơ-gu-xtan, Tát-gi-ki-xtan và Tuốc-mê-ni-xtan, băng tần 460-470 MHz được phân chia cho nghiệp vụ Khí tượng qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) làm nghiệp vụ chính (xem chú thích 5.33), theo các thỏa thuận đạt được trong khoản 9.21. (WRC-12)

5.291 Phân chia bổ sung: ở Trung Quốc, băng tần 470-485 MHz cũng được phân chia cho các nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) và Khai thác Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) làm nghiệp vụ chính theo các thỏa thuận đạt được trong khoản 9.21 và không được gây nhiễu cho các đài Quảng bá đang hoặc sẽ khai thác.

5.296 Phân chia bổ sung: ở An-ba-ni, An-giê-ri, Đức, Ăng-gô-la, A-rập Xê-út, Áo, Ba-ranh, Bi, Bê-nanh, Bô-xni-a Héc-dê-gô-vi-na, Bôt-xoa-na, Bùn-ga-ri, Buốc-ki-na Pha-xô, Bu-run-đi, Ca-mơ-run, Va-ti-căng, Công-gô, Bờ Biển Ngà, Crô-a-ti-a, Đan Mạch, Gi-bu-ti, Ai Cập, Các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất, Tây Ban Nha, Ê-xtô-ni-a, Ê-xoa-ti-ni, Phần Lan, Pháp, Ga-bông, Gam-bi-a, Gru-di-a, Ga-na, Hung-ga-ri, I-rắc, Ai-len, Ai-xơ-len, I-xra-en, Ý, Gioóc-đa-ni, Kê-ni-a, Cô-oét, Lê-xô-thô, Lát-vi-a, Li-băng, Li-bi, Lít-ten-xơ-tên, Lít-va, Lúc-xăm-bua, Bắc Ma-xê-đô-ni-a, Ma-la-uy, Ma-li, Man-ta, Ma-rốc, Mô-ri-xơ, Mô-ra-ti-ni, Môn-đô-va, Mô-na-cô, Mô-dăm-bích, Na-mi-bi-a, Ni-giê, Ni-giê-ri-a, Na Uy, Ô-man, U-gan-đa, Pa-lét-tin*, Hà Lan, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Ca-ta, Cộng hòa Ả Rập Xy-ri, Thổ Nhĩ Kỳ, Xi-lô-va-ki-a, Cộng hòa Séc, Ru-ma-ni, Vương quốc Anh, Ru-an-đa, San Ma-ri-nô, Xê-nê-gan, Xéc-bi-a, Xu-đăng, Nam Phi, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Tan-da-ni-a, Sát, Tô-gô, Tuy-ni-di, U-crai-na, Dăm-bi-a và Dim-ba-bu-ê, băng tần 470-694 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ di động mặt đất làm nghiệp vụ phụ, dự định cho các ứng dụng phụ trợ phát sóng chương trình truyền hình. Các đài thuộc nghiệp vụ Di động mặt đất tại các quốc gia được liệt kê trong chú thích này không được gây nhiễu có hại cho các đài hiện có hoặc các đài có kế hoạch hoạt động phù hợp với phân chia trong Bảng phân chia ở các quốc gia không được liệt kê trong chú thích này. (WRC-23)

5.296A Các quốc gia Mai-crô-nê-xi-a, quần đảo Xô-lô-mông, Tu-va-lu và Vanu-a-tu xác định băng tần 470-698 MHz hoặc một phần băng tần này để triển khai hệ thống thông tin di động IMT; các quốc gia Băng-la-đét, Lào, Man-đi-vơ, Niu Di-lân và Việt Nam xác định băng tần 610-698 MHz hoặc một phần băng tần này để triển khai hệ thống thông tin di động IMT, theo Nghị quyết 224 (WRC-23 sửa đổi). Việc xác định này không có nghĩa là các ứng dụng khác thuộc các nghiệp vụ đã được phân chia trong băng tần này bị hạn chế sử dụng và cũng không có nghĩa là hệ thống thông tin di động IMT được ưu tiên hơn trong Thê lệ vô tuyến điện. Nếu muốn triển khai hệ thống thông tin di động IMT, các nước phải tuân thủ quy trình thỏa thuận quốc tế theo quy định tại Khoản 9.21 của Thê lệ vô tuyến điện. Các hệ thống này cũng không được gây nhiễu có hại cho nghiệp vụ Quảng bá của các quốc

gia lân cận, đồng thời cũng không được yêu cầu bảo vệ khỏi sự can nhiễu từ nghiệp vụ Quảng bá của các quốc gia đó. Các quy định tại Khoản 5.43 và Khoản 5.43A được áp dụng. (WRC-23)

5.298 Phân chia bổ sung: ở Ấn Độ, băng tần 549,75-550,25 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Khai thác Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) làm nghiệp vụ phụ.

5.305 Phân chia bổ sung: ở Trung Quốc, băng tần 606-614 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến thiên văn làm nghiệp vụ chính.

5.306 Phân chia bổ sung: ở Khu vực 1, trừ khu vực Quảng bá của châu Phi (xem các chú thích từ 5.10 đến 5.13), và ở Khu vực 3, băng tần 608-614 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến thiên văn làm nghiệp vụ phụ.

5.307 Phân chia bổ sung: ở Ấn Độ, băng tần 608-614 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến thiên văn làm nghiệp vụ chính.

5.313A Băng tần 698–790 MHz, hoặc một phần của băng tần này, đã được các nước như Ô-xtrây-li-a, Băng-la-đét, Bru-nây Đa-rút-xa-lam, Cam-pu-chia, Trung Quốc, Hàn Quốc, Phi-gi, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, Nhật Bản, Ki-ri-ba-ti, Lào, Ma-lay-xi-a, Mi-an-ma, Niu-Di-lân, Pa-ki-xtan, Pa-pu-a Niu Ghi-nê, Phi-lip-pin, Bắc Triều Tiên, Quần đảo Xô-lô-môn, Sa-moa, Xing-ga-po, Thái Lan, Tong-ga, Tu-valu, Va-nu-a-tu và Việt Nam xác định để sử dụng cho việc triển khai hệ thống thông tin di động IMT. Việc xác định này không có nghĩa là các ứng dụng khác thuộc các nghiệp vụ đã được phân chia trong băng tần này bị hạn chế sử dụng và cũng không có nghĩa là hệ thống thông tin di động IMT được ưu tiên hơn trong Thể lệ vô tuyến điện. (WRC-19).

5.314A Băng tần 698-960 MHz hoặc một phần của chúng ở Ô-xtrây-li-a, Man-đi-vơ, Mai-crô-nê-xi-a, Pa-pua Niu Ghi-nê, Tong-ga và Va-nu-a-tu, và các băng tần 703-733 MHz, 758-788 MHz, 890-915 MHz và 935-960 MHz hoặc một phần của chúng ở Trung Quốc, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ma-lay-xi-a, Phi-líp-pin và Thái Lan được xác định để sử dụng bởi các đài gốc IMT đặt trên tầng cao khí quyển (đài HIBS). Việc xác định này không hạn chế việc sử dụng các băng tần này bởi bất kỳ ứng dụng nào của các nghiệp vụ được phân chia và không đặt ra sự ưu tiên trong Thể lệ vô tuyến điện. Nghị quyết 213 (WRC-23) được áp dụng. Đài HIBS không được yêu cầu bảo vệ khỏi nhiễu từ các nghiệp vụ chính hiện có. Không áp dụng khoản 5.43A, xem quyết định 2 trong Nghị quyết 213 (WRC-23). Việc sử dụng đài HIBS như vậy trong các băng tần 698-728 MHz và 830-835 MHz bị giới hạn bởi mức thu của HIBS. (WRC-23)

5.317A Các phần của băng tần 698–960 MHz ở Khu vực 2, băng tần 694–790 MHz ở Khu vực 1 và băng tần 790–960 MHz ở Khu vực 1 và 3, đã được phân chia cho dịch vụ Di động là nghiệp vụ chính, được các quốc gia xác định sử dụng cho hệ thống thông tin di động IMT. Xem thêm các Nghị quyết 224 (WRC-23 sửa đổi), 760 (WRC-23 sửa đổi) và 749 (WRC-23 sửa đổi) nếu áp

dụng. Việc xác định này không có nghĩa là các ứng dụng khác thuộc các nghiệp vụ đã được phân chia trong các băng tần này bị hạn chế sử dụng và cũng không có nghĩa là hệ thống thông tin di động IMT được ưu tiên hơn trong Thẻ lệ vô tuyến điện. (WRC-23)

5.320 Phân chia bổ sung: ở Khu vực 3, các băng tần 806-890 MHz và 942-960 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Di động qua vệ tinh, trừ nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường qua vệ tinh (R), làm nghiệp vụ chính, theo các thỏa thuận đạt được trong khoản 9.21. Việc sử dụng nghiệp vụ này chỉ giới hạn cho hoạt động trong phạm vi biên giới quốc gia. Khi tìm kiếm các thỏa thuận với các nước, cần có biện pháp bảo vệ thích hợp đối với các nghiệp vụ đang khai thác phù hợp với Bảng phân chia phổ tần số để đảm bảo rằng không gây nhiễu có hại cho các nghiệp vụ đó.

5.327 Loại nghiệp vụ khác: ở Ô-xơ-rây-li-a, băng tần 915-928 MHz được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến định vị làm nghiệp vụ chính (xem chú thích 5.33).

5.327A Việc sử dụng băng tần 960-1164 MHz cho nghiệp vụ Di động hàng không (R) được giới hạn cho các hệ thống hoạt động tuân theo các tiêu chuẩn hàng không quốc tế. Việc sử dụng này phải tuân thủ Nghị quyết 417 (Rev.WRC-15). (WRC-15)

5.328 Việc sử dụng băng tần 960-1215 MHz bởi nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không được dành riêng trên toàn cầu để khai thác và phát triển các thiết bị hỗ trợ điện tử trên không cho dẫn đường trên không và các thiết bị kết hợp trực tiếp dưới mặt đất. (WRC-2000)

5.328A Các đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường qua vệ tinh trong băng tần 1164-1215 MHz phải hoạt động tuân theo các điều khoản của Nghị quyết 609 (WRC-07) và không được yêu cầu bảo vệ từ các đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không trong băng tần 960-1215 MHz. Chú thích 5.43A không được áp dụng. Áp dụng các quy định trong khoản 21.18. (WRC-07)

5.328AA Băng tần 1087,7-1092,3 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Di động hàng không (R) qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) là nghiệp vụ chính, giới hạn để triển khai đài thu tín hiệu không gian của hệ thống phát quảng bá tín hiệu giám sát độc lập và tự động (ADS-B) từ tàu bay hoạt động theo tiêu chuẩn được công nhận bởi tổ chức hàng không quốc tế. Các đài hoạt động trong nghiệp vụ Di động hàng không qua vệ tinh (R) không được yêu cầu bảo vệ từ các đài hoạt động trong nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không. Nghị quyết 425 (WRC-19 sửa đổi) sẽ được áp dụng. (WRC-19)

5.328B Việc sử dụng các băng tần 1164-1300 MHz, 1559-1610 MHz và 5010-5030 MHz bởi các hệ thống và các mạng thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường qua vệ tinh mà các thông tin thông báo hoặc phối hợp được nhận bởi Phòng thông tin vô tuyến sau ngày 01 tháng 01 năm 2005 thì phải áp dụng các quy định trong các khoản 9.12, 9.12A và 9.13. Nghị quyết 610 (WRC-03) cũng

được áp dụng. Hơn nữa, đối với các hệ thống và các mạng thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ), Nghị quyết 610 (WRC-03) chỉ áp dụng cho các đài phát. Theo chú thích 5.329A, các hệ thống và các mạng thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) trong băng tần 1215-1300 MHz và 1559-1610 MHz, các quy định trong các khoản 9.7, 9.12, 9.12A và 9.13 chỉ được áp dụng với các hệ thống và các mạng khác thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ). (WRC-07)

5.329 Việc sử dụng nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường qua vệ tinh trong băng tần 1215-1300 MHz phải tuân thủ điều kiện không được gây nhiễu có hại cho, và không được yêu cầu bảo vệ nhiễu từ nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường đã được cho phép theo chú thích 5.331. Hơn nữa, việc sử dụng nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường qua vệ tinh trong băng tần 1215-1300 MHz phải tuân thủ điều kiện không gây nhiễu có hại cho nghiệp vụ Vô tuyến định vị. Chú thích 5.43 không được áp dụng đối với nghiệp vụ Vô tuyến định vị. Nghị quyết 608 (WRC-19 sửa đổi) được áp dụng. (WRC-19)

5.329A Việc sử dụng các hệ thống thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) trong các băng tần 1215-1300 MHz và 1559-1610 MHz không nhằm mục đích cung cấp các ứng dụng của nghiệp vụ An toàn, và sẽ không đưa thêm bất kỳ một giới hạn nào cho các nghiệp vụ hoặc hệ thống thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) hoặc thuộc các nghiệp vụ khác đang khai thác phù hợp với Bảng phân chia phổ tần số. (WRC-07)

5.330 Phân chia bổ sung: ở Ăng-gô-la, A-rập Xê-út, Ba-ranh, Băng-la-đét, Ca-mơ-run, Trung Quốc, Gi-bu-ti, Ai Cập, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, Ê-ri-tơ-rê-a, Ê-thi-ô-pi-a, Guy-a-na, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, I-ran, I-rắc, I-xra-en, Nhật Bản, Gioóc-đa-ni, Cô-oét, Nê-pan, Ô-man, Pa-ki-xtan, Pa-lét-tin³, Phi-líp-pin, Ca-ta, Cộng hòa Ả Rập Xy-ri, Xô-ma-li, Xu-đăng, Nam Xu-đăng, Sát, Tô-gô và Y-ê-men, băng tần 1 215-1 300 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Cố định và Di động làm nghiệp vụ chính. (WRC-23)

5.331 Phân chia bổ sung: ở An-giê-ri, Đức, A-rập Xê-út, Ô-xtrây-li-a, Áo, Ba-ranh, Bê-la-rút, Bỉ, Bê-nanh, Bô-xni-a Héc-dê-gô-vi-na, Bra-xin, Buốc-ki-na Pha-xô, Bu-run-đi, Ca-mơ-run, Trung Quốc, Hàn Quốc, Crô-a-ti-a, Đan Mạch, Gi-bu-ti, Ai Cập, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, E-xtô-ni-a, Liên bang Nga, Phần Lan, Pháp, Ga-na, Hy Lạp, Ghi-nê, Ghi-nê Xích đạo, Hung-ga-ri, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, I-ran, I-rắc, Ai-len, I-xra-en, Gioóc-đa-ni, Kê-ni-a, Cô-oét, Lê-xô-thô, Lát-vi-a, Li-băng, Lít-ten-xơ-tên, Lít-va, Lúc-xăm-bua, Bắc Ma-xê-đô-ni-a, Ma-đa-gát-xca, Ma-li, Mô-ri-ta-ni, Mông-tê-nê-grô, Ni-giê-ri-a, Na Uy, Ô-man, Pa-ki-xtan, Pa-lét-tin³, Vương quốc Hà Lan, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Ca-ta, Cộng hòa Ả Rập Xy-ri, Thổ Nhĩ Kỳ, Triều Tiên, Xlô-

³ Theo Nghị quyết 99 (Rev. Dubai, 2018) của Hội nghị toàn quyền và có tính đến Thỏa thuận tạm thời giữa Israel và Palestine ngày 28 tháng 9 năm 1995.

va-ki-a, Vương quốc Anh, Xéc-bi-a, Xlô-ven-ni-a, Xô-ma-li, Xu-đăng, Nam Xu-đăng, Xri Lan-ca, Nam Phi, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Thái Lan, Tô-gô, Vê-nê-du-ê-la và Việt Nam, băng tần 1215-1300 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường là nghiệp vụ chính. Ở Ca-na-đa và Hoa Kỳ, băng tần 1240-1300 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường và việc sử dụng nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường sẽ được giới hạn cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không. (WRC-23)

5.332 Trong băng tần 1215-1260 MHz, các cảm biến chủ động trong không gian thuộc nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh và Nghiên cứu Vũ trụ không được gây nhiễu có hại cho, hoặc yêu cầu bảo vệ từ, hoặc hạn chế sự hoạt động và phát triển của nghiệp vụ Vô tuyến định vị, Vô tuyến dẫn đường qua vệ tinh và các nghiệp vụ khác đã được phân chia trên băng tần này làm nghiệp vụ chính. (WRC-2000)

5.332A Cơ quan quản lý cấp phép hoạt động nghiệp vụ Nghiệp dư và nghiệp vụ Nghiệp dư qua vệ tinh trong băng tần 1240-1300 MHz, hoặc các phần của chúng, phải đảm bảo các nghiệp vụ Nghiệp dư và Nghiệp dư qua vệ tinh không gây nhiễu có hại cho các đài thu của nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường qua vệ tinh (chiều từ vũ trụ tới trái đất) tuân thủ theo khoản 5.29 (xem phiên bản mới nhất của Khuyến nghị ITU-R M.2164). Cơ quan quản lý được ủy quyền, sau khi nhận được báo cáo về nhiễu có hại do đài thuộc các nghiệp vụ Nghiệp dư hoặc nghiệp vụ Nghiệp dư qua vệ tinh gây ra, phải thực hiện tất cả các bước cần thiết để nhanh chóng loại bỏ nhiễu có hại đó. (WRC-23)

5.334 Phân chia bổ sung: ở Ca-na-đa và Hoa Kỳ, băng tần 1350-1370 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không làm nghiệp vụ chính. (WRC-03)

5.335 Ở Ca-na-đa và Hoa Kỳ trong băng tần 1240-1300 MHz, các cảm biến chủ động trong không gian thuộc nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh và Nghiên cứu Vũ trụ không được gây nhiễu có hại cho, hoặc yêu cầu bảo vệ từ, hoặc hạn chế sự hoạt động và phát triển của nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không. (WRC-97)

5.335A Trong băng tần 1260-1300 MHz, các cảm biến chủ động trong không gian thuộc nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh và Nghiên cứu Vũ trụ không được gây nhiễu có hại cho, hoặc yêu cầu bảo vệ từ, hoặc hạn chế sự hoạt động và phát triển của nghiệp vụ Vô tuyến định vị và các nghiệp vụ khác đã được phân chia băng tần này bởi các chủ thích làm nghiệp vụ chính. (WRC-2000)

5.337 Việc sử dụng các băng tần 1300-1350 MHz, 2700-2900 MHz và 9000-9200 MHz bởi nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không chỉ giới hạn cho các ra-đa mặt đất và các bộ phát đáp kết hợp mà chỉ truyền trên các tần số trong những băng tần trên và chỉ khi được kích hoạt bởi các ra-đa hoạt động trong cùng băng tần.

5.337A Việc sử dụng băng tần 1300-1350 MHz bởi các đài trái đất thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường qua vệ tinh và các đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến định vị sẽ không được gây nhiễu có hại cho, hoặc hạn chế sự hoạt động và sự phát triển của nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không. (WRC-2000)

5.338A Các băng tần 1350-1400 MHz, 1427-1452 MHz, 22,55-23,55 GHz, 24,25-27,5 GHz, 30-31,3 GHz, 49,7-50,2 GHz, 50,4-50,9 GHz, 51,4-52,4 GHz, 52,4-52,6 GHz, 81-86 GHz và 92-94 GHz áp dụng Nghị quyết 750 (WRC-19 sửa đổi). (WRC-19)

5.339 Các băng tần 1370-1400 MHz, 2640-2655 MHz, 4950-4990 MHz và 15,20-15,35 GHz cũng được phân chia cho các nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ (thụ động) và Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (thụ động) làm nghiệp vụ phụ.

5.340 Tất cả các phát xạ bị cấm trong các băng tần sau:

1400-1427 MHz,	
2690-2700 MHz,	trừ các phát xạ được nêu trong chú thích 5.422,
10,68-10,7 GHz,	trừ các phát xạ được nêu trong chú thích 5.483,
15,35-15,4 GHz,	trừ các phát xạ được nêu trong chú thích 5.511,
23,6-24 GHz,	
31,3-31,5 GHz,	
31,5-31,8 GHz,	trong Khu vực 2,
48,94-49,04 GHz,	từ các đài trên không,
50,2-50,4 GHz,	
52,6-54,25 GHz,	
86-92 GHz,	
100-102 GHz,	
109,5-111,8 GHz,	
114,25-116 GHz,	
148,5-151,5 GHz,	
164 -167 GHz,	
182-185 GHz,	
190-191,8 GHz,	
200-209 GHz,	
226-231,5 GHz,	
250-252 GHz.	(WRC-03)

5.341 Trong các băng tần 1400-1727 MHz, 101-120 GHz và 197-220 GHz, nghiên cứu thụ động đang được tiến hành bởi một số quốc gia trong một chương trình nghiên cứu các phát xạ có chủ ý từ ngoài Trái đất.

5.341C Các băng tần 1,427–1,452 MHz và 1,492–1,518 MHz được xác định để các nước trong Khu vực 3 có thể sử dụng để triển khai hệ thống thông tin di động IMT, theo Nghị quyết 223 (WRC-15 sửa đổi). Tuy nhiên, nếu muốn sử dụng dải tần 1,429–1,452 MHz và 1,492–1,518 MHz cho hệ thống thông tin di động IMT thì các nước đó cần phải thỏa thuận với các quốc gia đang sử dụng các băng tần này cho nghiệp vụ Di động hàng không theo Khoản 9.21. Việc xác định này không có nghĩa là các ứng dụng khác thuộc các nghiệp vụ đã được phân chia trong các băng tần này bị hạn chế sử dụng và cũng không có nghĩa là hệ thống thông tin di động IMT được ưu tiên hơn trong Thẻ lệ vô tuyến điện. (WRC-15)

5.343 Ở Khu vực 2, việc sử dụng băng tần 1435-1535 MHz bởi nghiệp vụ Di động hàng không để đo xa được ưu tiên so với các ứng dụng khác của nghiệp vụ Di động.

5.344 Phân chia thay thế: ở Hoa Kỳ, băng tần 1452-1525 MHz được phân chia cho nghiệp vụ Cố định và Di động làm nghiệp vụ chính (xem thêm chú thích 5.343).

5.345 Việc sử dụng băng tần 1452-1492 MHz bởi nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh và nghiệp vụ Quảng bá chỉ giới hạn cho phát thanh số và phải tuân theo các điều khoản trong Nghị quyết 528 (WRC-19 sửa đổi). (WRC-19)

5.346A Băng tần 1452–1492 MHz được các quốc gia thuộc Khu vực 3 xác định sử dụng cho việc triển khai hệ thống thông tin di động IMT, theo Nghị quyết 223 và 761 (WRC-19 sửa đổi). Việc sử dụng băng tần này để triển khai hệ thống thông tin di động IMT chỉ được thực hiện sau khi đạt được sự đồng thuận (theo quy định tại Khoản 9.21 của Thẻ lệ vô tuyến điện) với các quốc gia đang sử dụng băng tần này cho nghiệp vụ Di động hàng không. Việc xác định này không có nghĩa là các ứng dụng khác thuộc các nghiệp vụ đã được phân chia trong băng tần này bị hạn chế sử dụng và cũng không có nghĩa là hệ thống thông tin di động IMT được ưu tiên hơn trong Thẻ lệ vô tuyến điện. (WRC-19)

5.348 Việc sử dụng băng tần 1518-1525 MHz bởi nghiệp vụ Di động qua vệ tinh phải tuân theo sự phối hợp quy định trong khoản 9.11A. Trong băng tần 1518-1525 MHz các đài thuộc nghiệp vụ Di động qua vệ tinh không được yêu cầu bảo vệ từ các đài thuộc nghiệp vụ Cố định. Chú thích 5.43A không được áp dụng. (WRC-03)

5.348A Trong băng tần 1518-1525 MHz, ngưỡng phối hợp của các mức mật độ thông lượng công suất tại mặt đất khi áp dụng khoản 9.11A cho các đài không gian thuộc nghiệp vụ Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ), đối với nghiệp vụ Di động mặt đất sử dụng cho các hệ thống di động đặc biệt hay dùng chung với các mạng điện thoại chuyển mạch công cộng (PSTN) hoạt động trên lãnh thổ Nhật Bản, sẽ là -150 dB(W/m²) trong độ rộng băng 4 kHz

cho tất cả các góc tới, thay thế cho các mức được chỉ ra trong Bảng 5-2 của Phụ lục 5. Trong băng tần 1518-1525 MHz, các đài thuộc nghiệp vụ Di động qua vệ tinh không được yêu cầu bảo vệ nhiều từ các đài thuộc nghiệp vụ Di động trong lãnh thổ Nhật Bản. Chú thích 5.43A của Thẻ lệ vô tuyến điện không được áp dụng. (WRC-03)

5.348B Trong băng tần 1518-1525 MHz, các đài thuộc nghiệp vụ Di động qua vệ tinh sẽ không được yêu cầu bảo vệ từ các đài đo xa của Di động hàng không thuộc nghiệp vụ Di động trên lãnh thổ Hoa Kỳ (xem chú thích 5.343 và 5.344) và ở các nước được liệt kê trong chú thích 5.342 của Thẻ lệ vô tuyến điện. Chú thích 5.43A của Thẻ lệ vô tuyến điện không được áp dụng. (WRC-03)

5.349 Loại nghiệp vụ khác: ở A-rập Xê-út, A-déc-bai-gian, Ba-ranh, Camơ-run, Gi-bu-ti, Ai Cập, I-ran, I-rắc, I-xra-en, Cô-oét, Li-băng, Bắc Ma-xê-đô-ni-a, Ma-rốc, Ca-ta, Cộng hòa Ả Rập Syria, Cư-rơ-gư-xtan, Tuốc-mê-ni-xtan và Y-ê-men, việc phân chia băng tần 1525-1530 MHz cho nghiệp vụ Di động, trừ Di động hàng không, làm nghiệp vụ chính (xem khoản 5.33). (WRC-23)

5.351 Các băng tần 1525-1544 MHz; 1545-1559 MHz; 1626,5-1645,5 MHz và 1646,5-1660,5 MHz sẽ không được sử dụng cho các đường tiếp sóng của bất kỳ nghiệp vụ nào. Tuy nhiên, trong các trường hợp ngoại lệ, một đài trái đất tại một điểm cố định thuộc một nghiệp vụ Di động qua vệ tinh nào đó có thể được cấp phép bởi một cơ quan quản lý để liên lạc qua các đài Vũ trụ sử dụng các băng tần trên.

5.351A Để sử dụng các băng tần 1518-1544 MHz, 1545-1559 MHz, 1610-1645,5 MHz, 1646,5-1660,5 MHz, 1668-1675 MHz, 1980-2010 MHz, 2170-2200 MHz, 2483,5-2520 MHz và 2670-2690 MHz cho nghiệp vụ Di động qua vệ tinh, xem Nghị quyết 212 (WRC-23 sửa đổi) và 225 (WRC-23 sửa đổi). (WRC-23)

5.352A Trong băng tần 1525-1530 MHz, các đài thuộc nghiệp vụ Di động qua vệ tinh trừ các đài thuộc nghiệp vụ Di động hàng hải qua vệ tinh, không được gây nhiễu có hại hoặc kháng nghị nhiễu có hại từ các đài thuộc nghiệp vụ Cố định ở An-giê-ri, A-rập Xê-út, Ai Cập, Ghi-nê, Ấn Độ, I-xra-en, I-ta-li-a, Gióc-đa-ni, Cô-oét, Ma-li, Ma-rốc, Mô-ri-ta-ni, Ni-giê-ri-a, Ô-man, Pa-ki-xtan, Phi-líp-pin, Ca-ta, A-rập Xi-ri, Việt Nam và Y-ê-men đã thông báo trước ngày 01 tháng 04 năm 1998. (WRC-19)

5.353A Khi áp dụng các thủ tục trong phần II Điều 9 cho nghiệp vụ Di động qua vệ tinh trong các băng tần 1530-1544 MHz và 1626,5-1645,5 MHz, các yêu cầu phổ tần cho thông tin cứu nạn, khẩn cấp và an toàn của hệ thống an toàn và cứu nạn hàng hải toàn cầu (GMDSS) được ưu tiên cung cấp. Thông tin cứu nạn, khẩn cấp và an toàn di động hàng hải qua vệ tinh được ưu tiên truy cập và có hiệu lực ngay trước tất cả các thông tin di động qua vệ tinh khác đang hoạt động trong mạng. Các hệ thống di động qua vệ tinh không được gây nhiễu không thể chấp nhận được cũng như không được yêu cầu bảo vệ nhiều từ thông tin cứu nạn, khẩn cấp và an toàn của hệ thống GMDSS. Lưu ý quyền ưu tiên

của các thông tin liên quan đến an toàn trong các nghiệp vụ Di động qua vệ tinh khác. Các quy định của Nghị quyết 222 (WRC-23 sửa đổi) được áp dụng. (WRC-23)

5.354 Việc sử dụng các băng tần 1525-1559 MHz và 1626-1660,5 MHz cho nghiệp vụ Di động qua vệ tinh phải thực hiện phối hợp theo **khoản 9.11A**.

5.355 Phân chia bổ sung: ở Ba-ranh, Băng-la-đét, Công-gô, Gi-bu-ti, Ai Cập, Ê-ri-tơ-rê-a, I-rắc, I-xra-en, Cô-oét, Ca-ta, Xy-ri, Xô-ma-li, Xu-đăng, Nam Xu-đăng, Sát, Tô-gô và Y-ê-men, các băng tần 1540-1559 MHz, 1610-1645,5 MHz và 1646,5-1660 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Cố định làm nghiệp vụ phụ. (WRC-12)

5.356 Việc sử dụng băng tần 1544-1545 MHz bởi nghiệp vụ Di động qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) được giới hạn cho thông tin an toàn và cứu nạn (xem Điều 31).

5.357 Các truyền dẫn trong băng tần 1545-1555 MHz từ các đài hàng không trên mặt đất trực tiếp đến các đài tàu bay, hoặc giữa các đài tàu bay với nhau trong nghiệp vụ Di động hàng không (R), cũng được cấp phép khi các truyền dẫn đó được sử dụng để mở rộng hoặc bổ sung vào các tuyến thông tin từ vệ tinh đến tàu bay.

5.357A Khi áp dụng các thủ tục trong phần II Điều 9 cho nghiệp vụ Di động qua vệ tinh trong các băng tần 1545-1555 MHz và 1646,5-1656,5 MHz, phải ưu tiên các yêu cầu về phổ tần cho nghiệp vụ Di động hàng không qua vệ tinh (R) cung cấp để truyền dẫn các bản tin với mức độ ưu tiên từ 1 đến 6 trong Điều 44. Thông tin của nghiệp vụ Di động hàng không qua vệ tinh (R) với mức ưu tiên từ 1 đến 6 trong Điều 44 phải được ưu tiên truy cập và có hiệu lực ngay nếu cần thiết so với tất cả các thông tin di động qua vệ tinh khác đang hoạt động trong cùng một mạng. Các hệ thống di động qua vệ tinh không được gây nhiễu không thể chấp nhận được cho, hoặc kháng nghị nhiều từ thông tin của nghiệp vụ Di động hàng không qua vệ tinh (R) với mức ưu tiên từ 1 đến 6 trong Điều 44. Lưu ý quyền ưu tiên của các thông tin liên quan đến an toàn trong các nghiệp vụ Di động qua vệ tinh khác. Các điều khoản trong Nghị quyết 222 (WRC-23 sửa đổi) được áp dụng. (WRC-23)

5.359 Phân chia bổ sung: ở Đức, A-rập Xê-út, Ác-mê-ni-a, A-déc-bai-gian, Bê-la-rút, Ca-mơ-run, Liên bang Nga, Giê-oóc-gi-a, Ghi-nê, Ghi-nê Bít-xao, Gioóc-đa-ni, Ca-dắc-xtan, Cô-oét, Lít-va, Mô-ri-ta-ni, U-gan-đa, U-dơ-bê-ki-xtan, Pa-ki-xtan, Ba Lan, Cộng hòa Ả Rập Xy-ri, Cư-rơ-gu-xtan, Triều Tiên, Ru-ma-ni, Tát-gi-ki-xtan, Tuy-ni-di và Tuốc-mê-ni-xtan, các băng tần 1550-1559 MHz, 1610-1645,5 MHz và 1646,5-1660 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Cố định làm nghiệp vụ chính. Khuyến nghị các cơ quan quản lý thực hiện mọi nỗ lực để tránh triển khai các đài mới thuộc nghiệp vụ Cố định trong các băng tần này. (WRC-23)

5.362A Ở Hoa Kỳ, trong các băng tần 1555-1559 MHz và 1656,5-1660,5 MHz, nghiệp vụ Di động hàng không qua vệ tinh (R) phải được ưu tiên truy cập và có hiệu lực ngay nếu cần thiết so với tất cả các thông tin di động qua vệ tinh khác khai thác trong cùng một mạng. Các hệ thống di động qua vệ tinh không được gây nhiễu không thể chấp nhận cho, hoặc yêu cầu bảo vệ từ, thông tin của nghiệp vụ Di động hàng không qua vệ tinh với mức ưu tiên từ 1 đến 6 trong Điều 44. Cần phải lưu ý đến quyền ưu tiên của các thông tin liên quan đến an toàn trong các nghiệp vụ Di động qua vệ tinh khác. (WRC-97)

5.364 Việc sử dụng băng tần 1610-1626,5 MHz cho nghiệp vụ Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) và Vô tuyến xác định qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) phụ thuộc vào sự phối hợp theo khoản 9.11A. Một đài trái đất di động thuộc một trong hai nghiệp vụ trên hoạt động trong băng tần này không được có mật độ e.i.r.p đỉnh vượt quá -15 dB(W/4 kHz) trong phần của băng tần được sử dụng bởi các hệ thống đang hoạt động phù hợp với các quy định trong chú thích 5.366 (áp dụng khoản 4.10), trừ khi được các cơ quan quản lý bị ảnh hưởng chấp thuận. Trong phần băng tần mà các hệ thống như vậy không hoạt động, mật độ e.i.r.p trung bình của một đài trái đất di động không được vượt quá -3 dB(W/4 kHz). Các đài thuộc nghiệp vụ Di động qua vệ tinh không được yêu cầu bảo vệ nhiễu từ các đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không, các đài đang khai thác phù hợp với các quy định trong chú thích 5.366 và các đài thuộc nghiệp vụ Cố định đang khai thác phù hợp với các quy định trong chú thích 5.359. Các cơ quan quản lý chịu trách nhiệm phối hợp các mạng di động qua vệ tinh phải thực hiện mọi nỗ lực hữu hiệu để bảo vệ các đài đang hoạt động phù hợp với các quy định trong chú thích 5.366.

5.365 Việc sử dụng băng tần 1613,8-1626,5 MHz cho nghiệp vụ Di động qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) phụ thuộc vào sự phối hợp theo khoản 9.11A.

5.366 Băng tần 1610-1626,5 MHz được dành riêng trên toàn cầu cho việc sử dụng và phát triển các thiết bị điện tử trên tàu bay đối với phương tiện dẫn đường hàng không và bất kỳ phương tiện liên kết trực tiếp nào đặt trên mặt đất hoặc đặt trên vệ tinh. Việc sử dụng vệ tinh đó tuân theo thỏa thuận đạt được theo khoản 9.21.

5.367 Phân chia bổ sung: băng tần 1610-1626,5 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Di động hàng không qua vệ tinh (R) làm nghiệp vụ chính, tùy thuộc vào thỏa thuận đạt được theo khoản 9.21. (WRC-12)

5.368 Các quy định tại khoản 4.10 không áp dụng đối với các nghiệp vụ Vô tuyến xác định qua vệ tinh và Di động qua vệ tinh trong băng tần 1610-1626,5 MHz. Tuy nhiên, khoản 4.10 áp dụng trong băng tần 1610-1626,5 MHz đối với nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không qua vệ tinh khi hoạt động theo chú thích 5.366, nghiệp vụ Di động hàng không qua vệ tinh (R) khi hoạt động theo chú thích 5.367 và trong các băng tần 1614,4225-1618,725 MHz hoặc 1616,3-1620,38 MHz (chiều từ trái đất tới vũ trụ) (xem quyết định 5 của

Nghị quyết 365 (WRC-23)) và băng tần 1621,35-1626,5 MHz đối với nghiệp vụ Di động hàng hải qua vệ tinh khi được sử dụng cho hệ thống an toàn và cứu nạn hàng hải quốc tế (GMDSS). Khi áp dụng thủ tục tại phần II Điều 9, quy định tại khoản 4.10 không áp dụng cho các băng tần 1614,225-1618,725 MHz hoặc 1616,3-1620,38 MHz (chiều từ trái đất tới vũ trụ) (xem quyết định 5 của Nghị quyết 365 (WRC-23)) và băng tần 2483,59-2499,91 MHz (chiều từ vũ trụ tới trái đất) cho nghiệp vụ Di động hàng hải qua vệ tinh khi được sử dụng cho GMDSS với các mạng hoặc hệ thống vệ tinh đã nhận được thông tin phối hợp đầy đủ bởi Cục Vô tuyến điện trước ngày 20 tháng 11 năm 2023. Áp dụng Nghị quyết 365 (WRC-23). (WRC-23)

5.369 Loại nghiệp vụ khác: ở Ăng-gô-la, Ô-xơ-rây-li-a, Trung Quốc, Ê-ri-to-rê-a, Ê-ti-ô-pi-a, Ấn Độ, I-ran, I-xra-en, Li-băng, Li-bê-ri-a, Ma-đa-gát-xca, Ma-li, Pa-ki-xtan, Pa-pu-a Niu Ghi-nê, Xy-ri, Cộng hoà Dân chủ Công-gô, Xu-đăng, Nam Xu-đăng, Tô-gô và Dăm-bi-a, băng tần 1610-1626,5 MHz được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến xác định qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) làm nghiệp vụ chính (xem chú thích 5.33 của Thẻ lệ vô tuyến điện), tùy thuộc vào thỏa thuận đạt được theo khoản 9.21 từ các nước không được liệt kê trong chú thích này. (WRC-12)

5.372 Các đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến xác định qua vệ tinh và Di động qua vệ tinh không được gây nhiễu có hại cho các đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến thiên văn sử dụng băng tần 1610,6-1613,8 MHz (áp dụng khoản 29.13). Mật độ thông lượng công suất tương đương (epfd) được tạo ra trong băng tần 1610,6-1613,8 MHz bởi tất cả các đài vũ trụ trong hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh trong nghiệp vụ Di động qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) hoạt động trong băng tần 1613,8-1626,5 MHz phải tuân thủ các tiêu chí bảo vệ trong Khuyến nghị ITU-R RA.769-2 và ITU-R RA.1513-2, sử dụng phương pháp được đưa ra trong Khuyến nghị ITU-R M.1583-1 và mẫu ăng-ten Vô tuyến thiên văn được mô tả trong Khuyến nghị ITU-R RA.1631-0. (WRC-19)

5.372A Nghiệp vụ Di động hàng hải qua vệ tinh trong các băng tần 1614,225-1618,725 MHz hoặc 1616,3-1620,38 MHz (chiều từ trái đất tới vũ trụ) (xem quyết định 5 của Nghị quyết 365 (WRC-23)) và băng tần 2483,59-2499,91 MHz (chiều từ vũ trụ tới trái đất) khi chúng được sử dụng cho hệ thống an toàn và cứu nạn hàng hải quốc tế (GMDSS) bị giới hạn bởi các mạng vệ tinh địa tĩnh được xác định trong Nghị quyết 365 (WRC-23) và các đài trái đất liên quan của chúng nằm trong khu vực nghiệp vụ từ kinh độ 75°E đến 135°E và từ vĩ độ 10°N đến 55°N. Áp dụng Nghị quyết 365 (WRC-23). (WRC-23)

5.373 Các đài thu trái đất di động hàng hải trong băng tần 1621,35-1626,5 MHz không được áp đặt các ràng buộc bổ sung đối với các đài trái đất hoạt động trong nghiệp vụ Di động hàng hải qua vệ tinh hoặc các đài mặt đất hàng hải của nghiệp vụ Vô tuyến xác định qua vệ tinh hoạt động theo Thẻ lệ vô tuyến điện trong băng tần 1610-1621,35 MHz hoặc các đài trái đất hoạt động trong

ng nghiệp vụ Di động hàng hải qua vệ tinh hoạt động theo Thể lệ vô tuyến điện trong băng tần 1626,5-1660,5 MHz, trừ khi có thỏa thuận khác giữa các cơ quan quản lý thông báo. (WRC-19)

5.373A Các đài thu trái đất Di động hàng hải trong băng tần 1621,35-1626,5 MHz sẽ không áp đặt các ràng buộc đối với việc ấn định các đài trái đất của nghiệp vụ Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) và nghiệp vụ Vô tuyến xác định qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) trong băng tần 1621,35-1626,5 MHz trong các mạng đã hoàn thành đăng ký phối hợp được Cục Vô tuyến điện nhận trước ngày 28 tháng 10 năm 2019. (WRC-19)

5.374 Các đài trái đất di động thuộc nghiệp vụ Di động qua vệ tinh hoạt động trong các băng tần 1631,5-1634,5 MHz và 1656,5-1660 MHz không được gây nhiễu có hại cho các đài thuộc nghiệp vụ Cố định ở các nước được liệt kê trong chú thích 5.359. (WRC-97)

5.375 Việc sử dụng băng tần 1645,5-1646,5 MHz cho nghiệp vụ Di động qua vệ tinh (chiều từ trái đất tới vũ trụ) và cho các tuyến liên kết giữa các vệ tinh được dành riêng cho các thông tin an toàn cứu nạn (xem Điều 31). (WRC-23)

5.376 Các truyền dẫn trong băng tần 1646,5-1656,5 MHz từ các đài trên tàu bay thuộc nghiệp vụ Di động hàng không (R) trực tiếp đến các đài hàng không mặt đất, hoặc giữa các đài tàu bay, cũng được phép khi các truyền dẫn đó được dùng để mở rộng hoặc bổ sung cho các tuyến từ tàu bay tới vệ tinh.

5.376A Các đài Trái đất di động khai thác trong băng tần 1660-1660,5 MHz không được gây nhiễu có hại cho các đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến thiên văn. (WRC-97)

5.379 Phân chia bổ sung: ở Băng-la-dét, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, Ni-giê-ri-a và Pa-ki-xtan, băng tần 1660,5-1668,4 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Trợ giúp khí tượng làm nghiệp vụ phụ.

5.379A Yêu cầu các cơ quan quản lý thực hiện tất cả sự bảo vệ khả thi trong băng tần 1660,5-1668,4 MHz cho việc nghiên cứu trong tương lai thuộc nghiệp vụ Vô tuyến thiên văn, đặc biệt bằng cách loại bỏ các truyền dẫn từ không gian tới mặt đất trong nghiệp vụ Trợ giúp khí tượng trong băng tần 1664,4-1668,4 MHz càng sớm càng tốt.

5.379B Việc sử dụng băng tần 1668-1675 MHz cho nghiệp vụ Di động qua vệ tinh phải tuân thủ sự phối hợp theo khoản 9.11A. (WRC-23)

5.379C Để bảo vệ nghiệp vụ Vô tuyến thiên văn trong băng tần 1668-1670 MHz, các giá trị mật độ thông lượng công suất tổng do các đài trái đất di động trong một mạng Di động qua vệ tinh hoạt động trong băng tần này tạo ra không được vượt quá -181 dB(W/m²) trong 10 MHz và -194 dB(W/m²) trong mọi băng tần 20 kHz tại bất kỳ đài vô tuyến thiên văn nào đã được ghi trong Bảng đăng ký tần số chủ quốc tế, nhiều hơn 2% các chu kỳ tích hợp 2.000 giây. (WRC-03)

5.379D Nghị quyết 744 (WRC-23 sửa đổi) phải được áp dụng đối với việc dùng chung băng tần 1668,4-1675 MHz giữa nghiệp vụ Di động qua vệ tinh và các nghiệp vụ Cố định và Di động. (WRC-23)

5.379E Trong băng tần 1668,4-1675 MHz, các đài thuộc nghiệp vụ Di động qua vệ tinh không được gây nhiễu có hại cho các đài thuộc nghiệp vụ Trợ giúp khí tượng ở Trung Quốc, I-ran, Nhật Bản và U-dơ-bê-ki-xtan. Trong băng tần 1668,4-1675 MHz, các cơ quan quản lý được yêu cầu không triển khai các hệ thống mới thuộc nghiệp vụ Trợ giúp khí tượng và được khuyến khích di chuyển sớm các hệ thống Trợ giúp khí tượng đang hoạt động sang các băng tần khác ngay khi có thể. (WRC-03)

5.380A Trong băng tần 1670-1675 MHz, các đài thuộc nghiệp vụ Di động qua vệ tinh không được gây nhiễu có hại cho, hoặc cản trở sự phát triển của các đài trái đất đang khai thác thuộc nghiệp vụ Khí tượng qua vệ tinh đã được thông báo trước ngày 01 tháng 01 năm 2004. Bất kỳ ấn định mới nào cho các đài trái đất trong băng tần này đều phải được bảo vệ khỏi nhiễu có hại từ các đài thuộc nghiệp vụ Di động qua vệ tinh. (WRC-07)

5.381 Phân chia bổ sung: ở Áp-ga-ni-xtan, Cu-ba, Ấn Độ, I-ran và Pa-ki-xtan, băng tần 1690-1700 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Cố định và Di động, trừ Di động hàng không, làm nghiệp vụ chính. (WRC-12)

5.384 Phân chia bổ sung: ở Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a và Nhật Bản, băng tần 1700-1710 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) làm nghiệp vụ chính. (WRC-97)

5.384A Các băng tần 1710–1885 MHz, 2300–2400 MHz và 2500–2690 MHz, hoặc một phần của các băng tần này, được các quốc gia xác định để sử dụng cho việc triển khai hệ thống thông tin di động IMT, theo Nghị quyết 223 (WRC-15 sửa đổi). Việc xác định này không có nghĩa là các ứng dụng khác thuộc các nghiệp vụ đã được phân chia trong băng tần này bị hạn chế sử dụng và cũng không có nghĩa là hệ thống thông tin di động IMT được ưu tiên hơn trong Thể lệ vô tuyến điện. (WRC-19)

5.385 Phân chia bổ sung: băng tần 1718,8-1722,2 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến thiên văn làm nghiệp vụ phụ để quan trắc vạch quang phổ. (WRC-2000)

5.386 Phân chia bổ sung: băng tần 1750-1850 MHz cũng được phân chia cho các nghiệp vụ Khai thác Vũ trụ (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) và Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) ở Khu vực 2 (trừ Mê-xi-cô), ở Ô-xơ-rây-li-a, Gu-am, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a và Nhật Bản làm nghiệp vụ chính, tùy thuộc vào thỏa thuận đạt được theo khoản 9.21, đặc biệt chú ý đến các hệ thống tán xạ tầng đối lưu. (WRC-15)

5.387 Phân chia bổ sung: ở Bê-la-rút, Giê-oóc-gi-a, Cu-rơ-gu-xtan, Ru-ma-ni, Tát-gi-ki-xtan và Tuốc-mê-ni-xtan, băng tần 1770-1790 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Khí tượng qua vệ tinh làm nghiệp vụ chính, tùy thuộc vào thỏa thuận đạt được theo Khoản 9.21. (WRC-23)

5.388 Các băng tần 1885-2025 MHz và 2110-2200 MHz được các quốc gia dự kiến sử dụng trên phạm vi toàn cầu cho hệ thống thông tin di động IMT. Việc sử dụng băng tần này cho hệ thống IMT không hạn chế việc sử dụng các băng tần này bởi các nghiệp vụ khác mà chúng được phân chia. Các băng tần này nên được chuẩn bị để có thể dùng cho hệ thống IMT theo Nghị quyết 212 (WRC-23 sửa đổi) (xem thêm Nghị quyết 223 (WRC-23 sửa đổi)). (WRC-23)

5.388A Ở Khu vực 1 và Khu vực 3, các băng tần 1710-1980 MHz, 2010-2025 MHz và 2110-2170 MHz, và ở Khu vực 2, băng tần 1710-1980 MHz và 2110-2160 MHz được xác định để sử dụng cho các đài gốc IMT đặt trên tầng cao khí quyển (đài HIBS). Việc xác định này không hạn chế việc sử dụng các băng tần này bởi bất kỳ ứng dụng nào thuộc các nghiệp vụ đã được phân chia và không đặt ra sự ưu tiên trong Thê lệ vô tuyến điện. Nghị quyết 221 (WRC-23 sửa đổi) được áp dụng. Đài HIBS không được yêu cầu bảo vệ nhiều từ các nghiệp vụ chính hiện có. Không áp dụng Khoản 5.43A. Việc sử dụng đài HIBS như vậy trong các băng tần 1710-1785 MHz ở Khu vực 1 và 2, và 1710-1815 MHz ở Khu vực 3 bị giới hạn bởi khả năng thu của đài HIBS và ở băng tần 2110-2170 MHz bị giới hạn bởi khả năng truyền dẫn từ HIBS. (WRC-23)

5.389A Việc sử dụng các băng tần 1980-2010 MHz và 2170-2200 MHz cho nghiệp vụ Di động qua vệ tinh phụ thuộc vào sự phối hợp theo khoản 9.11A và các quy định của Nghị quyết 716 (WRC-23 sửa đổi). (WRC-23)

5.389B Việc sử dụng băng tần 1980-1990 MHz của nghiệp vụ Di động vệ tinh sẽ không gây nhiều có hại hoặc hạn chế sự phát triển của các nghiệp vụ Cố định và Di động ở Ác-hen-ti-na, Bra-xin, Ca-na-đa, Chi-lê, Ê-cu-a-đo, Hoa Kỳ, Hôn-đu-rát, Gia-mai-ca, Mê-xi-cô, Pa-ra-goay, Pê-ru, Xu-ri-nam, Tri-ni-đát và Tô-ba-gô, U-ru-goay và Vê-nê-du-ê-la. (WRC-19)

5.389F Tại An-giê-ri, Cáp-ve, Ai Cập, I-ran, Ma-li, A-rập Xi-ri và Tuyni-đi, việc sử dụng các băng tần 1980-2010 MHz và 2170-2200 MHz của nghiệp vụ Di động vệ tinh sẽ không gây nhiều có hại cho các nghiệp vụ Cố định và Di động, không gây cản trở sự phát triển của các nghiệp vụ Cố định và Di động trước ngày 1 tháng 1 năm 2005, cũng như nghiệp vụ trước sẽ không được yêu cầu bảo vệ nhiều bởi các nghiệp vụ sau. (WRC-19)

5.391 Khi thực hiện các ấn định cho nghiệp vụ Di động trong các băng tần 2025-2110 MHz và 2200-2290 MHz, các cơ quan quản lý không được triển khai các hệ thống di động mật độ cao, như được mô tả trong Khuyến nghị ITU-R SA.1154-0, và lưu ý khuyến nghị này khi triển khai bất kỳ loại hệ thống di động nào khác. (WRC-15)

5.392 Yêu cầu các cơ quan quản lý thực hiện tất cả biện pháp khả thi để đảm bảo rằng các truyền dẫn từ Vũ trụ tới Vũ trụ giữa hai hoặc nhiều vệ tinh phi địa tĩnh, trong các nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ, Khai thác Vũ trụ và Thăm dò Trái đất qua vệ tinh trong các băng tần 2025-2110 MHz và 2200-2290 MHz, sẽ không áp đặt bất kỳ sự hạn chế nào lên các truyền dẫn từ Trái đất tới Vũ trụ, từ Vũ trụ tới Trái đất và các truyền dẫn từ Vũ trụ tới Vũ trụ khác của các nghiệp vụ đó và trong các băng tần trên giữa các vệ tinh địa tĩnh và phi địa tĩnh.

5.393 Phân chia bổ sung: ở Ca-na-đa, Hoa Kỳ và Ấn Độ, băng tần 2310-2360 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh (phát thanh) và nghiệp vụ Phát thanh mặt đất hỗ trợ làm nghiệp vụ chính. Việc sử dụng này được hạn chế cho phát thanh kỹ thuật số và tùy thuộc vào các quy định của Nghị quyết 528 (WRC-19 sửa đổi), ngoại trừ Quyết định 03 liên quan đến giới hạn của các hệ thống quảng bá qua vệ tinh trên 25 MHz. Các đài Phát thanh mặt đất hỗ trợ phải chịu sự phối hợp song phương với các nước láng giềng trước khi đưa vào sử dụng. (WRC-19)

5.394 Ở Hoa Kỳ, việc sử dụng băng tần 2360-2395 MHz cho nghiệp vụ Di động hàng không để đo xa được ưu tiên hơn việc sử dụng cho nghiệp vụ Di động khác. Ở Ca-na-đa, việc sử dụng băng tần 2360-2400 MHz cho nghiệp vụ Di động hàng không để đo xa được ưu tiên hơn việc sử dụng cho nghiệp vụ Di động khác. (WRC-23)

5.398 Các quy định trong khoản 4.10 không áp dụng đối với nghiệp vụ Vô tuyến xác định qua vệ tinh trong băng tần 2483,5-2500 MHz.

5.401 Ở các nước Ăng-gô-la, Ô-xơ-rây-li-a, Băng-la-đét, Trung Quốc, Ê-ri-tơ-rê-a, Ê-xoa-ti-ni, Ê-ti-ô-pi-a, Ấn Độ, Li-băng, Li-bê-ri-a, Li-bi, Ma-đa-gát-xca, Ma-li, Pa-ki-xtan, Pa-pu-a Niu Ghi-nê, A-rập Xi-ri, Công-gô, Xu-đăng, Tô-gô và Dăm-bi-a băng tần 2483,5-2500 MHz đã được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến xác định qua vệ tinh làm nghiệp vụ chính từ trước WRC-12, tuân theo thỏa thuận đạt được theo khoản 9.21 từ các nước không được liệt kê tại điều này. Các hệ thống trong nghiệp vụ Vô tuyến xác định qua vệ tinh đã hoàn thành hồ sơ phối hợp được Cục Vô tuyến điện nhận trước ngày 18 tháng 2 năm 2012 thì ngày gửi hồ sơ đó vẫn được giữ nguyên kể từ ngày nhận được hồ sơ phối hợp. (WRC-19)

5.402 Việc sử dụng băng tần 2483,5-2500 MHz cho các nghiệp vụ Di động qua vệ tinh và Vô tuyến xác định qua vệ tinh phụ thuộc vào sự phối hợp theo khoản 9.11A. Yêu cầu các cơ quan quản lý phải thực hiện tất cả các biện pháp thiết thực để tránh nhiễu có hại cho nghiệp vụ Vô tuyến thiên văn từ các phát xạ trong băng tần 2483,5-2500 MHz, đặc biệt là các phát xạ gây ra bởi bức xạ hài bậc hai có thể rơi vào băng tần 4990-5000 MHz được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến thiên văn trên toàn cầu.

5.403 Tùy thuộc vào thỏa thuận đạt được theo khoản 9.21, băng tần 2520-2535 MHz cũng có thể được sử dụng cho nghiệp vụ Di động qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất), trừ Di động hàng không qua vệ tinh, khai thác trong phạm vi biên giới quốc gia. Áp dụng các quy định trong khoản 9.11A. (WRC-07)

5.404 Phân chia bổ sung: ở Ấn Độ và I-ran, băng tần 2500-2516,5 MHz cũng có thể được sử dụng cho nghiệp vụ Vô tuyến xác định qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) khai thác trong phạm vi các biên giới quốc gia, tùy thuộc vào thỏa thuận đạt được theo khoản 9.21.

5.407 Trong băng tần 2500-2520 MHz, mật độ thông lượng công suất tại bề mặt Trái đất của các đài Vũ trụ đang khai thác thuộc nghiệp vụ Di động qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) không được vượt quá $-152 \text{ dB (W/(m}^2 \cdot 4 \text{ kHz))}$ ở Ác-hen-ti-na, trừ khi được sự đồng ý của các cơ quan quản lý liên quan.

5.409A Băng tần 2500-2690 MHz ở Khu vực 1 và 2, và băng tần 2500-2655 MHz ở Khu vực 3 được xác định cho các đài IMT đặt trên tầng cao khí quyển (đài HIBS) sử dụng. Việc xác định này không hạn chế việc sử dụng các băng tần này bởi bất kỳ ứng dụng nào thuộc các nghiệp vụ đã được phân chia và không đặt ra sự ưu tiên trong Thẻ lệ vô tuyến điện. Nghị quyết 218 (WRC-23) được áp dụng. Đài HIBS không được yêu cầu bảo vệ khỏi nhiễu từ các nghiệp vụ chính hiện có. Không áp dụng Khoản 5.43A. Việc sử dụng trạm HIBS như vậy trong các băng tần 2500-2510 MHz ở Khu vực 1 và 2 và 2500-2535 MHz ở Khu vực 3 bị giới hạn bởi khả năng thu của HIBS. (WRC-23)

5.410 Băng tần 2500-2690MHz cũng được sử dụng cho các hệ thống tán xạ tầng đối lưu ở Khu vực 1, tuân theo thỏa thuận nhận được tại khoản 9.21. Khoản 9.21 không áp dụng tới các tuyến tán xạ tầng đối lưu đặt ở vị trí hoàn toàn bên ngoài Khu vực 1. Các cơ quan quản lý phải thực hiện tất cả các nỗ lực cần thiết để tránh phát triển các hệ thống tán xạ tầng đối lưu mới trong băng tần này. Khi quy hoạch các tuyến vô tuyến chuyển tiếp tán xạ tầng đối lưu mới trong băng tần này, phải tiến hành tất cả những biện pháp có thể để tránh chĩa thẳng anten của các tuyến này về phía quỹ đạo của vệ tinh địa tĩnh. (WRC-12)

5.413 Khi thiết kế các hệ thống thuộc nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh trong các băng tần giữa 2500 MHz và 2690 MHz, các cơ quan quản lý được khuyến khích thực hiện các biện pháp thích hợp để bảo vệ nghiệp vụ Vô tuyến thiên văn trong băng tần 2690-2700 MHz.

5.414 Việc phân chia băng tần 2500-2520 MHz cho nghiệp vụ Di động qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) phụ thuộc vào sự phối hợp theo khoản 9.11A.

5.414A Ở Nhật Bản và Ấn Độ, việc sử dụng các băng tần 2500-2520MHz và 2520-2535MHz, theo chú thích 5.403, bởi một mạng vệ tinh trong nghiệp vụ Di động qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) được giới hạn cho việc khai thác trong biên giới quốc gia và phụ thuộc vào việc áp dụng khoản 9.11A. Các giá trị pfd sau đây sẽ được áp dụng như ngưỡng phối hợp theo khoản 9.11A, với tất cả các điều kiện và tất cả các phương pháp điều chế, trong khu vực 1000km xung quanh lãnh thổ của cơ quan quản lý thông báo mạng nghiệp vụ Di động qua vệ tinh.

-136	dB (W/(m ² .MHz))	với $0^{\circ} \leq \theta \leq 5^{\circ}$
-136 + 0,55 ($\theta - 5$)	dB (W/(m ² .MHz))	với $5^{\circ} \leq \theta \leq 25^{\circ}$
-125	dB (W/(m ² .MHz))	với $25^{\circ} \leq \theta \leq 90^{\circ}$

Trong đó θ là góc ngẩng, đơn vị là độ. Bên ngoài khu vực này, áp dụng Bảng 21-4 của Điều 21. Hơn nữa, các ngưỡng phối hợp trong Bảng 5-2 của phụ lục 1 của Phụ lục 5 của Thẻ lệ vô tuyến (xuất bản năm 2004), cùng với các quy định có thể áp dụng của các Điều 9 và 11 kết hợp với khoản 9.11A, sẽ áp dụng cho các hệ thống mà thông tin thông báo đầy đủ đã được Ủy ban Thông tin vô tuyến nhận đến ngày 14/11/2007 và được đưa vào sử dụng vào khoảng thời gian này. (WRC-07)

5.415 Việc sử dụng các băng tần 2500-2690 MHz ở Khu vực 2 và 2500-2535 MHz và 2655-2690 MHz ở Khu vực 3 cho nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh được giới hạn cho các hệ thống quốc gia và khu vực phụ thuộc vào thỏa thuận đạt được theo khoản 9.21, đặc biệt chú ý đến nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh ở Khu vực 1. (WRC-07)

5.415A Phân chia bổ sung: ở Ấn Độ và Nhật Bản, tùy thuộc vào thỏa thuận đạt được theo khoản 9.21, băng tần 2515-2535 MHz cũng có thể được sử dụng cho nghiệp vụ Di động hàng không qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) để khai thác trong phạm vi biên giới quốc gia. (WRC-2000)

5.416 Việc sử dụng băng tần 2520-2670 MHz cho nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh được dành riêng cho các hệ thống của quốc gia và khu vực để thu cộng đồng phụ thuộc vào thỏa thuận đạt được theo khoản 9.21. Các cơ quan quản lý áp dụng khoản 9.19 trong băng tần này trong các cuộc đàm phán song phương và đa phương.

5.418 Phân chia bổ sung: ở Ấn Độ, băng tần 2535-2655 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh (phát thanh) và nghiệp vụ Quảng bá mặt đất hỗ trợ làm nghiệp vụ chính. Việc sử dụng này được giới hạn cho phát thanh số và tuân theo các quy định của Nghị quyết 528 (WRC-19 sửa đổi). Các quy định của chú thích 5.416 và Bảng 21-4 của Điều 21 không áp dụng cho phân chia bổ sung này. Việc sử dụng các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh (phát thanh) tuân theo Nghị quyết 539 (WRC-19 sửa đổi). Các hệ thống thuộc nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh địa tĩnh (phát thanh) mà hoàn thành thông tin phối hợp theo Phụ lục 4 đã được nhận sau ngày 01 tháng 6 năm 2005 được giới hạn cho các hệ thống dự định phủ sóng quốc gia. Mật độ thông lượng công suất tại bề mặt Trái đất được tạo ra bởi các phát xạ từ một đài vũ trụ thuộc nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh địa tĩnh (phát thanh) hoạt động trong băng tần 2630-2655 MHz và hoàn thành hồ sơ phối hợp theo Phụ lục 4 đã được nhận sau ngày 01 tháng 6 năm 2005, không được vượt quá các giới hạn sau, trong mọi điều kiện và mọi phương pháp điều chế:

-130 dB(W/(m ² . MHz))	với $0^{\circ} \leq \theta \leq 5^{\circ}$
-130 + 0.4 ($\theta - 5$) dB(W/(m ² . MHz))	với $5^{\circ} < \theta \leq 25^{\circ}$
-122 dB(W/(m ² . MHz))	với $25^{\circ} < \theta \leq 90^{\circ}$

Trong đó θ là góc tới của sóng tới so với mặt phẳng ngang, đơn vị là độ. Có thể được vượt quá các giới hạn này ở lãnh thổ của bất kỳ nước nào nếu cơ quan quản lý ở nước đó đồng ý. Ngoại trừ các giới hạn ở trên, giá trị mật độ thông lượng công suất -122 dB (W/(m² . MHz)) được sử dụng như giá trị ngưỡng để thực hiện phối hợp theo khoản 9.11 trên một khu vực 1500 km xung quanh lãnh thổ của cơ quan quản lý gửi thông báo hệ thống nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh (phát thanh).

Ngoài ra, cơ quan quản lý được liệt kê trong quy định này không được đồng thời có hai ấn định tần số chồng nhau, một ấn định theo quy định này và ấn định còn lại theo chú thích 5.416 cho các hệ thống mà thông tin phối hợp theo Phụ lục 4 đã được nhận đầy đủ sau ngày 01 tháng 6 năm 2005. (WRC-19)

5.418A Ở các nước trong Khu vực 3 được liệt kê trong chú thích 5.418, việc sử dụng băng tần 2630-2655 MHz cho các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh (phát thanh) mà thông tin phối hợp đầy đủ, hoặc thông tin thông báo đầy đủ theo Phụ lục 4 được nhận sau ngày 02 tháng 6 năm 2000, phải tuân thủ các quy định trong khoản 9.12A, xét đến các mạng vệ tinh địa tĩnh mà toàn bộ thông tin phối hợp, hoặc thông tin thông báo trong Phụ lục 4 được xem như là đã được nhận sau ngày 02 tháng 6 năm 2000, và không áp dụng khoản 22.2. Quy định trong khoản 2.22 phải tiếp tục được áp dụng đối với các mạng vệ tinh địa tĩnh mà toàn bộ thông tin phối hợp, hoặc thông tin thông báo trong Phụ lục 4 được xem như là đã được nhận trước ngày 03 tháng 6 năm 2000. (WRC-03)

5.418B Việc sử dụng băng tần 2630-2655 MHz cho các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh (phát thanh), theo chú thích 5.418 mà toàn bộ thông tin phối hợp, hoặc thông tin thông báo trong Phụ lục 4 đã được nhận sau ngày 02 tháng 6 năm 2000 phải áp dụng các quy định trong khoản 9.12. (WRC-03)

5.418C Việc sử dụng băng tần 2630-2655 MHz cho các hệ thống vệ tinh địa tĩnh mà toàn bộ thông tin phối hợp, hoặc thông tin thông báo trong Phụ lục 4 đã được nhận sau ngày 02 tháng 6 năm 2000 phải áp dụng các quy định trong khoản 9.13 xét đến các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh (phát thanh), theo chú thích 5.418 và không áp dụng chú thích 2.22. (WRC-03)

5.419 Khi đưa các hệ thống thuộc nghiệp vụ Di động qua vệ tinh vào băng tần 2670-2690 MHz, các cơ quan quản lý được khuyến khích thực hiện các biện pháp thích hợp để bảo vệ các hệ thống vệ tinh đang hoạt động trong băng tần này trước ngày 03 tháng 3 năm 1992. Việc phối hợp các hệ thống di động qua vệ tinh trong băng tần này phải phù hợp với khoản 9.11A. (WRC-07)

5.420 Băng tần 2655-2670 MHz (đến ngày 01 tháng 01 năm 2005 là băng tần 2655-2690 MHz) cũng có thể được sử dụng cho nghiệp vụ Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ), trừ Di động hàng không qua vệ tinh, khai thác trong phạm vi biên giới quốc gia, tùy thuộc vào thỏa thuận đạt được theo khoản 9.21. Áp dụng việc phối hợp theo khoản 9.11A. (WRC-07)

5.422 Ở A-rập Xê-út, Ác-mê-ni-a, A-déc-bai-gian, Ba-ranh, Bê-la-rút, Bru-nây, Công-gô, Bờ Biển Ngà, Cu-ba, Gi-bu-ti, Ai Cập, A-rập Thống nhất, Ê-ri-tơ-rê-a, Ê-ti-ô-pi-a, Ga-bông, Giê-oóc-gi-a, Ghi-nê, Ghi-nê Bít-xao, I-ran, I-rắc, I-xra-en, Gioóc-đa-ni, Cô-oét, Li-băng, Mô-ri-ta-ni, Mông Cổ, Môn-tê-nê-grô, Ni-giê-ri-a, Ô-man, Pa-ki-xtan, Phi-líp-pin, Ca-ta, Xy-ri, Cư-rơ-gư-xtan, Cộng hoà Dân chủ Công-gô, Ru-ma-ni, Xô-ma-li, Tát-gi-ki-xtan, Tuy-ni-di, Tuốc-mê-ni-xtan, U-crai-na và Y-ê-men, băng tần 2690-2700 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Cố định và Di động, trừ Di động hàng không, làm nghiệp vụ chính. Việc sử dụng này được giới hạn cho các thiết bị đã khai thác từ trước ngày 01 tháng 01 năm 1985. (WRC-12)

5.423 Trong băng tần 2700-2900 MHz, các ra-đa đặt trên mặt đất sử dụng cho các mục đích khí tượng được phép khai thác trên cơ sở bình đẳng với các đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không.

5.424 Phân chia bổ sung: ở Ca-na-đa, băng tần 2850-2900 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng hải để sử dụng cho các ra-đa đặt trên bờ.

5.424A Trong băng tần 2900-3100 MHz, các đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến định vị không được gây nhiễu có hại cho, hoặc yêu cầu bảo vệ từ, các hệ thống ra-đa thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường. (WRC-03)

5.425 Trong băng tần 2900-3100 MHz, việc sử dụng hệ thống phát đáp đặt trên tàu biển (SIT) phải được giới hạn trong đoạn băng tần 2930-2950 MHz.

5.426 Việc sử dụng băng tần 2900-3100 cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không được dành riêng cho các ra-đa đặt trên mặt đất.

5.427 Trong các băng tần 2900-3100 MHz và 9300-9500 MHz, sự đáp ứng từ các bộ phát đáp không được gây nhầm lẫn với sự đáp ứng từ các pha ra-đa xác định mục tiêu (racons) và không được gây nhiễu cho các ra-đa tàu biển hoặc hàng không trong nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường, tuy nhiên cần chú ý đến khoản 4.9.

5.428 Phân chia bổ sung: ở Cư-rơ-gư-dơ-xtan và Tuốc-mê-ni-xtan, băng tần 3100-3300 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường làm nghiệp vụ chính. (WRC-19)

5.429 Phân chia bổ sung: ở A-rập Xê-út, Ba-ranh, Băng-la-đét, Bê-nanh, Bru-nây, Cam-pu-chia, Ca-mơ-run, Trung Quốc, Công-gô, Hàn Quốc, Bờ Biển Ngà, Gi-bu-ti, Ai Cập, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, I-ran, I-rắc, Nhật Bản, Gioóc-đa-ni, Kê-ni-a, Cô-oét, Lào, Li-băng, Li-bi, Ma-lay-xi-a, Mông Cổ, My-an-ma, Niu Di-lân, Ô-man, U-gan-đa, Pa-ki-xtan, Pa-lét-tin⁴, Ca-ta, Cộng hòa Ả Rập Xy-ri, Cộng hòa Dân chủ Công-gô, Triều Tiên, Xing-ga-po, Xô-ma-li, Xu-đăng, Thái Lan, Việt Nam và Y-ê-men,

⁴ Theo Nghị quyết 99 (Rev. Dubai, 2018) của Hội nghị toàn quyền và có tính đến Thỏa thuận tạm thời giữa Israel và Palestine ngày 28 tháng 9 năm 1995.

băng tần 3300-3400 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Cố định và Di động làm nghiệp vụ chính. Mông Cổ, Niu Di-lân và các nước tiếp giáp Địa Trung Hải không được yêu cầu bảo vệ cho các nghiệp vụ Cố định và Di động của nước mình từ nghiệp vụ Vô tuyến định vị. (WRC-23)

5.429E Phân chia bổ sung: ở Pa-pua Niu Ghi-nê, băng tần 3300-3400 MHz được phân chia cho nghiệp vụ Di động, trừ Di động hàng không, làm nghiệp vụ chính. Các đài thuộc nghiệp vụ Di động đang hoạt động trong băng tần 3300-3400 MHz không được gây nhiễu có hại, hoặc yêu cầu được bảo vệ từ, các đài đang hoạt động thuộc nghiệp vụ Vô tuyến định vị. (WRC-15)

5.429F Ở các quốc gia sau thuộc Khu vực 3: Cam-pu-chia, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, Lào, Pa-ki-xtan, Phi-líp-pin, Xing-ga-po và Việt Nam, việc sử dụng băng tần 3300-3400 MHz được xác định để sử dụng cho hệ thống thông tin di động (IMT). Việc sử dụng băng tần này phải tuân theo Nghị quyết 223 (WRC-23 sửa đổi). Việc sử dụng băng tần 3300-3400 MHz bởi các đài IMT thuộc nghiệp vụ Di động không được gây nhiễu có hại hoặc yêu cầu bảo vệ nhiễu từ các hệ thống trong nghiệp vụ Vô tuyến định vị. Trước khi cơ quan quản lý muốn đưa một đài gốc hoặc đài di động của hệ thống IMT vào sử dụng trong băng tần này, phải đạt được thỏa thuận theo khoản 9.21 với các nước láng giềng để bảo vệ nghiệp vụ Vô tuyến định vị. Việc xác định này không hạn chế việc sử dụng băng tần này bởi bất kỳ ứng dụng nào của các nghiệp vụ mà chúng được phân chia và không đặt ra quyền ưu tiên trong Thẻ lệ vô tuyến điện. (WRC-23)

5.432 Loại nghiệp vụ khác: ở Hàn Quốc, Nhật Bản, Pa-ki-xtan và Triều Tiên phân chia băng tần 3400-3500 MHz cho nghiệp vụ Di động, trừ Di động hàng không, làm nghiệp vụ chính (xem khoản 5.33). (WRC-19)

5.432A Ở Hàn Quốc, Nhật Bản, Pa-ki-xtan và Triều Tiên băng tần 3400-3500 MHz được xác định sử dụng cho hệ thống thông tin di động IMT. Việc xác định này không hạn chế việc sử dụng băng tần này bởi bất kỳ ứng dụng nào của các nghiệp vụ mà chúng được phân chia và không đặt ra sự ưu tiên trong Thẻ lệ vô tuyến điện. Ở giai đoạn phối hợp áp dụng các khoản 9.17 và 9.18. Trước khi một cơ quan quản lý muốn đưa một đài (gốc hoặc di động) thuộc nghiệp vụ di động vào sử dụng trong băng tần này phải bảo đảm rằng mật độ thông lượng công suất (pfd) sinh ra tại 3 m trên bề mặt Trái đất không được vượt quá -154,5 dB(W/(m² . 4 kHz)) với hơn 20% thời gian tại biên giới của lãnh thổ của cơ quan quản lý khác. Giới hạn này có thể được vượt quá trên lãnh thổ của nước mà cơ quan quản lý của nước đó đồng ý. Để đảm bảo đáp ứng giới hạn pfd tại biên giới của lãnh thổ của một cơ quan quản lý bất kỳ khác, phải thực hiện việc tính toán và kiểm tra, tính đến tất cả các thông tin liên quan, với thỏa thuận song phương của hai cơ quan quản lý (cơ quan quản lý chịu trách nhiệm về đài trên mặt đất và cơ quan quản lý chịu trách nhiệm về đài trái đất), với sự giúp đỡ của Cục Vô tuyến điện nếu cần thiết. Trong trường hợp không thỏa thuận được, việc tính toán và kiểm tra sẽ được thực hiện bởi Cục Vô tuyến

điện, tính đến các thông tin được đề cập ở trên. Các đài thuộc nghiệp vụ Di động trong băng tần 3400-3500 MHz không được yêu cầu bảo vệ thêm từ các đài vũ trụ ngoài các quy định trong Bảng 21-4 của Thẻ lệ vô tuyến điện (xuất bản năm 2004). (WRC-19)

5.432B Loại nghiệp vụ khác: ở Ô-xơ-rây-li-a, Băng-la-đét, Bru-nây, Trung Quốc, vùng lãnh thổ hải ngoại trên Khu vực 3 của Pháp, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, I-ran, Ma-lay-xi-a, Niu-Di-lân, Phi-lip-pin, Xing-ga-po và Thái Lan băng tần 3400-3500 MHz được phân chia cho nghiệp vụ Di động, trừ Di động hàng không làm nghiệp vụ chính, tuân theo thoả thuận đạt được theo khoản 9.21 với các cơ quan quản lý khác và được xác định sử dụng cho hệ thống thông tin di động IMT. Việc xác định này không hạn chế việc sử dụng băng tần này bởi bất kỳ ứng dụng nào của các nghiệp vụ mà chúng được phân chia và không đặt ra sự ưu tiên trong Thẻ lệ vô tuyến điện. Ở giai đoạn phối hợp áp dụng các Khoản 9.17 và 9.18. Trước khi một cơ quan quản lý muốn đưa một đài (đài gốc hoặc di động) thuộc nghiệp vụ Di động vào sử dụng trong băng tần này, phải đảm bảo rằng mật độ thông lượng công suất (pfd) sinh ra tại 3 m trên bề mặt Trái đất không được vượt quá $-154,5 \text{ dB(W/(m}^2 \cdot 4 \text{ kHz))}$ với hơn 20 % thời gian tại biên giới lãnh thổ của cơ quan quản lý khác. Giới hạn này có thể vượt quá trên lãnh thổ của nước mà cơ quan quản lý của nước đó đồng ý. Để đảm bảo đáp ứng giới hạn pfd tại biên giới lãnh thổ của một cơ quan quản lý bất kỳ khác, phải thực hiện việc tính toán và kiểm tra, tính đến tất cả các thông tin liên quan, với thoả thuận song phương của hai cơ quan quản lý (cơ quan quản lý chịu trách nhiệm về đài trên mặt đất và cơ quan quản lý chịu trách nhiệm về đài Trái đất), với sự giúp đỡ của Cục Vô tuyến điện nếu cần thiết. Trong trường hợp không thoả thuận được, Cục Vô tuyến điện sẽ thực hiện tính toán và kiểm tra, tính đến các thông tin được đề cập ở trên. Các đài thuộc nghiệp vụ Di động trong băng tần 3400-3500MHz không được yêu cầu việc bảo vệ thêm từ các đài vũ trụ ngoài các quy định trong Bảng 21-4 (xuất bản năm 2004). (WRC-19)

5.433 Ở Khu vực 2 và 3, băng tần 3400-3600 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến định vị làm nghiệp vụ chính. Tuy nhiên, yêu cầu các cơ quan quản lý đang khai thác các hệ thống vô tuyến định vị trong băng tần này đình chỉ khai thác vào năm 1985. Sau đó, các cơ quan quản lý được khuyến khích thực hiện các biện pháp thích hợp để bảo vệ nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh và các yêu cầu phối hợp không được đặt ra đối với nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh.

5.433A Ở Ô-xtrây-li-a, Băng-la-đét, Bru-nây, Trung Quốc, vùng lãnh thổ hải ngoại trên Khu vực 3 của Pháp, Hàn Quốc, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, I-ran, Nhật Bản, Niu Di-lân, Pa-ki-xtan, Phi-líp-pin, Triều Tiên và Xing-ga-po, băng tần 3500-3600 MHz được xác định cho hệ thống thông tin di động IMT. Việc xác định này không hạn chế việc sử dụng băng tần này bởi bất kỳ ứng dụng nào của các nghiệp vụ mà chúng được phân chia và không đặt ra sự ưu tiên trong Thẻ lệ vô tuyến điện. Ở giai đoạn phối hợp, áp dụng các khoản 9.17 và 9.18. Trước khi một cơ quan quản lý đưa một đài (đài gốc hoặc di động) thuộc nghiệp vụ Di động

vào sử dụng trong băng tần này, phải đảm bảo rằng mật độ thông lượng công suất (pfd) sinh ra ở độ cao 3 mét so với mặt đất không vượt quá - 154,5 dB(W/(m² . 4 kHz)) với hơn 20% thời gian tại biên giới lãnh thổ của cơ quan quản lý khác. Giới hạn này có thể bị vượt quá trên lãnh thổ của nước mà cơ quan quản lý của nước đó đồng ý. Để đảm bảo đáp ứng giới hạn pfd tại biên giới lãnh thổ của một cơ quan quản lý bất kỳ khác, phải thực hiện việc tính toán và kiểm tra, có tính đến tất cả các thông tin liên quan, với sự thỏa thuận song phương của cả hai cơ quan quản lý (cơ quan quản lý chịu trách nhiệm về đài trên mặt đất và cơ quan quản lý chịu trách nhiệm về đài trái đất), với sự hỗ trợ của Cục Vô tuyến điện nếu cần thiết. Trong trường hợp không thỏa thuận được, Cục Vô tuyến điện sẽ thực hiện việc tính toán và kiểm tra mật độ pfd, có tính đến các thông tin được đề cập ở trên. Các đài thuộc nghiệp vụ Di động trong băng tần 3500-3600 MHz không được yêu cầu bảo vệ thêm từ các đài vũ trụ ngoài các quy định trong Bảng 21-4 của Thẻ lệ vô tuyến điện (xuất bản năm 2004). (WRC-23)

5.435 Ở Nhật Bản, loại bỏ nghiệp vụ Vô tuyến định vị trong băng tần 3620-3700 MHz.

5.436 Việc sử dụng băng tần 4200-4400 MHz bởi các đài thuộc nghiệp vụ Di động hàng không (R) được dành riêng cho các hệ thống thông tin vô tuyến nội bộ hàng không hoạt động phù hợp với các tiêu chuẩn hàng không quốc tế đã được công nhận. Việc sử dụng này phải tuân theo Nghị quyết 424 (WRC-23 sửa đổi). (WRC-23)

5.437 Cảm biến thụ động trong các nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ và Thăm dò Trái đất qua vệ tinh có thể được phép hoạt động trong băng tần 4200-4400 MHz là nghiệp vụ phụ. (WRC-15)

5.438 Việc sử dụng băng tần 4200-4400 MHz cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không được dành riêng cho các cao kế vô tuyến đặt trên tàu bay và các bộ phát đáp liên kết đặt trên mặt đất. (WRC-15)

5.439 Phân chia bổ sung: ở Iran, băng tần 4200-4400 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Cố định làm nghiệp vụ phụ. (WRC-12)

5.440 Nghiệp vụ Tần số chuẩn và tín hiệu thời gian qua vệ tinh có thể được phép sử dụng tần số 4202 MHz cho các truyền dẫn từ Vũ trụ tới Trái đất và tần số 6427 MHz cho các truyền dẫn từ Trái đất tới Vũ trụ. Các truyền dẫn này bị hạn chế trong phạm vi ± 2 MHz từ các tần số trên, phụ thuộc vào thỏa thuận đạt được theo khoản 9.21.

5.441 Việc sử dụng các băng tần 4500-4800 MHz (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất), 6725-7025 MHz (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) cho nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh phải phù hợp với các quy định của Phụ lục 30B. Việc sử dụng các băng tần 10,7-10,95 GHz (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất), 11,2-11,45 GHz (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) và 12,75-13,25 GHz (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) cho các hệ thống vệ tinh địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh phải phù hợp với các quy định của Phụ lục 30B. Việc sử dụng các băng tần 10,7-10,95 GHz

(chiều từ Vũ trụ tới Trái đất), 11,2-11,45 GHz (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất), 12,75-13,25 GHz (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) cho hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh phụ thuộc vào việc áp dụng các quy định của khoản 9.12 về việc phối hợp với các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh khác thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh. Các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh không được yêu cầu bảo vệ từ các mạng vệ tinh địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh đang khai thác phù hợp với Thẻ lệ vô tuyến điện, bất kể ngày Cục Vô tuyến điện nhận được thông tin phối hợp đầy đủ hoặc thông tin thông báo đầy đủ về các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh và thông tin phối hợp đầy đủ hoặc thông tin thông báo đầy đủ về mạng vệ tinh địa tĩnh, và chú thích 5.43A không được áp dụng. Các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh trong các băng tần trên sẽ phải nhanh chóng loại trừ bất cứ nhiễu không thể chấp nhận được có thể xuất hiện trong quá trình khai thác. (WRC-2000)

5.441A Ở Bra-xin, Pa-ra-goay và U-ru-goay, băng tần 4800-4900 MHz, hoặc một phần của băng tần này được xác định cho triển khai thông tin di động IMT. Việc xác định không hạn chế việc sử dụng băng tần này cho bất kỳ ứng dụng nào của các nghiệp vụ đã được phân chia và không đặt ra quyền ưu tiên trong Thẻ lệ vô tuyến điện. Việc sử dụng băng tần này cho triển khai hệ thống IMT tuân theo thỏa thuận đạt được với các nước láng giềng và hệ thống IMT sẽ không được kháng nghị nhiễu có hại từ các đài khác thuộc nghiệp vụ Di động. Việc sử dụng này phải phù hợp với Nghị quyết 223 (WRC-19 sửa đổi). (WRC-19)

5.441B Ở Ăng-gô-la, Ăc-hen-ti-na, Ăc-mê-ni-a, A-déc-bai-gian, Bê-nanh, Bôt-xoa-na, Bra-xin, Buốc-ki-na Pha-xô, Bu-run-đi, Cáp-ve, Cam-pu-chia, Camơ-run, Chi-lê, Trung Quốc, Cô-lôm-bi-a, Công-gô, Bờ Biển Ngà, Gi-bu-ti, Ê-xoa-ti-ni, Liên bang Nga, Ga-bông, Ga-na, Ghi-nê, I-ran, I-rắc, Ca-dắc-xtan, Lào, Lê-xô-thô, Li-bê-ri-a, Ma-đa-gát-xca, Ma-la-uy, Ma-li, Mông Cổ, Na-mi-bi-a, Ni-giê, U-gan-đa, U-dơ-bê-ki-xtan, Cộng hòa Công-gô, Cu-rơ-gu-xtan, Triều Tiên, Nam Xu-đăng, Nam Phi, Sát, Tô-gô, Việt Nam, Dăm-bi-a và Dim-ba-bu-ê, băng tần 4 800-4 990 MHz, hoặc một phần của băng tần này, được xác định cho các cơ quan quản lý muốn triển khai Hệ thống thông tin di động (IMT). Việc xác định này không hạn chế việc sử dụng băng tần này bởi bất kỳ ứng dụng nào của các nghiệp vụ khác được phân chia và không đặt ra sự ưu tiên trong Thẻ lệ vô tuyến điện. Việc sử dụng các đài IMT phải đạt được thỏa thuận theo khoản 9.21 với các cơ quan quản lý có liên quan và các đài IMT không được yêu cầu bảo vệ từ các đài của các ứng dụng khác trong nghiệp vụ Di động. Ngoài ra, trước khi cơ quan quản lý đưa một đài IMT vào sử dụng trong nghiệp vụ Di động, phải đảm bảo mật độ thông lượng công suất (pfd) sinh ra bởi đài IMT này không vượt quá -155 dB(W/(m² . 1 MHz)) tại độ cao tới 19 km so với mực nước biển và 20 km từ bờ biển, tính từ điểm thủy triều thấp nhất được ghi nhận chính thức của các quốc gia ven biển. Áp dụng Nghị quyết 223 (WRC-23 sửa đổi). (WRC-23)

5.442 Nghiệp vụ Di động, trừ Di động hàng không, bị hạn chế trong các băng tần 4825-4835 MHz và 4950-4990 MHz. Ở Khu vực 2 (trừ Bra-xin, Cu ba, Goa-tê-ma-la, Mê-hi-cô, Pa-ra-goay, U-ru-goay và Vê-nê-du-ê-la), và tại Ô-xtrây-li-a, băng tần 4825-4835 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Di động hàng không, hạn chế cho các đài tàu bay đo xa để kiểm tra chuyến bay. Việc sử dụng này phải phù hợp với Nghị quyết 416 (WRC-07) và không được gây nhiễu có hại cho nghiệp vụ Cố định. (WRC-15)

5.443 Loại nghiệp vụ khác: ở Ác-hen-ti-na, Ô-xtrây-li-a và Ca-na-đa, các băng tần 4825-4835 MHz và 4950-4990 MHz được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến thiên văn làm nghiệp vụ chính.

5.443AA Trong các băng tần 5000-5030 MHz và 5091-5150 MHz, nghiệp vụ Di động hàng không qua vệ tinh (R) phải tuân thủ thỏa thuận đạt được theo khoản 9.21. Việc sử dụng các băng tần này bởi nghiệp vụ Di động hàng không qua vệ tinh (R) chỉ được hạn chế cho các hệ thống hàng không theo tiêu chuẩn quốc tế. (WRC-12)

5.443B Để không gây nhiễu có hại cho hệ thống hạ cánh sử dụng vi ba hoạt động ở tần số trên 5030 MHz, tổng mật độ thông lượng công suất sinh ra tại bề mặt Trái đất trong băng tần 5030-5150 MHz của tất cả các đài Vũ trụ trong hệ thống thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) khai thác trong băng tần 5010-5030 MHz không được vượt quá -124,5 dB(W/m²) trong 150 kHz bất kỳ. Để không gây nhiễu có hại cho nghiệp vụ Vô tuyến thiên văn trong băng tần 4990-5000 MHz, các hệ thống thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường qua vệ tinh đang khai thác trong băng tần 5010-5030 MHz phải tuân thủ các giới hạn trong băng tần 4990-5000 MHz được xác định trong Nghị quyết 741 (Rev. WRC-15). (WRC-15)

5.443C Việc sử dụng băng tần 5030-5091 MHz bởi nghiệp vụ Di động hàng không (R) được giới hạn cho các hệ thống hàng không theo tiêu chuẩn quốc tế. Phát xạ không mong muốn từ nghiệp vụ Di động hàng không (R) trong băng tần 5030-5091 MHz phải được hạn chế để bảo vệ hệ thống RNSS đường xuống trong băng tần lân cận 5010-5030 MHz. Cho đến khi một giá trị thích hợp được thiết lập tại một Khuyến nghị ITU-R liên quan, giới hạn mật độ e.i.r.p -75 dBW/MHz trong băng tần 5010-5030 MHz cho bất kỳ phát xạ không mong muốn từ đài AM(R)S nên được sử dụng. (WRC-12)

5.443D Trong băng tần 5030-5091 MHz, nghiệp vụ Di động hàng không qua vệ tinh (R) phải tuân thủ theo quy định phối hợp tại khoản 9.11A. Việc sử dụng băng tần này cho nghiệp vụ Di động hàng không qua vệ tinh (R) chỉ được hạn chế cho các hệ thống hàng không theo tiêu chuẩn quốc tế. (WRC-12)

5.444 Băng tần 5030-5150 MHz được sử dụng cho việc khai thác các hệ thống chuẩn quốc tế (hệ thống hạ cánh sử dụng viba) để tiếp đất và hạ cánh chính xác. Trong băng tần 5030-5091 MHz, các yêu cầu của hệ thống này sẽ được ưu tiên hơn các sử dụng khác trong băng tần. Để sử dụng băng tần 5091-5150 MHz, áp dụng chú thích 5.444A và Nghị quyết 114 (Rev.WRC-15). (WRC-15)

5.444A Phân chia cho nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh (từ Trái đất tới Vũ trụ) trong băng tần 5091-5150 MHz được sử dụng giới hạn cho đường tiếp sóng của các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Di động qua vệ tinh và tùy thuộc vào việc phối hợp theo khoản 9.11A. Việc sử dụng băng tần 5091-5150 MHz bởi đường tiếp sóng của các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Di động qua vệ tinh phù hợp với các ứng dụng tại Nghị quyết 114 (đã được xem lại tại WRC-15). Thêm vào đó, để đảm bảo nghiệp vụ Dẫn đường hàng không được bảo vệ can nhiễu có hại, yêu cầu việc phối hợp đối với đài trái đất của đường tiếp sóng của hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Di động qua vệ tinh tại khoảng cách dưới 450 km tính từ lãnh thổ của nước có đài mặt đất thuộc nghiệp vụ Dẫn đường hàng không. (WRC-15)

5.444B Việc sử dụng băng tần 5091-5150 MHz của nghiệp vụ Di động hàng không được giới hạn cho:

Các hệ thống đang hoạt động trong nghiệp vụ Di động hàng không (R) và phù hợp với các tiêu chuẩn hàng không quốc tế, được giới hạn cho ứng dụng mặt đất tại sân bay. Việc sử dụng này phải phù hợp với Nghị quyết 748 (WRC-19 sửa đổi);

Truyền dẫn đo xa hàng không từ đài tàu bay (xem khoản 1.83) phù hợp với Nghị quyết 418 (WRC-19 sửa đổi). (WRC-19)

5.446 Phân chia bổ sung: ở các nước được liệt kê tại chú thích 5.369, băng tần 5150-5216 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến xác định qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) làm nghiệp vụ chính phù hợp với thỏa thuận nhận được tại Khoản 9.21. Ở khu vực 2 (trừ Mê-hi-cô), băng tần này còn được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến xác định qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) làm nghiệp vụ chính. Ở khu vực 1 và khu vực 3, trừ các nước được liệt kê tại Chú thích 5.369 và Băng-la-đét, băng tần này cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến xác định qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) làm nghiệp vụ phụ. Việc sử dụng nghiệp vụ Vô tuyến xác định qua vệ tinh được giới hạn cho các đường tiếp sóng của nghiệp vụ Vô tuyến xác định qua vệ tinh hoạt động trong băng tần 1610-1626,5 MHz và/hoặc 2483,5-2500 MHz. Tổng mật độ thông lượng công suất tại bề mặt Trái đất không được vượt quá -159 dBW/m² trong bất cứ 4 kHz nào đối với mọi góc tới. (WRC-15)

5.446A Việc sử dụng các băng tần 5150-5350 MHz và 5470-5725 MHz bởi các đài thuộc nghiệp vụ Di động, trừ Di động hàng không, phải tuân theo Nghị quyết 229 (WRC-23 sửa đổi). (WRC-23)

5.446B Trong băng tần 5150-5250 MHz, các đài thuộc nghiệp vụ Di động không được kháng nghị nhiễu từ các đài trái đất thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh. Chú thích 5.43A không áp dụng cho nghiệp vụ Di động liên quan tới các đài Trái đất thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh. (WRC-03)

5.446C Phân chia bổ sung: tại Khu vực 1 (trừ An-giê-ri, Ả Rập Xê-út, Ba-ranh, Ai Cập, Ả-rập Xê-út, I-rắc, Gióc-đa-ni, Cô-oét, Li-băng, Ma-rốc, Ô-man, Ca-ta, Ả-rập Xi-ri, Xu-đăng, Nam Xu-đăng và Tuy-ni-đi) băng tần 5150-5250 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Di động hàng không là nghiệp vụ chính, giới hạn trong truyền dẫn đo xa từ đài tàu bay (xem khoản 1.83) phù hợp với Nghị quyết 418 (WRC-19 sửa đổi). Các đài này sẽ không được yêu cầu bảo vệ nhiều từ các đài khác hoạt động phù hợp với Điều 5. Chú thích 5.43A không được áp dụng. (WRC-19)

5.447 Phân chia bổ sung: ở Bồ Biển Ngà, Ai Cập, Li-băng, Cộng hòa Ả Rập Xy-ri và Tuy-ni-di, băng tần 5150-5250 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Di động làm nghiệp vụ chính, tùy thuộc vào thỏa thuận đạt được theo khoản 9.21. Trong trường hợp này, các quy định của Nghị quyết 229 (WRC-23 sửa đổi) không được áp dụng. (WRC-23)

5.447A Việc phân chia cho nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) được giới hạn cho đường tiếp sóng của các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Di động qua vệ tinh và phải chịu sự phối hợp theo khoản 9.11A.

5.447B Phân chia bổ sung: băng tần 5150-5216 MHz còn được phân chia cho nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) làm nghiệp vụ chính. Phân chia này được giới hạn cho đường tiếp sóng của các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh trong nghiệp vụ Di động qua vệ tinh và tùy thuộc vào các quy định của khoản 9.11A. Mật độ thông lượng công suất do các đài Vũ trụ thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh khai thác theo hướng từ Vũ trụ tới Trái đất trong băng tần 5150-5216 MHz sinh ra tại bề mặt Trái đất không được vượt quá $-164 \text{ dB(W/m}^2\text{)}$ trong 4 kHz bất kỳ đối với mọi góc tới.

5.447C Các cơ quan quản lý chịu trách nhiệm về các mạng thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh trong băng tần 5150-5250 MHz khai thác theo các chú thích 5.447A và 5.447B phải phối hợp bình đẳng theo khoản 9.11A với các cơ quan quản lý chịu trách nhiệm về các mạng vệ tinh phi địa tĩnh khai thác theo chú thích 5.446 và được đưa vào sử dụng trước ngày 17 tháng 11 năm 1995. Các mạng vệ tinh khai thác theo chú thích 5.446 sử dụng sau ngày 17 tháng 11 năm 1995 không được yêu cầu bảo vệ từ, và không được gây nhiễu có hại cho các đài thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh khai thác theo các chú thích 5.447A và 5.447B.

5.447D Việc phân chia băng tần 5250-5255 MHz cho nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ làm nghiệp vụ chính được giới hạn cho các bộ cảm biến chủ động đặt trong Vũ trụ. Các ứng dụng khác của nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ trong băng tần này là nghiệp vụ phụ.

5.447E Phân chia bổ sung: băng tần 5250-5350 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Cố định làm nghiệp vụ chính ở những nước sau thuộc Khu vực 3: Ô-xtrây-li-a, Hàn Quốc, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, Iran, Nhật Bản, Ma-lai-xi-a, Pa-pu-a Niu Ghi-nê, Phi-líp-pin, CHDCND Triều Tiên, Xri Lan-ca, Thái Lan và Việt Nam. Việc sử dụng băng tần này cho nghiệp vụ Cố định nhằm mục đích

triển khai các hệ thống truy cập vô tuyến cố định và phải phù hợp với Khuyến nghị ITU R F.1613-0. Ngoài ra, nghiệp vụ Cố định không được yêu cầu bảo vệ từ các nghiệp vụ Vô tuyến xác định, Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) và Nghiên cứu Vũ trụ (chủ động), nhưng Chú thích 5.43A không áp dụng cho nghiệp vụ Cố định đối với các nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) và Nghiên cứu Vũ trụ (chủ động). Sau khi triển khai các hệ thống truy cập vô tuyến cố định thuộc nghiệp vụ Cố định với sự bảo vệ các hệ thống vô tuyến xác định đang hoạt động, không nên đặt thêm các hạn chế nghiêm ngặt đối với các hệ thống truy cập vô tuyến cố định bởi việc triển khai các hệ thống vô tuyến xác định trong tương lai. (WRC-15)

5.447F Trong băng tần 5250-5350 MHz, các đài thuộc nghiệp vụ Di động không được yêu cầu bảo vệ từ nghiệp vụ Vô tuyến định vị, nghiệp vụ Thăm dò trái đất qua vệ tinh (chủ động) và nghiệp vụ Nghiên cứu vũ trụ (chủ động). Nghiệp vụ Vô tuyến định vị, nghiệp vụ Thăm dò trái đất qua vệ tinh (chủ động) và nghiệp vụ Nghiên cứu vũ trụ (chủ động) không áp đặt các điều kiện nghiêm ngặt hơn đối với nghiệp vụ Di động so với các điều kiện được quy định trong Nghị quyết 229 (WRC-23 sửa đổi). (WRC-23)

5.448 Phân chia bổ sung: ở Cu-rơ-gu-rơ-xtan, Ru-ma-ni và Tuốc-mê-ni-xtan băng tần 5250-5350 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường là nghiệp vụ chính. (WRC-19)

5.448A Các nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) và Nghiên cứu Vũ trụ (chủ động) trong băng tần 5250-5350 MHz không được yêu cầu bảo vệ từ nghiệp vụ Vô tuyến định vị. Chú thích 5.43A không được áp dụng.

5.448B Nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) hoạt động trong băng tần 5350-5570 MHz và nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ (chủ động) hoạt động trong băng tần 5460-5570 MHz không được gây nhiễu có hại cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không trong băng tần 5350-5460 MHz, nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường trong băng tần 5460-5470 MHz và nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng hải trong băng tần 5470-5570 MHz. (WRC-03)

5.448C Nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ (chủ động) hoạt động trong băng tần 5350-5460 MHz không được gây nhiễu có hại hay yêu cầu bảo vệ từ các nghiệp vụ khác đã được phân chia băng tần này. (WRC-03)

5.448D Trong băng tần 5350-5470 MHz, các đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến định vị không được gây nhiễu có hại hay yêu cầu bảo vệ từ các hệ thống ra-đa thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không hoạt động phù hợp với chú thích 5.449. (WRC-03)

5.449 Việc sử dụng băng tần 5350-5470 MHz bởi nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không không được dành riêng cho các ra-đa đặt trên tàu bay và các pha vô tuyến liên kết đặt trên tàu bay.

5.450 Phân chia bổ sung: ở Áo, A-déc-bai-gian, I-iran, Cu-rơ-gu-xtan, Ru-ma-ni, Tuốc-mê-ni-xtan và U-crai-na, băng tần 5470-5650 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không làm nghiệp vụ chính. (WRC-12)

5.450A Trong băng tần 5470-5725 MHz, các đài thuộc nghiệp vụ Di động không được yêu cầu bảo vệ từ các nghiệp vụ Vô tuyến xác định. Các nghiệp vụ Vô tuyến xác định không được áp đặt các điều kiện nghiêm ngặt hơn đối với nghiệp vụ Di động so với các điều kiện được quy định trong Nghị quyết 229 (WRC-23 sửa đổi). (WRC-23)

5.450B Trong băng tần 5470-5650 MHz, các đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến định vị, trừ các ra-đa sử dụng cho các mục đích khí tượng trong băng tần 5600-5650 MHz, không được gây nhiễu có hại cho, hay yêu cầu bảo vệ từ, các hệ thống ra-đa thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng hải. (WRC-03)

5.451 Phân chia bổ sung: ở Anh, băng tần 5470-5850 MHz còn được phân chia cho nghiệp vụ Di động mặt đất làm nghiệp vụ phụ. Các giới hạn về công suất được quy định trong các khoản 21.2, 21.3, 21.4 và 21.5 sẽ áp dụng trong băng tần 5725-5850 MHz.

5.452 Giữa 5600 MHz và 5650 MHz, các ra-đa đặt trên mặt đất được sử dụng cho các mục đích khí tượng được phép khai thác trên cơ sở bình đẳng với các đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng hải.

5.453 Phân chia bổ sung: ở A-rập Xê-út, Ba-ranh, Băng-la-đét, Bru-nây, Ca-mơ-run, Trung Quốc, Công-gô, Hàn Quốc, Bờ Biển Ngà, Gi-bu-ti, Ai Cập, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, Ê-xoa-ti-ni, Ga-bông, Ghi-nê, Ghi-nê Xích Đạo, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, I-iran, I-rắc, Nhật Bản, Gióc-da-ni, Kê-ni-a, Cô-oét, Li-băng, Li-bi, Ma-đa-gát-xca, Ma-lay-xi-a, Ni-giê, Ni-giê-ri-a, Ô-man, U-gan-đa, Pa-ki-xtan, Phi-líp-pin, Ca-ta, Cộng hòa Ả Rập Xy-ri, Triều Tiên, Xing-ga-po, Xô-ma-li, Xri Lan-ca, Tan-da-ni-a, Sát, Thái Lan, Tô-gô, Việt Nam và Y-ê-men, băng tần 5 650-5 850 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Cố định và Di động làm nghiệp vụ chính. Trong trường hợp này, không được áp dụng các quy định của Nghị quyết 229 (WRC-23 sửa đổi). Ngoài ra, ở Áp-ga-ni-xtan, Ăng-gô-la, Bê-nanh, Bu-tan, Bôt-xoa-na, Buốc-ki-na Pha-xô, Bu-run-đi, Cộng hòa dân chủ Công-gô, Phi-gi, Ga-na, Ki-ri-ba-ti, Lê-xô-thô, Ma-la-uy, Man-đi-vơ, Mô-ri-xơ, Mai-crô-nê-xi-a, Mông Cổ, Mô-dăm-bích, My-an-ma, Na-mi-bi-a, Nau-ru, Niu Di-lân, Pa-pua Niu Ghi-nê, Ru-an-đa, Quần đảo Xô-lô-môn, Nam Xu-đăng, Nam Phi, Tông-ga, Va-nu-a-tu, Dăm-bi-a và Dim-ba-bu-ê, băng tần 5 725-5 850 MHz được phân chia cho nghiệp vụ Cố định làm nghiệp vụ chính, các đài hoạt động trong nghiệp vụ Cố định không được gây nhiễu có hại và không được yêu cầu bảo vệ nhiễu từ các nghiệp vụ chính khác trong băng tần này. (WRC-23)

5.454 Loại nghiệp vụ khác: ở A-déc-bai-gian, Nga, Giê-oóc-gi-a, Cư-rơ-gu-xtan, Tát-gi-ki-xtan và Tuốc-mê-ni-xtan, băng tần 5670-5725 MHz được phân chia cho nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ làm nghiệp vụ chính (xem chú thích 5.33). (WRC-12)

5.455 Phân chia bổ sung: tại Ác-mê-ni-a, A-déc-bai-gian, Bê-la-rút, Cu-ba, Liên bang Nga, Gru-di-a, Hung-ga-ri, Ca-dắc-xtan, Môn-đô-va, U-dơ-bê-ki-xtan, Cư-rơ-gu-dơ-xtan, Ru-ma-ni, Tát-gi-ki-xtan, Tuốc-mê-ni-xtan và U-crai-na băng tần 5670-5850 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Cố định là nghiệp vụ chính. (WRC-19)

5.457 Ở Ô-xtrây-li-a, Buốc-ki-na Pha-xô, Bờ biển Ngà, Ma-li và Ni-giê-ri-a, việc phân chia cho nghiệp vụ Cố định ở các băng tần 6440-6520 MHz (hướng từ HAPS tới mặt đất) và 6560-6640 MHz (hướng từ mặt đất tới HAPS) cũng có thể được sử dụng cho các đường kết nối trạm công của các đài đặt trên tầng cao khí quyển (HAPS) bên trong lãnh thổ của các nước này. Việc sử dụng như vậy được giới hạn cho hoạt động của các đường kết nối trạm công HAPS và không được gây can nhiễu cho/hoặc kháng nghị nhiễu từ các nghiệp vụ đang tồn tại và phải phù hợp với Nghị quyết 150 (WRC-12). Sự phát triển trong tương lai của các nghiệp vụ đang tồn tại không bị gây cản trở bởi các đường kết nối trạm công HAPS. Một nước có ý định sử dụng các đường kết nối trạm công HAPS thì phải nhận được thỏa thuận của cơ quan quản lý các nước mà lãnh thổ của các nước này nằm trong phạm vi 1000 km từ biên giới của nước đó. (WRC-12)

5.457A Trong các băng tần 5925-6425 MHz và 14-14,5 GHz, các đài trái đất đặt trên tàu thủy có thể liên lạc với các đài vũ trụ thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh. Việc sử dụng như vậy phải tuân theo Nghị quyết 902 (WRC-23 sửa đổi). Trong băng tần 5925-6425 MHz, các đài trái đất đặt trên tàu thủy và liên lạc với các đài vũ trụ thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh có thể sử dụng ăng ten phát có đường kính tối thiểu 1,2 m và hoạt động mà không cần thỏa thuận nếu được đặt cách xa ít nhất 330 km tính từ điểm thủy triều thấp nhất mà được quốc gia ven biển chính thức ghi nhận. Tất cả các điều khoản khác của Nghị quyết 902 (WRC-23 sửa đổi) được áp dụng. (WRC-23)

5.457B Trong các băng tần 5925-6425 MHz và 14-14,5 GHz, các đài trái đất đặt trên tàu thủy có thể hoạt động với các thông số và các điều kiện nêu trong Nghị quyết 902 (WRC-23 sửa đổi) ở các nước An-giê-ri, A-rập Xê-út, Ba-ranh, Cô-mô-rôt, Gi-bu-ti, Ai Cập, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, Gioóc-đa-ni, Cô-oét, Li-bi, Ma-rốc, Mô-ri-ta-ni, Ô-man, Ca-ta, Cộng hòa Ả Rập Xy-ri, Xu-đăng, Tuy-ni-di và Yê-men, trong nghiệp vụ Di động hàng hải qua vệ tinh làm nghiệp vụ phụ. Việc sử dụng như vậy phải tuân theo Nghị quyết 902 (WRC-23 sửa đổi). (WRC-23)

5.457D Ở Cam-pu-chia, Lào và Man-đi-vơ, băng tần 6425-7025 MHz được xác định sử dụng cho hệ thống thông tin di động IMT. Việc xác định này không hạn chế việc sử dụng băng tần này bởi bất kỳ ứng dụng nào của các nghiệp vụ được phân chia và không đặt ra sự ưu tiên trong Thể lệ vô tuyến điện. Áp dụng Nghị quyết 220 (WRC-23). (WRC-23)

5.457E Các băng tần 6425-7125 MHz ở Khu vực 1 và 7025-7125 MHz ở Khu vực 3 được xác định để quốc gia sử dụng cho hệ thống thông tin di động IMT. Việc xác định này không hạn chế việc sử dụng các băng tần này bởi bất kỳ ứng dụng nào của các nghiệp vụ được phân chia và không đặt ra sự ưu tiên trong Thể lệ vô tuyến điện. Áp dụng Nghị quyết 220 (WRC-23).

Băng tần này cũng được sử dụng để triển khai các hệ thống truy cập không dây (WAS), bao gồm cả mạng vô tuyến cục bộ (RLAN). (WRC-23)

5.457F Ở Bra-xin và Mê-hi-cô, băng tần 6425-7125 MHz được xác định sử dụng cho hệ thống thông tin di động IMT. Việc sử dụng băng tần này để triển khai IMT phải đạt được thỏa thuận theo Khoản 9.21 với các nước láng giềng. Việc xác định này không hạn chế việc sử dụng băng tần này bởi bất kỳ ứng dụng nào của các nghiệp vụ được phân chia và không đặt ra sự ưu tiên trong Thể lệ vô tuyến điện. Áp dụng Nghị quyết 220 (WRC 23).

Băng tần này cũng được sử dụng để triển khai các hệ thống truy cập không dây (WAS), bao gồm cả mạng vô tuyến cục bộ (RLAN). (WRC-23)

5.458 Trong băng tần 6425-7075 MHz, các phép đo cảm biến viba thụ động được thực hiện trên các đại dương. Trong băng tần 7075-7250 MHz, các phép đo cảm biến viba thụ động được thực hiện. Các cơ quan quản lý cần lưu ý các nhu cầu của nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (thụ động) và nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ (thụ động) khi quy hoạch các băng tần 6425-7025 MHz và 7075-7250 MHz.

5.458A Khi ấn định tần số trong băng tần 6700-7075 MHz cho các đài Vũ trụ thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh, các cơ quan quản lý được khuyến khích thực hiện các biện pháp thích hợp để bảo vệ các đài quan trắc vạch quang phổ thuộc nghiệp vụ Vô tuyến thiên văn trong băng tần 6650-6675,2 MHz khỏi bị nhiễu có hại từ các phát xạ không mong muốn.

5.458B Việc phân chia theo chiều từ Vũ trụ tới Trái đất cho nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh trong băng tần 6700-7075 MHz được giới hạn cho các đường tiếp sóng của các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Di động qua vệ tinh và tùy thuộc vào việc phối hợp theo khoản 9.11A. Việc sử dụng băng tần 6700-7075 MHz (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) cho các đường tiếp sóng của các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Di động qua vệ tinh không phù hợp với khoản 22.2.

5.459 Phân chia bổ sung: ở Liên bang Nga, các băng tần 7100-7155 MHz và 7190-7235 MHz còn được phân chia cho nghiệp vụ Khai thác Vũ trụ (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) làm nghiệp vụ chính, tùy thuộc vào thỏa thuận đạt được theo khoản 9.21. Trong băng tần 7190-7235 MHz, nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ), khoản 9.21 không được áp dụng. (WRC-15)

5.460 Không có phát xạ nào từ các hệ thống thuộc nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) đến Vũ trụ xa bị ảnh hưởng trong băng tần 7190-7235 MHz. Các vệ tinh địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ đang khai thác trong băng tần 7190-7235 MHz không được kháng nghị nhiều từ các đài đang hoặc sẽ hoạt động thuộc nghiệp vụ Cố định và Di động và Chú thích 5.43A không được áp dụng. (WRC-15)

5.460A Việc sử dụng băng tần 7190-7250 MHz (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) cho nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh được giới hạn sử dụng cho hoạt động giám sát, đo xa và điều khiển vệ tinh. Hoạt động của đài không gian trong nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh trong băng tần 7190-7250 MHz không được khiếu nại can nhiễu có hại từ các đài đang hoạt động hoặc sẽ triển khai thuộc nghiệp vụ Cố định và Di động. Áp dụng khoản 9.17, không áp dụng Chú thích 5.43A. Thêm vào đó, để đảm bảo bảo vệ cho việc triển khai hiện tại và trong tương lai của nghiệp vụ Cố định và Di động, vị trí của đài trái đất của vệ tinh hỗ trợ trong nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh quỹ đạo phi địa tĩnh hoặc quỹ đạo địa tĩnh cần duy trì khoảng cách tối thiểu tương ứng là 10 km và 50 km từ đường biên giới của nước láng giềng, trường hợp khác cần có sự đồng thuận của các cơ quan quản lý liên quan. (WRC-15)

5.460B Các đài không gian trên quỹ đạo vệ tinh địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) hoạt động trong băng tần 7190-7235 MHz không được bảo vệ nhiều có hại từ và các đài hiện có và sẽ triển khai thuộc nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ. Chú thích 5.43A không được áp dụng. (WRC-15)

5.461 Phân chia bổ sung: các băng tần 7250-7375 MHz (chiều từ vũ trụ tới trái đất) và 7900-8025 MHz (chiều từ trái đất tới vũ trụ) cũng được phân chia cho nghiệp vụ Di động qua vệ tinh làm nghiệp vụ chính, tùy thuộc vào thỏa thuận đạt được theo khoản 9.21, với ngoại lệ là khoản 9.21 sẽ không áp dụng cho các mạng vệ tinh địa tĩnh trong nghiệp vụ Di động qua vệ tinh mà Cục Vô tuyến điện nhận được thông tin phối hợp đầy đủ kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2025. Đối với các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh, tùy theo từng trường hợp, thông tin phối hợp đầy đủ hoặc thông tin thông báo được Cục Vô tuyến điện nhận được kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025. Các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh mà thông tin phối hợp đầy đủ hoặc thông tin thông báo đầy đủ, tùy theo từng trường hợp, được Cục Vô tuyến điện nhận được kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 sẽ không gây ra can nhiễu không thể chấp nhận được và sẽ không yêu cầu bảo vệ nhiều từ các mạng vệ tinh địa tĩnh trong nghiệp vụ Di động qua vệ tinh hoạt động theo các Quy định này. Không áp dụng khoản 5.43A. (WRC-23)

5.461A Việc sử dụng băng tần 7450-7550 MHz bởi nghiệp vụ Khí tượng qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) được giới hạn cho các hệ thống vệ tinh địa tĩnh. Các hệ thống khí tượng qua vệ tinh phi địa tĩnh trong băng tần này được thông báo trước ngày 30 tháng 11 năm 1997 có thể tiếp tục khai thác trên cơ sở là nghiệp vụ chính cho đến hết thời gian khấu hao thiết bị. (WRC-97)

5.461AA Việc sử dụng băng tần 7375-7750 MHz bởi nghiệp vụ Di động hàng hải qua vệ tinh được giới hạn cho mạng vệ tinh địa tĩnh. (WRC-15)

5.461AB Trong băng tần 7375-7750 MHz, đài trái đất thuộc nghiệp vụ Di động hàng hải qua vệ tinh không được kháng nghị nhiều có hại cũng như làm hạn chế việc sử dụng và phát triển của đài thuộc nghiệp vụ Cố định và Di động, trừ Di động hàng không. Khoản 5.43A không được áp dụng. (WRC-15)

5.461AC Trong băng tần 7375-7750 MHz, các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh hoạt động thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh mà thông tin phối hợp hoặc thông tin thông báo đầy đủ, tùy theo từng trường hợp, được Cục Vô tuyến điện nhận được kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 không được gây ra can nhiễu không thể chấp nhận được và không được yêu cầu bảo vệ nhiều từ các mạng vệ tinh địa tĩnh trong nghiệp vụ Di động hàng hải qua vệ tinh đang hoạt động theo các quy định của Thẻ lệ vô tuyến điện. Không áp dụng khoản 5.43A. (WRC-23)

5.461B Việc sử dụng băng tần 7750-7900 MHz cho nghiệp vụ Khí tượng qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) được giới hạn cho các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh. (WRC-12)

5.462A Ở Khu vực 1 và Khu vực 3 (ngoại trừ Nhật Bản), trong băng tần 8025-8400 MHz, nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh sử dụng các vệ tinh địa tĩnh không được tạo ra mật độ thông lượng công suất vượt quá các giá trị quy định sau cho các góc tới (θ) mà không có sự đồng ý của cơ quan quản lý bị ảnh hưởng:

- | | |
|---|---|
| -135 dB(W/m ²) trong 1 MHz | với $0^\circ \leq \theta < 5^\circ$ |
| -135 + 0,5 ($\theta - 5$) dB(W/m ²) trong 1 MHz | với $5^\circ \leq \theta < 25^\circ$ |
| -125 dB(W/m ²) trong 1 MHz | với $25^\circ \leq \theta \leq 90^\circ$ (WRC-12) |

5.463 Cấm các đài tàu bay phát trong băng tần 8025-8400 MHz.

5.465 Trong nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ, việc sử dụng băng tần 8400-8450 MHz được giới hạn cho Vũ trụ xa.

5.466 Loại nghiệp vụ khác: ở Xing-ga-po và Xri Lan-ca, băng tần 8400-8500 MHz được phân chia cho nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ làm nghiệp vụ phụ (xem chú thích 5.32). (WRC-12)

5.468 Phân chia bổ sung: ở A-rập Xê-út, Ba-ranh, Băng-la-đét, Bru-nây, Bu-run-đi, Ca-mơ-run, Trung Quốc, Công-gô, Gi-bu-ti, Ai Cập, A-rập Thống nhất, Ê-xoa-ti-ni, Ga-bông, Guy-a-na, In-đô-nê-xi-a, I-ran, I-rắc, Gia-mai-ca, Gióc-đa-ni, Kê-ni-a, Cô-oét, Li-băng, Li-bi, Ma-lay-xi-a, Ma-li, Ma-rốc, Mô-ri-ta-ni, Nê-pan, Ni-giê-ri-a, Ô-man, U-gan-đa, Pa-ki-xtan, Ca-ta, A-rập Xy-ri, Triều Tiên, Sê-nê-gan, Xing-ga-po, Xô-ma-li, Xu-đăng, Sát, Tô-gô, Tuy-ni-đi và Y-ê-men, băng tần 8500-8750 MHz cũng được phân chia cho các nghiệp vụ Cố định và Di động làm nghiệp vụ chính. (WRC-19)

5.469 Phân chia bổ sung: ở Ác-mê-ni-a, A-déc-bai-gian, Bê-la-rút, Liên bang Nga, Giê-oóc-gi-a, Hung-ga-ri, Lít-va, U-dơ-bê-ki-xtan, Ba Lan, Cư-rơ-gu-xtan, Cộng hòa Séc, Ru-ma-ni, Tát-gi-ki-xtan, Tuốc-mê-ni-xtan và U-crai-na, băng tần 8 500-8 750 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Di động mặt đất và Vô tuyến dẫn đường làm nghiệp vụ chính. (WRC-23)

5.469A Trong băng tần 8550-8650 MHz, các đài thuộc nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) và nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ (chủ động) không được gây nhiễu có hại cho/hoặc cản trở việc sử dụng và phát triển của các đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến định vị. (WRC-97)

5.470 Việc sử dụng băng tần 8750-8850 MHz bởi nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không được giới hạn cho các thiết bị dẫn đường sử dụng hiệu ứng Dopp-ler đặt trên tàu bay ở tần số 8800 MHz.

5.471 Phân chia bổ sung: ở An-giê-ri, Đức, Ba-ranh, Bỉ, Trung Quốc, Ai Cập, A-rập Thống nhất, Pháp, Hy Lạp, In-đô-nê-xi-a, I-ran, Li-bi, Hà Lan, Ca-ta, Xu-đăng, các băng tần 8825-8850 MHz và 9000-9200 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Dẫn đường hàng hải làm nghiệp vụ chính và chỉ sử dụng bởi các ra-đa bờ biển. (WRC-15)

5.472 Trong các băng tần 8850-9000 MHz và 9200-9225 MHz, nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng hải được giới hạn cho các ra-đa bờ biển.

5.473 Phân chia bổ sung: tại Ác-mê-ni-a, Áo, A-déc-bai-gian, Bê-larút, Cuba, Liên bang Nga, Gru-di-a, Hung-ga-ri, U-dơ-bê-ki-xtan, Ba Lan, Cư-rơ-gu-xtan, Ru-ma-ni, Tát-gi-ki-xtan, Tuốc-mê-ni-xtan và U-crai-na các băng tần 8850-9000 MHz và 9200-9300 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường là nghiệp vụ chính. (WRC-19)

5.473A Trong băng tần 9000-9200 MHz, các đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến định vị sẽ không được gây nhiễu có hại cho, hoặc kháng nghị nhiễu từ, các hệ thống thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không trong chú thích 5.337 hoặc các hệ thống ra-đa thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng hải được phân chia làm nghiệp vụ chính của các nước liệt kê trong chú thích 5.471. (WRC-07)

5.474 Trong băng tần 9200-9500 MHz, các bộ phát đáp tìm kiếm và cứu nạn (SART) có thể được sử dụng, cần chú ý các khuyến nghị của ITU-R liên quan (xem Điều 31).

5.474A Việc sử dụng các băng tần 9200-9300 MHz và 9900-10400 MHz bởi nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) được giới hạn cho các hệ thống yêu cầu băng thông cần thiết lớn hơn 600MHz mà các hệ thống thuộc nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh không được cung cấp đủ trong băng tần 9300-9900 MHz. Việc sử dụng phải phù hợp với thỏa thuận nhận được theo khoản 9.21 từ các nước An-giê-ri, A-rập Xê-út, Ba-ranh, Ai Cập, In-đô-nê-xi-a, I-ran, Li-băng và Tuy-ni-di. Cơ quan quản lý nào không phản hồi theo khoản 9.52 được xem như là không đồng ý với yêu cầu phối hợp. Trong trường hợp

này, cơ quan quản lý hệ thống vệ tinh đang hoạt động trong nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) có thể yêu cầu sự hỗ trợ từ Cục Vô tuyến điện theo phân IID của Điều 9. (WRC-15)

5.474B Các đài đang hoạt động trong nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) cần tuân theo Khuyến nghị ITU-R RS.2066-0. (WRC-15)

5.474C Các đài đang hoạt động trong nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) cần tuân theo Khuyến nghị ITU-R RS.2065-0. (WRC-15)

5.474D Các đài thuộc nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) không được gây can nhiễu có hại cho hoặc kháng nghị nhiễu có hại từ các đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng hải và Vô tuyến định vị trên băng tần 9200-9300 MHz, nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng hải và Vô tuyến định vị trên băng tần 9900-10000 MHz và nghiệp vụ Vô tuyến định vị trên băng tần 10-10,4 GHz. (WRC-15)

5.475 Việc sử dụng băng tần 9300-9500 MHz bởi nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không được giới hạn cho các ra-đa khí tượng đặt trên tàu bay và các ra-đa đặt trên mặt đất. Ngoài ra, cho phép các ra-đa trên mặt đất thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không sử dụng băng tần 9300-9320 MHz với điều kiện không được gây nhiễu có hại cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng hải. (WRC-07)

5.475A Việc sử dụng băng tần 9300-9500 bởi nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) và Nghiên cứu Vũ trụ (chủ động) được giới hạn cho các hệ thống yêu cầu độ rộng băng tần cần thiết lớn hơn 300 MHz mà không thể đặt hoàn toàn trong băng tần 9500-9800 MHz. (WRC-07)

5.475B Trong băng tần 9300-9500, các đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến định vị sẽ không được gây nhiễu có hại cho, hoặc kháng nghị nhiễu từ, các ra-đa thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường phù hợp với Thể lệ vô tuyến điện. Các ra-đa đặt trên mặt đất sử dụng vào mục đích khí tượng được ưu tiên hơn các đài vô tuyến định vị khác. (WRC-07)

5.476A Trong băng tần 9300-9800 MHz, các đài thuộc nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) và nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ (chủ động) không được gây nhiễu có hại cho/ hoặc kháng nghị nhiễu từ, các đài thuộc các nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường và nghiệp vụ Vô tuyến định vị. (WRC-07)

5.477 Loại nghiệp vụ khác: ở An-giê-ri, A-rập Xê-út, Ba-ranh, Băng-la-đét, Bru-nây, Ca-mê-run, Gi-bu-ti, Ai Cập, A-rập Thống nhất, Ê-ri-tơ-rê-a, Ê-ti-ô-pi-a, Gaiuy-a-na, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, I-ran, I-rắc, Gia-mai-ca, Nhật Bản, Gioóc-đa-ni, Cô-oét, Li-băng, Li-bê-ri-a, Ma-lai-xi-a, Ni-giê-ri-a, Ô-man, U-gan-đa, Pa-ki-xtan, Ca-ta, Cộng hòa A-rập Xy-ri, CHDCND Triều Tiên, Xing-ga-po, Xô-ma-li-a, Xu-đăng, Nam Xu-đăng, Tri-ni-đát và Tô-ba-gô và Y-ê-men, băng tần 9800-10000 MHz được phân chia cho nghiệp vụ Cố định làm nghiệp vụ chính (xem Chú thích 5.33). (WRC-15)

5.478 Phân chia bổ sung: ở A-déc-bai-gian, Cu-rơ-gu-xtan, Ru-ma-ni, Tuốc-mê-ni-xtan và U-crai-na, băng tần 9800-10000 MHz còn được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường làm nghiệp vụ chính. (WRC-19)

5.479 Băng tần 9975-10025 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Khí tượng qua vệ tinh làm nghiệp vụ phụ để sử dụng cho các ra-đa thời tiết.

5.478A Việc sử dụng băng tần 9800-9900 cho nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) và nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ (chủ động) được giới hạn cho các hệ thống yêu cầu độ rộng băng tần phù hợp với lớn hơn 500 MHz mà hệ thống này không thể điều chỉnh hoàn toàn trong băng tần 9300-9800 MHz.

5.478B Trong băng tần 9800-9900 MHz, các đài thuộc nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) và nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ (chủ động) sẽ không được gây nhiễu có hại cho, hoặc kháng nghị nhiễu từ các đài thuộc nghiệp vụ Cố định là nghiệp vụ phụ trong băng tần này.

5.481 Phân chia bổ sung: ở An-giê-ri, Đức, Ăng-gô-la, Bra-xin, Trung Quốc, Cô-lôm-bi-a, Côt-xta Ri-ca, Bờ Biển Ngà, Cu-ba, Gi-bu-ti, Cộng hòa Đô-mi-ni-ca, Ai Cập, En Xan-va-đo, Ê-cu-a-đo, Tây Ban Nha, Goa-tê-ma-la, Hung-ga-ri, Gia-mai-ca, Nhật Bản, Kê-ni-a, Ma-rốc, Mê-hi-cô, Ni-giê-ri-a, Ô-man U-dơ-bê-ki-xtan, Pa-ki-xtan, Pa-lét-tin*, Pa-ra-goay, Pê-ru, Triều Tiên, Ru-ma-ni, Xô-ma-li, Xu-ri-nam, Tuy-ni-di và U-ru-goay, băng tần 10,45-10,5 GHz cũng được phân chia cho các nghiệp vụ Cố định và Di động làm nghiệp vụ chính. (WRC-23)

5.482 Trong băng tần 10,6-10,68 GHz, công suất ra anten của các đài thuộc các nghiệp vụ Cố định và Di động, trừ Di động hàng không, không được vượt quá -3 dBW. Có thể vượt quá giới hạn này tùy thuộc vào thỏa thuận đạt được theo khoản 9.21. Tuy nhiên, tại An-giê-ri, A-rập Xê-út, Ác-mê-ni-a, A-déc-bai-gian, Ba-ranh, Băng-la-đét, Bê-la-rút, Ai Cập, A-rập Thống nhất, Gru-di-a, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, Iran, I-rắc, Gióc-đa-ni, Li-bi, Ca-dắc-xtan, Cô-oét, Li-băng, Ma rốc, Mô-ri-ta-ni, Môn-đô-va, Ni-giê-ri-a, Ô man, U-dơ-bê-ki-xtan, Pa-ki-xtan, Phi-líp-pin, Ca-ta, Xy-ri, Cơ-rơ-gu-xtan, Xing-ga-po, Tát-gi-ki-xtan, Tuy-ni-di-a, Tuốc-mê-ni-xtan và Việt Nam không áp dụng hạn chế này đối với các đài thuộc nghiệp vụ Cố định và Di động trừ Di động hàng không. (WRC-07)

5.482A Nghị quyết 751 (WRC-07) áp dụng đối với việc dùng chung băng tần 10,6-10,8 GHz giữa nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (thụ động) với nghiệp vụ Cố định, nghiệp vụ Di động trừ Di động Hàng không. (WRC-07)

5.483 Phân chia bổ sung: ở A-rập Xê-út, Ác-mê-ni-a, A-déc-bai-gian, Ba-ranh, Bê-la-rút, Trung Quốc, Cô-lôm-bi-a, Hàn Quốc, Ai Cập, A-rập Thống nhất, Gru-di-a, Iran, I-rắc, I-xra-en, Gióc-đa-ni, Ca-dắc-xtan, Cô-oét, Li-

* Theo Nghị quyết 99 (Rev. Dubai, 2018) của Hội nghị toàn quyền và có tính đến Thỏa thuận tạm thời giữa Israel và Palestine ngày 28 tháng 9 năm 1995.

băng, Mông Cổ, Ca-ta, Cu-rơ-gu-dơ-xtan, Triều Tiên, Tát-gi-ki-xtan, Tuốc-mê-ni-xtan và Y-ê-men, băng tần 10,68-10,7 GHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Cố định và Di động, trừ Di động hàng không, làm nghiệp vụ chính. Việc sử dụng này giới hạn cho thiết bị hoạt động trước ngày 01 tháng 01 năm 1985. (WRC-19)

5.484A Việc sử dụng các dải tần 10,95-11,2 GHz (chiều từ vũ trụ tới trái đất), 11,45-11,7 GHz (chiều từ vũ trụ tới trái đất), 11,7-12,2 GHz (chiều từ vũ trụ tới trái đất) ở Khu vực 2, 12,2-12,75 GHz (chiều từ vũ trụ đến trái đất) ở Khu vực 3, 12,5-12,75 GHz (chiều từ vũ trụ đến trái đất) ở Khu vực 1, 13,75-14,5 GHz (chiều từ trái đất tới vũ trụ), 17,3-17,7 GHz (từ vũ trụ đến trái đất) ở Khu vực 2, 17,8-18,6 GHz (chiều từ vũ trụ đến trái đất), 19,7-20,2 GHz (chiều từ vũ trụ đến trái đất), 27,5-28,6 GHz (chiều từ trái đất tới vũ trụ), 29,5-30 GHz (chiều từ trái đất tới vũ trụ) cho một hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh trong nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh phải áp dụng các quy định tại khoản 9.12 để phối hợp với các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh khác trong nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh. Các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh trong nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh sẽ không yêu cầu bảo vệ nhiễu từ các mạng vệ tinh địa tĩnh trong nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh đang hoạt động phù hợp theo Thẻ lệ thông tin vô tuyến, không tính đến ngày Cục Vô tuyến điện nhận được sự phối hợp hoặc thông tin thông báo đầy đủ về các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh và ngày Cục Vô tuyến điện nhận được sự phối hợp hoặc thông tin thông báo đầy đủ, nếu thích hợp, về các mạng vệ tinh địa tĩnh, và khoản 5.43A không áp dụng. Các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh trong các băng tần trên phải nhanh chóng loại bỏ bất cứ nhiễu không thể chấp nhận được có thể xảy ra trong quá trình khai thác của chúng. Tại Khu vực 2, khoản 22.2 tiếp tục áp dụng ở băng tần 17,3-17,7 GHz. (WRC-23)

5.484B Áp dụng Nghị quyết 155 (WRC-15). (WRC-15)

5.487 Ở băng tần 11,7-12,5 GHz tại Khu vực 1 và Khu vực 3, theo đúng sự phân chia tương ứng của các nghiệp vụ: Cố định, Cố định qua vệ tinh, Di động, trừ Di động hàng không, và Quảng bá không được gây nhiễu có hại cho /hoặc kháng nghị nhiễu từ các đài thuộc nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh khai thác phù hợp với quy hoạch của Khu vực 1 và Khu vực 3 trong Phụ lục 30. (WRC-03)

5.487A Phân chia bổ sung: ở Khu vực 1, băng tần 11,7-12,5 GHz, ở Khu vực 2, băng tần 12,2-12,7 GHz và tại Khu vực 3, băng tần 11,7-12,2 GHz còn được phân chia cho nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) làm nghiệp vụ chính giới hạn cho các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh phải tuân theo các quy định của khoản 9.12 về việc phối hợp với các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh khác thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh. Các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh không được kháng nghị nhiễu từ các mạng vệ tinh địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh khai thác phù hợp với Thẻ lệ vô tuyến điện, không tính đến ngày Cục Vô tuyến điện nhận được sự phối hợp hoàn chỉnh hoặc thông tin đăng ký về các hệ thống vệ

tĩnh phi địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh và ngày Cục Vô tuyến điện nhận được sự phối hợp hoàn chỉnh hoặc thông tin đăng ký về các mạng vệ tinh địa tĩnh, và chú thích 5.43A không được áp dụng. Các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh trong các băng tần trên phải nhanh chóng loại trừ bất cứ nhiễu không thể chấp nhận được có thể xuất hiện trong quá trình khai thác. (WRC-03)

5.492 Các ấn định cho các đài thuộc nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh tuân theo Quy hoạch của khu vực hoặc được liệt kê trong danh bạ của Khu vực 1 và Khu vực 3 tại Phụ lục 30 cũng có thể được sử dụng cho các truyền dẫn thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất), miễn là các truyền dẫn đó không gây thêm nhiễu hoặc kháng nhiễu nhiều so với các truyền dẫn thuộc nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh khai thác tuân theo Quy hoạch hoặc danh bạ, tương ứng. (WRC-2000)

5.493 Nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh trong băng tần 12,5-12,75 GHz ở Khu vực 3 được giới hạn cho mật độ thông lượng công suất không được vượt quá $-111 \text{ dB(W/(m}^2 \cdot 27 \text{ MHz))}$ dưới mọi điều kiện và mọi phương pháp điều chế tại biên của vùng dịch vụ. (WRC-97)

5.496A Băng tần 12,75-13,25 GHz (chiều từ trái đất tới vũ trụ) có thể được sử dụng bởi các đài trái đất đang chuyển động, giới hạn ở các đài trái đất đặt trên máy bay và tàu thuyền, liên lạc với các đài vũ trụ địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh. Nghị quyết 121 (WRC-23) sẽ được áp dụng. (WRC-23)

5.497 Việc sử dụng băng tần 13,25-13,4 GHz cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không được giới hạn cho các thiết bị dẫn đường sử dụng hiệu ứng Đốp-lơ.

5.498A Các nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) và nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ (chủ động) khai thác trong băng tần 13,25-13,4 GHz không được gây nhiễu có hại cho, hoặc hạn chế việc sử dụng và phát triển của nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không. (WRC-97)

5.499 Tại Băng-la-đét và Ấn Độ, băng tần 13,25-14 GHz còn được phân chia cho nghiệp vụ Cố định làm nghiệp vụ chính. Tại Pa-ki-xtan, băng tần 13,25-13,75 GHz được phân chia cho nghiệp vụ Cố định làm nghiệp vụ chính. (WRC-12)

5.499C Nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ được phân chia làm nghiệp vụ chính trên băng tần 13,4-13,65 MHz và được giới hạn cho:

- Hệ thống vệ tinh thuộc nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) truyền dữ liệu tiếp sức từ đài không gian trong quỹ đạo địa tĩnh tới đài không gian liên kết trong quỹ đạo phi địa tĩnh có thông tin công bố đã được Cục Vô tuyến điện của ITU-R ghi nhận trước ngày 27 tháng 11 năm 2015.

- Cảm biến vận tải không gian chủ động.

- Hệ thống vệ tinh hoạt động trong nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) cho truyền dữ liệu tiếp sức từ đài không gian trong quỹ đạo địa tĩnh với đài Trái đất liên kết.

Các sử dụng khác trên băng tần này bởi nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ đều là nghiệp vụ phụ. (WRC-15)

5.499D Trong băng tần 13,4-13,65 GHz, hệ thống vệ tinh thuộc nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) và/hoặc nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) không được gây nhiễu hoặc kháng nhiễu bảo vệ nhiễu từ các đài thuộc nghiệp vụ Cố định, Di động, Vô tuyến định vị và Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động).

5.500 Phân chia bổ sung: ở An-giê-ri, A-rập Xê-út, Ba-ranh, Bru-nây, Ca-mơ-run, Gi-bu-ti, Ai Cập, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, Ga-bông, In-đô-nê-xi-a, I-ran, I-rắc, I-xra-en, Gioóc-đa-ni, Cô-oét, Li-băng, Ma-đa-gát-xca, Ma-lay-xi-a, Ma-li, Ma-rôc, Mô-ri-ta-ni, Ni-giê, Ni-giê-ri-a, Ô-man, Ca-ta, Cộng hòa Ả Rập Xy-ri, Xing-ga-pô, Xô-ma-li, Xu-đăng, Nam Xu-đăng, Sát và Tuy-ni-di, băng tần 13,4-14 GHz cũng được phân chia cho các nghiệp vụ Cố định và Di động làm nghiệp vụ chính. Tại Pa-ki-xtan, băng tần 13,4-13,75 GHz cũng được phân chia cho các nghiệp vụ Cố định và Di động làm nghiệp vụ chính. (WRC-23)

5.501 Phân chia bổ sung: ở Hung-ga-ri, Nhật Bản, Cu-rơ-gu-xtan, Ru-ma-ni-a và Tuốc-mê-ni-xtan, băng tần 13,4-14 GHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường làm nghiệp vụ chính. (WRC-23)

5.501A Việc phân chia băng tần 13,65-13,75 GHz cho nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ làm nghiệp vụ chính được giới hạn cho các bộ cảm biến chủ động đặt trên tàu bay. Đối với các sử dụng khác, nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ được phân chia băng tần này làm nghiệp vụ phụ. (WRC-15)

5.501B Trong băng tần 13,4-13,75 GHz, các nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) và nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ (chủ động) không được gây nhiễu có hại cho, hoặc hạn chế việc sử dụng và phát triển của nghiệp vụ Vô tuyến định vị. (WRC-97)

5.502 Trong băng tần 13,75-14 GHz, một đài Trái đất của một mạng vệ tinh địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh phải có đường kính anten tối thiểu 1,2 m và một đài trái đất của một mạng vệ tinh phi địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh phải có đường kính anten tối thiểu 4,5 m. Ngoài ra, e.i.r.p. trung bình trong một giây do một đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến định vị hoặc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường tạo ra không được vượt quá 59 dBW với góc ngẩng trên 2° và 65 dBW với các góc ngẩng thấp hơn. Trước khi một cơ quan quản lý đưa một đài trái đất trong mạng vệ tinh địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh vào sử dụng ở băng tần này với kích thước anten nhỏ hơn 4,5 m, phải đảm bảo rằng mật độ thông lượng công suất do đài Trái đất này sinh ra không vượt quá:

- 115 dB(W/(m².10 MHz)) nhiều hơn 1% thời gian được tạo ra tại 36 m trên mực nước biển tại mức nước thấp, nếu được công nhận chính thức bởi Quốc gia ven biển;

- 115 dB(W/(m².10 MHz)) nhiều hơn 1% thời gian được tạo ra tại 3 mét trên mặt đất tại biên giới lãnh thổ của một cơ quan quản lý đang triển khai hoặc dự kiến triển khai các ra-đa di động mặt đất trong băng tần này, trừ khi có thỏa thuận trước.

Đối với các đài Trái đất trong nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh có đường kính anten lớn hơn hoặc bằng 4,5 m, e.i.r.p. của phát xạ bất kỳ nên có giá trị thấp nhất là 68 dBW và không nên vượt quá 85 dBW. (WRC-03)

5.503 Trong băng tần 13,75-14 GHz, các đài Vũ trụ địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ mà thông tin xuất bản trước đã được Cục Vô tuyến điện nhận được trước ngày 31 tháng 01 năm 1992 được khai thác bình đẳng với các đài thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh; sau ngày đó, các đài Vũ trụ địa tĩnh mới thuộc nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ sẽ khai thác là nghiệp vụ phụ. Cho đến khi các đài Vũ trụ địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ mà thông tin xuất bản trước (API) đã được Cục Vô tuyến điện nhận được trước ngày 31 tháng 01 năm 1992 ngừng khai thác trong băng tần này:

- Trong băng tần 13,77-13,78 GHz, mật độ e.i.r.p. của các phát xạ từ đài Trái đất bất kỳ thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh khai thác với một đài Vũ trụ trong quỹ đạo vệ tinh địa tĩnh không được vượt quá:

i) $4,7D + 28$ dB(W/40 kHz), trong đó D là đường kính anten của đài Trái đất thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh (m) với các đường kính anten bằng hoặc lớn hơn 1,2 m và nhỏ hơn 4,5 m;

ii) $49,2 + 20 \log(D/4,5)$ dB(W/40 kHz), trong đó D là đường kính anten của đài trái đất thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh (m) với các đường kính anten bằng hoặc lớn hơn 4,5 m và nhỏ hơn 31,9 m;

iii) 66,2 dB(W/40 kHz) với đài Trái đất bất kỳ thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh với đường kính anten (m) bằng hoặc lớn hơn 31,9 m;

iv) 56,2 dB(W/4 kHz) với các phát xạ của đài trái đất thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh băng hẹp (độ rộng băng tần cần thiết nhỏ hơn 40 kHz) có đường kính anten bằng hoặc lớn hơn 4,5 m;

- Mật độ e.i.r.p. của các phát xạ từ đài Trái đất bất kỳ thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh khai thác với một đài Vũ trụ trong quỹ đạo vệ tinh phi địa tĩnh không được vượt quá 51 dBW trong băng 6 MHz bất kỳ từ 13,772 đến 13,778 GHz.

Điều khiển công suất tự động có thể được sử dụng để tăng mật độ e.i.r.p. trong dải tần số này để bù cho suy hao do mưa, miễn là mật độ thông lượng công suất tại đài Vũ trụ thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh không vượt quá giá trị được tạo ra bởi một đài trái đất có e.i.r.p. thỏa mãn các giới hạn trên trong điều kiện trời quang. (WRC-03)

5.504 Khi sử dụng nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường trong băng tần 14-14,3 GHz, phải bảo đảm sự bảo vệ đầy đủ cho các đài Vũ trụ của nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh.

5.504A Trong băng tần 14-14,5 GHz, các đài trái đất đặt trên tàu bay thuộc nghiệp vụ phụ Di động hàng không qua vệ tinh cũng có thể liên lạc với các đài Vũ trụ thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh. Áp dụng các chú thích 5.29, 5.30, 5.31. (WRC-03)

5.504B Các đài trái đất đặt trên tàu bay hoạt động trong nghiệp vụ Di động hàng không qua vệ tinh trên băng tần 14-14,5 GHz phải tuân theo các điều khoản của Phụ lục 1, phần C của Khuyến nghị ITU-R M.1643-0, lưu ý đến các đài Vô tuyến thiên văn đang thực hiện các quan sát trên băng tần 14,47-14,5 GHz đặt trên lãnh thổ của các nước Tây Ban Nha, Pháp, Ấn Độ, I-ta-li-a, Anh và Nam Phi. (WRC-15)

5.504C Trong băng tần 14-14,25 GHz, mật độ thông lượng công suất tạo ra trên lãnh thổ các nước A-rập Xê-út, Ba-ranh, Bốt-xoa-na, Bờ Biển Ngà, Ai Cập, Ghi-nê, Ấn Độ, I-ran, Cô-oét, Cộng hoà Liên bang Ni-giê-ri-a, Ô-man, Cộng hòa A-rập Xi-ri và Tuy-ni-di bởi bất kỳ đài Trái đất đặt trên tàu bay nào thuộc nghiệp vụ Di động hàng không qua vệ tinh sẽ không được vượt quá các giới hạn nêu trong Phụ lục 1, phần B của Khuyến nghị ITU-R M.1643-0, trừ trường hợp có được sự thỏa thuận cụ thể của các cơ quan quản lý bị ảnh hưởng. Các điều khoản của chú thích này quy định nghĩa vụ của nghiệp vụ Di động hàng không qua vệ tinh hoạt động như nghiệp vụ phụ phù hợp với chú thích 5.29. (WRC-15)

5.505 Phân chia bổ sung: ở An-giê-ri, A-rập Xê-út, Ba-ranh, Bốt-xoa-na, Bru-nây, Ca-mơ-run, Trung Quốc, Công-gô, Hàn Quốc, Gi-bu-ti, Ai-cập, A-rập Thống nhất, Ê-xoa-ti-ni, Ga-bông, Ghi-nê, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, I-ran, I-rắc, I-xra-en, Nhật Bản, Gióc-da-ni, Cô-oét, Li-băng, Ma-lay-xi-a, Ma-li, Ma-rốc, Mô-ri-ta-ni, Ô-man, Phi-líp-pin, Ca-ta, A-rập Xy-ri, Triều Tiên, Xing-ga-po, Xô-ma-li, Xu-đăng, Nam Xu-đăng, Sát, Việt Nam và Y-ê-men, băng tần 14-14,3 GHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Cố định làm nghiệp vụ chính. (WRC-19)

5.506 Băng tần 14-14,5 GHz có thể được sử dụng, trong nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ), cho các đường tiếp sóng của nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh, phải phối hợp với các mạng vệ tinh khác thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh. Việc sử dụng cho các đường tiếp sóng như vậy được dành riêng cho các nước bên ngoài châu Âu.

5.506A Trong băng tần 14-14,5 GHz, các đài trái đất đặt trên tàu biển có công suất bức xạ đẳng hướng hiệu dụng (e.i.r.p.) lớn hơn 21 dBW phải hoạt động theo cùng điều kiện áp dụng cho các đài trái đất đặt trên tàu hàng hải, như quy định tại Nghị quyết 902 (WRC-03). Chú thích này không áp dụng đối với các đài trái đất đặt trên tàu biển mà thông tin đầy đủ theo Phụ lục 4 đã được Cục Tần số Vô tuyến của ITU tiếp nhận trước ngày 5 tháng 7 năm 2003.

5.506B Các đài trái đất đặt trên tàu thủy liên lạc với các trạm vũ trụ thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh có thể hoạt động trong băng tần 14-14,5 GHz mà không cần có thỏa thuận trước với các quốc gia Síp và Man-ta, trong phạm vi tối thiểu được quy định trong Nghị quyết 902 (WRC-23 sửa đổi) từ các quốc gia này. (WRC-23)

5.508 Phân chia bổ sung: ở Đức, Ý, Li-bi, Bắc Ma-xê-đô-ni-a và Vương quốc Anh, băng tần 14,25-14,3 GHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Cố định làm nghiệp vụ chính. (WRC-23)

5.508A Trong băng tần 14,25-14,3 GHz, mật độ thông lượng công suất được tạo ra trên lãnh thổ các nước A-rập Xê-út, Ba-ranh, Bốt-xoa-na, Trung Quốc, Bờ Biển Ngà, Ai Cập, Ghi-nê, Ấn Độ, I-ran, Ý, Cô-oét, Ni-giê-ri-a, Ô-man, Cộng hòa Ả Rập Xy-ri, Vương quốc Anh và Tuy-ni-di bởi bất kỳ đài trái đất đặt trên tàu bay nào thuộc nghiệp vụ Di động hàng không qua vệ tinh sẽ không được vượt quá giới hạn được nêu trong Phụ lục 1, Phần B của Khuyến nghị ITU-R M.1643-0, trừ khi có sự đồng ý cụ thể khác của các cơ quan quản lý bị ảnh hưởng. Các quy định của chú thích này không làm giảm trách nhiệm của nghiệp vụ Di động hàng không qua vệ tinh hoạt động như nghiệp vụ phụ phù hợp với khoản 5.29. (WRC-23)

5.509A Trong băng tần 14,3-14,5 GHz, mật độ thông lượng công suất được tạo ra trên lãnh thổ các nước A-rập Xê-út, Ba-ranh, Bốt-xoa-na, Ca-mơ-run, Trung Quốc, Bờ Biển Ngà, Ai Cập, Ga-bông, Ghi-nê, Ấn Độ, I-ran, Ý, Cô-oét, Ma-rôc, Ni-giê-ri-a, Ô-man, Cộng hòa Ả Rập Xy-ri, Vương quốc Anh, Xri Lan-ca, Tuy-ni-di và Việt Nam bởi bất kỳ đài trái đất đặt trên tàu bay nào thuộc nghiệp vụ Di động hàng không qua vệ tinh không được vượt quá giới hạn nêu trong Phụ lục 1, Phần B của Khuyến nghị ITU-R M.1643-0, trừ khi có sự đồng ý của các cơ quan quản lý bị ảnh hưởng. Các quy định của chú thích này làm giảm trách nhiệm của nghiệp vụ Di động hàng không qua vệ tinh hoạt động như một nghiệp vụ phụ theo khoản 5.29. (WRC-23)

5.509B Việc sử dụng băng tần 14,5-14,75 GHz ở các nước được liệt kê trong Nghị quyết 163 (WRC-15) và băng tần 14,5-14,8 GHz ở các nước được liệt kê trong Nghị quyết 164 (WRC-15) cho nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) được giới hạn cho các đường tiếp sóng của nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh. (WRC-15)

5.509C Việc sử dụng băng tần 14,5-14,75 GHz ở các nước được liệt kê trong Nghị quyết 163 (WRC-15) và băng tần 14,5-14,8 GHz ở các nước được liệt kê trong Nghị quyết 164 (WRC-15) cho nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) được giới hạn cho các đường tiếp sóng của nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh, các đài Trái đất thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh phải có đường kính ăng-ten tối thiểu 6 m và mật độ phổ công suất tối đa -44,5 dBW/Hz tại đầu vào của ăng-ten. Các đài Trái đất phải được khai báo ở các địa điểm đã biết trên mặt đất. (WRC-15)

5.509D Trước khi một quốc gia đưa vào sử dụng đài trái đất thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh (chiều phát từ Trái đất tới Vũ trụ), nhưng không dùng làm liên kết tiếp sóng cho dịch vụ Quảng bá qua vệ tinh, trong các băng tần 14,5–14,75 GHz (đối với các quốc gia nêu trong Nghị quyết 163 (WRC-15)) và 14,5–14,8 GHz (đối với các quốc gia nêu trong Nghị quyết 164 (WRC-15)), quốc gia đó phải đảm bảo rằng: Mật độ thông lượng công suất (power flux-density) do đài trái đất này phát ra không được vượt quá $-151,5 \text{ dB(W/(m}^2 \cdot 4 \text{ kHz))}$ tại mọi độ cao từ 0 đến 19.000 mét so với mực nước biển, tính từ vị trí cách bờ biển (được xác định là mực nước triều thấp nhất do quốc gia ven biển công nhận) ra ngoài biển 22 km. (WRC-15)

5.509E Đối với băng tần 14,5-14,75 GHz ở các nước được liệt kê trong Nghị quyết 163 (WRC-15) và băng tần 14,5-14,8 GHz ở các nước được liệt kê trong Nghị quyết 164 (WRC-15), vị trí của các đài Trái đất thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) không phải các đường tiếp sóng thuộc nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh phải cách ít nhất là 500 km từ biên giới của các nước láng giềng trừ khi những khoảng cách ngắn hơn được đồng ý bởi các nước này. Khoản 9.17 không áp dụng. Khi áp dụng điều khoản này, các cơ quan quản lý nên cân nhắc đến các phần có liên quan của Thê lệ vô tuyến điện và các Khuyến nghị mới nhất của ITU-R có liên quan. (WRC-15)

5.509F Đối với băng tần 14,5-14,75 GHz ở các nước được liệt kê trong Nghị quyết 163 (WRC-15) và băng tần 14,5-14,8 GHz ở các nước được liệt kê trong Nghị quyết 164 (WRC-15), các đài Trái đất thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) không phải các đường tiếp sóng thuộc nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh không được hạn chế việc triển khai trong tương lai của các nghiệp vụ Cố định và Di động. (WRC-15)

5.509G Băng tần 14,5-14,8 GHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ làm nghiệp vụ chính. Tuy nhiên, việc sử dụng này được giới hạn cho các hệ thống vệ tinh đang hoạt động thuộc nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) để chuyển tiếp dữ liệu đến các đài không gian trong quỹ đạo địa tĩnh từ các đài trái đất liên kết. Các đài thuộc nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ không được gây nhiễu có hại cho, hoặc yêu cầu bảo vệ từ, các đài thuộc nghiệp vụ Cố định, nghiệp vụ Di động, nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh được giới hạn cho các đường tiếp sóng của nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh và các chức năng khai thác Vũ trụ sử dụng các khoảng bảo vệ theo Phụ lục 30A và các đường tiếp sóng thuộc nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh trong Khu vực 2. Các sử dụng khác trong băng tần này của nghiệp vụ Nghiên cứu không gian là nghiệp vụ phụ. (WRC-15)

5.510 Ngoại trừ việc sử dụng phù hợp với Nghị quyết 163 (WRC-15) và Nghị quyết 164 (WRC-15), việc sử dụng băng tần 14,5-14,8 GHz cho nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) được giới hạn cho các đường tiếp sóng của nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh. Việc sử dụng như vậy được dành cho các nước bên ngoài châu Âu. Các sử dụng khác với các đường tiếp sóng cho nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh trên băng tần 14,75-14,8 GHz không được cho phép tại Khu vực 1 và Khu vực 2. (WRC-15)

5.510A Việc phân chia băng tần 14,8-15,35 GHz cho nghiệp vụ Nghiên cứu vũ trụ làm nghiệp vụ chính được giới hạn cho các hệ thống vệ tinh hoạt động theo các hướng từ vũ trụ tới vũ trụ, từ vũ trụ tới trái đất và từ trái đất tới vũ trụ ở khoảng cách từ trái đất nhỏ hơn 2×10^6 km theo Nghị quyết 678 (WRC-23). Việc sử dụng băng tần này cho mục đích khác trong nghiệp vụ Nghiên cứu vũ trụ chỉ là nghiệp vụ phụ. Việc sử dụng băng tần 14,8-15,35 GHz của nghiệp vụ Nghiên cứu vũ trụ (chiều từ vũ trụ tới trái đất) (chiều từ trái đất tới vũ trụ) là nghiệp vụ phụ đối với các nghiệp vụ mặt đất ở An-giê-ri, A-rập Xê-út, Ba-ranh, Hàn Quốc, Ai Cập, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, Hoa Kỳ, Ấn Độ, I-rắc, Nhật Bản, Cô-oét, Li-bi, Ma-rốc, Mô-ri-ta-ni, Ô-man, Ca-ta, Cộng hòa Ả Rập Syria, Tuy-ni-di và Y-ê-men.(WRC-23)

5.511 Phân chia bổ sung: ở A-rập Xê-út, Ba-ranh, Ca-mơ-run, Gi-bu-ti, Ai Cập, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, Ghi-nê, I-ran, I-rắc, I-xra-en, Cô-oét, Li-băng, Ô-man, Pa-ki-xtan, Ca-ta, Cộng hòa Ả Rập Xy-ri và Xô-ma-li, băng tần 15,35-15,4 GHz cũng được phân chia cho các nghiệp vụ Cố định và Di động làm nghiệp vụ phụ.(WRC-23)

5.511A Việc sử dụng băng tần 15,43-15,63 GHz cho nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất và chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) được giới hạn cho các đường tiếp sóng của các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Di động qua vệ tinh và phải chịu sự phối hợp theo khoản 9.11A. (WRC-15)

5.511C Các đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không phải hạn chế e.i.r.p. hiệu dụng phù hợp với Khuyến nghị ITU-R S.1340-0. Khoảng cách phối hợp tối thiểu để bảo vệ các đài vô tuyến dẫn đường hàng không (áp dụng khoản 4.10) khỏi bị nhiễu có hại từ các đường tiếp sóng của các đài trái đất và e.i.r.p. tối đa phát theo phương mặt phẳng nằm ngang bởi đường tiếp sóng của đài trái đất phải phù hợp với Khuyến nghị ITU-R S.1340-0. (WRC-15)

5.511E Ở băng tần 15,4-15,7 GHz, các đài hoạt động thuộc nghiệp vụ Vô tuyến định vị không được gây nhiễu có hại cho, hoặc kháng nghị nhiễu có hại từ các đài đang hoạt động thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không. (WRC-12)

5.511F Để bảo vệ nghiệp vụ Vô tuyến thiên văn trong băng tần 15,35-15,4 GHz, các đài vô tuyến định vị hoạt động trong băng tần 15,4-15,7 GHz không được vượt quá mức -156 dB(W/m²) mật độ thông lượng công suất trong băng thông 50 MHz ở băng tần 15,35-15,4 GHz, nhiều hơn 2% thời gian tại bất kỳ đài quan sát thiên văn vô tuyến. (WRC-12)

5.511H Phân chia bổ sung: ở In-đô-nê-xi-a, băng tần 15,41-15,7 GHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Di động hàng không (OR) làm nghiệp vụ phụ. Các đài thuộc nghiệp vụ Di động hàng không (OR) hoạt động ở băng tần 15,41-15,7 GHz không được gây nhiễu có hại cho nghiệp vụ Vô tuyến thiên văn hoạt động trong băng tần 15,35-15,4 GHz. Mật độ thông lượng công suất tổng (pfd) thu được từ các đài thuộc nghiệp vụ Di động hàng không (OR) hoạt

động ở băng tần 15,41-15,7 GHz tại bất kỳ đài vô tuyến thiên văn nào hoạt động ở băng tần 15,35-15,4 GHz phải tuân thủ các tiêu chí bảo vệ được nêu trong Khuyến nghị ITU-R RA.769-2 và ITU-R RA.1513-2, trừ khi có sự đồng ý cụ thể của các cơ quan quản lý bị ảnh hưởng. (WRC-23)

5.512 Phân chia bổ sung: ở An-giê-ri, A-rập Xê-út, Úc, Ba-ranh, Băng-la-đét, Bru-nây Đa-rút-xa-lem, Ca-mơ-run, Công-gô, Ai Cập, En Xan-va-đo, Các tiểu vương quốc A-rập Thống nhất, Ê-ri-tơ-rê-a, Phần Lan, Goa-tê-ma-la, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, I-ran, Gioóc-đa-ni, Kê-ni-a, Cô-oét, Li-bi, Li-băng, Ma-lai-xi-a, Ma-li, Ma-rốc, Mô-ri-ta-ni-a, Môn-tê-nê-grô, Nê-pan, Ni-ca-ra-goa, Ni-giê-ri-a, Ô-man, Pa-ki-xtan, Ca-ta, Cộng hòa A-rập Xi-ri, Cộng hoà Dân chủ Công-gô, Xing-ga-po, Xô-ma-li-a, Xu-đăng, Nam Su-đăng, Cộng hòa Sát, Tô-gô và Y-ê-men, băng tần 15,7-17,3 GHz còn được phân chia cho nghiệp vụ Cố định và nghiệp vụ Di động làm nghiệp vụ chính. (WRC-15)

5.513 Phân chia bổ sung: ở I-xra-en, băng tần 15,7-17,3 GHz còn được phân chia cho các nghiệp vụ Cố định và Di động làm nghiệp vụ chính. Các nghiệp vụ này không được yêu cầu bảo vệ hoặc gây nhiễu có hại cho các nghiệp vụ khai thác phù hợp với Bảng phân chia phổ tần số ở các nước không được liệt kê trong chú thích **5.512**.

5.513A Các bộ cảm biến chủ động đặt trên máy bay khai thác trong băng tần 17,2-17,3 GHz không được gây nhiễu có hại cho, hoặc hạn chế sự phát triển của nghiệp vụ Vô tuyến định vị hoặc các nghiệp vụ khác được phân chia trong băng tần này là nghiệp vụ chính. (WRC-97)

5.514 Phân chia bổ sung: ở An-giê-ri, A-rập Xê-út, Ba-ranh, Băng-la-đét, Ca-mơ-run, Gi-bu-ti, En Xan-va-đo, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, Goa-tê-ma-la, Ấn Độ, I-ran, I-rắc, I-xra-en, Ý, Nhật Bản, Gioóc-đa-ni, Cô-oét, Li-bi, Lit-va, Nê-pan, Ni-ca-ra-goa, Ni-giê-ri-a, Ô-man, U-dơ-bê-ki-xtan, Pa-ki-xtan, Ca-ta, Cư-rơ-gư-xtan, Xô-ma-li, Xu-đăng và Nam Xu-đăng, băng tần 17,3-17,7 GHz cũng được phân chia cho các nghiệp vụ Cố định và Di động làm nghiệp vụ phụ. Áp dụng giới hạn công suất nêu tại khoản 21.3 và 21.5. (WRC-23)

5.516 Việc sử dụng băng tần 17,3-18,1 GHz cho các hệ thống vệ tinh địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) được giới hạn cho các đường tiếp sóng của nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh. Việc sử dụng băng tần 17,3-17,8 GHz trong Khu vực 2 cho các hệ thống thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) được giới hạn cho các vệ tinh địa tĩnh. Đối với việc sử dụng băng tần 17,3-17,8 GHz trong Khu vực 2 cho các đường tiếp sóng của nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh trong băng tần 12,2-12,7 GHz, xem Điều 11. Việc sử dụng các băng tần 17,3-18,1 GHz (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) trong các Khu vực 1 và 3 và 17,8-18,1 GHz (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) trong Khu vực 2 cho các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh phải áp dụng các quy định của khoản 9.12 về việc phối hợp với các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh khác thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh. Các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh không được

kháng nghị nhiều từ các mạng vệ tinh địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh đang khai thác phù hợp với Thể lệ vô tuyến điện, bất kể ngày mà Cục Vô tuyến điện nhận được thông tin phối hợp đầy đủ hoặc thông tin thông báo về các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh và ngày mà Cục Vô tuyến điện nhận được thông tin phối hợp đầy đủ hoặc thông tin thông báo về các mạng vệ tinh địa tĩnh, và chú thích 5.43A không được áp dụng. Các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh trong các băng tần trên được khai thác với điều kiện nếu có bất can nhiễu nhiều nào xảy ra thì phải được loại bỏ ngay. (WRC-2000)

5.516B Các băng tần sau được sử dụng bởi các ứng dụng mật độ cao trong nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh:

17,3-17,7 GHz	(chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) trong Khu vực 1,
18,3-19,3 GHz	(chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) trong Khu vực 2,
19,7-20,2 GHz	(chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) trong tất cả các Khu vực,
39,5-40 GHz	(chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) trong Khu vực 1,
40-40,5 GHz	(chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) trong tất cả các Khu vực,
40,5-42 GHz	(chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) trong Khu vực 2,
47,5-47,9 GHz	(chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) trong Khu vực 1,
48,2-48,54 GHz	(chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) trong Khu vực 1,
49,44-50,2 GHz	(chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) trong Khu vực 1,
27,5-27,82 GHz	(chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) trong Khu vực 1,
28,35-28,45 GHz	(chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) trong Khu vực 2,
28,45-28,94 GHz	(chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) trong tất cả các Khu vực,
28,94-29,1 GHz	(chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) trong Khu vực 2 và 3,
29,25-29,46 GHz	(chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) trong Khu vực 2,
29,46-30 GHz	(chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) trong tất cả các Khu vực,
48,2-50,2 GHz	(chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) trong Khu vực 2,

Việc phân chia này không hạn chế việc sử dụng các băng tần trên bởi các ứng dụng khác của nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh hay bởi các nghiệp vụ khác mà các băng tần này được phân chia cùng là nghiệp vụ chính và không đặt ra quyền ưu tiên trong Thể lệ vô tuyến điện giữa những người sử dụng các băng tần đó. Các cơ quan quản lý nên chú ý điều này khi xem xét các điều khoản Thể lệ vô tuyến điện liên quan tới các băng tần trên. Xem Nghị quyết 143 (WRC-19 sửa đổi). (WRC-19)

5.517A Hoạt động của các đài trái đất di động liên lạc với các đài vệ tinh địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh trong các băng tần 17,7-19,7 GHz (chiều từ vũ trụ đến trái đất) và 27,5-29,5 GHz (từ trái đất đến vũ trụ) phải tuân theo các quy định của Nghị quyết 169 (WRC-23 sửa đổi). (WRC-23)

5.517B Hoạt động của các đài trái đất hàng không và hàng hải di động liên lạc với các đài vệ tinh phi địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh trong các băng tần 17,7-18,6 GHz, 18,8-19,3 GHz và 19,7-20,2 GHz (chiều từ vũ trụ đến trái đất) và 27,5 -29,1 GHz và 29,5-30 GHz (chiều từ trái đất tới vũ trụ) phải áp dụng Nghị quyết 123 (WRC-23). (WRC-23)

5.519 Phân chia bổ sung: băng tần 18,0-18,3 GHz ở Khu vực 2 và 18,1-18,4 GHz của Khu vực 1 và 3 còn được phân chia cho nghiệp vụ Khí tượng qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) làm nghiệp vụ chính. Việc sử dụng các băng tần này được giới hạn cho các vệ tinh địa tĩnh. (WRC-07)

5.520 Việc sử dụng băng tần 18,1-18,4 GHz cho nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) được giới hạn cho các đường tiếp sóng của các hệ thống vệ tinh địa tĩnh trong nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh.

5.521 Phân chia thay thế: ở Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, băng tần 18,1-18,4 GHz được phân chia cho các nghiệp vụ Cố định, Cố định qua vệ tinh (chiều từ vũ trụ tới Trái đất) và nghiệp vụ Di động làm nghiệp vụ chính (xem khoản 5.33). Áp dụng các quy định của chú thích 5.519.(WRC-23)

5.521A Việc sử dụng các băng tần 18,1-18,6 GHz, 18,8-20,2 GHz và 27,5-30 GHz hoặc các phần của băng tần đó bởi các đài vệ tinh thuộc nghiệp vụ Giữa các vệ tinh phải áp dụng Nghị quyết 679 (WRC-23). Việc sử dụng như vậy chỉ giới hạn cho nghiên cứu vũ trụ, khai thác vũ trụ và/hoặc các ứng dụng thăm dò trái đất qua vệ tinh cũng như truyền dữ liệu bắt nguồn từ các hoạt động công nghiệp và y tế trong vũ trụ. Khi sử dụng các băng tần này, cơ quan quản lý phải đảm bảo rằng nghiệp vụ Giữa các vệ tinh chỉ được sử dụng cho các mục đích nêu trên và không phụ thuộc vào sự phối hợp theo khoản 9.11A. Để sử dụng các băng tần 18,1-18,6 GHz, 18,8-20,2 GHz, 27,5-29,1 GHz và 29,5-30 GHz của các đài vũ trụ, việc phân chia được giới hạn cho các tuyến thông tin giữa các vệ tinh phi địa tĩnh hoặc giữa các vệ tinh phi địa tĩnh và vệ tinh địa tĩnh trong nghiệp vụ Giữa các vệ tinh. Để các trạm vũ trụ sử dụng băng tần 29,1-29,5 GHz, việc phân chia được giới hạn cho các tuyến thông tin giữa các vệ tinh phi địa tĩnh và các vệ tinh địa tĩnh trong nghiệp vụ Giữa các vệ tinh. Không áp dụng khoản 4.10. (WRC-23)

5.522A Các phát xạ của nghiệp vụ Cố định và Cố định qua vệ tinh trong băng tần 18,6-18,8 GHz được hạn chế theo các giá trị tương ứng trong các khoản 21.5A và 21.16.2. (WRC-2000)

5.522B Việc sử dụng băng tần 18,6-18,8 GHz cho nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh chỉ giới hạn cho các hệ thống vệ tinh địa tĩnh và các hệ thống với quỹ đạo có điểm xa nhất lớn hơn 20000 km. (WRC-2000)

5.523A Việc sử dụng các băng tần 18,8-19,3 GHz (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) và 28,6-29,1 GHz (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) cho các mạng vệ tinh địa tĩnh và phi địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh tùy thuộc vào việc áp dụng các quy định của khoản 9.11A và không áp dụng khoản 22.2. Các cơ quan

quản lý có các mạng vệ tinh địa tĩnh được phối hợp trước ngày 18 tháng 11 năm 1995 phải hợp tác hết mức có thể để phối hợp theo khoản 9.11A với các mạng vệ tinh phi địa tĩnh mà thông tin thông báo đã được Cục Vô tuyến điện nhận trước ngày đó, nhằm đạt được các kết quả có thể chấp nhận được cho tất cả các bên liên quan. Các mạng vệ tinh phi địa tĩnh không được gây nhiễu không thể chấp nhận được cho các mạng vệ tinh địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh mà thông tin thông báo theo Phụ lục 4 được xem như đã được Cục Vô tuyến điện nhận trước ngày 18 tháng 11 năm 1995. (WRC-97)

5.523B Việc sử dụng băng tần 19,3-19,6 GHz (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) bởi nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh được giới hạn cho các đường tiếp sóng của các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh trong nghiệp vụ Di động qua vệ tinh. Việc sử dụng này phải áp dụng khoản 9.11A, và khoản 22.2 không được áp dụng.

5.523C Khoản 22.2 phải được tiếp tục áp dụng trong các băng tần 19,3-19,6 GHz và 29,1-29,4 GHz giữa các đường tiếp sóng của các mạng vệ tinh phi địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Di động qua vệ tinh và các đường tiếp sóng của các mạng vệ tinh phi địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh mà thông tin phối hợp theo Phụ lục 4, hoặc thông tin thông báo đầy đủ đã được Cục Vô tuyến điện nhận trước ngày 18 tháng 11 năm 1995. (WRC-97)

5.523D Việc sử dụng băng tần 19,3-19,7 GHz (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) cho các hệ thống vệ tinh địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh và cho đường tiếp sóng của các mạng vệ tinh phi địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Di động qua vệ tinh tùy thuộc vào việc áp dụng các quy định của khoản 9.11A, nhưng không phụ thuộc vào các quy định tại khoản 22.2. Việc sử dụng băng tần này cho các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh, hoặc cho các trường hợp được chỉ ra trong các chú thích 5.523C và 5.523E không phụ thuộc vào các quy định tại khoản 9.11A và sẽ vẫn phụ thuộc vào các thủ tục của Điều 9 (trừ khoản 9.11A), Điều 11 và khoản 22.2. (WRC-97)

5.523DA Để bảo vệ các đường tiếp sóng của các mạng phi địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Di động qua vệ tinh trong băng tần 19,3-19,7 GHz, các giá trị mật độ thông lượng công suất tại mặt Trái đất với mọi góc tới được tạo ra bởi đài vũ trụ trong nghiệp vụ Giữa các vệ tinh hoạt động trong băng tần này theo Nghị quyết 679 (WRC-23) không được vượt quá $-140 \text{ dB(W/m}^2\text{)}$ ở bất kỳ 1 MHz nào trong phạm vi 150 km của bất kỳ đài trái đất đường tiếp sóng nào nêu trên được ghi trong Bảng đăng ký tần số quốc tế. (WRC-23)

5.523E Khoản 22.2 phải được tiếp tục áp dụng trong băng tần 19,6-19,7 GHz và 29,4-29,5 GHz giữa các đường tiếp sóng cho các mạng vệ tinh phi địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Di động qua vệ tinh và các đường tiếp sóng cho các mạng vệ tinh phi địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh mà thông tin phối hợp theo Phụ lục 4, hoặc thông tin đăng ký đầy đủ đã được Cục Vô tuyến điện nhận trước ngày 21 tháng 11 năm 1997. (WRC-97)

5.524 Phân chia bổ sung: ở Áp-ga-ni-xtan, An-giê-ri, A-rập Xê-út, Ba-ranh, Bru-nây, Ca-mơ-run, Trung Quốc, Công-gô, Côt-xta Ri-ca, Gi-bu-ti, Ai Cập, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, Ga-bông, Goa-tê-ma-la, Ghi-nê, Ấn Độ, I-ran, I-rắc, I-xra-en, Nhật Bản, Gioóc-đa-ni, Cô-oét, Li-băng, Ma-lay-xi-a, Ma-li, Ma-rốc, Mô-ri-ta-ni, Nê-pan, Ni-giê-ri-a, Ô-man, Pa-ki-xtan, Pa-lét-tin*, Phi-líp-pin, Ca-ta, Cộng hòa Ả Rập Xy-ri, CHDCND Công-gô, Triều Tiên, Xing-ga-po, Xô-ma-li, Xu-đăng, Nam Xu-đăng, Sát, Tô-gô và Tuy-ni-di, băng tần 19,7-21,2 GHz cũng được phân chia cho các nghiệp vụ Cố định và Di động làm nghiệp vụ chính. Việc sử dụng thêm này không phải chịu bất cứ giới hạn nào về mật độ thông lượng công suất của các đài vũ trụ thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh trong băng tần 19,7-21,2 GHz và các đài vũ trụ thuộc nghiệp vụ Di động qua vệ tinh trong băng tần 19,7-20,2 GHz mà nghiệp vụ Di động qua vệ tinh được phân chia làm nghiệp vụ chính. (WRC-23)

5.525 Để thuận tiện cho việc phối hợp liên vùng giữa các mạng thuộc nghiệp vụ Di động qua vệ tinh và nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh, các sóng mang trong nghiệp vụ Di động qua vệ tinh dễ bị nhiễu nhất phải ở các phần dưới của các băng tần 19,7-20,2 GHz và 29,5-30 GHz đến chừng mực có thể thực hiện được.

5.526 Trong băng tần 19,7-20,2 GHz và 29,5-30 GHz ở Khu vực 2, và trong các băng tần 20,1-20,2 GHz và 29,9-30 GHz ở Khu vực 1 và 3, các mạng thuộc cả hai nghiệp vụ Di động qua vệ tinh và Cố định qua vệ tinh có thể bao gồm các đường thông tin giữa các đài Trái đất tại các điểm xác định, không xác định hoặc chuyển động, thông qua một hoặc nhiều vệ tinh để liên lạc điểm-điểm hoặc điểm-đa điểm.

5.527 Trong các băng tần 19,7-20,2 GHz và 29,5-30 GHz, không áp dụng các quy định của khoản 4.10 đối với nghiệp vụ Di động qua vệ tinh.

5.527A Hoạt động của các đài trái đất truyền dẫn lưu động của nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh phải tuân theo Nghị quyết 156 (WRC-23 sửa đổi). (WRC-23)

5.528 Việc phân chia cho nghiệp vụ Di động qua vệ tinh được dự định dành cho các mạng thông tin dùng các búp sóng hẹp và các công nghệ tiên tiến khác tại các đài Vũ trụ. Các cơ quan quản lý đang khai thác các hệ thống thuộc nghiệp vụ Di động qua vệ tinh trong băng tần 19,7-20,1 GHz ở Khu vực 2 và trong băng tần 20,1-20,2 GHz phải thực hiện tất cả các biện pháp có thể để đảm bảo khả năng sử dụng liên tục các băng tần này cho các cơ quan quản lý đang khai thác các hệ thống cố định và di động theo đúng các quy định của chú thích 5.524.

5.529A Trong các băng tần 20,2-21,2 GHz và 30-31 GHz, các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh mà thông tin phối hợp hoặc thông tin thông báo đầy đủ, tùy theo từng trường hợp, được Cục Vô tuyến điện nhận được kể từ ngày 1 tháng 1

* Theo Nghị quyết 99 (Rev. Dubai, 2018) của Hội nghị toàn quyền và có tính đến Thỏa thuận tạm thời giữa Israel và Palestine ngày 28 tháng 9 năm 1995.

năm 2025 sẽ không gây nhiễu không thể chấp nhận được và không được yêu cầu bảo vệ nhiễu từ các mạng vệ tinh địa tĩnh trong nghiệp vụ Di động qua vệ tinh hoạt động theo các Quy định này. Không áp dụng khoản 5.43A. (WRC-23)

5.530A Trừ khi có các thỏa thuận khác được đồng ý giữa các cơ quan quản lý liên quan, bất cứ đài nào trong các nghiệp vụ Di động hoặc nghiệp vụ Cố định của một nước không được phát với mật độ thông lượng công suất vượt quá $-120,4 \text{ dB (W/(m}^2 \text{ MHz))}$ ở bất cứ điểm nào nằm trên mặt đất 3m trong lãnh thổ của nước khác trong Khu vực 1 và Khu vực 3 với hơn 20% thời gian hoạt động. Để thực hiện các tính toán, các nước nên sử dụng phiên bản mới nhất của Khuyến nghị ITU-R P.452 (xem Khuyến nghị ITU-R BO.1898). (WRC-15)

5.530B Trong băng tần 21,4-22 GHz, để tạo thuận lợi cho sự phát triển nghiệp vụ Vệ tinh quảng bá, các cơ quan quản lý ở Khu vực 1 và Khu vực 3 được khuyến khích không triển khai các đài trong nghiệp vụ Di động và được khuyến khích giới hạn triển khai các đài trong nghiệp vụ Cố định cho các tuyến điểm-điểm. (WRC-12)

5.531 Phân chia bổ sung: ở Nhật Bản, băng tần 21,4-22 GHz còn được phân chia cho nghiệp vụ Quảng bá làm nghiệp vụ chính.

5.531E Phân chia thay thế: ở Bru-nây, I-ran, Ma-lay-xi-a, Xing-ga-po và Thái Lan, băng tần 22-22,2 GHz được phân chia cho nghiệp vụ Di động, trừ Di động hàng không (R), làm nghiệp vụ chính. Việc sử dụng nghiệp vụ được giới hạn ở các ứng dụng không an toàn trong phạm vi ranh giới quốc gia. Việc sử dụng nghiệp vụ Di động hàng không (OR) trong băng tần 22-22,2 GHz sẽ không gây nhiễu có hại hoặc yêu cầu bảo vệ nhiễu từ các nghiệp vụ ở các quốc gia khác hoạt động theo Bảng phân chia tần số. Ngoài ra, các đài thuộc nghiệp vụ Di động hàng không (OR) hoạt động ở băng tần 22-22,2 GHz không được gây nhiễu có hại cho nghiệp vụ Vô tuyến thiên văn khai thác trong băng tần 22,21-22,5 GHz ở các quốc gia khác theo Bảng phân chia tần số. Tổng mật độ thông lượng công suất (pfd) nhận được từ các đài này tại bất kỳ đài thiên văn vô tuyến nào hoạt động ở băng tần 22,21-22,5 GHz phải tuân thủ các tiêu chí bảo vệ được nêu trong Khuyến nghị ITU-R RA.769-2 và ITU-R RA.1513-2, trừ khi được các cơ quan quản lý bị ảnh hưởng đồng ý cụ thể. Để bảo vệ các đài thuộc nghiệp vụ Thăm dò trái đất qua vệ tinh (thụ động) hoạt động trong băng tần 22,21-22,5 GHz, công suất bức xạ đẳng hướng tương đương không mong muốn (eirp) của các đài hoạt động trong nghiệp vụ Di động hàng không (OR) không được vượt quá -23 dBW ở bất kỳ 100 MHz nào trong băng tần 22,21-22,5 GHz. Các đài tàu bay thuộc nghiệp vụ Di động hàng không (OR) hoạt động trong băng tần 22-22,2 GHz phải tuân theo thỏa thuận đạt được theo khoản 9.21 đối với nghiệp vụ cố định và không được gây nhiễu có hại cũng như không được yêu cầu bảo vệ nhiễu từ nghiệp vụ Cố định. Các giá trị pfd sau đây sẽ được sử dụng làm ngưỡng phối hợp theo khoản 9.21:

$-110 \text{ dB(W/(m}^2 \cdot \text{ MHz))}$ với $0^\circ \leq \theta \leq 12.6^\circ$

$2,86 \theta - 146 \text{ dB (W/(m}^2 \cdot \text{ MHz))}$ với $12.6^\circ < \theta \leq 15^\circ$

$0,87 \theta - 116 \text{ dB (W/(m}^2 \cdot \text{MHz))}$ với $15^\circ < \theta \leq 30^\circ$

$0,067 \theta - 92 \text{ dB (W/(m}^2 \cdot \text{MHz))}$ với $30^\circ < \theta \leq 90^\circ$

ở đây θ là góc tới của sóng tới so với mặt phẳng ngang, tính bằng độ.

Tiêu chí này nên được áp dụng tại biên giới lãnh thổ của cơ quan quản lý khác đối với bất kỳ đài tàu bay nào nằm ở độ cao tới 15 km so với mặt đất. Khi tiến hành tính toán, nên sử dụng phiên bản mới nhất của Khuyến nghị ITU-R P.525. (WRC-23)

5.532 Việc sử dụng băng tần 22,21-22,5 GHz bởi các nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (thụ động) và nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ (thụ động) không được làm ảnh hưởng đến các nghiệp vụ Cố định và nghiệp vụ Di động, trừ Di động hàng không.

5.532A Vị trí của các đài Trái đất trong nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ phải duy trì một khoảng cách ít nhất là 54 km từ biên giới của các nước láng giềng để bảo vệ nghiệp vụ Di động và nghiệp vụ Cố định đang tồn tại và sẽ triển khai trong tương lai trừ khi có một khoảng cách ngắn hơn khác được đồng ý giữa các nước tương ứng. Khoản 9.17 và 9.18 không áp dụng.

5.532B Sử dụng băng tần 24,65-25,25 GHz trong Khu vực 1 và băng tần 24,65-24,75 GHz trong Khu vực 3 bởi nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) được giới hạn cho các đài Trái đất sử dụng đường kính anten nhỏ nhất là 4,5 m. (WRC-12)

5.532AB Băng tần 24,25-27,5 GHz được xác định để sử dụng cho các cơ quan quản lý muốn triển khai thành phần mặt đất của Hệ thống thông tin di động IMT. Việc xác định này không hạn chế việc sử dụng băng tần này của bất kỳ ứng dụng nào trong các nghiệp vụ mà băng tần này được phân chia và không đặt ra sự ưu tiên trong Thẻ lệ vô tuyến điện. Áp dụng Nghị quyết 242 (WRC-23 sửa đổi). (WRC-23)

5.533 Nghiệp vụ giữa các vệ tinh không được yêu cầu bảo vệ từ các trạm thiết bị quan sát bề mặt sân bay thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường.

5.535 Trong băng tần 24,75-25,25 GHz, các đường tiếp sóng cho các đài thuộc nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh phải được ưu tiên hơn các ứng dụng khác trong nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ). Các ứng dụng khác phải bảo vệ và không được yêu cầu bảo vệ từ các mạng đường tiếp sóng hiện có và sẽ khai thác trong tương lai của các đài thuộc nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh đó.

5.535A Việc sử dụng băng tần 29,1-29,5 GHz (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) bởi nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh được giới hạn cho các hệ thống vệ tinh địa tĩnh và các đường tiếp sóng cho các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Di động qua vệ tinh. Việc sử dụng đó phụ thuộc vào việc áp dụng các quy định của khoản 9.11A, nhưng không phụ thuộc vào các quy định của khoản 22.2, trừ các trường hợp được chỉ ra trong các chú thích 5.523C và

5.523E khi mà những trường hợp đó không phụ thuộc vào các quy định của khoản 9.11A và vẫn phụ thuộc vào các thủ tục tại Điều 9 (trừ khoản 9.11A), Điều 11 và các quy định trong khoản 22.2. (WRC-97)

5.536 Việc sử dụng băng tần 25,25-27,5 GHz cho nghiệp vụ Giữa các vệ tinh được giới hạn cho các ứng dụng nghiên cứu Vũ trụ và thăm dò Trái đất qua vệ tinh, và việc truyền dẫn dữ liệu từ các hoạt động y tế và công nghiệp trong Vũ trụ.

5.536A Các cơ quan quản lý khai thác các đài trái đất trong nghiệp vụ Thăm dò trái đất qua vệ tinh hoặc nghiệp vụ Nghiên cứu vũ trụ sẽ không được kháng nghị nhiều từ các đài thuộc nghiệp vụ Cố định và Di động do các cơ quan quản lý khác khai thác. Ngoài ra, các đài trái đất thuộc nghiệp vụ Thăm dò trái đất qua vệ tinh hoặc thuộc nghiệp vụ Nghiên cứu vũ trụ nên được hoạt động phù hợp với phiên bản mới nhất của Khuyến nghị ITU-R SA.1862. Áp dụng Nghị quyết 242 (WRC-23 sửa đổi). (WRC-23)

5.536B Ở An-giê-ri, Ả-rập Xê-út, Áo, Ba-ranh, Bỉ, Bra-xin, Trung Quốc, Hàn Quốc, Đan Mạch, Ai Cập, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, Ê-xtô-ni-a, Phần Lan, Hung-ga-ri, Ấn Độ, I-ran, I-rắc, Ai-len, I-xra-en, Ý, Gióc-đa-ni, Kê-ni-a, Cô-oét, Li-băng, Li-bi, Lit-va, Môn-đô-va, Na Uy, Ô-man, U-gan-đa, Pa-ki-xtan, Phi-líp-pin, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Ca-ta, Cộng hòa Ả Rập Xy-ri, Thổ Nhĩ Kỳ, Triều Tiên, Xlô-va-ki-a, Cộng hòa Séc, Ru-ma-ni, Vương quốc Anh, Xing-ga-po, Xlô-ven-ni-a, Xô-ma-li, Xu-đăng, Thụy Điển, Tan-da-ni-a, Việt Nam và Dim-ba-bu-ê, các đài trái đất hoạt động trong nghiệp vụ Thăm dò trái đất qua vệ tinh trong băng tần 25,5-27 GHz không được kháng nghị nhiều từ, hoặc hạn chế việc sử dụng và triển khai các đài thuộc nghiệp vụ Cố định và Di động. Áp dụng Nghị quyết 242 (WRC-23 sửa đổi). (WRC-23)

5.536C Ở An-giê-ri, Ả-rập Xê-út, Ba-ranh, Bôt-xoa-na, Bra-xin, Ca-mê-run, Cô-mô-rôt, Cu-ba, Gi-bu-ti, Ai Cập, Ả-rập Thống nhất, Ê-xtô-ni-a, Phần Lan, I-ran, I-xra-en, Gióc-đa-ni, Kê-ni-a, Cô-oét, Lit-va, Ma-lai-xi-a, Ma-rốc, Ni-giê-ri-a, Ô-man, Ca-ta, Cộng hòa Ả-rập Xy-ri, Xô-ma-li-a, Xu-đăng, Nam Xu-đăng, Tan-da-ni-a, Tuy-ni-di, U-ru-goay, Dăm-bi-a và Dim-ba-bu-ê, các đài Trái đất hoạt động trong nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ trong băng tần 25,5-27 GHz không được kháng nghị nhiều từ, hoặc gây cản trở việc sử dụng và triển khai, các đài thuộc nghiệp vụ Cố định và nghiệp vụ Di động. (WRC-12)

5.537 Nghiệp vụ Vũ trụ sử dụng các vệ tinh phi địa tĩnh khai thác trong nghiệp vụ Giữa các vệ tinh trong băng tần 27-27,5 GHz không phải áp dụng các quy định trong khoản 22.2.

5.537A Ở Bu-tan, Ca-mơ-run, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nga, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, I-ran, I-rắc, Nhật Bản, Ca-dắc-xtan, Ma-lay-xi-a, Man-đi-vơ, Mông Cổ, My-an-ma, U-dơ-bê-ki-xtan, Pa-ki-xtan, Phi-líp-pin, Cư-rơ-gu-đơ-xtan, Triều Tiên, Xu-đăng, Xri Lan-ca, Thái Lan và Việt Nam, băng tần 27,9-28,2 GHz được phân chia cho nghiệp vụ Cố định cũng có thể được sử dụng bởi các đài đặt trên tầng cao khí quyển (HAPS) trong lãnh thổ của các quốc gia này. Việc sử dụng 300

MHz này phân chia nghiệp vụ cố định cho HAPS trong các nước kể trên được giới hạn thêm cho hoạt động theo chiều từ HAPS tới mặt đất và sẽ không được gây nhiễu có hại cho, hoặc kháng nghị nhiễu từ các loại hệ thống khác thuộc nghiệp vụ Cố định hoặc các nghiệp vụ cùng là nghiệp vụ chính khác. Ngoài ra, sự phát triển của các nghiệp vụ khác sẽ không bị ảnh hưởng bởi HAPS. Xem Nghị quyết 145 (WRC-19). (WRC-19)

5.538 Phân chia bổ sung: các băng tần 27,500-27,501 GHz và 29,999-30,000 GHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) làm nghiệp vụ chính cho việc truyền dẫn báo hiệu vô tuyến dùng để điều khiển công suất hướng lên. Việc truyền dẫn từ Vũ trụ tới Trái đất như vậy không được vượt quá mức e.i.r.p +10 dBW theo hướng các vệ tinh lân cận trên quỹ đạo vệ tinh địa tĩnh. (WRC-07)

5.539 Băng tần 27,5-30 GHz có thể được sử dụng bởi nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) để dự phòng cho các đường tiếp sóng trong nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh.

5.540 Phân chia bổ sung: băng tần 27,501-29,999 GHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) làm nghiệp vụ phụ cho việc truyền dẫn báo hiệu vô tuyến dùng để điều khiển công suất hướng lên.

5.541 Trong băng tần 28,5-30 GHz, nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh được giới hạn cho truyền dữ liệu giữa các đài và không dùng để thu thập thông tin sơ cấp bằng các bộ cảm biến thụ động hay chủ động.

5.541A Các đường tiếp sóng của các mạng vệ tinh phi địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Di động qua vệ tinh và các mạng vệ tinh địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh đang khai thác trong băng tần 29,1-29,5 GHz (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) phải dùng để điều khiển công suất thích nghi đường lên hoặc các phương thức bù suy hao khác, sao cho các truyền dẫn của đài Trái đất được thực hiện ở mức công suất yêu cầu để vừa đáp ứng được hiệu suất tuyến mong muốn, vừa giảm được mức nhiễu lẫn nhau giữa hai mạng. Các phương pháp này phải áp dụng cho các mạng mà thông tin phối hợp theo Phụ lục 4 đã được Cục Vô tuyến điện nhận sau ngày 17 tháng 5 năm 1996 và cho đến khi chúng được thay đổi bởi một Hội nghị Thông tin vô tuyến thế giới có thẩm quyền. Các cơ quan quản lý gửi thông tin phối hợp theo Phụ lục 4 trước ngày nêu trên được khuyến khích sử dụng các kỹ thuật này trong phạm vi có thể. (WRC-2000)

5.542 Phân chia bổ sung: ở Algeria, A-rập Xê-út, Ba-ranh, Bru-nây, Cam-ơ-run, Trung Quốc, Công-gô, Gi-bu-ti, Ai Cập, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, Ê-ri-tơ-rê-a, Ê-ti-ô-pi-a, Ghi-nê, Ấn Độ, I-ran, I-rắc, Nhật Bản, Gioóc-đa-ni, Cô-oét, Li-băng, Ma-lay-xi-a, Ma-li, Ma-rốc, Mô-ri-ta-ni, Nê-pan, Ô-man, Pa-ki-xtan, Pa-lét-tin⁵, Phi-líp-pin, Ca-ta, Cộng hòa Ả Rập Xy-ri,

⁵ Theo Nghị quyết 99 (Rev. Dubai, 2018) của Hội nghị toàn quyền và có tính đến Thỏa thuận tạm thời giữa Israel và Palestine ngày 28 tháng 9 năm 1995.

Triều Tiên, Xô-ma-li, Xu-đăng, Nam Xu-đăng, Xri Lan-ca và Sát, băng tần 29,5-31 GHz cũng được phân chia cho các nghiệp vụ Cố định và Di động làm nghiệp vụ phụ. Áp dụng giới hạn công suất quy định tại các khoản 21.3 và 21.5.(WRC-23)

5.543 Băng tần 29,95-30 GHz có thể được sử dụng cho các đường thông tin từ Vũ trụ tới Vũ trụ trong nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh cho các chức năng đo đạc từ xa, tìm kiếm và kiểm soát, là nghiệp vụ phụ.

5.543B Việc phân chia cho nghiệp vụ Cố định trong băng tần 31-31,3 GHz được xác định để sử dụng trên toàn thế giới bởi các đài đặt trên tầng cao khí quyển (HAPS). Việc xác định này không hạn chế việc sử dụng băng tần này bởi các ứng dụng khác trong nghiệp vụ Cố định hoặc bởi các nghiệp vụ khác mà băng tần này được phân chia cùng làm nghiệp vụ chính và không đặt ra quyền ưu tiên trong Thể lệ vô tuyến điện. Việc sử dụng cho nghiệp vụ Cố định được phân chia như vậy cho HAPS phải phù hợp với quy định của Nghị quyết 167 (WRC-23 sửa đổi). (WRC-23)

5.544 Trong băng tần 31-31,3 GHz, các mức giới hạn mật độ thông lượng công suất được quy định tại Điều 21, Bảng 21-4 được áp dụng cho nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ.

5.545 Loại nghiệp vụ khác: ở Ác-mê-ni-a, Giê-oóc-gi-a, Cu-rơ-gu-xtan, Tát-gi-ki-xtan và Tuốc-mê-ni-xtan, băng tần 31-31,3 GHz được phân chia cho nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ làm nghiệp vụ chính (xem chú thích 5.33). (WRC-12)

5.547 Các băng tần 31,8-33,4 GHz, 37-40 GHz, 40,5-43,5 GHz, 51,4-52,6 GHz, 55,78-59 GHz và 64-66 GHz có thể sử dụng cho các ứng dụng mật độ cao trong nghiệp vụ Cố định. Các cơ quan quản lý nên lưu ý đến điều này khi xem xét các quy định pháp lý liên quan đến các băng tần này. Do khả năng triển khai các ứng dụng mật độ cao trong nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh ở các băng tần 39,5-40 GHz và 40,5-42 GHz (xem chú thích 5.516B), các cơ quan quản lý nên lưu ý hơn nữa khả năng ảnh hưởng đến các ứng dụng mật độ cao trong nghiệp vụ Cố định, nếu thích hợp. (WRC-23)

5.547A Các cơ quan quản lý nên thực hiện những biện pháp thích hợp để giảm thiểu khả năng nhiễu giữa các đài thuộc nghiệp vụ Cố định với các đài đặt trên máy bay thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường trong băng tần 31,8-33,4 GHz, tính đến các nhu cầu về khai thác của các hệ thống ra-đa đặt trên máy bay. (WRC-2000)

5.547B Phân chia thay thế: ở Hoa Kỳ, băng tần 31,8-32 GHz được phân chia cho các nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường và nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ (không gian xa) (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) làm nghiệp vụ chính. (WRC-97)

5.547C Phân chia thay thế: ở Hoa Kỳ, băng tần 32-32,3 GHz được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường và nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ (không gian xa) (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) làm nghiệp vụ chính. (WRC-03)

5.547D Phân chia thay thế: ở Hoa Kỳ, băng tần 32,3-33 GHz được phân chia cho nghiệp vụ Giữa các vệ tinh và nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường làm nghiệp vụ chính. (WRC-97)

5.547E Phân chia thay thế: ở Hoa Kỳ, băng tần 33-33,4 GHz được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường làm nghiệp vụ chính. (WRC-97)

5.548 Khi thiết kế các hệ thống cho nghiệp vụ Giữa các vệ tinh trong băng tần 32,3-33 GHz, cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường trong băng tần 32-33 GHz và cho nghiệp vụ Nghiên cứu vũ trụ (không gian xa) trong băng tần 31,8-32,3 GHz, các cơ quan quản lý phải thực hiện tất cả các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa nhiều có hại giữa các nghiệp vụ này, lưu ý đến các khía cạnh an toàn của nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường (xem Khuyến nghị 707 (WRC-23 sửa đổi)).(WRC-23)

5.549 Phân chia bổ sung: ở Ả-rập Xê-út, Ba-ranh, Băng-la-đét, Ai Cập, Ả-rập Thống nhất, Cộng hòa Ga-bông, In-đô-nê-xi-a, I-ran, I-rắc, I-xra-en, Gioóc-đa-ni, Cô-oét, Li-băng, Li-bi, Ma-lai-xi-a, Ma-li, Ma-rốc, Mô-ri-ta-ni-a, Nê-pan, Ni-giê-ri-a, Ô-man, Pa-ki-xtan, Phi-líp-pin, Ca-ta, CHDCND Công-gô, Cộng hòa Ả-rập Xy-ri, Xing-ga-po, Xô-ma-li, Xu-đăng, Nam Xu-đăng, Xri Lan-ca, Tô-gô, Tuy-ni-di và Y-ê-men, băng tần 33,4-36 GHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Cố định và nghiệp vụ Di động làm nghiệp vụ chính. (WRC-12)

5.549A Trong băng tần 35,5-36 GHz, mật độ thông lượng công suất trung bình tại bề mặt Trái đất được sinh ra bởi bất kỳ một bộ cảm biến đặt trong Vũ trụ nào thuộc nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động), Nghiên cứu Vũ trụ (chủ động), cho bất kỳ góc tới nào lớn hơn $0,8^\circ$ từ trung tâm búp sóng, không được vượt quá $-73,3 \text{ dB(W/m}^2\text{)}$ trong băng tần này. (WRC-03)

5.550 Loại nghiệp vụ khác: ở Ác-mê-ni-a, A-déc-bai-gian, Bê-la-rút, Giê-oóc-gi-a, Cu-rơ-gu-xtan, Nga, Tát-gi-ki-xtan và Tuốc-mê-ni-xtan, băng tần 34,7-35,2 GHz được phân chia cho nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ làm nghiệp vụ chính (xem chú thích 5.33). (WRC-12)

5.550A Việc dùng chung băng tần 36-37 GHz của nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (thụ động), nghiệp vụ Cố định và nghiệp vụ Di động. (WRC-07) sẽ áp dụng Nghị quyết 752 (WRC-07). (WRC-07)

5.550B Băng tần 37-43,5 GHz, hoặc một phần của băng tần này, được xác định để các quốc gia sử dụng cho hệ thống thông tin di động IMT. Việc xác định này không hạn chế việc sử dụng băng tần này bởi bất kỳ ứng dụng nào của các nghiệp vụ mà băng tần này được phân chia và không đặt ra quyền ưu tiên trong Thẻ lệ vô tuyến điện. Do khả năng triển khai các đài trái đất FSS trong băng tần 37,5-42,5 GHz và các ứng dụng mật độ cao trong nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh trong các băng tần 39,5-40 GHz ở Khu vực 1, 40-40,5 GHz ở tất cả các Khu vực và 40,5-42 GHz ở Khu vực 2 (xem chú thích 5.516B), các cơ quan quản lý xem xét thêm về khả năng có thể gây cản trở đối với IMT trong các băng tần này nếu thích hợp. Áp dụng Nghị quyết 243 (WRC-23 sửa đổi). (WRC-23)

5.550C Việc sử dụng băng tần 37,5-39,5 GHz (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất), 39,5-42,5 GHz (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất), 47,2-50,2 GHz (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) và 50,4-51,4 GHz (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) bởi các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh trong nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh tuân theo các quy định trong khoản 9.12 cho việc phối hợp với các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh khác trong nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh nhưng không phối hợp với các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh trong các nghiệp vụ khác. Nghị quyết 770 (WRC-19) cũng sẽ áp dụng, và khoản 22.2 sẽ tiếp tục được áp dụng. (WRC-19)

5.550CA Các hệ thống vệ tinh trên địa tĩnh thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh hoạt động ở độ cao viễn điểm phía trên 407 km và dưới 2.000 km trong băng tần 37,5-38 GHz không được vượt quá mật độ eirp phát xạ không mong muốn là -21 dB(W/100 MHz) trên mỗi trạm vũ trụ với các góc lớn hơn 65.0° tính từ điểm thấp nhất so với trạm vũ trụ của nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh trong băng tần 36-37 GHz nhằm bảo vệ nghiệp vụ Thăm dò trái đất qua vệ tinh (thụ động) hoạt động ở băng tần sau. (WRC-23)

5.550D Việc phân chia cho nghiệp vụ cố định trong băng tần 38-39,5 GHz được xác định sử dụng toàn cầu để các quốc gia triển khai các đài đặt trên tầng cao khí quyển (HAPS). Trong hướng từ HAPS xuống mặt đất, đài mặt đất HAPS không được kháng nghị nhiều từ các đài thuộc các nghiệp vụ Cố định, Di động và Cố định qua vệ tinh; và khoản 5.43A không áp dụng. Việc xác định này không hạn chế việc sử dụng băng tần này bởi các ứng dụng khác trong nghiệp vụ Cố định hoặc bởi các nghiệp vụ khác mà băng tần này được phân chia cùng làm nghiệp vụ chính và không đặt ra quyền ưu tiên trong Thẻ lệ vô tuyến điện. Hơn nữa, sự phát triển của các nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh, Cố định và Di động sẽ không bị gây cản trở bởi HAPS. Việc sử dụng cho nghiệp vụ Cố định được phân chia như vậy cho HAPS sẽ phải phù hợp với các quy định của Nghị quyết 168 (WRC-23 sửa đổi). (WRC-23)

5.550E Việc sử dụng băng tần 39,5-40 GHz và 40-40,5 GHz bởi các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh trong nghiệp vụ Di động qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) và bởi các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh trong nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) tuân theo các quy định của khoản 9.12 cho việc phối hợp với các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh khác trong các nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh và Di động qua vệ tinh nhưng không phối hợp với các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh trong các nghiệp vụ khác. Khoản 22.2 sẽ tiếp tục được áp dụng cho các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh. (WRC-19)

5.551F Loại nghiệp vụ khác: ở Nhật Bản, băng tần 41,5-42,5 GHz được phân chia cho nghiệp vụ Di động làm nghiệp vụ chính (xem chú thích 5.33). (WRC-97)

5.551H Mật độ thông lượng công suất tương đương (e.p.f.d) được tạo ra trong băng tần 42,5-43,5 GHz bởi tất cả các đài Vũ trụ trong bất kỳ hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh nào thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ

tới Trái đất), hay thuộc nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) hoạt động trong băng tần 42-42,5 GHz, không vượt quá các giá trị sau tại vị trí của bất kỳ đài Vô tuyến thiên văn nào với hơn 2% thời gian:

-230 dB(W/m²) trong 1 GHz và -246 dB(W/m²) trong bất kỳ 500 kHz nào của băng tần 42,5-43,5 GHz tại vị trí của bất kỳ đài Vô tuyến thiên văn nào đã đăng ký là một kính viễn vọng đơn đĩa; và

-209 dB(W/m²) trong bất kỳ 500 kHz nào của băng tần 42,5-43,5 GHz tại vị trí bất kỳ đài Vô tuyến thiên văn nào đã đăng ký là một đài giao thoa ranh giới rất dài.

Các giá trị e.p.f.d trên phải được đánh giá bằng các phương pháp nêu ra trong Khuyến nghị ITU-R S.1586-1 và giản đồ bức xạ Anten tham khảo và độ tăng ích cực đại của Anten trong nghiệp vụ Vô tuyến thiên văn được nêu trong Khuyến nghị ITU-R RA.1631-0, các giá trị này phải được áp dụng trên toàn bộ bầu trời và cho các góc ngẩng lớn hơn góc hoạt động tối thiểu $\theta_{\min}$ của kính viễn vọng vô tuyến (giá trị mặc định 5° nên được chấp nhận khi không có thông báo giá trị cụ thể).

Các giá trị đó phải được áp dụng tại vị trí của bất kỳ đài Vô tuyến thiên văn nào mà:

- Đã hoạt động trước ngày 05 tháng 7 năm 2003 và đã thông báo cho Cục Vô tuyến điện trước ngày 04 tháng 01 năm 2004; hay

- Đã được thông báo trước ngày ITU nhận được thông tin phối hợp hoặc thông tin thông báo đầy đủ theo Phụ lục 4, cho các đài Vũ trụ mà các giới hạn này áp dụng.

Các đài vô tuyến thiên văn khác được thông báo sau các ngày trên có thể tìm kiếm một thỏa thuận với các cơ quan quản lý đã cấp phép cho các đài Vũ trụ. Ở Khu vực 2, áp dụng Nghị quyết 743 (WRC-03). Các giới hạn trong chú thích này có thể được vượt quá tại vị trí của một đài vô tuyến thiên văn của một quốc gia nào đó nếu cơ quan quản lý của quốc gia đó cho phép. (WRC-15)

5.551I Mật độ thông lượng công suất trong băng tần 42,5-43,5 GHz sinh ra bởi bất kỳ đài Vũ trụ địa tĩnh nào thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất), hay nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) hoạt động trong băng tần 42-42,5 GHz, không vượt quá các giá trị sau tại vị trí của bất kỳ đài vô tuyến thiên văn nào:

-137 dB(W/m²) trong 1 GHz và -153 dB(W/m²) trong bất kỳ 500 kHz nào của băng tần 42,5-43,5 GHz tại vị trí của bất kỳ đài vô tuyến thiên văn nào đã đăng ký là một kính viễn vọng đơn đĩa; và

-116 dB(W/m²) trong bất kỳ 500 kHz nào của băng tần 42,5-43,5 GHz tại vị trí của bất kỳ đài vô tuyến thiên văn nào đã đăng ký là một đài giao thoa ranh giới rất dài.

Các giá trị này được áp dụng tại vị trí của bất kỳ đài vô tuyến thiên văn nào mà:

- Đã hoạt động trước ngày 05 tháng 7 năm 2003 và đã thông báo cho Cục Vô tuyến điện trước ngày 04 tháng 01 năm 2004; hay

- Đã được thông báo trước ngày ITU nhận được thông tin phối hợp hoặc thông tin thông báo đầy đủ theo Phụ lục 4, cho các đài Vũ trụ mà các giới hạn này áp dụng.

Các đài vô tuyến thiên văn khác được thông báo sau các ngày trên có thể tìm kiếm một thỏa thuận với các cơ quan quản lý đã cấp phép cho các đài Vũ trụ. Ở Khu vực 2, áp dụng Nghị quyết 743 (WRC-03). Các giới hạn trong chú thích này có thể được vượt quá tại vị trí của một đài vô tuyến thiên văn của một quốc gia nào đó nếu cơ quan quản lý của quốc gia đó cho phép. (WRC-03)

5.552 Việc phân chia phổ tần cho nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh trong các băng tần 42,5-43,5 GHz và 47,2-50,2 GHz cho các truyền dẫn từ Trái đất tới Vũ trụ nhiều hơn phân chia phổ tần ở băng tần 37,5-39,5 GHz cho truyền dẫn từ Vũ trụ tới Trái đất nhằm điều tiết các đường tiếp sóng cho các vệ tinh quảng bá. Yêu cầu các cơ quan quản lý thực hiện tất cả những biện pháp thiết thực để dành riêng băng tần 47,2-49,2 GHz cho các đường tiếp sóng của nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh đang khai thác trong băng tần 40,5-42,5 GHz.

5.552A Phân chia cho nghiệp vụ Cố định trong băng tần 47,2-47,5 GHz và 47,9-48,2 GHz được xác định để sử dụng cho các đài đặt trên tầng cao khí quyển (HAPS). Việc xác định này không hạn chế việc sử dụng băng tần này của bất kỳ ứng dụng nào trong nghiệp vụ mà băng tần được phân chia làm nghiệp vụ chính, và không đặt ra quyền ưu tiên trong Thẻ lệ vô tuyến điện. Việc sử dụng phân chia cho nghiệp vụ Cố định trong các băng tần 47,2-47,5 GHz và 47,9-48,2 GHz cho HAPS phải phù hợp với các quy định của Nghị quyết 122 (WRC-19 sửa đổi). (WRC-19)

5.553 Trong các băng tần 43,5-47 GHz và 66-71 GHz, các đài thuộc nghiệp vụ Di động mặt đất có thể được khai thác với điều kiện không được gây nhiễu có hại cho các nghiệp vụ Thông tin vô tuyến Vũ trụ mà các băng tần này được phân chia. (Xem chú thích 5.43). (WRC-2000)

5.553A Ở An-giê-ri, Ăng-gô-la, Ba-ranh, Bê-la-rút, Bê-nanh, Bốt-xoa-na, Bra-xin, Buốc-ki-na Pha-xô, Cáp-ve, Hàn Quốc, Bờ Biển Ngà, Crô-a-ti-a, Gi-bu-ti, Ai Cập, Các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất, E-xtô-ni-a, Ê-xoa-ti-ni, Ga-bông, Găm-bi-a, Ga-na, Hy Lạp, Ghi-nê, Ghi-nê- Bít-xao, Hung-ga-ri, I-ran, I-rắc, Gióc-đa-ni, Cô-oét, Lê-xô-thô, Lát-vi-a, Li-bê-ri-a, Lít-va, Ma-đa-gát-xca, Ma-la-uy, Ma-li, Ma-rốc, Mô-ri-xơ, Mô-ri-ta-ni, Mô-dăm-bích, Na-mi-bi-a, Ni-giê, Ni-giê-ri-a, Ô-man, Ca-ta, Xê-nê-gan, Cộng hoà Xây-sen, Xi-ê-ra Lê-ôn, Xlô-ven-ni-a, Xô-ma-li, Xu-đăng, Nam Phi, Thụy Điển, Tan-da-ni-a, Tô-gô, Tuy-ni-di, Dăm-bi-a và Dim-ba-bu-ê, băng tần 45,5-47 GHz được xác định để sử dụng cho thành phần mặt đất của Hệ thống thông tin di động (IMT),

xem xét tới chú thích 5.553. Đối với nghiệp vụ Di động hàng không và nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường, việc sử dụng băng tần này để triển khai IMT phải tuân theo thỏa thuận đạt được theo khoản 9.21 với các cơ quan quản lý liên quan và sẽ không gây nhiễu có hại hoặc yêu cầu bảo vệ nhiễu từ các nghiệp vụ này. Việc xác định này không hạn chế việc sử dụng băng tần này bởi bất kỳ ứng dụng nào của các nghiệp vụ được phân chia và không đặt ra quyền ưu tiên trong Thẻ lệ vô tuyến điện. Nghị quyết 244 (WRC-23 sửa đổi) được áp dụng.(WRC-23)

5.553B Ở Khu vực 2 và An-giê-ri, Ăng-gô-la, A-rập Xê-út, Úc, Ba-ranh, Bê-nanh, Bốt-xoa-na, Buốc-ki-na Pha-xô, Bu-run-đi, Ca-mơ-run, Cộng hòa Trung Phi, Cô-mô-rôt, Công-gô, Hàn Quốc Bờ Biển Ngà, Gi-bu-ti, Ai Cập, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, Ê-xoa-ti-ni, Ê-ti-ô-pi-a, Ga-bông, Găm-bi-a, Ga-na, Ghi-nê, Ghi-nê- Bít-xao, Ghi-nê Xích đạo, Ấn Độ, I-ran, I-rắc, Nhật Bản, Gióc-đa-ni, Kê-ni-a, Cô-oét, Lê-xô-thô, Li-bê-ri-a, Li-bi, Lít-va, Ma-đa-gát-xca, Ma-lay-xi-a, Ma-la-uy, Ma-li, Ma-rốc, Mô-ri-xơ, Mô-ri-ta-ni, Mô-dăm-bích, Na-mi-bi-a, Ni-giê, Ni-giê-ri-a, Ô-man, U-gan-đa, Ca-ta, Cộng hòa Ả Rập Xy-ri, Cộng hòa Dân chủ Công-gô, Ru-an-đa, Xao Tô-mê và Prin-xi-pê, Xê-nê-gan, Cộng hòa Xây-sen, Xi-ê-ra Lê-ôn, Xing-ga-po, Xlô-ven-ni-a, Xô-ma-li, Xu-đăng, Nam Xu-đăng, Nam Phi, Thụy Điển, Tan-da-ni-a, Sát, Tô-gô, Tuy-ni-di, Dăm-bi-a và Dim-ba-bu-ê, băng tần 47,2-48,2 GHz được xác định để các quốc gia sử dụng cho hệ thống thông tin di động (IMT). Việc xác định này không hạn chế việc sử dụng băng tần này của bất kỳ ứng dụng nào thuộc nghiệp vụ mà băng tần được phân chia, và không đặt ra quyền ưu tiên trong Thẻ lệ vô tuyến điện. Nghị quyết 243 (WRC-23 sửa đổi) được áp dụng.(WRC-23)

5.554 Trong các băng tần 43,5-47 GHz, 66-71 GHz, 95-100 GHz, 123-130 GHz, 191,8-200 GHz và 252-265 GHz, các đường thông tin vệ tinh liên kết các đài Trái đất tại các điểm cố định xác định cũng được cấp phép khi sử dụng chung với các nghiệp vụ Di động qua vệ tinh hoặc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường qua vệ tinh. (WRC-2000)

5.555 Phân chia bổ sung: băng tần 48,94-49,04 GHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến thiên văn làm nghiệp vụ chính. (WRC-2000)

5.555C Việc sử dụng băng tần 51,4-52,4 GHz cho nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) được giới hạn cho các mạng vệ tinh địa tĩnh. Các đài Trái đất sẽ bị giới hạn sử dụng cho các đài Trái đất cổng (gateway) với đường kính ăng-ten nhỏ nhất là 2.4 m. (WRC-19)

5.556 Trong các băng tần 51,4-54,25 GHz, 58,2-59 GHz và 64-65 GHz, việc quan trắc vô tuyến thiên văn có thể được thực hiện theo sự sắp xếp của từng quốc gia. (WRC-2000)

5.556A Việc sử dụng các băng tần 54,25-56,9 GHz, 57-58,2 GHz và 59-59,3 GHz cho nghiệp vụ Giữa các vệ tinh được giới hạn cho các vệ tinh trong quỹ đạo vệ tinh địa tĩnh. Mật độ thông lượng công suất riêng của đài thuộc nghiệp

vụ Giữa các vệ tinh sinh ra tại mọi độ cao từ 0 km đến 1000 km phía trên bề mặt Trái đất, trong mọi điều kiện và mọi phương pháp điều chế, không được vượt quá $-147\text{dB(W/(m}^2\cdot 100\text{ MHz))}$ với mọi góc tới. (WRC-97)

5.556B Phân chia bổ sung: ở Nhật Bản, băng tần 54,25-55,78 GHz còn được phân chia cho nghiệp vụ Di động làm nghiệp vụ chính để sử dụng với mật độ thấp. (WRC-97)

5.557 Phân chia bổ sung: ở Nhật Bản, băng tần 55,78-58,2 GHz còn được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến định vị làm nghiệp vụ chính. (WRC-97)

5.557A Trong băng tần 55,78-56,26 GHz, để bảo vệ các đài thuộc nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (thụ động), mật độ công suất tối đa do một máy phát tới anten của một đài cố định bị giới hạn là -26dB(W/MHz) . (WRC-2000)

5.558 Trong các băng tần 55,78-58,2 GHz, 59-64 GHz, 66-71 GHz, 122,25-123 GHz, 130-134 GHz, 167-174,8 GHz và 191,8-200 GHz, các đài thuộc nghiệp vụ Di động hàng không có thể được khai thác với điều kiện không được gây nhiễu có hại cho nghiệp vụ Giữa các vệ tinh (xem chú thích 5.43). (WRC-2000)

5.558A Việc sử dụng băng tần 56,9-57 GHz cho các nghiệp vụ Giữa các vệ tinh được giới hạn cho các đường thông tin giữa các vệ tinh trong quỹ đạo vệ tinh địa tĩnh và các truyền dẫn từ các vệ tinh phi địa tĩnh trong quỹ đạo tầm cao đến các vệ tinh phi địa tĩnh trong quỹ đạo tầm thấp. Đối với các đường thông tin giữa các vệ tinh trong quỹ đạo vệ tinh địa tĩnh, mật độ thông lượng công suất riêng của đài thuộc nghiệp vụ Giữa các vệ tinh sinh ra tại mọi độ cao từ 0 km đến 1000 km phía trên bề mặt Trái đất, trong mọi điều kiện và mọi phương pháp điều chế, không được vượt quá $-147\text{ dB(W/(m}^2\cdot 100\text{ MHz))}$ với mọi góc tới. (WRC-97)

5.559 Trong băng tần 59-64 GHz, các ra-đa đặt trên tàu bay có thể được khai thác với điều kiện không được gây nhiễu có hại cho nghiệp vụ Giữa các vệ tinh (xem chú thích 5.43). (WRC-2000)

5.559AA Băng tần 66-71 GHz được xác định để các quốc gia sử dụng cho thành phần mặt đất của Hệ thống thông tin di động IMT. Việc xác định này không hạn chế việc sử dụng băng tần này của bất kỳ ứng dụng nào thuộc nghiệp vụ mà băng tần được phân chia và không đặt ra quyền ưu tiên trong Thê lệ vô tuyến điện. Áp dụng Nghị quyết 241 (WRC-23 sửa đổi).(WRC-23)

5.559B Việc sử dụng băng tần 77,5-78 GHz bởi nghiệp vụ Vô tuyến định vị được giới hạn cho Ra-đa cự ly ngắn sử dụng trong các ứng dụng trên mặt đất, bao gồm cả Ra-đa ô tô. Các đặc tính kỹ thuật của các loại ra-đa này được cung cấp trong phiên bản mới nhất của Khuyến nghị ITU-R M.2057. Các quy định của khoản 4.10 không được áp dụng. (WRC-15)

5.560 Trong băng tần 78-79 GHz các ra-đa đặt trên các đài Vũ trụ có thể được khai thác làm nghiệp vụ chính trong nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh và nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ.

5.561 Trong băng tần 74-76 GHz, các đài thuộc nghiệp vụ Cố định, nghiệp vụ Di động và nghiệp vụ Quảng bá không được gây nhiễu có hại cho các đài thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh hoặc các đài thuộc nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh khai thác phù hợp với các quyết định của Hội nghị về kế hoạch ấn định tần số thích hợp cho nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh. (WRC-2000)

5.561A Băng tần 81-81,5 GHz còn được phân chia cho nghiệp vụ Nghiệp dư và Nghiệp dư qua vệ tinh làm nghiệp vụ phụ. (WRC-2000)

5.561B Ở Nhật Bản, việc sử dụng băng tần 84-86 GHz cho nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) được giới hạn cho các đường tiếp sóng trong nghiệp vụ Quảng bá qua vệ tinh sử dụng quỹ đạo vệ tinh địa tĩnh. (WRC-2000)

5.562 Việc sử dụng băng tần 94-94,1 GHz cho nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) và nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ (chủ động) được giới hạn cho các ra-đa bóng mây đặt trong Vũ trụ. (WRC-97)

5.562A Trong các băng tần 94-94,1 GHz, 130-134 GHz, các truyền dẫn từ các đài Vũ trụ của nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) chiếu trực tiếp vào búp sóng chính của anten vô tuyến thiên văn có khả năng làm hỏng một số máy thu vô tuyến thiên văn. Các tổ chức Vũ trụ khai thác các máy phát và các đài vô tuyến thiên văn liên quan nên trao đổi kế hoạch hoạt động của chúng để tránh tối đa khả năng xảy ra tình trạng đó. (WRC-2000)

5.562B Trong các băng tần 105-109,5 GHz, 111,8-114,25 GHz và 217-226 GHz, việc sử dụng phân chia này chỉ giới hạn cho vô tuyến thiên văn đặt trong vũ trụ. (WRC-19)

5.562C Việc sử dụng băng tần 116-122,25 GHz bởi nghiệp vụ Giữa các vệ tinh được giới hạn cho các vệ tinh trên quỹ đạo vệ tinh địa tĩnh. Mật độ thông lượng công suất tạo ra bởi một đài thuộc nghiệp vụ Giữa các vệ tinh, cho tất cả các điều kiện và tất cả các phương thức điều chế, tại tất cả các độ cao từ 0 km đến 1000 km trên bề mặt Trái đất và trong vùng lân cận của tất cả các vị trí quỹ đạo địa tĩnh bị chiếm dụng bởi các bộ cảm biến thụ động, sẽ không vượt quá -148 dB(W/(m².MHz)) cho tất cả các góc tới. (WRC-2000)

5.562D Phân chia bổ sung: ở Hàn Quốc, các băng tần 128-130 GHz, 171-171,6 GHz, 172,2-172,8 GHz và 173,3-174 GHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến thiên văn làm nghiệp vụ chính. Các đài vô tuyến thiên văn ở Hàn Quốc đang khai thác các băng tần được nêu trong chú thích này sẽ không được yêu cầu bảo vệ từ, hoặc hạn chế việc sử dụng và phát triển của các nghiệp vụ này ở các nước đang hoạt động phù hợp với Thể lệ vô tuyến điện. (WRC-15)

5.562E Việc phân chia cho nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) được giới hạn trong đoạn băng tần 133,5-134 GHz. (WRC-2000)

5.562H Việc sử dụng các băng tần 174,8-182 GHz và 185-190 GHz cho nghiệp vụ Giữa các vệ tinh được giới hạn cho các vệ tinh trong quỹ đạo vệ tinh địa tĩnh. Mật độ thông lượng công suất riêng của một đài thuộc nghiệp vụ Giữa các vệ tinh, trong mọi điều kiện và mọi phương pháp điều chế, sinh ra tại mọi độ cao từ 0 km đến 1.000 km phía trên bề mặt Trái đất và vùng xung quanh của tất cả các vị trí quỹ đạo địa tĩnh bị chiếm giữ bởi các bộ cảm biến thụ động, không được vượt quá $-144\text{dB(W/(m}^2\cdot 100\text{ MHz))}$ với mọi góc tới. (WRC-2000)

5.563A Trong các băng tần 200-209 GHz, 235-238 GHz, 250-252 GHz và 265-275 GHz, việc cảm biến không khí thụ động trên mặt đất được thực hiện để kiểm tra các thành phần không khí. (WRC-2000)

5.563AA Trong băng tần 235-238 GHz, các đài thuộc nghiệp vụ Thăm dò trái đất qua vệ tinh (thụ động) không được yêu cầu bảo vệ nhiều từ các đài thuộc nghiệp vụ Cố định và Di động. (WRC-23)

5.563B Băng tần 237,9-238 GHz còn được phân chia cho nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) và nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ (chủ động) và được giới hạn cho các ra-đa theo dõi mây đặt trong Vũ trụ. (WRC-2000)

5.564A Đối với hoạt động của các ứng dụng trong nghiệp vụ Cố định và Di động mặt đất ở các băng tần trong dải 275-450GHz:

Các băng tần 275-296 GHz, 306-313 GHz, 318-333 GHz và 356-450 GHz được xác định để các quốc gia sử dụng để triển khai các ứng dụng thuộc nghiệp vụ Cố định và Di động mặt đất, không cần có điều kiện cụ thể nào để bảo vệ các ứng dụng trong nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (thụ động).

Các băng tần 296-306 GHz, 313-318 GHz và 333-356 GHz có thể chỉ được sử dụng trong các ứng dụng thuộc nghiệp vụ Cố định và Di động mặt đất khi đảm bảo các điều kiện cụ thể để bảo vệ cho các ứng dụng thuộc nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (thụ động) được xác định phù hợp với Nghị quyết 731 (WRC-23 sửa đổi).

Trong các phần của băng tần 275-450 GHz có sử dụng các ứng dụng thuộc nghiệp vụ Vô tuyến thiên văn, có thể cần các điều kiện cụ thể (ví dụ: khoảng cách phân cách tối thiểu và/hoặc góc tránh) để đảm bảo bảo vệ trạm Vô tuyến thiên văn từ các ứng dụng thuộc nghiệp vụ Cố định và Di động mặt đất, trên cơ sở theo từng trường hợp phù hợp với Nghị quyết 731 (Rev.WRC-23).

Việc sử dụng các băng tần nêu trên cho các ứng dụng thuộc nghiệp vụ Cố định và Di động mặt đất không hạn chế quyền sử dụng và không đặt ra quyền ưu tiên đối với bất kỳ ứng dụng nào thuộc các nghiệp vụ vô tuyến trong dải tần 275-450 GHz. (WRC-23)

5.565 Các băng tần dưới đây nằm trong khoảng 275-1000 GHz được các cơ quan quản lý xác định dùng cho các ứng dụng nghiệp vụ thụ động:

- Nghiệp vụ Vô tuyến thiên văn: 275-323 GHz, 327-371 GHz, 388-424 GHz, 426-442 GHz, 453-510 GHz, 623-711 GHz, 795-909 GHz và 926-945 GHz;

- Nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (thụ động) và nghiệp vụ Nghiên cứu Vũ trụ (thụ động): 275-286 GHz, 296-306 GHz, 313-356 GHz, 361-365 GHz, 369-392 GHz, 397-399 GHz, 409-411 GHz, 416-434 GHz, 439-467 GHz, 477-502 GHz, 523-527 GHz, 538-581 GHz, 611-630 GHz, 634-654 GHz, 657-692 GHz, 713-718 GHz, 729-733 GHz, 750-754 GHz, 771-776 GHz, 823-846 GHz, 850-854 GHz, 857-862 GHz, 866-882 GHz, 905-928 GHz, 951-956 GHz, 968-973 GHz và 985-990 GHz.

Việc sử dụng khoảng 275-1000 GHz bởi các nghiệp vụ thụ động không ngăn cản các nghiệp vụ chủ động dùng trong khoảng này. Các cơ quan quản lý muốn dùng khoảng tần số 275-1000 GHz cho các ứng dụng nghiệp vụ chủ động cần áp dụng các biện pháp thiết thực để bảo vệ các nghiệp vụ thụ động khỏi nhiễu có hại cho tới ngày Bảng phân chia tần số được thiết lập cho khoảng tần số 275-1000 GHz nêu trên.

Mọi tần số trong khoảng 1000-3000 GHz đều có thể được dùng bởi các nghiệp vụ chủ động và thụ động. (WRC-12)/.